



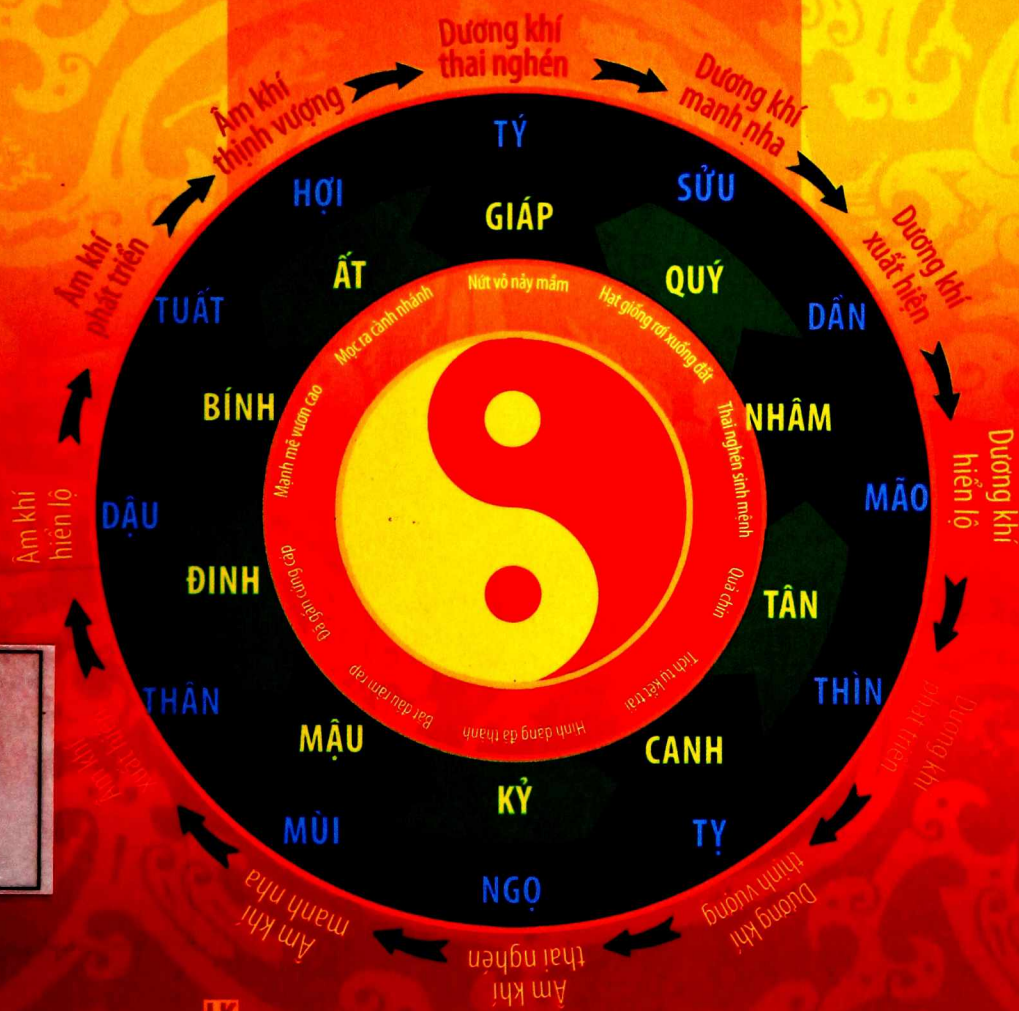
CK.0000066950

LÝ CƯ MINH

自批八字

TỰ XEM

BÁT TỰ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

NHÀ XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN

TỰ XEM

BÁT
TỰ

自批八字



Tự xem bát tự

Bản quyền tiếng Việt:

Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Văn Hoá Phương Bắc

Nhà Sách Huy Hoàng.

Mọi góp ý tư vấn xin liên hệ tại: linhnghiem.vn

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Lý Cư Minh

Tự xem bát tự / Lý Cư Minh. - Tái bản lần 2. - H. : Văn hoá Thông tin ; Công ty Văn hoá Phương Bắc, 2014. - 223tr. : minh hoạ ; 24cm. - (Đồ giải)

1. Âm dương ngũ hành
2. Khoa học thần bí
3. Thiên can
4. Địa chi

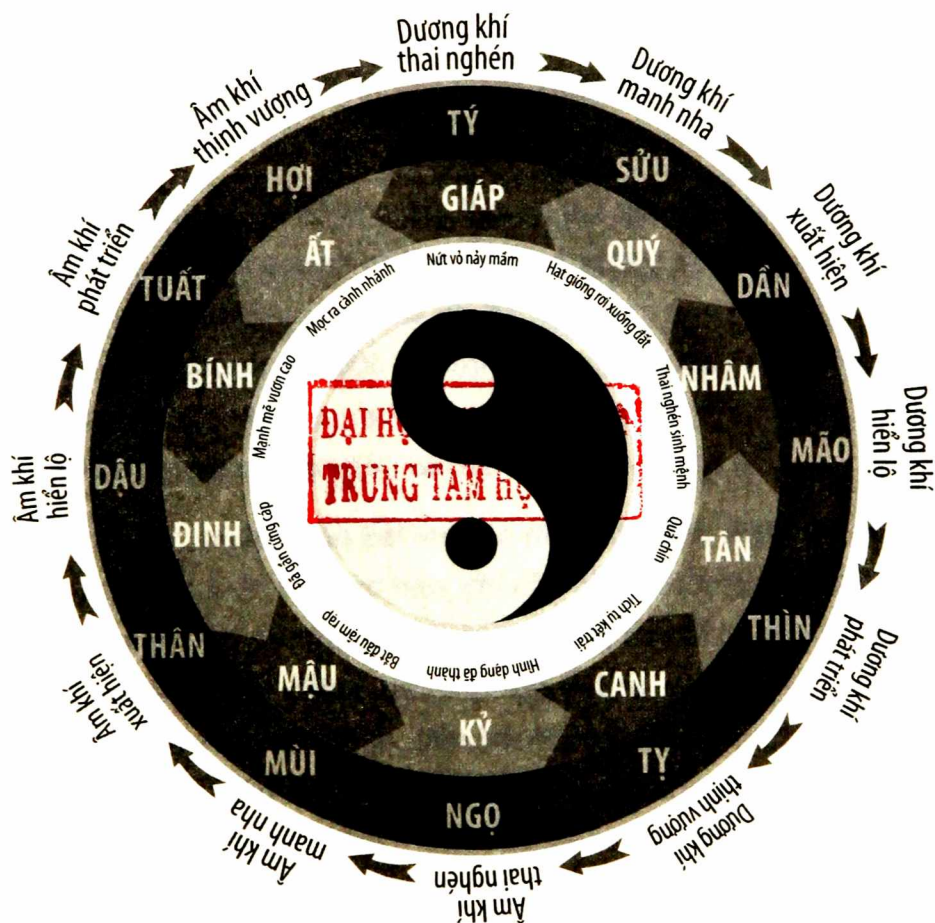
133 - dc23

VTH0077p-CIP



TỰ XEM

BẬT TỬ!



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

TỰ HỌC XEM BÁT TỰ CẢI VẬN

Rất nhiều người cảm thấy hoài nghi về Bát tự học: “Chỉ tám chữ mà có thể dự đoán được về cả một đời người? Liệu có thể được hay không?”; “Những người sinh cùng giờ cùng ngày cùng tháng cùng năm có rất nhiều, chẳng lẽ vận mệnh của họ đều giống nhau hay sao?”; “Khi xảy ra những tai họa lớn, khiến hàng nghìn, hàng vạn người cùng chết trong một ngày, có phải trong Bát tự của họ cùng ẩn chứa một loại thông tin?”; “Nếu Bát tự thần kỳ như vậy, tại sao thầy xem mệnh không xem cho bản thân mình trước, tại sao lại nghèo đến mức chỉ biết sống dựa vào xem mệnh?”...

Trước những vấn đề như vậy, liệu có thể đưa ra một đáp án ổn thỏa hay không? Thực ra đáp án không nằm trong tám chữ này, mà là trong số lượng tổ hợp của tám chữ. Mặc dù Bát tự chỉ có tám chữ, nhưng chúng có thể tổ hợp thành 500.000 loại mệnh cục, lại nhân lên với hai loại giới tính, tổng cộng có thể suy ra 1 triệu dạng mệnh cục khác nhau. Vì vậy Bát tự học rất phức tạp, nhưng lại có thể tính toán rất chi tiết.

Mặt khác, nhập môn Bát tự học rất đơn giản, thậm chí ngày nay không cần học kiến thức cơ bản, chỉ cần nhập thời gian sinh, giới tính, địa điểm sinh vào các trang web trực tuyến, có thể nhanh chóng nhận được lá số Bát tự rất chính xác. Sắp xếp Bát tự, đại vận, lưu niên, chỉ là bước đầu của việc tính toán, tiến hành phân tích sau đó mới là công đoạn khó khăn: Làm cách nào để biết được tình trạng giàu nghèo và chức vị cao thấp ra sao? Làm thế nào để phán đoán về các tầng cách cục của Bát tự? Làm cách nào để phán đoán được giai đoạn nào sẽ hành cát vận, giai đoạn nào sẽ hành hung vận, giai đoạn nào hành cả cát vận và

hung vận? Nếu như có hung vận và cát vận, sẽ thể hiện ở phương diện nào? Làm cách nào để biết được một người kết hôn, sinh con, gặp họa và mất vào năm nào? Làm cách nào để phán đoán được tình hình cơ bản của cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái...

Để trả lời chính xác những vấn đề này, từ xưa đến nay đã có vô số các thế hệ tiên hiền đã viết sách để lý giải, tìm ra phương pháp lý luận có thể giải mã đời người một cách đầy đủ nhất, điều này đã giúp Bát tự học vượt qua được những phong ba của lịch sử và tồn tại cho đến tận ngày nay. Nhưng mặt khác, điều này cũng dẫn tới sự ra đời của nhiều môn phái, mỗi môn phái lại có học thuyết riêng, khiến cho người đời sau không biết đâu mới là chính xác. Đặc biệt đối với những người mới học, đối diện với nhiều kiểu lý luận Bát tự mâu thuẫn lẫn nhau, thật không biết phải bắt đầu từ đâu.

Đại sư Dịch học quốc tế Lý Cư Minh bằng vốn kinh nghiệm thực tiễn nhiều năm đã tổng kết được một hệ thống phương pháp phân tích Bát tự rất độc đáo, ông bắt đầu từ thiên can địa chi cơ bản nhất, tìm ra một con đường khác để biến phức tạp thành đơn giản, với cách nhìn độc đáo, lý luận chuẩn xác, đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Quan trọng hơn cả là phương pháp này đơn giản thực dụng, không cần phải có quá nhiều kiến thức cơ sở đã có thể nhanh chóng nhập môn, phù hợp với quy luật Dịch học “đạo lý sâu nhất lại đơn giản nhất”, điều này khiến con đường nghiên cứu Bát tự trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Lần giở cuốn sách này, bạn sẽ cảm thấy dòng mạch nội dung của cuốn sách rất dễ dàng, sáng sủa, giúp bạn nhanh chóng nắm bắt được những nội dung chủ chốt và ứng dụng ngay vào thực tế một cách thuận lợi.

Sáng kiến lớn nhất của cuốn sách này đó là cách định nghĩa hoàn toàn mới về thiên can địa chi. Từ khái niệm thiên can địa chi đơn giản nhất có thể nhận được những thông tin quan trọng nhất: Chương thứ nhất chia 12 địa chi thành ba loại để giải thích về đời người; chương thứ hai lần lượt giới thiệu về mười thiên can, xuất phát từ một góc độ khác để chia con người thành mười loại. Nếu như học hết những kiến thức

này mà bạn vẫn chưa hài lòng, có thể tìm hiểu sâu hơn về sự kỳ diệu của Bát tự trong những chương tiếp theo: thân cường - thân nhược, phú quý - nghèo hèn, bình an - tai họa, bản thân - người thân, sự nghiệp - tình cảm... Tất cả những người, việc, vật liên quan tới bạn đều có thể nhìn thấy được huyền cơ trong đó. Để độc giả đến gần hơn với thực tiễn, cuốn sách này đã lấy dẫn chứng bằng rất nhiều Bát tự của nhiều người nổi tiếng. Từ trong vận mệnh của họ, chúng ta có thể tìm ra cái bóng của chính mình.

Ngoài ra, cuốn sách này cũng giới thiệu phương pháp vận dụng ngũ hành để cải vận. Lý Cư Minh đã kết hợp lý luận Phong thủy và lý luận Bát tự học, căn cứ vào dụng thần và kỵ thần của Bát tự cùng với thuộc tính ngũ hành của sự vật, để chọn những vật có lợi cho mình, tránh những vật gây bất lợi, phương pháp cụ thể được nêu ra trong ví dụ về Bát tự của các danh nhân. Đây là nghiên cứu rất có ích cho việc phát triển Bát tự học lên một tầng cao mới.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA TÁC GIẢ

HỌC BÁT TỰ PHẢI THƯỜNG XUYỀN THỰC HÀNH

Trong cuốn sách này, tôi thường dùng phương pháp đơn giản nhất để diễn giải về nội dung khó nhất của Bát tự học cho độc giả biết. Học thuật số phải có bí quyết, bây giờ sẽ truyền thụ bí quyết ấy cho các bạn, lý do rất đơn giản, vì các bạn chính là độc giả của tôi!

Trước đây khi học tới giai đoạn phân tích Bát tự và tìm kiếm dụng thần, người ta thường muốn bỏ cuộc. Bát tự học cổ đại có rất nhiều thuật ngữ rắc rối, lại phải đọc thuộc lòng rất nhiều khẩu quyết. Khi tôi mới học Bát tự vào những năm 70 của thế kỷ 20, cũng phải đọc thuộc lòng rất nhiều khẩu quyết. Sau này tôi phát hiện ra rằng, không cần thiết phải ghi nhớ khẩu quyết, chỉ dựa vào khẩu quyết không thể hiểu hết được Bát tự! Trước đây có một số thầy thuật số không muốn những người khác hiểu Bát tự, nên đã sử dụng những từ ngữ khó hiểu để gây khó dễ cho những người học sau này. Khi gạt bỏ tất cả mọi khẩu quyết sang một bên, tôi phát hiện ra rằng, con đường phía trước đã trở nên vô cùng sáng sủa!

Trên con đường học tập văn hóa truyền thống, chúng ta phải biết bỏ sang một bên gánh nặng của thế hệ trước. Mô thức học tập của người Trung Quốc thích tuân theo truyền thống, lấy lý luận của người trước làm căn cứ. Nhìn từ góc độ Phong thủy học, dựa theo phương pháp suy đoán của đời trước có thể học được bảy, tám phần trong đó, coi như đã là khá tốt rồi. Nhưng lập trường của tôi là, học Bát tự phải giỏi hơn người đời trước. Sau khi tôi tìm hiểu hết những học vấn người trước để lại, tôi sẽ có chọn lựa, sau đó tiến hành tạo dựng một bầu trời mới cho thuật số!

Học thuật số không phải lúc nào cũng tuân theo thời cổ. Các đại sư thuật số trước đây sống ở ngày hôm qua, không thể biết được những thay đổi đang diễn ra ở ngày hôm nay. Huống hồ họ cũng là con người,

cũng có những lúc mắc sai sót. Chúng ta sẽ tiến hành chỉnh lý lại từ đầu toàn bộ Bát tự, như vậy mới có thể giúp ích được cho con cháu sau này. Thầy thuật số nên biết rằng “tin hoàn toàn sách vở chẳng thà hoàn toàn không tin”, phải tự mình sáng tạo cho mình một phương thức đúng.

Học Bát tự không thể chỉ dựa vào việc nghiên cứu sách cổ, nhất thiết phải được ứng dụng trong cuộc sống thường ngày. Mọi người nhìn cách tôi phán đoán về Bát tự, trong đó có khoảng 30% là học được từ trong sách, bộ phận còn lại có được nhờ ví dụ thực tế. Ví dụ tử lạnh, cái bấm móng tay là Canh Kim, điều này là do tôi phát hiện, không phải do sư phụ truyền dạy. Tôi đã phát hiện như thế nào? Đó là linh cảm có được nhờ những trải nghiệm thực tế. Quan sát từng chi tiết nhỏ trong cuộc sống, thông qua Bát tự tôi đã dẫn chứng ra rất nhiều đạo lý và huyền cơ, từ đó sáng tạo ra một bộ Bát tự học độc đáo.

Học vấn Bát tự đã tồn tại hàng ngàn năm, nhưng ngày nay không có ai khai thác bộ môn học vấn này. Nếu dùng tâm huyết để nghiên cứu văn hóa mà tổ tiên để lại, bạn sẽ phát hiện ra rất nhiều kho tàng quý giá từ trong đó, đáng tiếc những người có tâm huyết lại quá ít ỏi. Trước đây có rất nhiều thầy thuật số không dựa theo lý luận suy đoán truyền thống, chỉ biết hư cấu, bịa đặt, trong đó nhiều nhất là cách dự đoán dựa theo các chòm sao.

Tri thức về các chòm sao phần nhiều đều là do con người hư cấu ra, nhưng Bát tự lại không như vậy, nó là một cách tính toán toán học. Do tôi đã thông thạo rất nhiều Bát tự có tính chất giống nhau, vì vậy bất kỳ Bát tự nào khi đến tay tôi, chỉ cần tính qua là thu được hiệu quả chính xác. Vì vậy, cần phải nghiên cứu Bát tự như một môn thống kê học, như vậy mới có thể giúp nó phát triển. Thống kê học kết hợp với hệ thống mật mã do người xưa phát hiện, hai thứ này bổ sung, hỗ trợ cho nhau, sẽ có thể đưa thuật số phát huy tới mức xuất thần nhập hóa.

Thuật số không hề khó, cũng không thần bí. Thần bí là do các thầy thuật số cố tình tạo nên bức màn bí mật để lừa dối người đời. Đối với tôi

thuật số không hề thần bí. Bát tự không hề khó, chỉ cần người mới học tìm được đúng phương pháp. Cuốn sách này của tôi sẽ hé lộ cho bạn đọc những phương pháp và bí quyết cần thiết. Trong cuốn sách này, tôi sẽ sử dụng một phương pháp tương đối đặc biệt để kết một mối duyên cùng các bạn, giúp các bạn lĩnh hội được chân tướng của Bát tự.

Lý Cư Minh

GIỚI THIỆU VỀ LÝ CƯ MINH

Danh sư Phong thủy quốc tế Lý Cư Minh sinh tại Hồng Kong Trung Quốc, tốt nghiệp khoa Cận tâm lý trường đại học Công giáo Hồng Kông, từng công tác trong ngành báo chí và điện ảnh khoảng mười năm. Đến giữa những năm 80 của thế kỷ 20, ông đã tập trung vào công tác nghiên cứu thuật số mệnh lý truyền thống. Đến giai đoạn giữa thập niên 90, ông lại tận dụng thời gian rảnh rỗi để triển khai công tác giáo dục Phật giáo. Ở ông có tinh thần khai sáng và cải cách tích cực, nên các lĩnh vực mà ông theo đuổi đều có xu hướng đột phá truyền thống, đặt ra yêu cầu rất nghiêm khắc cho bản thân; mặc dù nghiên cứu thuật số, nhưng ông luôn theo đuổi tinh thần khoa học, bài trừ mê tín. Trong những năm gần đây, Lý Cư Minh tập trung phát triển “Tứ Bình mệnh lý học”, tiến hành giải thích và ứng dụng văn hóa Trung Quốc cổ đại theo phương pháp hoàn toàn mới. Đồng thời, lại tiến hành biện chứng lại về các thông tin dự đoán trong thuật số và kham dư học, nâng cao địa vị xã hội của văn hóa truyền thống.

Ông đã xây dựng nên “trường phái phong thủy Lý Cư Minh” thông qua việc kiểm chứng và chỉnh lý những học thuyết phong thủy truyền thống, gạn đục khơi trong, bởi vậy lý luận và thực hành phong thủy của ông đều mang đặc điểm là rất ứng nghiệm, đem lại hiệu quả nhanh chóng. Ông tìm tòi nghiên cứu không biết mệt mỏi, luôn khiêm tốn và trầm mặc, đã từ chối sự quảng bá của các phương tiện truyền thông lớn nhỏ trong suốt hơn mười năm liền. Hàng năm, ông chỉ xuất bản sách Tử Vi và Hoàng lịch, nhưng danh tiếng của ông vẫn không ngừng nâng cao, được đông đảo độc giả rất quan tâm và chào đón. Một tác gia có được nhiều đầu sách bán chạy như vậy, trong giới tướng số chỉ có một mà thôi. Gần đây sách của ông đã được chào đón nhiệt liệt trên thị trường Trung

Quốc đại lục, các tác phẩm của ông thậm chí bị in lậu với số lượng cực lớn, điều đó cũng đủ chứng minh về sức nóng của “cơn sốt Lý Cư Minh”.

Danh tiếng của ông còn được mở rộng trên phạm vi thế giới, ông đã từng dùng bí quyết Phi tinh trong phong thủy học của Trung Quốc để giúp các nhà khảo cổ Mỹ tìm ra hoá thạch khủng long, năm 2002 đã thành công trong việc tìm thấy hoá thạch khủng long biển đầu tiên trên thế giới. Ông cũng là người đầu tiên được đặt tên cho một loại đá quý nổi tiếng ở Mỹ Canada (Master Edward Li'Mine), đó là vì ông đã thành công trong việc dùng các bí quyết phong thủy của Trung Quốc để tìm ra vị trí của các mỏ đá quý. Vào năm 2004 trở đi, mỏ đá quý đã khai thác thành công và đưa ra thị trường loại đá màu “Long châu” và “Cầu vồng”. Cuối năm 2004, ông lại dùng phương pháp phong thủy để dò tìm mạch quặng, phát hiện ra mỏ đá thạch ốc quý báu bên bờ sông St Mary, làm chấn động giới đá quý trên thế giới. Năm 2008, ông lại một lần nữa dùng phong thủy Trung Quốc để phát hiện ra hoá thạch khủng long và ốc biển.

Vào tháng 6 năm 2000 Lý Cư Minh nhận lời làm tư vấn phong thủy cho nhãn hiệu Coca Cola tại Atlanta Mỹ, ông đã sử dụng “Bát tự thần số” để tính toán về sự hưng suy của công ty này trong hàng trăm năm, và ngay trong năm đó, doanh nghiệp này đã thay đổi màu sắc nhãn hiệu, sử dụng màu sắc Kim Thủy cho toàn bộ mẫu mã và chiến lược quảng cáo, ông còn đưa ra rất nhiều lời cảnh báo đối với sự phát triển của nhãn hàng này. Phong thủy Trung Quốc lần đầu tiên đã khuấy động giới doanh nghiệp phương Tây, văn hoá phong thủy trở thành đề tài tranh luận trong giới truyền thông nước ngoài, và những lời dự đoán của Lý Cư Minh đều ứng nghiệm. Vì giữ bí mật cho khách hàng, nên dù đã nhiều lần giới truyền thông Mỹ đề nghị ông công khai bí quyết nhưng ông đều từ chối, ông chỉ đồng ý sau khi về hưu sẽ công khai dưới dạng hồi ký để giữ gìn đạo đức nghề nghiệp. Sau này Lý Cư Minh cũng đảm nhận vai trò cố vấn phong thủy cho rất nhiều doanh nghiệp tại khu vực Bắc Mỹ và châu Âu, từng là nhà thiết kế phong thủy cho các toà nhà lớn ở

Bắc Kinh, Thượng Hải, Nam Kinh, Thiên Tân, Thanh Đảo, Hạ Môn, Quảng Châu, Thâm Quyển,... đưa văn hoá phong thuỷ truyền thống vào nền kiến trúc đương đại. Hiện nay rất nhiều toà nhà lớn của Trung Quốc đều do ông thiết kế. Năm 2007 ông đảm nhiệm vai trò kiến trúc sư phong thuỷ cho toà nhà “China High Silver 117” (Cao ngân Trung Quốc 117), làm cố vấn và thiết kế phong thuỷ cho công trình khu kinh tế “Tân Kinh Tân” của Thiên Tân. Cách tính toán của ông rất nổi tiếng, đặc biệt là cách tính Bát tự cực kì chính xác. Cách tính vừa này có thể nói được chính xác ngày tháng, lại phá bỏ được quan niệm mê tín về số mệnh trong phong thuỷ truyền thống, nhận được sự chào đón rộng rãi của bạn đọc trong và ngoài nước. Chỉ có ông mới có thể giữ vững được trạng thái tinh thần vững vàng để tính toán mệnh lý cho các bạn đọc, từ chối các thao tác theo kiểu công thức máy móc. Ông thường xuyên cùng với các học trò đi du lịch khắp nơi trên thế giới, đặc biệt, ông cũng dành nhiều thời gian cho việc lễ Phật và đến các nơi có phong thuỷ tốt để hấp thu linh khí, duy trì cuộc sống đạm bạc không màng danh lợi, rất ít khi tham gia các hoạt động xã hội. Lý Cư Minh còn âm thầm thành lập quỹ từ thiện “Mật pháp quy Hoa”, để tu sửa chùa miếu trường học cho nhà nước. Năm 2008 chính thức bắt đầu đầu tư thời gian vào công tác xã hội từ thiện, và đã xây dựng được mười ngôi trường tiểu học tình nghĩa.

Nghề nghiệp của Lý Cư Minh tuy là xem tướng số, nhưng ông lại tận dụng thời gian rảnh rỗi vào việc truyền bá đạo Phật, mở “Phật viện Mật giáo Tu Minh Trung Hoa Hồng Kông”, đưa Mật Tông vốn thịnh hành ở đời Đường vào phục vụ xã hội, phát triển hai bộ đại pháp Kim Thai của các bậc tiên hiền, thành lập Phật viện tư nhân ở Cửu Long, để học trò và bạn đọc tham quan và tịnh tu Phật học, lập đàn cầu khẩn cho những con người bất hạnh trong xã hội. Năm 2009 đã xây dựng thêm ba chi nhánh của “Mật pháp quy Hoa đường” ở đảo Hải Nam. Phương thức truyền thụ Phật giáo này hoàn toàn khác với truyền thống, rất được mọi người tín nhiệm. Ông là Pháp Vương Kim Cương thứ 55 của dòng Chân Ngôn Tông Phật giáo, năm 1997 đắc đạo tại Koyasan Nhật Bản, tặng hiệu Di Nhiên, và xây bia kỉ niệm đắc đạo tại đỉnh Tổ sư của Mật tông Nhật Bản. Ông tự

cho rằng mình là người không có dã tâm đối với tôn giáo, chỉ theo đuổi công việc dạy học, đem kinh nghiệm và tâm đắc trong hai mươi năm tu dưỡng Mật giáo viết thành sách và bài hát để lưu hành, đến nay đã cho ra hơn mười hai đĩa nhạc Phật ca, tự mình viết nhạc và hát. Album Đường Mật đầu tiên bằng tiếng phổ thông mang tên “Truyền thuyết Đường Mật” cũng được phát hành trên toàn quốc.

Trong lĩnh vực trước tác, ông phân loại tác phẩm của mình thành hai lĩnh vực tướng số và Mật tông, đến nay đã có hàng trăm tác phẩm, đều được bạn đọc yêu mến và nhiệt liệt đón nhận. Để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc trên thế giới, ông đã bắt đầu dẫn chương trình “Ngũ dạ mộng hồi” trên mạng để bàn về trí tuệ trong cuộc sống và giảng “Đường Mật nhập môn”, giới thiệu về Mật pháp, nhận được sự hưởng ứng nhiệt liệt của cư dân mạng, dần xoá bỏ khoảng cách giữa bạn đọc Hồng Kông và bạn đọc thế giới. Mỗi năm ông lại thiết kế các vật phong thuỷ may mắn, căn cứ vào Cửu cung để hoá giải hung tinh, thúc đẩy cát tinh, chế tác tinh xảo và rất hợp phong thuỷ, được bạn bè trong ngành tướng số và bạn đọc ca ngợi. Ông đã đem văn hoá truyền thống Trung Hoa, tri thức của các bậc hiền triết ứng dụng trong thời hiện đại một cách có căn cứ và khoa học, được các bạn tôn trọng và yêu mến, khiến ngành tướng số có thể danh chính ngôn thuận hoạt động trong xã hội, không sa vào mê tín duy tâm. Những cuốn sách Tử Vi phát hành theo năm của ông đã trở thành một loại hình văn hoá được đông đảo bạn đọc ưa chuộng và hưởng ứng.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	4
Lời giới thiệu của tác giả	7
Giới thiệu về Lý Cư Minh	10

CHƯƠNG 1: BÍ MẬT VỀ BA NHÓM ĐỊA CHI

Mối quan hệ thần bí giữa hoàng đế và rồng	22
Cực đoan và cố chấp là tính cách của đế vương.....	26
Những người lên xuống thất thường.....	28
Loại người nào có “tứ đào hoa”.....	29
Làm thế nào để mở ra “kho tàng” phát đạt.....	30
Loại người nào thay đổi thất thường	34

CHƯƠNG 2: BÍ MẬT NHÂN SINH TRONG MƯỜI THIÊN CAN

Vận dụng thiên can để tìm ra “cái tôi nguyên thủy” của mình.....	38
Giáp Mộc cao lớn tận trời, muốn thoát thai cấn có hỏa.....	40
Ất Mộc quần giáp, hợp cả xuân thu	41
Bính Hỏa mãnh liệt, gặp củi sợ hãi	42
Đinh Hỏa sáng suốt, hợp Nhâm mà trung	44
Mậu Thổ hậu trọng, Thủy nhuận vật sinh	45
Kỷ Thổ bao dung, Bính Quý lai phối	47
Canh Kim mang sát, gặp Hỏa mà sắc	48
Tân Kim lấp lánh, ưa Thủy xối rửa.....	49
Nhâm Thủy sông lớn, mang đức cương trung.....	52
Quý Thủy yếu nhất, tân dịch của trời	53
Những sự vật thường gặp được tượng trưng bởi thiên can.....	54
Thiên can và màu sắc.....	57
Thiên can và chữ số.....	57

CHƯƠNG 3:

VẬN MỆNH PHỨC TẠP THỂ HIỆN QUA THẬP THÂN

Âm dương ngũ hành là gốc của Bát tự.	60
Con người có tổng cộng một triệu loại vận mệnh.	61
Tỷ kiếp tượng trưng cho anh chị em và người cạnh tranh	65
Quan sát tượng trưng cho chồng, công việc và tiểu nhân	67
Tài tinh tượng trưng cho vợ, cha và tiền tài	68
Ấn kiều tượng trưng cho mẹ và học vấn.	69
Thực thương tượng trưng cho tài hoa và con cái.	70

CHƯƠNG 4:

PHƯƠNG PHÁP TÌM DỤNG THÂN

Sắp xếp Bát tự và đại vận	74
Căn cứ vào tháng sinh để tìm dụng thần	79
Hợp cục thiên biến vạn hóa.	83
Tác dụng thần kỳ của địa chi tàng can.	87
Căn cứ vào lưu niên phán đoán tình hình cụ thể	90
Thân cường mới có thể gánh vác Tài, Quan	96
Đắc thời, đắc địa, đắc thế	98
Mười bí quyết tìm dụng thần	101

CHƯƠNG 5:**DỪNG BÁT TỰ CỦA NHỮNG NGƯỜI NỔI TIẾNG
PHÁ GIẢI BÍ MẬT CỦA NHẬT NGUYÊN**

Nhật nguyên Giáp Mộc: Quách Phú Thành.....	108
Nhật nguyên Ất Mộc: Người thần bí.....	110
Nhật nguyên Bính Hỏa: Mai Diễm Phương.....	111
Nhật nguyên Đinh Hỏa: Chương Tử Di.....	114
Nhật nguyên Mậu Thổ: Thư Kỳ.....	116
Nhật nguyên Kỷ Thổ: Châu Nhuận Phát.....	119
Nhật nguyên Canh Kim: Lương Chấn Anh.....	122
Nhật nguyên Tân Kim: Lưu Hoan.....	123
Nhật nguyên Nhâm Thủy: La Văn.....	125
Nhật nguyên Quý Thủy: Lưu Đức Hoa.....	128
Bát tự đặc biệt của Càn Long.....	130
Nỗi oan thiên cổ của Nhạc Phi.....	132

CHƯƠNG 6:**MẬT MÃ CỦA PHÚ QUÝ CÁT TƯỜNG**

Bát tự “có bệnh” dễ phát đạt.....	136
“Thân tài lưỡng đỉnh” là điều kiện tiên quyết của mệnh giàu có.....	137
“Tài thông môn hộ” là điều kiện thứ hai của mệnh giàu có.....	139
“Tài lai tựu ngã” là điều kiện thứ ba của mệnh giàu có.....	141
Bảy loại mật mã thường xuất hiện ở người giàu có.....	143
Đặc trưng bát tự của người giàu có.....	151
Bát tự xấu mà đại vận tốt, dễ giàu sang.....	152
Bát tự của người giàu nhưng không hào phóng.....	154
Lộc thần tượng trưng cho tài phú.....	156
Lúc nào có thể kiếm tiền lập nghiệp.....	157
Những bất hạnh của người phát đại tài.....	158

CHƯƠNG 7: MẬT MÃ CỦA NGHÈO KHÓ SUY BẠI

Đặc trưng Bát tự của người ăn mày.....	162
“Tài nhiều thân nhược” là người nghèo nhà giàu.....	163
Thiên tài kị anh em nhập vận.....	164
Thương quan gặp Quan, tai họa đa đoan.....	165
Trước sau 60 tuổi dễ bị “xung đề cương”.....	166
Thiên ấn đoạt thực dễ hao tài.....	168
Kiếp tài Dương nhãn kị tuế vận tương liên.....	169
Thực thương quá nặng, khó có duyên sách vở.....	170
Có sát không Ấn, thiếu văn vẻ.....	171
Phụ nữ khắc mệnh chồng.....	173
Phục ngâm phục ngâm khóc âm thầm.....	173
Thiên khắc địa xung, tai họa trùng trùng.....	174

CHƯƠNG 8: THẦN SÁT CỔ XƯA VẪN MỚI MẸ

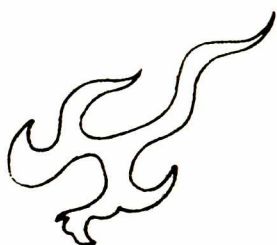
Đoán mệnh chỉ dựa vào con giáp năm sinh.....	178
Tướng tinh là mật mã thăng chức tăng lương.....	180
Dịch mã là mật mã của sự thay đổi, di chuyển.....	180
Hoa cái là mật mã của tài năng nghệ thuật.....	181
Vong thần là mật mã của kiện tụng lao tù.....	182
Hàm trì là mật mã của vận đào hoa.....	183
Kiếp sát là mật mã gây tai họa.....	184
Cô thần Quả tú là mật mã cô đơn.....	185
Hồng loan Thiên hỷ là mật mã hôn nhân tình cảm.....	186
Hồng diễm là mật mã của đời sống tình dục.....	187
Thiên Ất quý nhân là mật mã gặp hung hóa cát.....	189
Bí quyết tra cứu thần sát.....	190

CHƯƠNG 9: VẬN DỤNG LINH HOẠT BÁT TỰ

Làm thế nào để trở thành cao thủ Bát tự	194
Năm tác dụng lớn của Bát tự	195
Cách xem vận mệnh của cha mẹ	196
Cách phán đoán về ly hôn	198
Cách phán đoán về thất nghiệp	201
Nuôi chó và mèo khác nhau ở điểm nào	202
Điểm khác nhau giữa lương y và lang băm	203
Người hói đầu và rụng tóc cần Thủy Mộc	204
Bí quyết thành công của thầy thuật số	205

CHƯƠNG 10: LẤY VÍ DỤ VỀ NGƯỜI NỔI TIẾNG HỌC CÁCH CẢI VẬN

Công nương Diana chết vì paparazzi	208
Châu Tinh Trì tình duyên trắc trở	209
Tiểu Long Nữ khó đắc tài	210
Phòng Tổ Danh ký ở gần mẹ	212
Lâm Tử Tường bị Hỏa làm hại	214
Ngô Quân Như gặp Kim có lợi	216
Lưu Đức Hoa rất kỵ Kim	217
Lê Minh tình cảm thất thường	219
Trương Học Hữu sự nghiệp gia đình khó vẹn toàn	220
Quách Phú Thành kỵ scandal	221
Dựa vào bát tự xem kiếp trước của người nổi tiếng	221



CHƯƠNG 1: BÍ MẬT VỀ BA NHÓM ĐỊA CHI

Theo nhóm máu, tính cách của con người được phân chia thành bốn loại lớn. Tương tự như vậy, 12 địa chi có thể được chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm gồm 4 địa chi. Vì vậy, căn cứ theo 12 địa chi, tính cách của con người có thể được chia làm ba nhóm lớn, lần lượt là: nhóm cực đoan có tính nguyên tắc cao; nhóm mềm dẻo dễ thay đổi; nhóm trợ giúp có mang tính bao dung.



Nội dung chính



- * Mối quan hệ thần bí giữa hoàng đế và rồng
 - * Cục đơan và cố chấp là tính cách của đế vương
 - * Những người lên xuống thất thường
 - * Loại người nào có “tứ đào hoa”
 - * Làm thế nào để mở ra “kho tàng” phát đạt
 - * Loại người nào thay đổi thất thường
-
- 

MỐI QUAN HỆ THẦN BÍ GIỮA HOÀNG ĐẾ VÀ RỒNG

Chắc hẳn bạn đã từng nghe đến khái niệm “đường Tý Ngọ”. Về Phương vị học, “Tý” tượng trưng cho phương chính bắc của trái đất, “Ngọ” tượng trưng cho phương chính nam của trái đất. Hai chữ “Tý Ngọ” có liên quan mật thiết với người Trung Quốc. Nếu như bạn đã từng tới Cố Cung ở Bắc Kinh, bạn sẽ phát hiện thấy phương thức nhập đại điện được các hoàng đế cổ đại sử dụng là: hoàng đế ngự trên kiệu, do các thái giám sắp ở hai bên khiêng đi, di chuyển từ dưới bậc thềm đi lên phía trên, chiếc kiệu của hoàng đế sẽ đi qua phần mặt nghiêng ở khoảng giữa bậc thang được điêu khắc hình rồng, còn phu kiệu sẽ đi trên các bậc cầu thang ở hai bên. Như vậy, hoàng đế sẽ như lướt đi trên không tiến qua mặt nghiêng có điêu khắc hình rồng và các vật cát tường khác, sau đó tiến thẳng đến ngai vàng trên điện Kim Loan. Trong toàn bộ quá trình khiêng kiệu nhập đại điện, hoàng đế sẽ luôn ở trên trục Tý Ngọ chính giữa, và không đi chệch sang vị trí khác.

Cách làm này xuất phát từ Thuật số học thời cổ đại. Trong xã hội phong kiến, hoàng đế được coi là thiên thần tối cao được Ngọc Hoàng phái xuống trị vì nhân gian, mà mật mã quan trọng nhất của nhân gian chính là “đường Tý Ngọ”, tức hai vị trí cực Bắc và cực Nam của trái đất.

Khi tôi tới Bắc Kinh du lịch, từng tham quan phủ đệ của quyền thần Hòa Thân đời Thanh. Chắc hẳn mọi người đều đã nghe nói tới câu chuyện giữa Hòa Thân và Kỳ Hiểu Lam. Sau này phủ của Hòa Thân được Cung Thân Vương tiếp quản, ngày nay mở cửa cho du khách tham quan. Trong phủ này có bán một thứ, mà toàn thành Bắc Kinh chỉ có thể mua được thứ này ở đây, đó là một chữ Phúc, gọi là “Thiên hạ đệ nhất Phúc”. Thế nào là “Thiên hạ đệ nhất Phúc”? Thì ra chữ này là do hoàng đế Khang Hy viết, cứ mỗi khi tết đến, ông lại đích thân viết chữ tặng con cháu hoàng tộc.

Chữ Phúc mà Khang Hy viết có hình dạng rất đặc biệt, đó là trước tiên viết một chữ “đa” (多), sau đó viết tiếp một chữ “điền” (田), lấy ý là đa điền, tức có rất nhiều ruộng. Sau đó, tại vị trí bộ “kỳ” (示) ở bên tay trái viết thành chữ “đa tử” (多

子), tức có rất nhiều con cái, như vậy đã tạo thành đa điền, đa tử. Sau cùng, lại chấm thêm một chấm, ngụ ý là đạt được nhiều hơn một chút.

Bức “Thiên hạ đệ nhất Phúc” chỉ có thể mua được ở phủ Cung Thân Vương này tượng trưng nhiều ruộng đất, nhiều con, và có được nhiều hơn, gọi là “tam đa”. Người có phúc khí, chắc chắn sẽ nhiều ruộng vườn, nhiều con cái, mọi thứ đều nhiều hơn người khác một chút, đó chính là Phúc.

Tại sao Khang Hy lại viết ra chữ Phúc với hình dạng như vậy? Vì trong chữ Phúc có ẩn chứa chữ “tử”, “tử” cũng có nghĩa là “Tý”, nhiều “Tý” tức là nhiều Thủy; Tý cũng là Thủy, tượng trưng phong thái của hoàng đế. Từ chữ Phúc này mọi người có thể biết được làm cách nào để có được phúc. Nó xuất phát từ “Tý”. Giữa “Tý” và hoàng đế có mối quan hệ rất mật thiết với hoàng đế, vì vậy phương vị mà hoàng đế ngồi cũng là phương Tý.

Giữa hoàng đế và rồng có một mối quan hệ bí mật, hoàng đế rất thích lấy rồng làm biểu tượng, và người Trung Quốc cũng coi rồng làm Totem của dân tộc mình. Một trong những nguyên nhân của hiện tượng này là khi rồng bay sẽ tạo thành tư thế uốn lượn như hình chữ S, mà mật mã (thái cực đồ) của vũ trụ chính là hình chữ S. Vì vậy rồng đã thể hiện được hình thái thần bí nhất trong vũ trụ - uốn lượn hữu tình, đây là một quan điểm trong Phong thủy học.

Kinh tuyến gốc Greenwich

Đường thẳng nối liền hai cực Nam Bắc của trái đất được gọi là “kinh tuyến”, thể hiện phương hướng nam bắc. Cổ nhân lấy “Tý” là chính bắc, lấy “Ngọ” là chính nam. Vì vậy gọi kinh tuyến là “đường Tý Ngọ”. Người đầu tiên trên thế giới đo được chiều dài đường Tý Ngọ chính xác nhất là nhà thiên văn học đời Đường - thiên sư Nhất Hạnh. Các nhà khoa học hiện đại gọi “kinh tuyến 0 độ” là kinh tuyến Greenwich. Hội nghị quốc tế năm 1884 quyết định sử dụng đường kinh tuyến chạy qua đài thiên văn GMT đặt tại Luân Đôn nước Anh làm đường kinh tuyến gốc 0 độ. Trong hình vẽ là mốc dấu trên mặt đất của đường kinh tuyến này.



Trong Bát tự học, rỗng được thay thế bởi chữ “Thìn”. Công dụng lớn nhất là “phùng long tất hóa” (gặp rồng sẽ biến hóa), tức là nếu trong Bát tự xuất hiện chữ “Thìn”, sẽ có thể khiến ngũ hành biến đổi nhịp nhàng, vạn vật phát triển, tạo ra một loại khí tường khác. Tại sao hoàng đế lại tự xưng là rồng? Vì xưng đế cần phải có rất nhiều điều kiện.

Tại điện Kim Loan, hoàng đế tọa tại phương vị Tý, nhưng chỉ có Tý thôi vẫn chưa đủ, còn cần các nguyên tố phối hợp khác. Trên điện Kim Loan nhất thiết phải bày một vật, tức một bức tranh vẽ hình chín con rồng. Lý do của việc này là: “Tý” là tính khí cực đoan của hoàng đế, cần phải điều hòa hợp lý mới có thể đạt được thành tựu. Yếu tố phối hợp tốt nhất là rỗng, tức “Thìn”. Thìn tượng trưng cho Thấp Thổ (đất ẩm), Tý tượng trưng cho Thủy (nước). Khi Thủy quá thịnh, cần phải dùng Thổ để chế ngự, như vậy mới không dẫn tới tai họa. Điều này được phản ánh trên điện Kim Loan là dùng Thìn rỗng để chế ngự Tý Thủy. Vì vậy, muốn xưng vương xưng bá, cần phải dùng rỗng để trợ giúp.

Ngoài “Tý” và “Thìn”, còn có mười địa chi khác, chúng tập hợp thành mười hai địa chi, cũng chính là mười hai con giáp như chúng ta thường gọi: Tý chuột, Sửu trâu, Dần hổ, Mão mèo, Thìn rồng, Tỵ rắn, Ngọ ngựa, Mùi dê, Thân khí, Dậu gà, Tuất chó, Hợi lợn. Mười hai địa chi là khái niệm cơ bản nhất trong thuật số, cũng là cái gốc của Bát tự học. Mỗi một địa chi đều có thuộc tính riêng, cụ thể như sau:

ĐỊA CHI	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
NGŨ HÀNH	Thủy	Thổ	Mộc	Thổ	Hỏa	Thủy	Hỏa	Thủy	Kim	Thổ	Thủy	Hỏa
ÂM DƯƠNG	○	●	○	●	○	●	○	●	○	●	○	●
PHƯƠNG VỊ	Bắc	Đông bắc	Đông	Đông nam	Nam	Tây nam	Tây	Tây bắc	Bắc	Đông bắc	Đông	Đông nam
TỨ QUÝ	Đông	Xuân			Hạ			Thu			Đông	
THUỘC TƯỢNG	Chuột	Trâu	Hổ	Mèo	Rồng	Rắn	Ngựa	Dê	Khỉ	Gà	Chó	Lợn

Ngoài ra, mười hai địa chi còn có hai tác dụng vô cùng quan trọng khác:

1. Tượng trưng cho tháng, ví dụ “Tý”, tượng trưng cho “tháng Tý”, tức tháng 12 âm lịch, là khoảng thời gian từ Đại tuyết tới Tiểu hàn, tức khoảng từ ngày mồng 7 tháng 12 đến mồng 4 tháng 1 dương lịch.

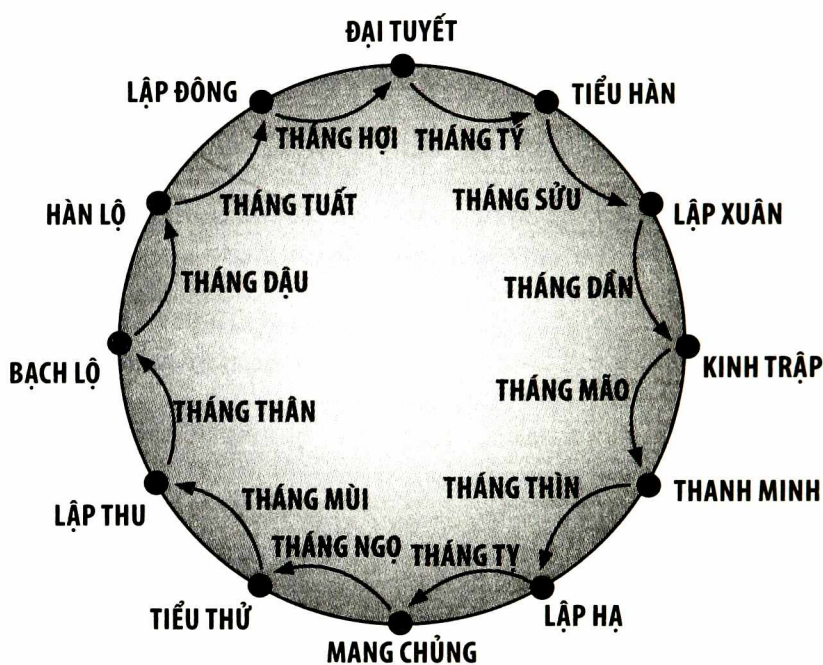
ĐỊA CHI	THÁNG SINH	TIẾT KHÍ	THỜI GIAN DƯƠNG LỊCH	GIỜ
TÝ	Tháng 11	Đại tuyết - Tiểu hàn	Khoảng 05/11 - 05/12	
SỬU		Tiểu hàn - Lập xuân	Khoảng 05/01 - 03/02	1h - 3h
DẦN	Tháng 1	Lập xuân - Kinh trập	Khoảng 03/02 - 05/03	
MÃO		Kinh trập - Thanh minh	Khoảng 05/03 - 04/04	5h - 7h
THÌN	Tháng 3	Thanh minh - Lập hạ	Khoảng 04/04 - 05/05	
TỴ		Lập hạ - Mang chủng	Khoảng 05/05 - 04/06	9h - 11h
NGỌ	Tháng 5	Mang chủng - Tiểu thử	Khoảng 04/06 - 07/07	
MÙI		Tiểu thử - Lập thu	Khoảng 07/07 - 06/08	13h - 15h
THÂN	Tháng 7	Lập thu - Bạch lộ	Khoảng 06/08 - 07/09	
DẬU		Bạch lộ - Hàn lộ	Khoảng 07/09 - 07/10	17h - 19h
TUẤT	Tháng 9	Hàn lộ - Lập đông	Khoảng 07/10 - 07/11	
HỢI		Lập đông - Đại tuyết	Khoảng 07/11 - 06/12	21h - 23h

2. Tượng trưng cho giờ, ví dụ “giờ Tý” là chỉ khoảng thời gian từ 23 giờ đến 1 giờ.

Muốn phán đoán Bát tự, không nhất thiết phải biết âm lịch, vì chỉ nhìn vào âm lịch không thể biết được tiết khí. Nhìn vào dương lịch sẽ có thể biết được tháng sinh có những tiết khí nào, nhưng mỗi năm có thể sẽ chênh lệch một, hai ngày. Ví dụ, tháng Mão là khoảng thời gian từ ngày 5 tháng 3 đến 5 tháng 4 dương lịch. Tháng Mão là thời gian Mộc vượng nhất trong năm, cũng là thời điểm giữa mùa xuân. Nếu như Bát tự của một người nào đó cần Mộc, mà lại sinh vào tháng Mộc vượng, chắc chắn người đó vận mệnh rất tốt. Trong một năm Mộc nhiều nhất vào khoảng thời gian nào? Đó là từ ngày 5 tháng 3 đến 5 tháng 4.

Sau mùa xuân là mùa hè, thời gian chính giữa của mùa hè là tháng Ngọ. Nhiều Hỏa nhất cũng là chữ Ngọ, tức tháng Ngọ, đó là khoảng thời gian từ mồng

8 tháng 6 đến mồng 8 tháng 7 dương lịch. Mùa thu là mùa Kim vượng nhất, tháng nhiều Kim nhất là tháng Dậu, tức khoảng thời gian từ mồng 9 tháng 9 đến mồng 9 tháng 10 dương lịch. Người Bát tự cần Kim, vận khí sẽ tốt đẹp nhất vào tháng này. Tháng Tý là khoảng thời gian từ mồng 7 tháng 12 đến mồng 4 tháng 1 dương lịch, đó là mùa đông, giai đoạn này Thủy vượng nhất.



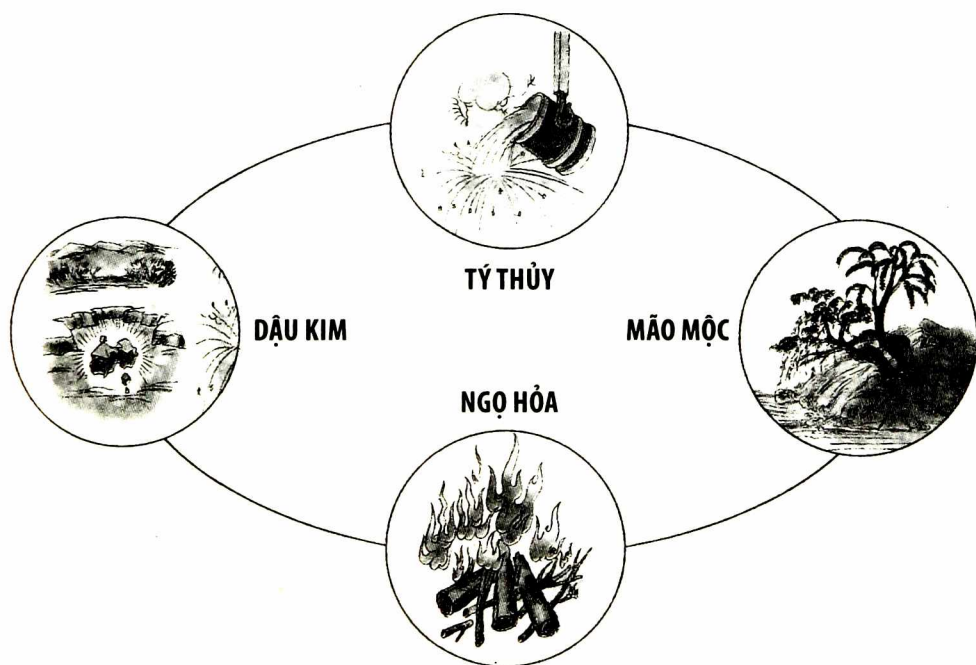
Mười hai tiết và mười hai tháng

CỰC ĐOAN VÀ CỐ CHẤP LÀ TÍNH CÁCH CỦA ĐẾ VƯƠNG

Trong địa chi có bốn chữ tượng trưng cho cực đoan: Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Bốn chữ này tượng trưng cho bốn nguồn sức mạnh lớn nhất trên trái đất. Tý tượng trưng cho sức mạnh của Thủy, Ngọ tượng trưng cho sức mạnh của Hỏa, Mão tượng trưng cho sức mạnh của Mộc, Dậu tượng trưng cho sức mạnh của Kim. Chúng lần lượt tượng trưng cho bốn loại cực đoan, tức cực đoan của Thủy, cực đoan của Hỏa, cực đoan của Mộc, cực đoan của Kim. Nếu như trong Bát tự hoặc đại vận xuất hiện bốn loại mật mã này, tượng trưng có bốn loại ngũ hành mạnh mẽ, và bắt nguồn từ đó sẽ có bốn sự vật cực đoan và tính cách cực đoan. Như Dậu tượng trưng cho Kim vô cùng tinh khiết, không có bất kỳ tạp chất nào, vì vậy những ngũ hành khác đều không thể làm suy yếu loại Kim này.

Trong 12 con giáp, Tý tượng trưng cho chuột, Ngọ tượng trưng cho ngựa, Mão tượng trưng cho mèo, Dậu tượng trưng cho gà. Những con giáp này mang tính chất cực đoan như thế nào? Tý tượng trưng cho nước sông cuộn cuộn; Ngọ tượng trưng cho lửa cháy rừng rực, là sự bùng nổ không thể khống chế; Mão tượng trưng cho cây cối sinh trưởng tươi tốt vào mùa xuân, thế không thể ngăn cản; Dậu tượng trưng cho kim loại chặt chém, hung hăng cực độ.

Ví dụ, người tuổi Ngọ khi giận dữ sẽ không thể kiềm chế, là người theo chủ nghĩa cực đoan, dữ dội như lửa thiêu. Người tuổi Mão khi tính khí cực đoan sẽ phát cuồng, không thể kiềm chế nổi. Người tuổi Dậu rất cố chấp, không thể thương lượng được với họ, dễ đi vào chỗ bế tắc. Còn người tuổi Tý rất ngạo mạn. Tuy nhiên, tác dụng của con giáp năm sinh lại không quan trọng bằng tháng sinh, tháng sinh. Khi xem Bát tự, điểm mấu chốt nằm tại “nguyệt lệnh”. Trong cuộc sống hiện thực, có rất nhiều người cố chấp, không bao giờ chịu cúi đầu. Do đó, muốn biết đối phương có cố chấp hay không, chỉ cần xem tháng sinh của người đó là sẽ biết.



Trong Bát tự, ảnh hưởng lớn nhất đối với con người không phải là năm sinh, mà là ngày sinh và tháng sinh. Vì vậy, nếu địa chi của tháng sinh hoặc ngày sinh trong Bát tự xuất hiện bốn chữ này, đặc biệt là những người sinh vào các

tháng “Tý, Ngọ, Mão, Dậu”, không thứ gì có thể ngăn cản nổi sức mạnh của họ, họ không dễ thay đổi bởi thời gian và hoàn cảnh, tư duy vô cùng cứng nhắc không biết ứng biến. Muốn họ thay đổi nguyên tắc hoặc biết mềm dẻo là việc hết sức khó khăn, nên họ là những người đặc biệt cố chấp, cứng đầu. Người như vậy rất thích hợp để trở thành anh hùng liệt sỹ.

Những người sinh vào tám tháng còn lại thường có thể thay đổi tính cách của họ một cách khá dễ dàng, và cũng khôn khéo hơn. Ví dụ, người sinh vào tháng Tý dễ thay đổi nhất, người sinh vào tháng Thìn cũng giỏi ứng biến. Ngoài ra, người sinh vào tháng Thân, Dần, Hợi... đều rất giỏi tùy cơ ứng biến.

Điểm mấu chốt khi học Bát tự là tìm dụng thần, điều căn bản để tìm ra được dụng thần là phải hiểu rõ về 12 địa chi. Từ giờ trở đi, nếu như gặp bốn địa chi Tý Ngọ Mão Dậu, cần phải hiểu rằng, chúng sẽ luôn luôn giữ được ngũ hành của mình, bất luận hoàn cảnh có thay đổi ra sao, cũng giữ được đặc tính của mình.

NHỮNG NGƯỜI LÊN XUỐNG THẤT THƯỜNG

Những người trong Bát tự có Tý, Ngọ, Mão, Dậu, sẽ thành công dễ dàng, thậm chí có thể xưng vương xưng đế. Nhưng trong hiện thực, chúng ta chỉ thường gặp những “hoàng tử hoàng tôn” đang “gặp nạn”, chỉ có khí chất ngạo mạn của hoàng đế, nhưng lại không gây dựng được sự nghiệp. Tại sao lại vậy? Nếu như “Tý Ngọ Mão Dậu” trong Bát tự không có sức mạnh điều hòa, thì người này sẽ rất cố chấp, không biết cách ứng biến theo thời thế, thiếu khả năng biến thông. Nếu lại hành vận không thuận lợi, e rằng khó mà thành công được.

Ngoài ra, bốn địa chi này lại chia thành hai nhóm, xung khắc lẫn nhau, tức Tý Ngọ tương xung, Mão Dậu tương xung. Nếu như trong Bát tự không có loại “xung” này, tượng trưng cho sự cực đoan và cực độ, đặc biệt là khi hai chữ tương xung đứng cạnh nhau, ví dụ như năm và tháng lẫn lượt là Tý, Ngọ, hoặc tháng và ngày lẫn lượt là Tý, Ngọ, người như vậy rất dễ thành công lớn và thất bại lớn. Nhưng nếu xét một cách cụ thể, vẫn còn phải kết hợp với đại vận, điều này sẽ được giới thiệu trong những nội dung phía sau.

“Xung” có sáu loại, mười hai địa chi tương xung từng đôi một, vì vậy gọi là “lục xung”. Sáu tổ hợp tương xung lẫn nhau lẫn lượt là:

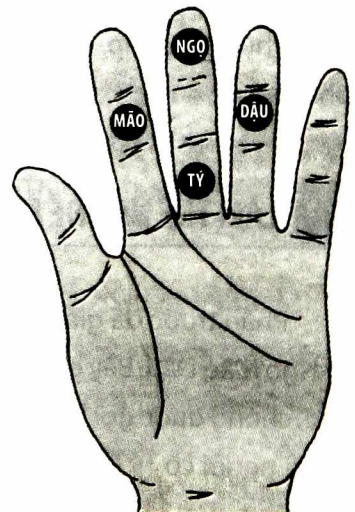
Tý Ngọ xung; Mão Dậu xung; Thìn Tuất xung; Sửu Mùi xung; Dần Thân xung, Ty Hợi xung.

Nếu như Bát tự của một người nào đó có các địa chi là Tý Ngọ Mão Dậu, Thìn Tuất Sửu Mùi, hoặc Dần Thân Ty Hợi, là bốn đại cách cục, nếu như xung được tốt đẹp, có thể trở nên đại phú đại quý, vinh đạt hiển hách. Ví dụ hoàng đế Càn Long, bốn địa chi trong Bát tự chính là Tý Ngọ Mão Dậu. Nhưng đối với phần lớn mọi người, nếu như trong Bát tự có xung, và tổ hợp địa chi phối hợp không tốt, phần lớn là hung, dễ gặp phải các chuyện nguy hiểm bất ngờ, trong đời dễ gặp biến cố và tâm trạng cũng dễ bị dao động.

LOẠI NGƯỜI NÀO CÓ “TỨ ĐÀO HOA”

Tý Ngọ Mão Dậu còn có một cách gọi khác, gọi là “tứ Đào hoa”, chỉ một loại sức mạnh không bị khống chế, rất dễ đánh mất khả năng tự khống chế. Tình yêu (đào hoa) vốn dĩ mù quáng, đó là một thứ tình cảm cực đoan, rất dễ mất kiểm soát. Khi tình yêu xuất hiện, trong mắt chúng ta sẽ không còn nhìn thấy một ai khác, mà chỉ còn có người mình yêu, cho dù gặp nguy hiểm cũng không sợ hãi, người yêu đòi hỏi gì cũng sẽ thực hiện cho bằng được. Tý Ngọ Mão Dậu lại chứa đựng tính chất cực đoan mãnh liệt, thuần túy, nên được gọi là “tứ Đào hoa”. Nếu như trong Bát tự hoặc đại vận có nhiều Tý Ngọ Mão Dậu, Đào hoa kiếp của người này cũng rất nhiều. Loại Đào hoa kiếp này đến từ tính cách gan góc, bạo dạn, không biết sợ ai, luôn tự cho mình là đúng.

Tý Ngọ Mão Dậu tượng trưng cho sự can đảm và dũng cảm, nếu xuất hiện trong Bát tự sẽ có liên quan tới tình yêu, tình dục. Nếu như Bát tự của một người nào đó hành tới Tý Ngọ Mão Dậu, thì trên phương diện tình yêu, người này sẽ trở nên can đảm hơn trong quá khứ rất nhiều, thậm chí bất chấp tất cả. Ví dụ hoàng đế Càn Long xuống Giang Nam, bỏ lại hoàng hậu và ba ngàn hậu cung, gặp phải người mình thích liền theo đuổi tới cùng.



BÀN TAY

Cho dù bạn không hiểu về Bát tự, chỉ phân tích bốn chữ Tý Ngọ Mão Dậu là đã có thể phát hiện ra những điều vô cùng kỳ diệu. Có một phương pháp nhanh nhất để ghi nhớ bốn chữ này: Viết bốn chữ lên ngón tay. Xòe bàn tay trái ra, mỗi một ngón tay có 3 đốt, ngón trỏ, ngón giữa và ngón áp út cộng lại có 9 đốt. Dùng bút viết chữ “Tý” vào đốt dưới cùng của ngón giữa, viết chữ “Ngọ” vào đốt trên cùng của ngón giữa, viết chữ “Mão” vào đốt thứ hai của ngón trỏ, viết chữ “Dậu” vào đốt thứ hai của ngón áp út. Như vậy, trong 9 đốt của ba ngón tay đã xuất hiện bốn chữ Tý Ngọ Mão Dậu. Dùng ngón tay cái ấn vào đốt chữ “Tý”, lần lượt đếm thuận theo thứ tự “Tý, Dậu, Ngọ, Mão”. Đây chính là phương pháp “bấm đốt ngón tay” mà các thuật sỹ giang hồ thường dùng, tức bấm ngón tay cái theo thứ tự “Dậu Ngọ Mão Tý” thuận theo chiều kim đồng hồ.

Phương pháp này rất hữu dụng, có thể giúp bạn tìm ra nhiều thông tin quý giá. Ví dụ bạn muốn biết “rung động” vào năm nào. “Rung động” có mấy hàm ý, ví dụ lần rung động đầu tiên thời niên thiếu, tình yêu lúc trưởng thành, ngoại tình sau khi kết hôn... Những rung động này xuất hiện vào năm nào, có thể tính được. Trong Bát tự, tình yêu nam nữ này được gọi là Hàm Trì, tục gọi là Đào Hoa. Từ “Hàm Trì” vốn có nghĩa là chỉ Dương Quý Phi tắm ở ao Hoa Thanh. Nó chủ yếu ảnh hưởng tới tình yêu, tình cảm, tính dục, cuộc sống hôn nhân, sức quyến rũ, tài hoa nghệ thuật của một người. Nếu như trong Bát tự xuất hiện Đào Hoa và ở nơi sinh vượng, người này sẽ xinh đẹp tuyệt tú, thông minh lanh lợi, hào phóng phong lưu, có duyên với người khác giới. Các bạn có thể thử tìm ra mật mã tình yêu của mình.

Phương pháp để tính toán Đào Hoa sẽ được giới thiệu trong những phần sau.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỞ RA “KHO TÀNG” PHÁT ĐẠT

Phần trước đã giới thiệu về bốn loại năng lượng cực đoan trên trái đất, tức Tý Ngọ Mão Dậu. Bây giờ, tôi sẽ giới thiệu về nhóm mật mã thứ hai: Thìn Tuất Sửu Mùi, chúng được gọi là “Tứ khố” (bốn kho). Tý Ngọ Mão Dậu là mật mã của hoàng đế, vì người có Tý Ngọ Mão Dậu có tính khí cực đoan. Thìn Tuất Sửu Mùi là mật mã của người giàu có, vì khố (nhà kho) tượng trưng cho giàu có, người có Thìn

Tuất Sửu Mùi sẽ có được tài phú. Ngoài ra, Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc Thổ, cũng tượng trưng cho bất động sản.

Tý Ngọ Mão Dậu tượng trưng cho phong thái của hoàng đế, dù là cá nhân hay tổ chức, chỉ khi có được sức mạnh cực đoan này mới dễ dàng thành đại sự. Nhưng chỉ dựa vào sức mạnh này thôi vẫn chưa đủ, còn phải dựa vào nhóm mặt mã thứ hai. Vì Tý Ngọ Mão Dậu tượng trưng cho sự cực đoan, là anh hùng liệt sỹ trong chiến tranh. Nhưng muốn thành đại sự, cần phải có rất nhiều nhân tố phối hợp khác, như tứ khố Thìn Tuất Sửu Mùi.

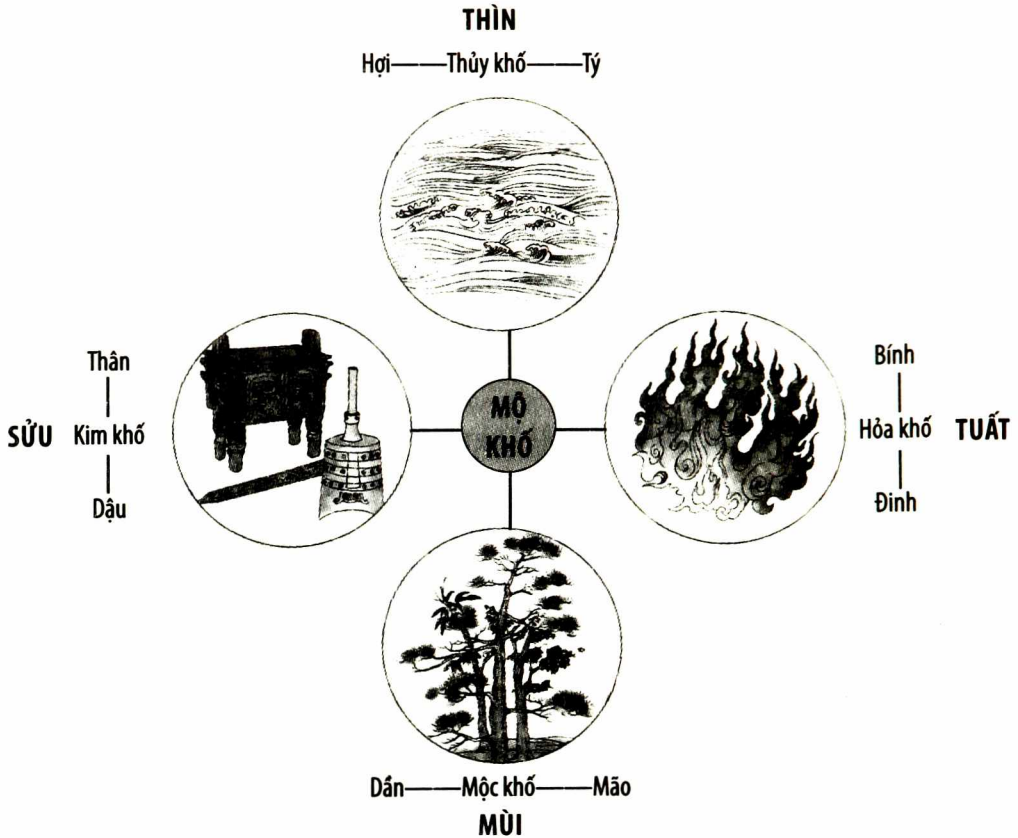
Tứ khố tượng trưng cho điều gì? Thìn là Thủy khố, Tuất là Hỏa khố, Sửu là Kim khố, Mùi là Mộc khố. Ví dụ đối với Tý Thủy, chỉ có nó chưa thể thành công, cần phải dùng “thương khố” (kho tàng) để tích trữ nước lại, hình thành Thủy khố, như vậy mới có thể phát huy tối đa giá trị của nó. Điều này cũng giống như làm việc không nên có thái độ cực đoan, phải biết thời thế và hòa hoãn.

Trong Bát tự có Thìn Tuất Sửu Mùi, tượng trưng người này có khả năng tích trữ năng lượng, cũng tượng trưng cho có tính bao dung. Điều này cũng giống như trong một đất nước, Tý Ngọ Mão Dậu là hoàng đế, Thìn Tuất Sửu Mùi là tể tướng hoặc hoàng hậu.

Thìn Tuất Sửu Mùi tượng trưng cho bốn loại vật chất tích trữ một nguồn năng lượng lớn, có thể dùng để hoãn xung. Trong tứ khố tích trữ lượng lớn Kim Mộc Thủy Hỏa, nhưng không được bộc lộ một cách bộc trực mãnh liệt như Tý Ngọ Mão Dậu, mà là ẩn chứa những loại vật chất này, đồng thời phát ra từ từ và có kế hoạch.

Người sinh ra vào tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, có tính cách bao dung, dễ hòa hợp, có khả năng tích lũy, tu dưỡng, nhu hòa. Nếu như Tý Ngọ Mão Dậu là một dạng tình cảm kích động, không thể ngăn cản, thì Thìn Tuất Sửu Mùi là một dạng tình cảm êm ái, nhẹ nhàng.

Bốn loại thương khố này có hai tình huống tương phản: tình huống thứ nhất là chứa đựng ngũ hành, cánh cửa lớn của kho tàng luôn đóng chặt khiến những vật chất được chứa đựng trong đó không thể thoát ra; tình huống thứ hai là cánh cửa kho tàng mở toang, khiến lượng lớn ngũ hành thất thoát ra ngoài. Ví dụ một người nào đó có Bát tự cần Hỏa, trong Bát tự có Tuất là Hỏa khố, nên đã nảy sinh hai loại kết quả: một loại là Tuất là Hỏa khố của Bát tự này, nhưng lại



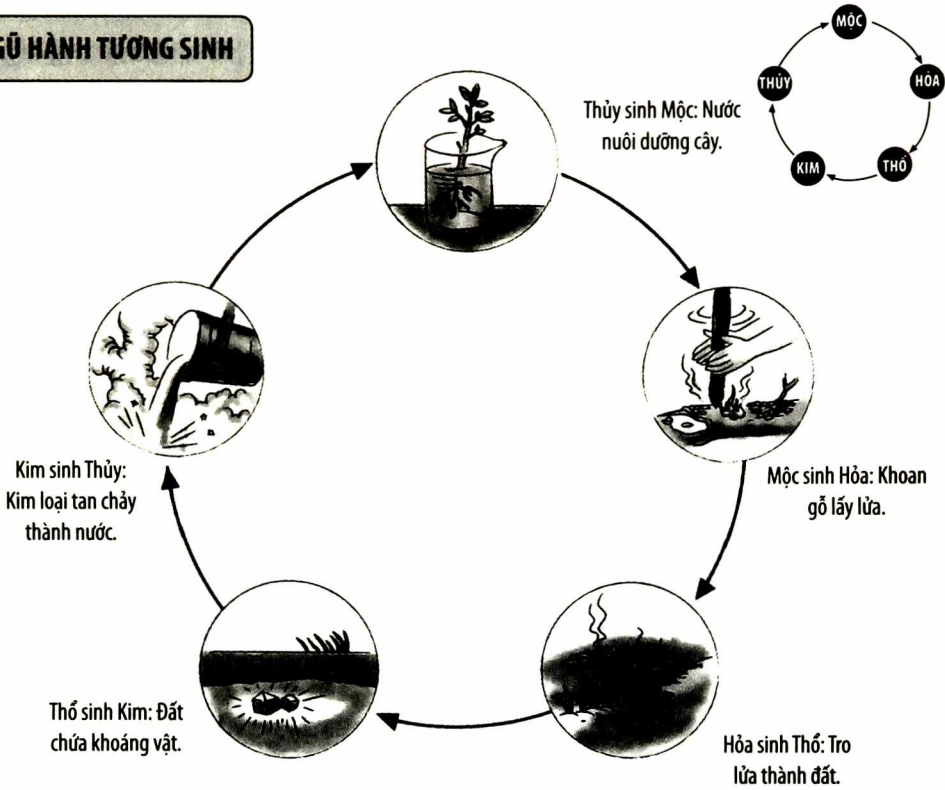
không giải phóng Hỏa trong thương khố ra; loại còn lại là Bát tự có Hỏa khố, và mở cửa thành công, khiến một lượng lớn Hỏa thất thoát ra ngoài.

Nếu như người cần Hỏa có thể mở được cửa Hỏa khố, đương nhiên là rất tốt. Có hai phương pháp để dẫn Hỏa xuất khố: một là dựa vào chữ “Ngọ” để dẫn Hỏa. “Tuất” chứa đựng rất nhiều Hỏa, mà “Ngọ” cũng là Hỏa, loại Hỏa này dễ đường đột, gây rối, nếu Tuất đột ngột gặp phải đại vận hoặc lưu niên Ngọ sẽ có thể mở được cánh cửa kho tàng, khiến Hỏa thoát ra; phương pháp còn lại là dựa vào sức mạnh của “xung” để phá vỡ cánh cửa kho tàng, trong 12 địa chi, Thìn Tuất tương xung, muốn phá vỡ Hỏa khố cần dùng Thìn để xung Tuất.

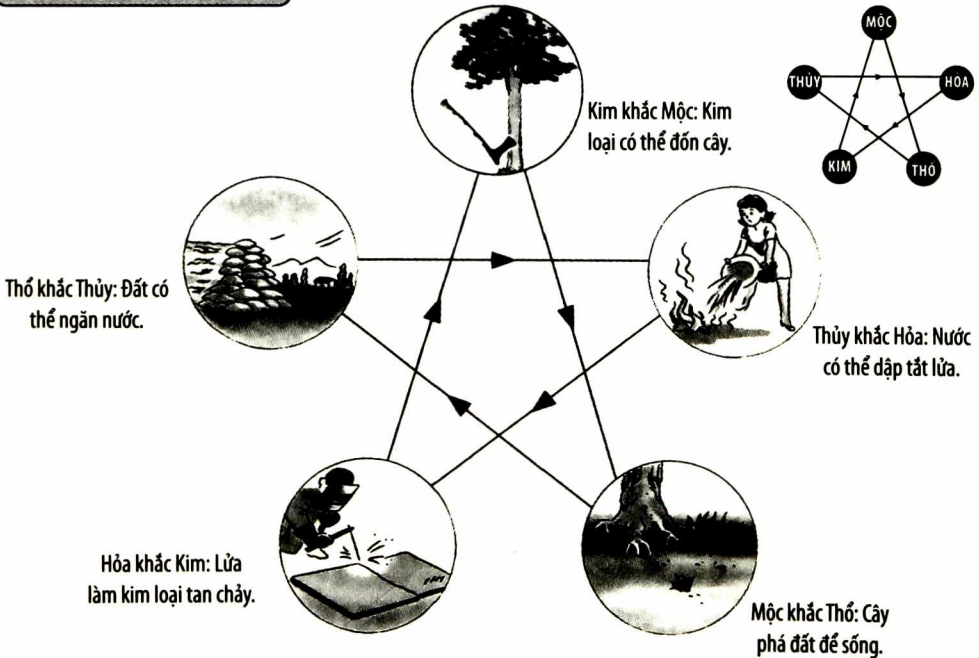
Khi Thìn Tuất tương xung, lại phát sinh hai khả năng: một là chữ Thìn xung khai kho Tuất, có rất nhiều Hỏa thoát ra; hai là Hỏa khố Tuất xung khai Thủy khố Thìn, khiến rất nhiều Thủy được thoát ra. Vậy khi hai chữ này gặp nhau, là Hỏa khố được mở ra, hay Thủy khố được mở ra? Điều này sẽ được quyết định bởi những ngũ hành bên cạnh chúng. Nếu như bên cạnh Thìn, Tuất có Tý Thủy, sẽ là Thủy khố được mở ra, nếu như có Ngọ Hỏa, sẽ là Hỏa khố được mở ra.

NGŨ HÀNH SINH KHẮC

NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH



NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC



Ví dụ trong Bát tự có Tuất, ngũ hành cần Hỏa, trong năm Canh Thìn 2000, sẽ xuất hiện hai tình huống: thứ nhất là vào tháng Ngọ, Hỏa khổ bị phá vỡ; thứ hai là đến tháng Tý, Thủy khổ bị phá vỡ. Nếu như Bát tự cần Hỏa, vào tháng Ngọ sẽ rất may mắn, còn đến tháng Tý lại rất xui xẻo.

LOẠI NGƯỜI NÀO THAY ĐỔI THẤT THƯỜNG

Nhóm mật mã thứ ba trong mười hai địa chi là: Dần Thân Tý Hợi, còn gọi là “Tứ Trường sinh”.

Có người nói, Tý Ngọ Mão Dậu tượng trưng cho trái tim yếu ớt của trẻ nhỏ, rất dễ xung động, có thể mạnh động làm những việc mù quáng. Dần Thân Tý Hợi tượng trưng bước vào tuổi trung niên, cuộc đời nhiều biến động bất trắc, phải trải qua rất nhiều thay đổi. Sau thời kỳ trung niên đạt được thành tựu, có thể tích lũy tiền tài, tức là đến giai đoạn tứ khổ Thìn Tuất Sửu Mùi, cũng là giai đoạn cuối cùng của cuộc đời, vì tứ khổ tượng trưng cho kho tàng và cửa cải, đồng thời cũng tượng trưng cho phần mộ. Vì vậy tứ khổ còn được gọi là tứ mộ. Nếu Bát tự kỵ Thủy, khi về già hành tới Thủy khổ, chắc chắn sẽ chết.

Dần Thân Tý Hợi tượng trưng cho thay đổi, biến đổi thất thường, khó dự liệu. Vì vậy những người sinh vào bốn tháng này, tính cách biến hóa đa đoan rất khó lường. Khi Dần Thân Tý Hợi gặp Thìn Tuất Sửu Mùi, sẽ không nảy sinh những thay đổi quá lớn. Nhưng nếu gặp Tý Ngọ Mão Dậu, sẽ phải xuất chinh đánh trận. Ví dụ người sinh vào tháng Dần, tính cách cương liệt nóng nảy, nếu gặp Tý Ngọ Mão Dậu, sức mạnh sẽ tăng gấp bội, khó lòng ngăn cản; nhưng nếu gặp “Thìn Tuất Sửu Mùi” lại trở thành thuần phục, yên tĩnh.

Dần Thân Tý Hợi biến hóa khó lường ra sao? Lấy Tý, Thân làm ví dụ. Tý là rắn, Thân là khí. Năm 2004 là năm khí, năm này là một năm rất đáng lo, vì Thân tượng trưng cho sự thay đổi. Nó thuộc Kim, nhưng có khi lại không phải Kim, nó là mật mã của sự thay đổi. Tôi gọi đây là năm “điên tài”, tức trong cả năm có khi Thủy nhiều, có khi Hỏa nhiều, kinh tế lúc tốt lúc xấu, tai nạn giao thông cũng đặc biệt nhiều, là năm biến đổi khó lường.

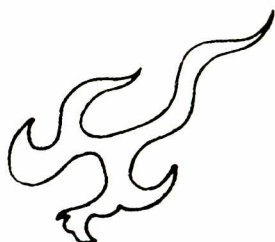
Bản thân Tý thuộc Hỏa, nhưng ngũ hành của nó lại rất dễ thay đổi. Khi Tý gặp Thân, sẽ biến thành Thủy. Bản thân Tý thuộc Hỏa, Thủy và Hỏa tương khắc

lẫn nhau, nhưng sau khi Tỵ hợp Thân, Tỵ từ Hỏa biến thành Thủy, vì thế mỗi khi gặp Tỵ, mọi người phải hết sức cẩn thận. Vì vậy năm Tỵ 2001, toàn thế giới đã xảy ra một sự kiện lớn - vụ khủng bố kinh hoàng 11 tháng 9, đây chính là do tính chất dễ thay đổi tạo nên.

Chữ Tỵ gặp Thân sẽ biến thành Thủy, gặp Dậu và Sửu sẽ biến thành Kim, gặp phải Ngọ Hỏa và Mùi Thổ sẽ biến trở về thành Hỏa. Nói cách khác, ngũ hành của Tỵ có thể là Hỏa, cũng có thể là Kim và Thủy. Từng có người hỏi rằng: "Tôi cần Hỏa và đã hành đến vận Hỏa, nhưng tại sao vẫn không thấy vận số tốt lên?" Tôi hỏi lại anh ta: "Anh đã bước vào đại vận Tỵ Hỏa hay chưa?" "Rồi". Mặc dù đại vận của anh ta đã hành đến Tỵ Hỏa, nhưng trong Bát tự có Dậu Kim, Tỵ hợp với Dậu, khiến Tỵ Hỏa trong đại vận biến thành Kim. Vì vậy mới nói, Tỵ sẽ biến đổi bất cứ lúc nào.

Dần thuộc Mộc, Thân thuộc Kim, Tỵ thuộc Hỏa, Hợi thuộc Thủy. Khi Hợi gặp Dần sẽ biến thành Mộc, gặp Tý và Sửu sẽ biến thành Thủy, không có Mộc nữa. Tóm lại, Dần Thân Tỵ Hợi đều tượng trưng cho ngũ hành thay đổi và biến chất, tương phản với Tý Ngọ Mão Dậu. Tý Ngọ Mão Dậu là không biến đổi, cho dù có va chạm thế nào cũng không làm thay đổi tính chất vốn có của mình. Nhưng "Dần Thân Tỵ Hợi" lại có thể thay đổi bất cứ lúc nào, cho dù là Bát tự hay đại vận, nếu thấy bốn chữ này, chớ nên lập tức cho rằng mình đã bước vào ngũ hành đó.

Hiểu rõ về 12 chữ Tý Ngọ Mão Dậu, Thìn Tuất Sửu Mùi, Dần Thân Tỵ Hợi, là bạn đã có được những hiểu biết ban đầu về dụng thần Bát tự. Rất nhiều người cảm thấy rằng Bát tự rất khó học, vì đã đọc rất nhiều sách vở và nghiên cứu một thời gian dài, nhưng vẫn chưa biết rốt cuộc một người cần đến loại ngũ hành nào. Bắt đầu từ việc tìm hiểu về mười hai địa chi và mười thiên can, cuốn sách này đã mở cho bạn một con đường bằng phẳng, để giúp mọi người nhanh chóng đi đến được chỗ tinh túy của Bát tự.

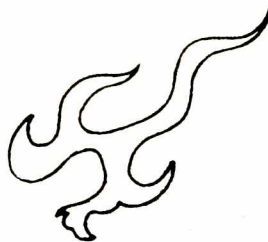


CHƯƠNG 2: BÍ MẬT NHÂN SINH TRONG MƯỜI THIÊN CAN

Mười hai địa chi đã giới thiệu trong chương trước tượng trưng cho tính cách tiềm ẩn của con người, còn thiên can của trụ ngày (nhật nguyên) được giới thiệu trong chương này tượng trưng cho bản tính nguyên thủy của con người. Ví dụ, một hạt giống nhờ ánh nắng mặt trời và nước mưa mà lớn thành cây đại thụ, tính cách được hình thành nên trong quá trình phát triển ấy chính là thuộc tính của địa chi, còn tính cách vốn có của nó trước khi được gieo trồng chính là thuộc tính của nhật nguyên.



Nội dung chính



- * Giáp Mộc cao lớn tận trời, muốn thoát thai cần có Hỏa
- * Ất Mộc quấn Giáp, hợp cả xuân thu
- * Bính Hỏa mãnh liệt, gặp củi sợ hãi
- * Đinh Hỏa sáng suốt, hợp Nhâm mà trung
- * Mậu Thổ hậu trọng, Thủy nhuận vật sinh
- * Kỷ Thổ bao dung, Bính Quý lai phối
- * Canh Kim mang sát, gặp Hỏa mà sắc
- * Tân Kim lấp lánh, ưa Thủy xối rửa
- * Nhâm Thủy sông lớn, mang đức cương trung
- * Quý Thủy yếu nhất, tận dịch của trời

VẬN DỤNG THIÊN CAN ĐỂ TÌM RA “CÁI TÔI NGUYÊN THỦY” CỦA MÌNH

Chương trước đã phân chia địa chi thành ba loại để tiến hành giới thiệu. Trong chương này, sẽ chuyển sang giới thiệu về mười thiên can. Mười thiên can tượng trưng cho bản chất của mỗi người. Mỗi người đều thuộc về một thiên can nào đó, vì vậy mỗi người đều có bản chất của riêng mình. Bản chất là bẩm sinh đã có, nó được quyết định bởi ngày được sinh ra.

Làm cách nào để tìm được thiên can của mình? Xin hãy tra trong lịch vạn niên, tìm ra ngày tháng năm sinh của mình, là có thể biết được thiên can và địa chi của ngày sinh. Trong Bát tự, thiên can của ngày sinh được gọi là nhật nguyên, địa chi của ngày sinh gọi là cung phu thê. Nhật nguyên tượng trưng cho bản thân bạn, còn cung phu thê tượng trưng cho vợ hoặc chồng của bạn.

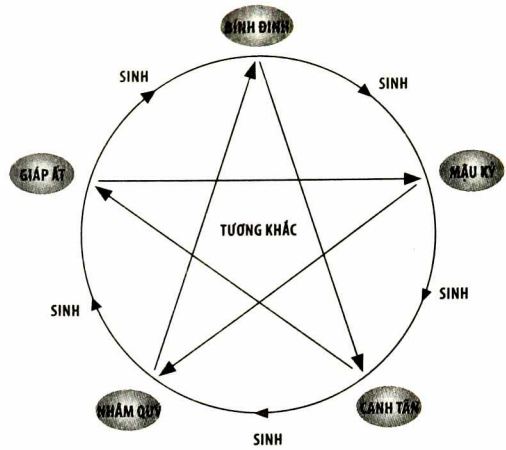
THIÊN CAN	GIÁP	ẤT	BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ
NGŨ HÀNH	Mộc		Hỏa		Thổ		Kim		Thủy	
ÂM DƯƠNG										
PHƯƠNG VỊ	Đông		Nam		Giữa		Tây		Bắc	
MÀU SẮC	Xanh		Đỏ		Vàng		Trắng		Đen	

TẶNG PHỦ	Gan mật	Tim	Tỳ	Phổi	Thận
----------	---------	-----	----	------	------

Mười thiên can cũng có phân biệt âm và dương. Người nhật nguyên là dương có thể thành công dựa vào khả năng của mình, người nhật nguyên là âm phải dựa vào dương mới có thể thành công. Người nhật nguyên thuộc dương có xu hướng nam tính hóa, vì vậy, nếu như nhật nguyên của phụ nữ thuộc dương, người này sẽ có nhiều đặc trưng của nam giới. Ngược lại, nếu như nhật nguyên của nữ giới thuộc âm, sẽ rất mềm yếu. Thành tựu mà thiên can dương đạt được mang tính quần chúng, tính quốc gia; còn thiên can âm lại thường có lợi cho cá nhân hoặc tập thể. Đây là những đặc trưng cơ bản của thiên can.

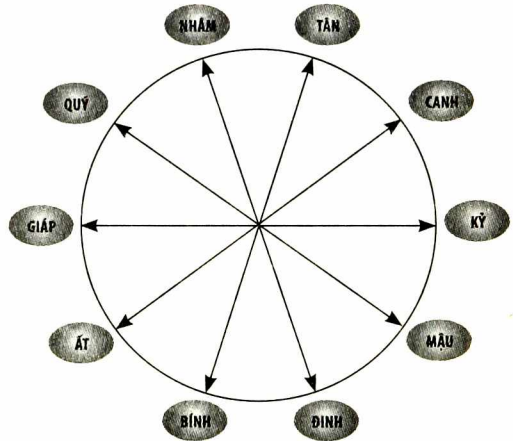
QUAN HỆ SINH KHẮC CỦA THIÊN CAN

Mỗi thiên can đều có thuộc tính ngũ hành riêng: Giáp Ất thuộc Mộc, Bính Đinh thuộc Hỏa, Mậu Kỷ thuộc Thổ, Canh Tân thuộc Kim, Nhâm Quý thuộc Thủy. Giữa ngũ hành có quan hệ sinh khắc, vì vậy giữa các thiên can cũng phát sinh quan hệ sinh khắc.



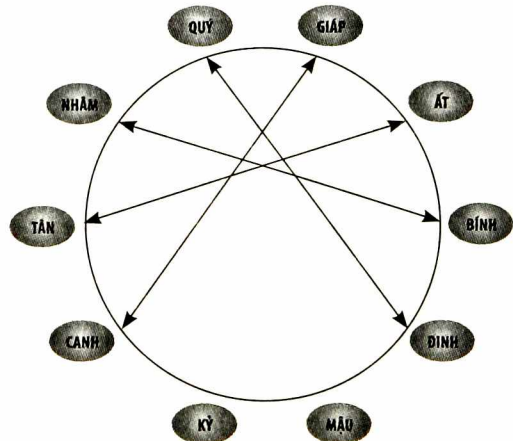
THIÊN CAN TƯƠNG HỢP

Như hình vẽ đã chỉ ra, thiên can ở vị trí đối diện nhau là "tương hợp". Quan hệ tương hợp của thiên can đến từ quan hệ ngũ hành sinh khắc, nếu như ngũ hành có thuộc tính âm dương trái ngược nhau sẽ phát sinh tương khắc, tức nhu hòa và gìn giữ, đây được gọi là "hợp".



THIÊN CAN TƯƠNG XUNG

Quan hệ tương xung của thiên can cũng đến từ ngũ hành sinh khắc, nếu như là ngũ hành có thuộc tính âm dương giống nhau sẽ phát sinh tương xung, tức mạnh mẽ và trực tiếp, đây được gọi là "xung". Phương vị của Mậu Kỷ Thổ nằm ở chính giữa, nên không bị xung.



Thiên can có thể cho chúng ta biết về đặc trưng tính cách nguyên thủy nhất, nhưng về tình hình cụ thể, phải kết hợp với những chữ khác trong Bát tự để phân tích.

NHẬT NGUYÊN DƯƠNG TÍNH	NHẬT NGUYÊN ÂM TÍNH
Tính cương	
	Uyển chuyển
Lạc quan	
	Nhút nhát yếu đuối
Làm việc độc lập	
	Đa sầu đa cảm
Có sức bật	
	Rất sợ bị ức hiếp mắng chửi
Gặp trắc trở lại dễ thành tài	
	Mục tiêu theo đuổi có tính cá nhân hoặc đoàn thể

GIÁP MỘC CAO LỚN TẬN TRỜI, MUỐN THOÁT THAI CẦN CÓ HỎA

Trước tiên hãy tìm hiểu về chữ “Giáp” trong mười thiên can. Chữ Giáp ngũ hành thuộc Mộc, người Giáp Mộc có những đặc điểm nào? Nhìn từ những kinh nghiệm trong quá khứ, người Giáp Mộc dễ thành công hơn so với người Ất Mộc. Người Giáp Mộc cũng dễ tạo dựng được tiếng tăm trong xã hội hơn, dễ được người khác thừa nhận hơn, đây là điểm nổi trội của người Giáp Mộc. Giáp Mộc gặp được Thìn Thổ cũng dễ có được tài sản.

Giáp Mộc thuộc Dương Mộc, tượng trưng cho cây đại thụ cao lớn tận trời, nên dễ dàng thành công. Đàn ông Giáp Mộc thường tốt hơn phụ nữ Giáp Mộc, đây chính là bí mật tổng kết được qua lịch sử. Giáp Mộc thích hợp với nam giới, nữ giới Giáp Mộc không tốt bằng nữ giới Ất Mộc, đây là hiện tượng phổ biến, tuy nhiên cũng có ngoại lệ, phải xem người này có nhập cách hay không. Nam giới thuộc Giáp Mộc, phần lớn đều là những nhân sĩ chuyên nghiệp hoặc người có thành tựu, thuộc tầng lớp khá cao trong xã hội. Những người Giáp Mộc nổi tiếng nhất Hồng Kông là Lý Gia Thành, Trương Học Hữu, Quách Phú Thành...

Cổ nhân nói: “Giáp Mộc tham thiên, thoát thai kháo Hỏa”(Giáp Mộc cao lớn tận trời, muốn thoát thai cần có Hỏa), vì vậy người Giáp Mộc có một đặc điểm, đó là cần Hỏa, nhưng cần có mức độ, Hỏa không thể quá nhiều vì sẽ dẫn tới thiêu đốt thân mình. Ngoại trừ trường hợp sinh vào mùa hè, Hỏa quá nhiều, còn trong tình huống bình thường, Hỏa sẽ rất quan trọng đối với người Giáp Mộc. Thứ hai, Giáp Mộc là cây lớn trong rừng, muốn khiến Giáp Mộc thành tài, cần phải dùng dao, rìu để chặt. Nếu phụ nữ thuộc Giáp Mộc, cuộc đời sẽ không thoát khỏi hai loại vận mệnh, loại thứ nhất là có chồng tốt mới được vận tốt, loại thứ hai cần phải bị chồng khắc mới có vận tốt. Vì căn cứ theo lý luận Bát tự, ngũ hành khắc chế phụ nữ là chồng.

Người Giáp Mộc phải trải qua khó khăn mới có thể hành vận tốt. Nếu phụ nữ là Giáp Mộc, Mộc khắc Kim, Kim sẽ là chồng của Mộc. Phụ nữ Giáp Mộc cần phải có chồng tốt mới có vận tốt, Giáp Mộc cần phải có Kim để chặt đẽo, tức phụ nữ Giáp Mộc thu khí của chồng mới có thể hành vận tốt. Cũng như vậy, đàn ông Giáp Mộc muốn có vận tốt phải bị chặt đẽo, bị người khác phê bình hoặc chỉ trích. Thứ khắc chế được bạn chính là thị phi, gian khó, giả dụ bạn không may vướng phải kiện tụng, bị trách mắng, dằn vặt, những điều đó sẽ rất tốt cho bạn.

ẤT MỘC QUẤN GIÁP, HỢP CẢ XUÂN THU

Nếu như nói Giáp Mộc tượng trưng cho cây đại thụ cao chọc trời, thì Ất Mộc lại tượng trưng cho loài dây leo yếu đuối. Loài dây leo cần nhất là bên cạnh có cây lớn để dựa dẫm. Nếu như nói loài dây leo là em gái, thì đại thụ sẽ là anh trai. Vì vậy người Ất Mộc cần có bạn bè, bề trên giúp đỡ.

Người Ất Mộc dù là nam hay nữ, chỉ cần có anh trai hoặc chị gái, cũng đều là mệnh tốt. Nếu không, người Ất Mộc cũng phải tìm một Giáp Mộc để nương tựa vào, người này tốt nhất là vợ hoặc chồng. Phụ nữ Ất Mộc nếu tìm được người chồng Giáp Mộc, hoặc khi đại vận của chồng hành tới Giáp Mộc, cô ta sẽ đặc biệt yêu chồng.

Sách cổ viết: “Đằng la hệ Giáp, khả xuân khả thu” (dây leo quấn quanh Giáp, thích hợp cả xuân thu). Người Ất Mộc chỉ cần tìm thấy Giáp Mộc để dựa dẫm,

cho dù gặp hoàn cảnh nào cũng đều có thể dễ dàng vượt qua. Nếu như người Ất Mộc hành vận Giáp Mộc, giống như dây leo tìm được thân cây lớn, có thể bám vào để leo lên, đến vị trí cao nhất trong khu rừng.

Uốn mình để thích hợp với người khác, thích ứng với hoàn cảnh, đây chính là đặc trưng của người mệnh Ất Mộc, cũng là thứ mà người Giáp Mộc không có. Giáp Mộc là đại thụ cao chọc trời, không cần phải thay đổi, không thể khom thân uốn mình. Ất Mộc thì ngược lại, điểm khác biệt của hai mệnh này ở chỗ: Giáp Mộc có thể độc lập thành công, Ất Mộc cần phải dựa dẫm vào người khác; nếu như không tìm thấy chỗ dựa, người Ất Mộc sẽ không thể thành công.

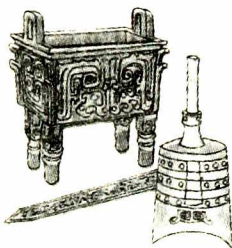
Người Ất Mộc có Thủy lại có Hỏa mới có thể lớn lên khỏe mạnh. Phải cẩn thận khi Ất Mộc gặp Canh Kim, Ất Canh hợp Kim, Ất Mộc sẽ đánh mất mình, mức độ của loại hợp cục này có phân biệt lớn nhỏ. Nếu như người Ất Mộc bỏ đi nguyên tắc của mình, gặp Canh và hợp lại, đó sẽ là một người vợ “vượng phu ích tử”, hoặc một người chồng tốt.

BÍNH HỎA MÃNH LIỆT, GẶP CỬ SỢ HÃI

Bính tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng. Người Bính Hỏa tính khí cũng giống hệt như mặt trời, thích mang ánh sáng và những thứ của mình chia sẻ với người khác. Vì vậy người Bính Hỏa không ích kỷ, có tính cách hướng ngoại, sẵn sàng cống hiến. Giả dụ bạn muốn mượn tiền, hãy tìm người Bính Hỏa để mượn, cơ hội thành công sẽ rất cao. Người Bính Hỏa có tính cách tích cực và cởi mở như mặt trời, ý chí tiến thủ mạnh mẽ, tình cảm phong phú, thích hợp để làm lãnh đạo.

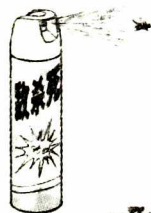
Nếu như Bát tự của người Bính Hỏa quá nóng, sẽ rất dễ trở thành người tính tình thô bạo. Ca sỹ quá cố Mai Diễm Phương chính là một người Bính Hỏa điển hình. Ý chí phấn đấu của cô rất mạnh mẽ, hoàn cảnh càng ác liệt, càng khiến cô nỗ lực tiến lên, đó là do Hỏa có đặc tính là không ngừng bốc lên trên. Người có Bát tự vượng Hỏa, ý chí tiến thủ cô cùng mãnh liệt. Ngược lại, người trong Bát tự nhiều Thủy, thích yên phận, thiếu chí tiến thủ. Mai Diễm Phương tính tình hào phóng, cởi mở, vui vẻ giúp đỡ mọi người, trở thành người chị cả trong giới ca sỹ. Bát tự của cô có Hỏa cực vượng, cuối cùng lại chết bởi Hỏa mạnh thiêu thân.

THUỘC TÍNH CỦA NGŨ HÀNH



KIM

Những sự vật có tính chất thanh khiết, chết chóc, hội tụ, đều có thể quy là Kim.



Tính chất “chết chóc” thuộc Kim

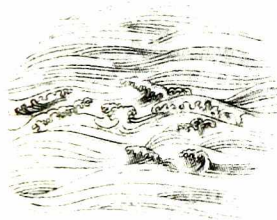


MỘC

Những sự vật có tính chất sinh trưởng, vươn cao, thông suốt đều có thể quy là Mộc.

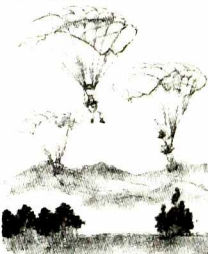


Tính chất “vươn lên” thuộc Mộc

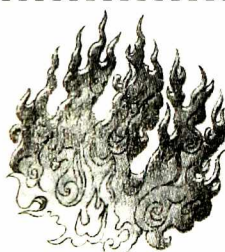


THỦY

Những sự vật có tính chất lạnh lẽo, ẩm ướt, hướng xuống, đều có thể quy là Thủy.

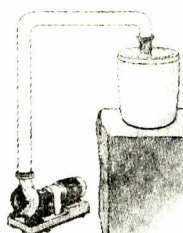


Tính chất “hướng xuống” thuộc Thủy



HỎA

Những sự vật có tính chất nóng, bốc lên trên, đều có thể quy là Hỏa.

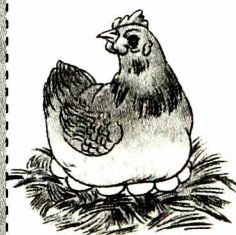


Tính chất “bốc lên trên” thuộc Hỏa



THỔ

Những sự vật có tính chất nâng đỡ, sinh dưỡng, thu nạp, đều có thể quy là Thổ.



Tính chất “sinh dưỡng” thuộc Thổ

Cổ nhân nói: “Bính Hỏa mãnh liệt, coi thường sương tuyết, luyện được Canh Kim, gặp Tân sợ khiếp”. Ý là uy lực của Bính Hỏa rất lớn, ngay cả sương tuyết cũng phải sợ nó, Canh Kim cứng rắn cũng bị nó nung chảy, nhưng khi gặp Tân Kim nó lại sợ hãi. Vì Tân Kim hợp hóa Thủy, Bính vốn là Hỏa của mặt trời mãnh liệt, nhưng khi gặp Tân Kim, Bính Hỏa sẽ bị dập tắt, và còn sinh ra một lượng lớn Thủy. Vì vậy, đại vận đi đến Bính Hỏa, phải lưu ý xem Bính có hợp với Tân trong Bát tự để hóa thành Thủy hay không. Nếu có, không những trong 10 năm này không có Hỏa, mà ngược lại sẽ có rất nhiều Thủy. Nếu không nhận thức được điểm này, sẽ rơi vào cái bẫy của Bát tự.

Người Bính Hỏa thích gặp Mộc nhất; nếu như Thổ quá nhiều sẽ gây cản trở cho người Bính Hỏa, giống như bị rơi vào ma trận.

ĐÌNH HỎA SÁNG SUỐT, HỢP NHÂM MÀ TRUNG

Đặc trưng của Đình Hỏa và Bính Hỏa hoàn toàn trái ngược nhau. Người sinh ra vào ngày Đình, đặc biệt nhạy bén với tiền tài, rất giỏi tính toán, thích hợp nhất làm quản lý bộ phận kế toán. Người Đình Hỏa thích làm ăn buôn bán, và còn là kẻ “bùn xỉn”, nếu bạn vay tiền người Đình Hỏa, khả năng thất bại là rất lớn.

Bính Hỏa là Hỏa của mặt trời, Đình Hỏa là Hỏa của ánh đèn, ánh nến. Rất nhiều tòa nhà được thiết kế để thu ánh sáng tự nhiên, bàn làm việc để ở bên cạnh cửa sổ, bên ngoài có thể tận dụng ánh sáng tự nhiên để tiết kiệm điện, nhưng lại gây ra một hậu quả: khi thời tiết xấu, người ta sẽ cảm thấy uể oải mất tinh thần. Nói cách khác, hiệu quả làm việc của những nhân viên trong tòa nhà đó sẽ chịu ảnh hưởng của mặt trời. Trước đây các văn phòng làm việc ở Hồng Kông đều được thiết kế theo hình thức khép kín, sử dụng đèn điện để chiếu sáng, cho dù thời tiết bên ngoài có thay đổi thế nào cũng không ảnh hưởng tới tâm trạng làm việc. Người Nhật Bản rất chú trọng tới ánh sáng đèn, tất cả mọi công ty cửa hàng đều sử dụng hệ thống đèn rất sáng sửa để trang trí.

Ánh đèn chính là Đình Hỏa, nơi có Đình Hỏa sẽ có khả năng phát triển kinh tế rất lớn. Khi đại vận hành tới Đình, có thể kiếm tiền được nhiều tiền. Nhìn chung, mật mã Đình Hỏa trong Bát tự tượng trưng cho tiền của. Tuy nhiên, vào tháng Hỏa nhiều, cổ phiếu chắc chắn bị rớt giá nghiêm trọng, vì cổ phiếu thuộc

Thủy. Khi bước vào tháng Thìn, tức bước vào kho (kho) của Thủy, cổ phiếu mới có thể lên giá được.

Cổ nhân nói: “Đinh Hỏa nhu trung, phẩm tính chiêu dung, bảo Ất nhi hiếu, hợp Nhâm nhi trung” (Đinh Hỏa trong nhu, phẩm tính sáng suốt, ôm Ất mà có hiếu, hợp Nhâm mà có trung). Phụ nữ Đinh Hỏa thường ôn nhu, có khả năng điều tiết, hòa hợp. Đinh Hỏa gặp Nhâm Thủy, nếu bên cạnh xuất hiện Ất Mộc thì có thể cùng Nhâm Thủy hợp hóa thành Mộc. Thủy khắc Hỏa, Đinh Hỏa vốn bị khắc bởi Nhâm Thủy, nhưng Đinh Hỏa lại có bản năng đặc biệt, có thể hóa sát thành Ấn, biến Nhâm Thủy thành Ấn sinh vượng cho mình. Đây cũng là điểm thành công của người Đinh Hỏa.

Điều kỳ diệu của Bát tự chính là ở chỗ khó của nó, Bát tự chứa đựng những nhân tố có tính chất biến đổi. Như chữ Đinh gặp Nhâm, sẽ biến thành Mộc. Nếu không hiểu về hợp cục, sẽ rất dễ bị Bát tự “đánh lừa”. Hợp cục chính là điểm khó nhất khi các bạn tìm dụng thần.

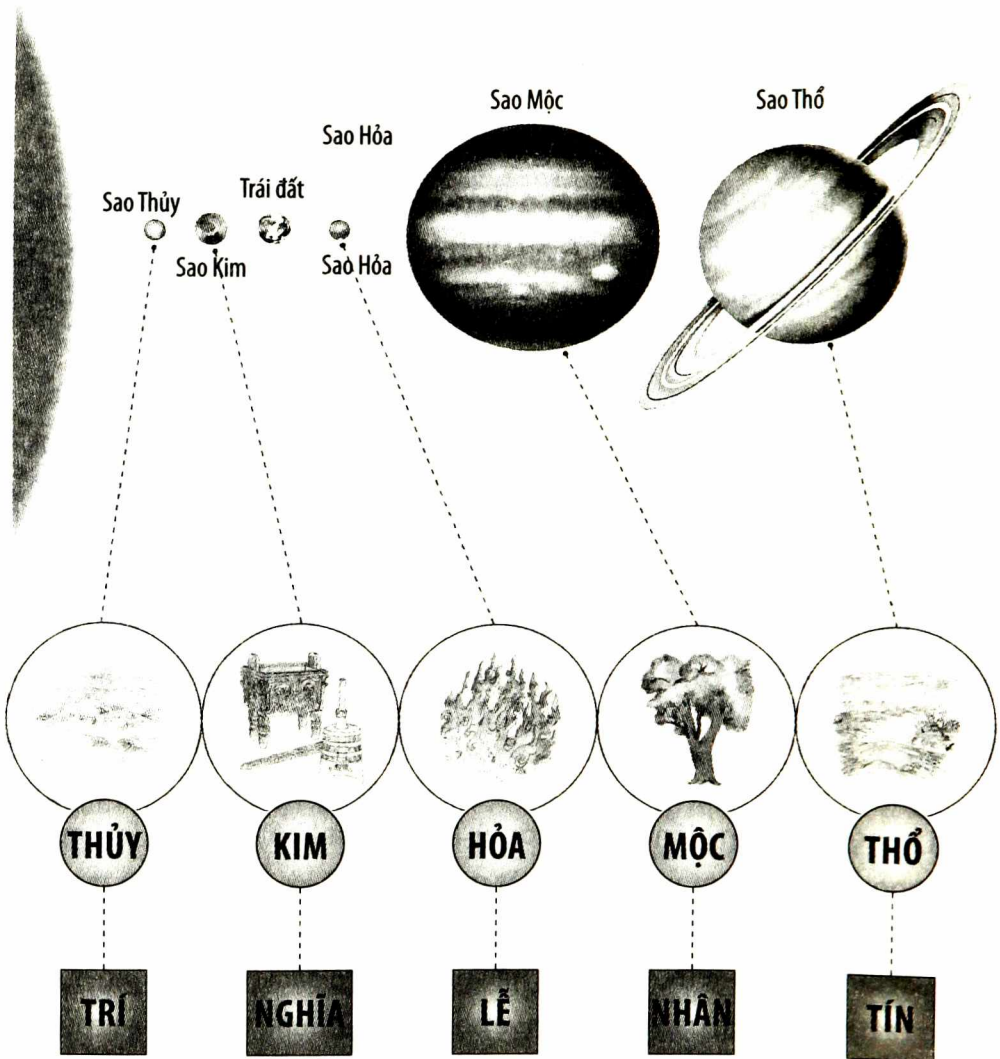
MẬU THỔ HẬU TRỌNG, THỦY NHUẬN VẬT SINH

Mậu Thổ thuộc tính dương, trong Bát tự nếu có chữ Mậu, cho thấy người này có thể đạt được thành công, nhưng đó là kiểu thành công gì? Thiên can tính dương tượng trưng cho thành công đạt được mang tính quần chúng, mang tính quốc gia, không phải là có lợi cho tập thể nhỏ.

Mậu Thổ giống như đất khô cằn hoặc đá, có thể dùng để chống lũ. Chữ Nhâm trong thiên can giống như nước lũ, Mậu là đất khô khắc chế loại nước lũ này. Trong Bát tự, Nhâm và Mậu là một mối quan hệ kỳ diệu. Giả dụ trong Bát tự có Nhâm, nên đồng thời xuất hiện cả Mậu Thổ; nếu có Mậu Thổ, nên đồng thời xuất hiện cả Nhâm Thủy. Nhưng nếu như bạn có đất khô để chống nước lũ, nhưng cả đời lại không gặp lũ lụt, bạn sẽ phát huy tác dụng thế nào, gây dựng sự nghiệp ra sao? Tác dụng của bạn chính là làm một con đê chặn dòng nước lũ vào lúc nước sông tràn bờ, từ đó trở nên nổi tiếng và thành công. Giả dụ chưa bao giờ bị nước lũ xâm phạm, thì bạn cả đời cũng chỉ là một nắm đất khô mà thôi. Vì vậy, đối với người Mậu Thổ, nếu như trong Bát tự không có Nhâm Thủy, đại vận trong một đời cũng không có Nhâm Thủy, Mậu Thổ sẽ không có đất dụng võ.

NGŨ HÀNH VÀ NGŨ TINH

Rất nhiều yếu tố trong mệnh lý học đều bắt nguồn từ các vì sao, như học thuyết ngũ hành. Cổ nhân cho rằng, mặc dù vạn vật trong vũ trụ mỗi loại đều có đặc tính riêng, nhưng đều có thể quy về năm loại lớn, đồng thời lần lượt ứng với năm hành tinh trong hệ mặt trời, tức Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; đồng thời cũng lần lượt ứng với ngũ đức trong nhân gian, tức là nghĩa, nhân, trí, lễ, tín.



Cổ nhân cho rằng, năm loại sự vật này hình thành quan hệ tương ứng giữa trời, đất, địa, nhân. Ví dụ sao Mộc trên trời có sự thay đổi, thì các sự vật thuộc Mộc trên trái đất, và tính "nhân" của con người cũng sẽ có thay đổi tương ứng.

Tuy nhiên, trời cao có đức, cho dù trong đại vận không có Nhâm Thủy, nhưng lưu niên cứ mười năm lại sẽ có một lần gặp Nhâm, tức cứ mười năm nước sông lại thành lũ vỡ đê, khiến Mậu Thổ có cơ hội phát huy tác dụng. Đặc điểm của người Mậu Thổ là: mỗi khi xảy ra biến cố, nếu được họ ra tay giúp đỡ, cơ hội thành công sẽ rất cao. Khi hành tới vận Nhâm Thủy, anh ta sẽ trở thành “anh hùng chống lũ”, bước lên vị trí lãnh đạo.

Cổ nhân nói: “Mậu Thổ hậu trọng, ký trung tả chính, Thủy nhuận vật sinh, Hỏa tảo vật bệnh” (Mậu Thổ dày nặng, đã trung lại chính; Thủy tưới vật sinh, Hỏa nóng vật bệnh). Bát tự của người Mậu Thổ cần phải có Thủy Hòa điều hòa, như vậy mới có thể có được vận tốt. Do người Mậu Thổ phải thường xuyên đối diện với cuộc chiến giữa Thủy và Hỏa, nên tình cảm thay đổi rất mạnh, dễ mắc các bệnh về đường hô hấp. Mậu Thổ và Tuất Thổ đều là đất khô, có thể cộng tác với nhau. Mậu Thổ gặp Quý Thủy sẽ hợp hóa thành Hỏa, Thổ và Thủy đều biến mất, trong Bát tự gọi là “vô tình chi hợp” (cái hợp vô tình), kiểu hợp này dễ xảy ra vấn đề, nên cần trọng xử lý.

Nếu bên cạnh người Mậu Thổ có một đối tác trợ giúp, có thể cân bằng tính đa cảm, ủy mị, do dự của người Mậu Thổ.

KỶ THỔ BAO DUNG, BÍNH QUÝ LAI PHỐI

Trong Bát tự học, Thổ được chia thành hai loại, một loại là Thổ ướt, một loại là Thổ khô. Trong thiên can, Mậu Thổ là Thổ khô, Kỷ Thổ là Thổ ướt. Trong địa chi, Thìn Sửu là Thổ ướt, Mùi Tuất là Thổ khô.

Thổ ướt có hai khả năng, một là sinh Kim. Trong quan hệ ngũ hành, Thổ sinh Kim, nhưng trên thực tế chỉ có Thổ ướt mới sinh Kim, Thổ khô không thể sinh Kim, nếu có sinh thì cũng chỉ là hình thức. Vì vậy, Kỷ Thổ có thể sinh Kim, Mậu Thổ không thể sinh Kim. Khả năng thứ hai của Thổ ướt là tản nhiệt, khi Bát tự của một người rất nóng, muốn bổ cứu thì có thể dùng tới Thổ ướt.

Đặc tính lớn nhất của Kỷ Thổ là khả năng làm ẩm, bao dung, có thể chứa các loại ngũ hành “Kim Mộc Thủy Hỏa” khác nhau. Phản ánh trên tính cách, người Kỷ Thổ thích hợp nhất để đảm nhiệm công việc lập kế hoạch. Do thiên can thuộc

tính âm, nên người Kỷ Thổ tương đối đa nghi, và hay phản bội, đôi khi làm việc quá cẩn thận nên dễ tuột mất cơ hội, không thể vươn lên vị trí cao nhất.

Kỷ Thổ rất cần phối hợp với Bính Hỏa và Quý Thủy. Người Kỷ Thổ sinh vào mùa hè cần có Quý Thủy để tưới mát, người Kỷ Thổ sinh vào mùa đông cần Bính Hỏa để xua tan cái lạnh. Do bản thân Kỷ Thổ thuộc Thổ ướt lạnh, cho dù cần Thủy, cũng phải cần Thủy của sương vào buổi sáng sớm, tối kỵ Thủy của sông, cũng chính là Nhâm Thủy. Rất nhiều người bị cuốn trôi do mưa lũ lớn, nguyên nhân thường là do Bát tự có Kỷ Thổ gặp Nhâm Thủy.

Trong số những người nổi tiếng, Châu Nhuận Phát có nhật nguyên Kỷ Thổ.

CANH KIM MANG SẮT, GẶP HỎA MÀ SẮC

Canh Kim là Kim tính dương. Người có nhật nguyên Kỷ Thổ, dù là nam hay nữ, nếu hào phóng cởi mở sẽ tốt. Nếu Canh Kim rụt rè yếu đuối, thì khó mà nhập cách được.

Người Giáp Mộc phải cao lớn uy mãnh, người Ất Mộc phải nho nhã tinh tế, người Bính Hỏa phải béo tốt, người Đinh Hỏa phải nhỏ nhắn, người Mậu Thổ phải cường tráng rắn chắc như đá, người Kỷ Thổ phải mềm dẻo khéo léo, đây mới là mệnh tốt. Người Canh Kim cần phải hào phóng cởi mở, cho dù là phụ nữ cũng vậy, nam giới thì càng cần phải mạnh mẽ hào sảng. Còn Tân Kim lại là Kim trang trí, nên yếu đuối kín đáo.

Thiên can tính dương bị khắc mới có thể thành tài. Canh Kim là quặng dưới lòng đất, làm thế nào để biến quặng thành thứ hữu dụng? Nhất thiết phải dùng Hỏa để tôi luyện, sau khi trải qua tôi rèn mới có thể phát huy được giá trị của mình. Vì vậy, người mệnh Canh Kim cần phải được tôi luyện gọt giũa mới có thể thành công. Vậy người Canh Kim cần loại người nào “mài giũa” nhất? Đó chính là người Đinh Hỏa với bản tính tính toán chi ly. Chỉ cần Canh Kim gặp Đinh Hỏa, chắc chắn sẽ hiển quý phát tài; còn Đinh Hỏa gặp Canh Kim, tài phú sẽ dồi dào vô tận. Đinh Hỏa và Canh Kim gặp nhau, hai bên đều có lợi.

Cổ nhân nói: “Canh Kim đới sắt, cương kiện vi tối, đắc Thủy nhi thanh, đắc Hỏa nhi nhuệ” (Canh Kim mang sắt, tốt nhất nên cứng rắn; gặp Thủy thì trong,

gặp Hỏa thì sắc). Canh Kim gặp Nhâm Thủy sẽ trở nên đặc biệt thanh tú, phụ nữ sẽ có sức quyến rũ đặc biệt. Nếu Canh Kim gặp Đinh Hỏa, sẽ được xuất đầu lộ diện; nếu lại gặp được Giáp Mộc, Đinh Giáp cùng thấu, người Canh Kim có thể trở nên đại phú đại quý, được người khác tôn kính, danh lợi song toàn.

Canh Kim chứa đựng sát khí, thời xưa, hành hình vào mùa thu được gọi là “thu Canh”. Trong tôn giáo tất cả những ngày “Canh Giáp” đều có nhiều người phạm tội, cần phải tổ chức nghi lễ tế trời để giải trừ tội nghiệp. Phụ nữ có mệnh “khắc chồng” cũng là chỉ phụ nữ mệnh Canh Kim. Người mệnh Canh Kim phần lớn đều có cuộc đời trắc trở, đặc biệt là về phương diện tình yêu và hôn nhân, thường gặp nhiều sóng gió, đó là do Canh Kim quá mạnh, dễ gây ra đau khổ và tổn thương. Tỷ lệ phụ nữ Canh Kim trở thành người đồng tính luyến ái cũng nhiều hơn so với những nhật nguyên khác. Đây là sự thể hiện của nhân quả kiếp trước trên Bát tự.

Trong những người nổi tiếng, nhật nguyên của hoàng đế Càn Long chính là Canh Kim.

TÂN KIM LẤP LÁNH, ƯA THỦY XỐI RỬA

Tân Kim là Kim âm, tượng trưng cho Kim của đồ trang sức, là Kim lấp lánh đẹp để đã được gọt giũa gia công, được mọi người ưa thích và quý trọng. Bản thân nó yếu đuối, không thích bị chặt đẽo và tôi luyện.

Người Canh Kim gặp Đinh Hỏa, khác nào gặp được tri kỷ, vô cùng tốt đẹp, có thể được tôi luyện thành đồ vật hữu dụng. Nhưng người Tân Kim gặp Đinh Hỏa, Đinh Hỏa sẽ đau khổ tột độ, Tân Kim cũng cảm thấy rất khó chịu, vì Đinh Hỏa sẽ thiêu cháy Kim trang sức. Vậy Tân Kim gặp loại Hỏa nào mới cảm thấy dễ chịu? Đó là Bính Hỏa. Vì Bính Tân có thể hóa hợp thành Thủy. Bính Hỏa gặp Tân Kim sẽ thuận phục bởi Tân Kim, Tân Kim có thể điều khiển Bính Hỏa, vì vậy người Bính Hỏa sẽ trở nên hiền lành khi gặp người Tân Kim.

Do Tân Kim yếu đuối, nên vấn đề mà người Tân Kim dễ gặp phải nhất là “hậu Thổ mai Kim” (tức Thổ dày chôn Kim), nếu như Thổ quá nhiều, Tân Kim sẽ bị Thổ chôn vùi, cả đời không thể ngóc đầu lên được.

Cổ nhân nói: “Tân Kim hỷ Nhâm Thủy chi đào” (Tân Kim thích được Nhâm Thủy xối rửa). Người Tân Kim muốn hành vận phải có đủ Thổ để sinh vượng Kim, nhưng Thổ quá nhiều sẽ khiến Kim bị chôn vùi. Phương pháp giải quyết là dùng Giáp Mộc để làm tươi xối Thổ, sau đó dùng Thủy để xối rửa. Làm thế nào để khiến Tân Kim bị Thổ vấy bẩn có thể sáng lấp lánh trở lại? Cần phải dùng Nhâm Thủy để rửa sạch Thổ, giúp nó khôi phục lại diện mạo xinh đẹp ban đầu, lại được người khác yêu thích và quý trọng.

Tân Kim không mạnh mẽ như Canh Kim, rất sợ bị ức hiếp mắng mỏ, may mà có sức chịu đựng dẻo dai, mặc dù bề ngoài yếu đuối, nhưng bên trong lại kiên cường bất khuất, rất có chí tiến thủ. Tân Kim cũng giống như Canh Kim, phải trải qua rất nhiều thử thách, cả đời phải bỏ ra rất nhiều vất vả cực nhọc mới có thể thu được thành tựu. Tuy nhiên, cho dù người Tân Kim thành công, họ cũng luôn buồn phiền vì chí lớn chưa thỏa, nên không cảm thấy vui vẻ.

Tôn Trung Sơn, tổng Mỹ Kennedy đều có nhật nguyên Tân Kim, nên cả đời không ngừng phấn đấu. Người Tân Kim muốn hành vận, có thể mang nhiều đồ trang sức, trồng nhiều cây cối, chăm chỉ đi bơi, làm như vậy không những có tác dụng tăng cường vận khí, mà còn có thể cải thiện tính cách đa sầu đa cảm.

NGŨ HÀNH SINH KHẮC THỪA VŨ

Trong ngũ hành tồn tại quan hệ sinh khắc chế hóa qua lại, điều tiết và duy trì sự cân bằng và hài hòa tương đối trong kết cấu của các sự vật. Tương sinh tương khắc có nghĩa là trong quá trình tiêu trưởng của sự vật, khi xuất hiện tình trạng không cân bằng, sẽ thông qua sinh khắc để điều tiết và lấy lại cân bằng. Hình thức vận động tuần hoàn giúp lấy lại cân bằng mỗi khi mất cân bằng, và khi cân bằng rồi lại lập tức bị cái không cân bằng mới thay thế này đã thúc đẩy sự vật phát triển.

		KIM	MỘC	THỦY	HỎA	THỔ
SINH NHIỀU LÀ KHẮC	Thái quá sẽ hung	Kim nhờ Thổ sinh Thổ nhiều chôn Kim	Mộc nhờ Thủy sinh Thủy nhiều Mộc trôi	Thủy nhờ Kim sinh Kim nhiều Thủy đục	Hỏa nhờ Mộc sinh Mộc nhiều Hỏa lớn	Thổ nhờ Hỏa sinh Hỏa nhiều Thổ tiêu
	Giải cứu sẽ cát	Có Mộc làm xói Thổ Kim sẽ được hiển	Có Thổ chế Thủy Mộc sẽ được sinh	Có Hỏa chế Kim Thủy sẽ được trong	Có Kim chế Mộc Hỏa sẽ hài hòa	Có Thủy chế Hỏa Thổ sẽ được nhuận
TIẾT NHIỀU LÀ KHẮC	Thái quá sẽ hung	Kim sinh ra Thủy Thủy nhiều Kim chìm	Thủy sinh ra Hỏa Hỏa nhiều Mộc cháy	Thủy sinh ra Mộc Mộc thịnh Thủy hao	Hỏa sinh ra Thổ Thổ nhiều Hỏa tối	Thổ sinh ra Kim Kim nhiều Thổ yếu
	Giải cứu sẽ cát	Dùng Kim trợ giúp Không dùng Thổ chế	Dùng Thủy chế Hỏa Đồng thời sinh Mộc	Dùng Kim chế Mộc Đồng thời sinh Thủy	Chuyên dùng Mộc chế Kiềm dể sinh Hỏa	Dùng Thủy chế Kim Kiềm dể sinh Thổ
NGŨ HÀNH TƯƠNG THỪA	Thái quá sẽ hung	Kim suy gặp Hỏa sẽ bị nung chảy	Mộc yếu gặp Kim sẽ bị đốn gãy	Thủy yếu gặp Thổ sẽ bị chặn đứng	Hỏa yếu gặp Thủy sẽ bị dập tắt	Thổ yếu gặp Mộc sẽ bị sạt lở
	Giải cứu sẽ cát	Gặp Thổ tiết Hỏa để sinh phù Kim	Gặp Thủy tiết Kim để sinh phù Mộc	Gặp Kim tiết Thổ để sinh phù Thủy	Gặp Mộc sinh Hỏa tiết khí của Thủy	Gặp Kim tiết Mộc để sinh phù Thổ
NGŨ HÀNH TƯƠNG VŨ	Thái quá sẽ hung	Kim khắc được Mộc Mộc cứng Kim mẻ	Mộc khắc được Thổ Thổ dày Mộc gãy	Thổ khắc được Hỏa Hỏa nóng Thủy bốc hơi	Hỏa khắc được Kim Kim nhiều Hỏa tắt	Thổ khắc được Thủy Thủy nhiều Thổ trôi
	Giải cứu sẽ cát	Dùng Kim gọt Mộc	Dùng Mộc làm xói Thổ	Dùng Thủy diệt Hỏa	Dùng Hỏa nung Kim	Dùng Thổ chặn Thủy

NHÂM THỦY SÔNG LỚN, MANG ĐỨC CƯƠNG TRUNG

Nhâm Thủy là Thủy dương, đã được đề cập tới khi giới thiệu về Mậu Thổ, Nhâm là Thủy của sông lớn như Hoàng Hà, Trường Giang, cuộn cuộn không ngừng, thường xuyên tràn bờ, lũ lụt. Khi người Nhâm Thủy làm việc, chắc chắn giống như nước lũ cuộn cuộn, có sức mạnh đặc biệt, thể hiện phong thái của đại tướng, có thể tập hợp sức mạnh đến từ bốn phương tám hướng, tiến hành những thay đổi mang tính xây dựng, vì vậy dễ thành công, bước lên vị trí lãnh đạo.

Đặc tính của Thủy là linh động, mau lẹ, giỏi ứng biến, thường xuyên tươi cười đối diện với mọi người, rất ít khi gây thù chuốc oán. Nhưng Nhâm Thủy là nước lũ, mặc dù tươi mát đồng ruộng, nhưng khi nước lũ cuộn cuộn kéo đến cũng khó tránh khỏi gặp nhiều tai họa. Thiên can tính dương đều có một tính chất chung, đó là thiếu tỉ mỉ chu đáo, thường qua loa đại khái, phạm sai mà không biết sai. Về tổng thể, Thủy của sông lớn là có công lao, nhưng đôi khi lại quá nhiều, quá lớn nên gây hại cho người. Hơn nữa Thủy nhiều thì dễ thay đổi, người Nhâm Thủy dễ kích động, thường xuyên thay đổi thái độ, khiến những người bên cạnh khó mà thích ứng được.

Cổ nhân nói: “Nhâm Thủy thông hà, năng tiết Kim khí, cương trung chi đức, châu lưu bất trệ” (Nhâm Thủy là sông lớn, có thể tiết khí của Kim, mang đức cương trung, chảy suốt không ngừng). Nhâm Thủy cần phải to lớn, chảy liên tục không ngừng nghỉ, như vậy mới có thể thể hiện giá trị của bản thân. Trong ngũ hành, do Kim sinh Thủy, nếu như Thủy mạnh, có thể tiết chế uy lực của Kim. Vì vậy cổ nhân cho rằng, người Nhâm Thủy cơ thể khỏe mạnh mới là mệnh tốt.

Nếu như người Nhâm Thủy thân cường, nhưng bên cạnh lại xuất hiện Mậu Thổ để chống lũ, lại thêm một chút Hỏa để sưởi ấm cho Thủy lạnh này, thì có thể thống lĩnh trăm sông, tung hoành tứ hải, thỏa sức vẫy vùng. Nếu như người Nhâm Thủy thân nhược, dựa vào Kim Thủy để bổ cứu, người này một đời sẽ bôn ba vất vả, bỏ ra nhiều nhưng nhận lại được ít, thường có tài nhưng không gặp thời, nên không hài lòng.

Vận con cháu của người Nhâm Thủy cũng thường kém, đặc biệt ứng nghiệm với phụ nữ. Thủy sinh Mộc là con cái, Mộc khắc Thổ, Thổ là phu tinh của phụ nữ Nhâm Thủy. Con cái khắc chồng, người khó xử nhất đương nhiên là người mẹ;

đồng thời cũng cho thấy sự xuất hiện của con cái sẽ ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng. Thủy khắc Hỏa là tài, Thủy cần có Hỏa sưởi ấm, cho thấy con cái sẽ làm hao tổn tiền bạc của mẹ.

Nhâm Thủy là Thủy lạnh lẽo, nếu hợp hóa thành công với Đinh Hỏa, gọi là “hữu tình chi hợp” (cái hợp hữu tình), sẽ trở thành Mộc trong ngũ hành, có thể sinh sôi vạn vật. Nếu hợp với Đinh nhưng không hóa, thì chỉ có thể sinh, chứ không thể sinh tuần hoàn không ngừng nghỉ.

Cổ nhân nói: “Thông căn ngộ Quý, xung thiên bồn địa”. Tức Nhâm Thủy gặp được Quý Thủy, có thể sinh ra tác dụng đáng kinh ngạc. Người Nhâm Thủy và người Quý Thủy hợp tác với nhau sẽ vô cùng thuận lợi. Điều này hợp với lý luận “âm dương nhị Thủy” trong Đông y: dùng nước nóng và nước lạnh pha thành một cốc nước âm dương, có thể tăng cường hiệu quả trị bệnh. Âm dương nhị Thủy tức là hai Thủy Nhâm Quý, Nhâm và Quý gặp nhau sẽ xuất hiện hiệu ứng “hóa tắc hữu tình, tòng tắc tương trợ” (hóa sẽ hữu tình, tòng sẽ trợ giúp) kỳ diệu.

QUÝ THỦY YẾU NHẤT, TÂN DỊCH CỦA TRỜI

Quý Thủy là Thủy âm, giống như Thủy của sương sớm hoặc ao hồ.

Thủy âm nhu và Thủy dương cương được phân biệt thế nào? Các sông lớn như Hoàng Hà, Trường Giang nước chảy cuộn cuộn, đá ngầm lớp lớp, loại Thủy tính dương này không thể dùng để trồng hoa hay đun nước uống được. Còn Quý Thủy là Thủy âm, Thủy sương sớm, có thể thấm ướt vạn vật; uống loại Thủy này, có thể giúp cơ thể trở nên khỏe mạnh. Vì vậy Quý Thủy là Thủy dùng để uống, cũng là Thủy làm ẩm ướt. Những chất lỏng có thuộc tính gây ẩm ướt đều được gọi là Quý Thủy. Đông y gọi kinh nguyệt của phụ nữ là “thiên Quý”, có một loại thuốc Đông y gọi là “Thanh thiên Quý”, dùng để làm sạch kinh nguyệt.

Cổ nhân nói: “Quý Thủy chí nhược, đạt vu thiên tân” (Quý Thủy yếu nhất, tân dịch của trời). Quý là nhược Thủy, còn gọi là “thiên chi tân dịch”, ngược lại với Nhâm Thủy, nó lặng lẽ nuôi dưỡng đại chúng sinh. Quý Thủy có công dụng làm ẩm, nếu Mộc nhược gặp được Quý Thủy tươi ướt, thì có thể dịch chuyển Càn Khôn.

Về mặt tính cách, người có nhật nguyên Quý Thủy phần lớn đều hướng nội, bảo thủ, thường giữ kín bí mật trong lòng, ít thổ lộ với người khác. Người Quý

Thủy thường xuyên có cảm giác chưa hoàn thành sứ mệnh, chờ đợi thời cơ để bứt lên, họ có mơ ước và hoài bão rất lớn, là người theo chủ nghĩa lý tưởng. Họ giống như biển cả bao la, nếu không thể phát tiết, sẽ đem lại cho họ cảm giác cô độc, nặng nề.

Người Quý Thủy như thế nào mới có thể thành công? Cổ nhân nói: “Đắc long nhi nhuận, công hóa tư thần” (gặp rồng thì nhuận, biến hóa như thần). Bát tự hoặc đại vận của người Quý Thủy gặp được Thìn rồng, thì có thể thoát thai hoá cốt, bước lên đỉnh cao. Có một người Quý Thủy điển hình đã thành công nhờ vào sự trợ giúp của Thìn rồng, đó chính là Thành Long. Nhật nguyên của ông là Quý Thủy, lấy nghệ danh là Thành Long, kết quả giống như rồng lượn trên trời, danh lợi song toàn.

Mậu là Chính quan của Quý Thủy, Quý Thủy ảm lạnh, phải dùng Bính Hỏa để xua tan cái lạnh, đây chính là yếu quyết. Quý Thủy và Mậu Thổ có thể hóa hợp thành Hỏa, giả dụ thân nhược lấy Thủy làm dụng thần, sau khi hợp hóa Quý Thủy tiêu tan biến thành Hỏa, người Quý Thủy phải chú ý đến điều này.

NHỮNG SỰ VẬT THƯỜNG GẶP ĐƯỢC TƯỢNG TRƯNG BỞI THIÊN CAN

GIÁP MỘC

Tất cả các vật bằng gỗ đều tượng trưng cho Giáp Mộc. Cây long huyết thường trồng làm cảnh cũng thuộc Mộc. Trúc khai vận không cần dựa dẫm, nên cũng thuộc Giáp Mộc. Quần áo màu xanh cũng tượng trưng cho Giáp Mộc.

Tất cả những chữ có liên quan tới chữ Giáp đều tượng trưng cho Giáp Mộc. Giả dụ lưu niên là Giáp Thân, những chữ trùng với bản thân được gọi là phạm Thái Tuế, vì vậy chữ Giáp phạm Thái Tuế, chữ Thân cũng phạm Thái Tuế. Khi năm Giáp Thân đến, sẽ bị lũ quỷ gây rối loạn.

Giáp cũng tượng trưng cho con cua, người xưa nếu muốn thi cử khoa giáp thành công, sẽ bày một loài sinh vật có vỏ để tượng trưng cho khoa giáp, vì vỏ trong tiếng Hán là Giáp. Giáp cũng tượng trưng cho bộ cánh cứng, giáp. Người cần Giáp Mộc nên ăn cua, nhưng nếu như bạn kỵ Mộc thì không nên ăn.

ẤT MỘC

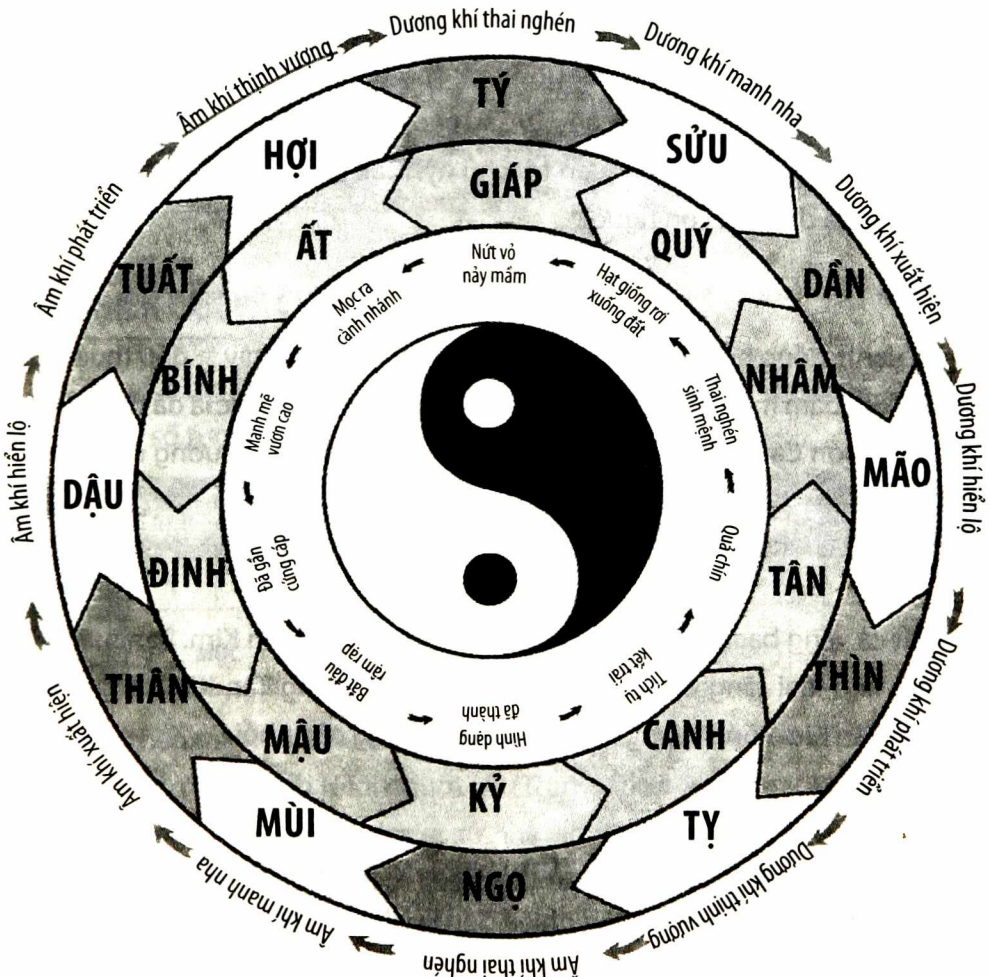
Tất cả những thực vật dây leo đều thuộc về Ất Mộc; hoa cỏ, giấy, sách vở,

tạp chí... cũng đều là Ất Mộc. Trong Phong thủy học, sao Tam Bích thuộc Mộc, tượng trưng cho kiện tụng thị phi. Giả dụ phía đông trong lưu niên phạm Tam Bích, bạn lại chất đống các loại tạp chí ở phía đông, khiến phương đông Mộc quá nhiều nên phạm kiện tụng thị phi, thủ phạm chính là đống tạp chí đó. Vì vậy mọi người không nên coi nhẹ giá sách trong nhà, đó có thể chính là nguồn gốc gây ra rắc rối thị phi.

Về các bộ phận trên cơ thể, Mộc tượng trưng cho chức năng của gan mật, cũng tượng trưng cho tay chân và lông tóc.

BÍNH HỎA

Bính Hỏa là Hỏa của mặt trời, người cần Hỏa rất thích mặt trời. Mặt trời bao gồm mặt trời thật và bóng đèn. Giả dụ bạn kỵ Hỏa, khi đi ra ngoài tốt nhất nên mang theo kính râm; nhưng nếu như bạn cần Hỏa, đừng nên mang kính



đen, nếu không sẽ che chắn mất Bính Hỏa vốn dĩ có thể giúp bạn hành vận. Có một số người thích phơi nắng, một số người lại rất sợ nắng, cũng là do nguyên nhân này.

ĐÌNH HỎA

Đình Hỏa là chỉ ánh sáng và nhiệt được tạo ra bởi nguồn năng lượng; ti vi, lò sưởi, chần điện, nến, bóng đèn... đều thuộc Đình Hỏa. Hai Hỏa Bính Đình cũng tượng trưng cho phần đầu, mắt, tim và máu.

MẬU THỔ

Mậu Thổ là đá, đất khô. Người Bát tự cần Mậu Thổ có thể đặt trong nhà các đồ vật làm bằng đá, hoặc trụ pha lê. Không phải ai cũng thích hợp để bày pha lê trong nhà, đặc biệt là những người kỵ Thổ không nên bày pha lê.

KỶ THỔ

Kỷ Thổ tượng trưng cho đất phù sa, cũng tượng trưng cho da. Người cần Thổ có thể làm các nghề làm đẹp, giảm béo, trang điểm, xông hơi..., những ngành nghề này đều có liên quan tới chữ Kỷ. Mậu Kỷ nhị Thổ tượng trưng cho chức năng dạ dày của con người.

CANH KIM

Tủ lạnh, đồng hồ treo tường, dao dĩa, kim bấm móng tay... đều thuộc Canh Kim. Bỏ kim bấm móng tay trong túi áo, sưu tầm dao kiếm, tức là đã tích trữ được một lượng lớn Canh Kim. Điều cần lưu ý là bệnh ngoài da thường có liên quan tới "Kim".

TÂN KIM

Tất cả vàng bạc châu báu, đồ trang sức đều thuộc Tân Kim. Bạn mang một tấm thẻ kim loại tặng cho người khác, tức là đã mang Tân Kim tặng cho đối phương. Tân Kim cũng tượng trưng cho chức năng của phổi.

NHÂM THỦY

Nhâm Thủy là Thủy ở sông, là Thủy lưu động. Vòi nước, bể bơi trong nhà; sông suối, thác nước trong thiên nhiên đều là Nhâm Thủy

QUÝ THỦY

Quý Thủy là Thủy ấm áp, là thủy có thể khống chế được, như Thủy trong bể cá, ao hồ, bể nước. Hai Thủy Nhâm Quý tượng trưng cho chức năng của ruột và chức năng bài tiết, Quý Thủy cũng tượng trưng cho tử cung của phụ nữ.

THIÊN CAN VÀ MÀU SẮC

Mười thiên can lần lượt mang các ngũ hành khác nhau, vì vậy căn cứ theo ngũ hành có thể tìm ra màu sắc tượng trưng của thiên can.

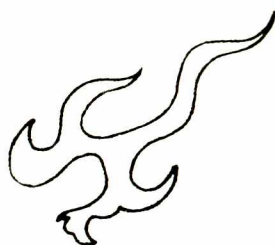
THIÊN CAN	MÀU SẮC
Giáp Ất—Mộc	Màu xanh lục
Bính Đinh—Hỏa	Màu đỏ, màu tím, màu cam, màu hồng
Mậu Kỷ—Thổ	Màu vàng, màu cà phê
Canh Tân—Kim	Màu trắng, màu bạc
Nhâm Quý—Thủy	Màu đen, màu xanh lam

THIÊN CAN VÀ CHỮ SỐ

Chữ số cũng mang tính chất ngũ hành, vì vậy cũng có tác dụng giống như Bát tự. Chữ số tương ứng với mười thiên can như sau:

THIÊN CAN	GIÁP	ẤT	BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ
CHỮ SỐ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0
NGŨ HÀNH	MỘC		HỎA		THỔ		KIM		THỦY	

Dựa theo mật mã chữ số của thiên can, người cần Hỏa cần số 3 và 4, vì 3 và 4 tượng trưng cho Đinh Hỏa; người cần Thủy cần số 9 và 0... Mọi người có thể dùng phương pháp này để tìm ra số nhà, số tầng, biển số xe, số điện thoại... phù hợp nhất với mình. Cũng có thể tìm ra ngũ hành của số chứng minh thư dựa theo phương pháp này.



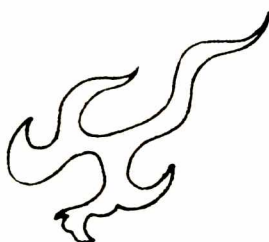
CHƯƠNG 3:

VẬN MỆNH PHỨC TẠP THỂ HIỆN QUA THẬP THẦN

Nếu như so sánh sự trưởng thành của một người với quá trình một hạt giống phát triển thành cây đại thụ, vậy thì hai chương trước đã lần lượt giới thiệu về phẩm chất của hạt giống khi chưa được gieo trồng, và phẩm chất của hạt giống được hình thành sau khi đã bị thời tiết gió mưa tác động. Trong chương này, tôi sẽ giới thiệu về những tính chất phức tạp hơn, nó giống như mười loại quả khác nhau được kết thành sau khi hạt giống phát triển thành cây.



Nội dung chính



- * Tý Kiếp tượng trưng cho anh chị em và người cạnh tranh
- * Quan Sát tượng trưng cho chồng, công việc và tiểu nhân
- * Tài tinh tượng trưng cho vợ, cha và tiền tài
- * Ấn Kiêu tượng trưng cho mẹ và học vấn
- * Thực Thương tượng trưng cho tài hoa và con cái

ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH LÀ GỐC CỦA BÁT TỰ

Muốn tìm hiểu về Thập thần, trước tiên phải ôn lại một chút về quan hệ ngũ hành, vì Thập thần chính là sự mở rộng của quan hệ ngũ hành.

Ngũ hành tương sinh: Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim.

Ngũ hành tương khắc: Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

Thủy vượng chủ về thông minh, có tinh thần phục vụ; nếu quá vượng thì tính nóng nảy, nhiều ảo tưởng và hay thay đổi.

Mộc vượng chủ về sự nhân từ của quân tử; quá vượng sẽ thành trì độm, dễ bị lừa gạt.

Hỏa vượng chủ về tự tin, thích mạo hiểm; quá vượng sẽ trở thành tính khí nóng nảy, thiếu tỉnh táo. Người Hỏa vượng nước da thường rất xấu.

Kim vượng chủ về hướng nội, chín chắn, có tinh thần nghĩa hiệp; quá vượng chủ về kiêu ngạo, có sức phá hoại. Người Kim hàn Thủy lãnh thường rất xinh đẹp.

Thổ vượng chủ về thành thực, bao dung; quá vượng lại thành trì độm.

Bát tự thiếu Thổ, sẽ thiếu tinh thần từ thiện.

Bát tự thiếu Hỏa, sẽ thiếu tinh thần cầu tiến.

Bát tự thiếu Thủy, sẽ thiếu tính linh hoạt.

Bát tự thiếu Kim, sẽ thiếu sức công phá.

Bát tự thiếu Mộc, sẽ thiếu lòng nhân nghĩa.

CON NGƯỜI CÓ TỔNG CỘNG MỘT TRIỆU LOẠI VẬN MỆNH

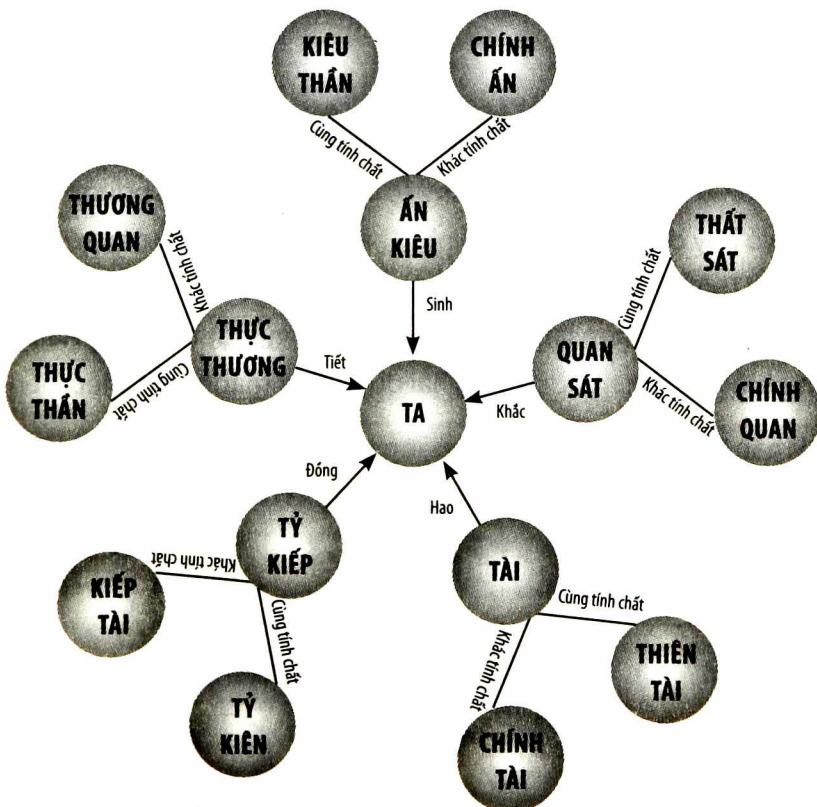
Đã có được kiến thức về thiên can, địa chi, âm dương, ngũ hành, lại tiếp tục tìm hiểu về “Thập thần”, như vậy, đã có thể khám phá được huyền cơ của đời người thông qua Bát tự.

Căn cứ vào thuộc tính âm dương, thiên can có thể được chia thành hai loại; căn cứ vào thuộc tính ngũ hành có thể chia thành năm loại. Từ đó, đã hình thành mười loại quan hệ tương hỗ giữa các thiên can, Bát tự học gọi đó là “Thập thần”, bao gồm: Chính Ấn, Thiên Ấn (còn gọi là Kiêu Thần), Thương Quan, Thực Thần, Chính Quan, Thất Sát (còn được gọi là Thiên Quan), Chính Tài, Thiên Tài, Kiếp Tài (còn gọi là Dương Nhẫn), Tỷ Kiên.

Người có dụng thần là Tài, đặc biệt yêu thích tiền bạc. Đàn ông có dụng thần là Tài, tiền càng nhiều càng phong lưu.

Người có dụng thần là Ấn, rất thích được người khác chiều chuộng.

Người dụng thần là Quan, phải bị người khác hành hạ mới thành công.



Người có dụng thần là Thực Thương, cần sinh đẻ nhiều và sáng tạo nhiều mới có vận tốt. Người chi thảng tiết hết khí của nhật nguyên, rất có tinh thần cống hiến.

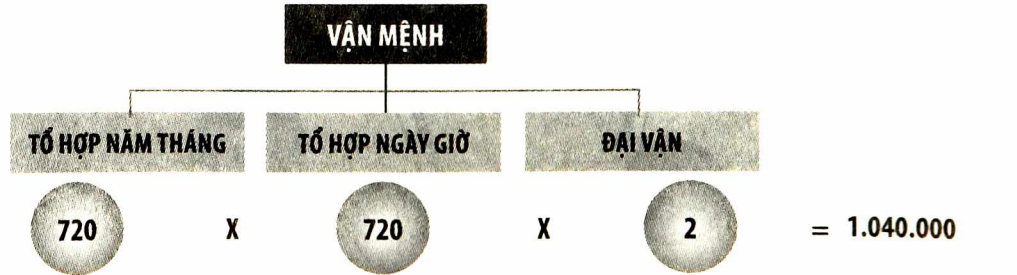
Người dụng thần là Tỷ Kiếp, có bạn bè giúp đỡ càng dễ dàng thành công.

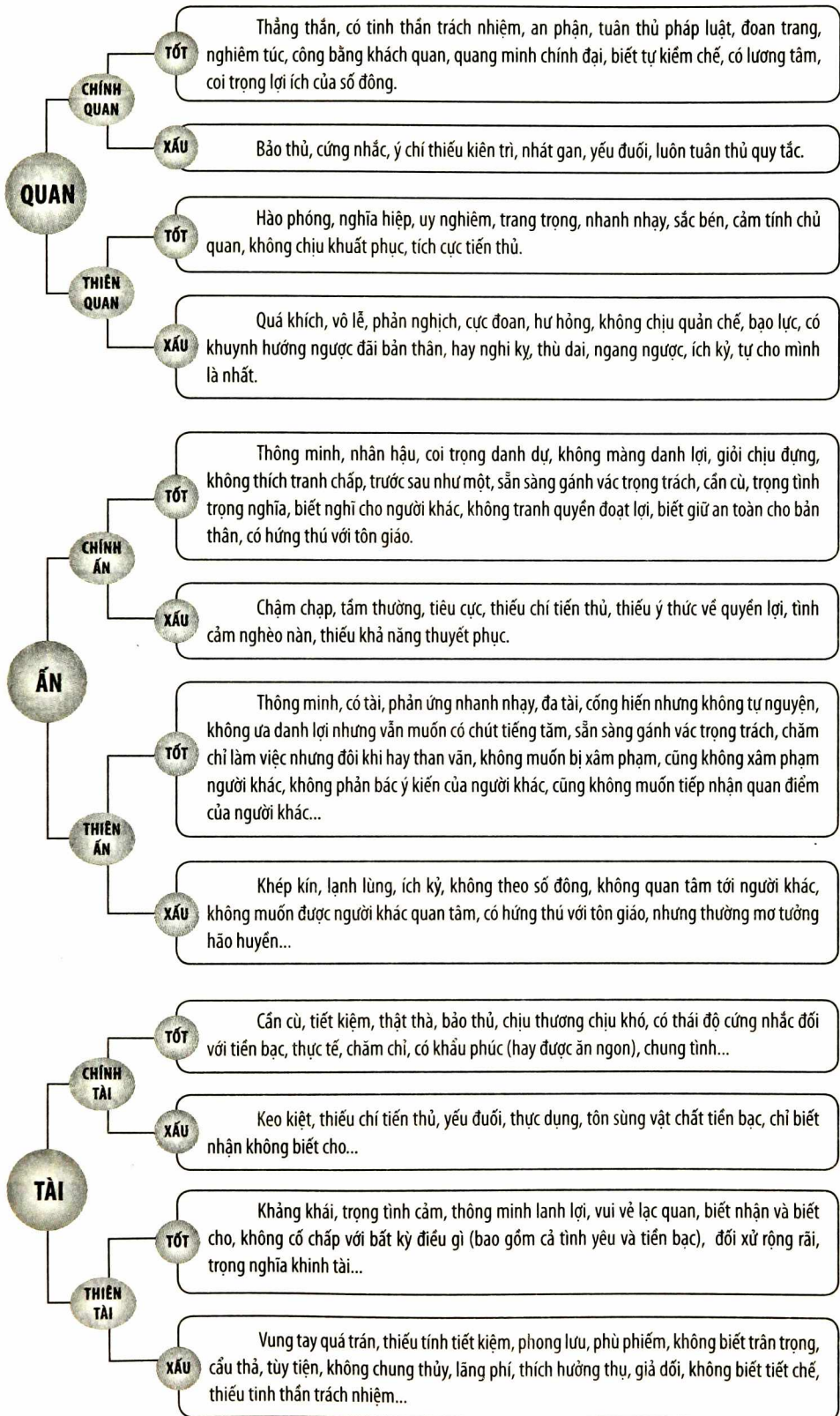
“Thập thần” là vai trò của bảy chữ còn lại trong Bát tự trong quan hệ tương ứng với nhật nguyên. Ví dụ, nếu như nhật nguyên là “Kỷ”, “Thập thần” của nó sẽ như trong bảng sau:

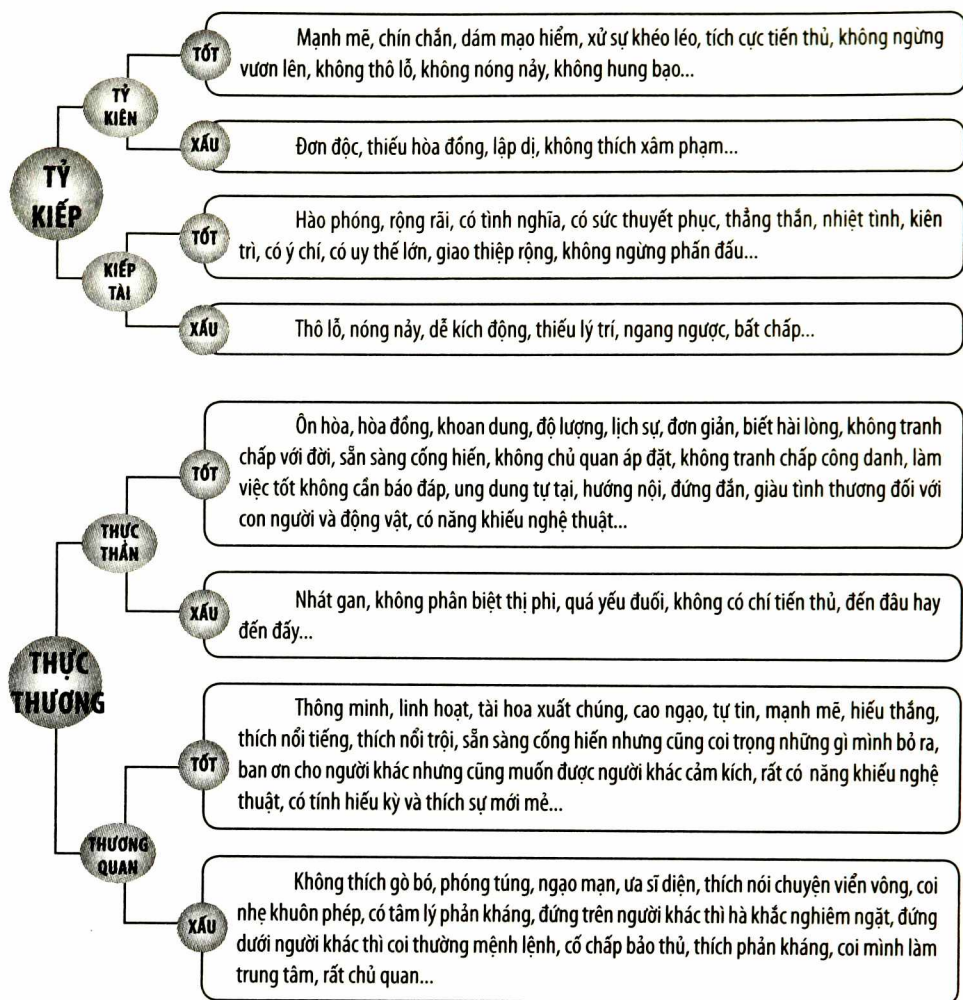
	GIÁP	ẤT	BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ
THUỘC TÍNH NGŨ HÀNH	Mộc		Hỏa		Thổ		Kim		Thủy	
QUAN HỆ SINH KHẮC	Khắc Kỷ		Sinh Kỷ		Trợ Kỷ		Tiết Kỷ		Hao Kỷ	
QUAN HỆ ÂM DƯƠNG	Khác	Giống	Khác	Giống	Khác	Giống	Khác	Giống	Khác	Giống
TÊN THẬP THẦN	Chính Quan	Thiên Quan	Chính Ấn	Thiên Ấn	Kiếp Tài	Tỷ Kiên	Thương Quan	Thực Thần	Chính Tài	Thiên Tài
TÊN GỌI TẮT	Quan		Ấn		Tỷ Kiếp		Thực Thương		Tài	

Thập thần có thể phản ánh chính xác tính cách của một người. Trong Bát tự, tổng cộng có bảy chữ mang thuộc tính “Thập thần”, bảy chữ này có thể là bất kỳ “thần” trong “Thập thần”. Bảy “thần” này cộng với hai chữ của đại vận, tổng cộng có chín chữ, chúng tổ hợp lại thành tổng cộng hơn một triệu khả năng, vì vậy ít nhất tính cách của con người cũng phải được chia thành một triệu kiểu.

Mỗi thần trong Thập thần đều mang tính chất riêng, và mỗi loại lại đều có cả tính cách tích cực và tính cách tiêu cực. Nếu là dụng thần, tính cách tích cực







sẽ được thể hiện nổi bật hơn; nếu là kỵ thần, tính cách tiêu cực sẽ được thể hiện nổi bật hơn.

Mười “thần” trên đây vừa có thể phản ánh tính cách của bản thân, lại vừa có thể phản ánh tình hình của người thân. Ví dụ, Chính Ấn tượng trưng cho mẹ, nếu như trong Bát tự Chính Ấn cường vượng, thì mẹ sẽ mạnh khỏe; nếu như Chính Ấn suy nhược lại bị hình xung, vận mệnh của mẹ sẽ không tốt; nếu như số lượng Chính Ấn quá nhiều, thì mẹ sẽ mệt mỏi quá độ.

TỶ KIẾP TƯỢNG TRƯNG CHO ANH CHỊ EM VÀ NGƯỜI CẠNH TRANH

Xem Bát tự, trước tiên phải xem ngũ hành của nhật nguyên xem có sức mạnh hay không. Ví dụ một người nhật nguyên là Bính Hỏa, sinh tại tháng Ngọ, do nhận được sự trợ giúp của lượng lớn ngũ hành Hỏa, Bát tự này sẽ được gọi là “thân cường” (thân mạnh). Lúc này, Bính Hỏa cần phải yếu hết mức mới có thể cân bằng thể của Bát tự. Giả dụ người này nhật nguyên thuộc Bính Hỏa, nhưng lại sinh vào mùa đông, trong Bát tự lại thiếu yếu tố sinh vượng Hỏa, nhật nguyên Hỏa rất yếu, Bát tự này sẽ được gọi là “thân nhược”.

Nếu như một người đàn ông có nhật nguyên là Giáp Mộc, nhưng trong Bát tự hoặc đại vận lại xuất hiện một Giáp Mộc khác; nếu Giáp Mộc tượng trưng cho bản thân, Giáp còn lại hoàn toàn giống với mình, sẽ tượng trưng cho anh em của mình, cũng tượng trưng cho người yêu, hoặc bạn bè, hoặc vợ của mình. Nói cách khác, trong bất kỳ Bát tự nào, nếu như thiên can tượng trưng cho mình xuất hiện lại, thì sẽ cho thấy một bí mật rằng: trong đời thực đang xuất hiện một người có bối cảnh giống với bạn.

Vì vậy, nếu một người nhật nguyên là Giáp Mộc, đại vận cũng xuất hiện Giáp Mộc, sẽ ứng với một khả năng: bên cạnh anh ta sẽ xuất hiện một người có thân phận giống anh ta, rất có thể là người tình của vợ. Loại thiên can có ngũ hành giống với nhật nguyên được gọi là “Tỷ Kiên” hoặc “Kiếp Tài”. Người thân cường nếu gặp phải Tỷ Kiên hoặc Kiếp Tài, cho thấy có người đang chia sẻ bớt những thứ thuộc về mình. Người này có thể là kẻ thứ ba trong tình yêu, đối thủ cạnh tranh trong công việc, cũng có thể là anh chị em của bạn.

Trong Bát tự, nếu là bản thân gặp bản thân, tức người Giáp Mộc gặp Giáp Mộc, người Ất Mộc gặp Ất Mộc, gọi là “phục ngâm”. Có câu “phục ngâm phục ngâm, thế lệ ngâm ngâm”, có nghĩa là nếu xuất hiện tình huống này sẽ khiến bạn phải đau buồn rơi lệ. Người Giáp Mộc sẽ phạm phục ngâm trong năm có thiên can là Giáp, cho thấy năm nay sẽ phải gặp nhiều đau khổ. Nếu như gặp phải một vận vốn dĩ có thể giúp bạn kiếm được bạc tỉ, nhưng đúng lúc đại vận của bạn đi tới phục ngâm, tức là bỗng nhiên có thêm một người chia sẻ tài phú với bạn, thế là năm đó bạn đầu tư thất bát, tiền tích trữ ít dần, suốt ngày phải đau đầu nhức óc.

Vậy trong tình huống nào bạn mới không phải đau khổ? Giả dụ Bát tự bản thân cần Mộc, thiên can của lưu niên là Giáp; bản thân cần Mộc mà lưu niên có nhiều Mộc thì sẽ không xảy ra vấn đề gì. Vì vậy, gặp phải phục ngâm sẽ có hai loại kết quả: Người “thân nhược” gặp phải Tỷ Kiên hoặc Kiếp Tài, tượng trưng cho việc đột ngột có được nguồn sức mạnh lớn gấp đôi đến trợ đỡ, không sợ bị tổn hại nữa, có đủ khả năng gánh vác công việc và tài phú. Nhưng nếu như là người “thân cường”, lại gặp phải thiên can có ngũ hành tương đồng, một người làm sao có thể chịu nổi sức mạnh lớn gấp đôi, điều này sẽ gây bất lợi cho bản thân và anh em.

Tỷ Kiên và Kiếp Tài phân chia tiền tài chỉ ứng nghiệm đối với người thân cường. Nếu nhật nguyên là Mộc, thân nhược, Mộc khắc Thổ là tài, mà trong Bát tự có rất nhiều Thổ, tức có rất nhiều tài, nhưng do thân yếu ớt nên không thể gánh được lượng tài phú dồi dào đó. Nếu như lúc này lại hành vận Mộc, như vậy, sức mạnh của mình sẽ tăng lên gấp đôi, và sẽ giúp mình có khả năng gánh vác tài phú. Vì vậy, thân nhược mà có Tỷ Kiên Kiếp Tài là chuyện tốt. Người thân nhược gặp Tỷ Kiên Kiếp Tài, có thể kiếm được rất nhiều tiền. Nhưng người thân cường không nên gặp Tỷ Kiên Kiếp Tài. Mộc nhiều lại gặp phải Mộc, tức sẽ tổn hại đến anh chị em, hoặc phải chia sẻ tài phú của mình cho người khác.

Hiểu được nguyên lý sinh khắc của ngũ hành, nhưng với Tỷ Kiên, Kiếp Tài không nên quá cứng nhắc. Trong Bát tự học có rất nhiều danh từ kiểu Tỷ Kiên, Kiếp Tài, quan trọng nhất là phải nhớ được mối quan hệ. Nếu như bạn là nam, nhật nguyên là Giáp Mộc, vậy thì Giáp Mộc là anh em trai của bạn, Ất Mộc là chị em gái của bạn. Nói cách khác, từ Bát tự có thể thấy được bạn có bao nhiêu anh chị em. Lấy nhật nguyên Giáp Mộc làm ví dụ, trong Bát tự có bao nhiêu Giáp Mộc và Ất Mộc, cho thấy bạn có bấy nhiêu anh chị em. Đây là một phương pháp, tất nhiên vẫn còn phương pháp tính toán sâu hơn.

Từ mối quan hệ qua lại khăng khít giữa ngũ hành, chúng ta có thể phán đoán được về bí mật cuộc đời của rất nhiều người. Từ Bát tự của một người có thể biết được tình hình của một người khác. Lấy đàn ông Giáp Mộc làm ví dụ, âm Thủy sinh dương Mộc, Quý Thủy là Chính Ấn, tượng trưng cho mẹ của Giáp Mộc. Giả dụ đại vận mà người này đang hành bất lợi cho Quý Thủy, vậy thì khoảng thời gian đó sẽ không có lợi cho người mẹ. Đại vận tiếp theo rất nhiều Kim, Kim sinh Thủy, Bát tự của người này cũng cần Thủy, trong giai đoạn này người mẹ sẽ

rất mạnh khỏe. Khi đại vận hành đến Thủy, Thủy khắc Hỏa là tài, cho thấy mẹ có thể kiếm được nhiều tiền.

Nhìn vào Bát tự của mình, còn có thể thấy được vận của vợ chồng, anh em; chỉ cần tìm theo quan hệ ngũ hành sinh khắc, tình hình của những người thân trực hệ đều có thể thấy được từ trong Bát tự. Đây là Bát tự học thượng thừa nhất, cũng rất khó học.

Nếu như nhật nguyên là Giáp Mộc, Quý Thủy sẽ là mẹ, âm Thủy sinh dương Mộc, đây là tổ hợp lý tưởng nhất, đương nhiên sinh ra Mộc lý tưởng nhất. Nhưng giả dụ Thủy tính âm sinh Mộc tính dương, Mộc sinh ra sẽ có vấn đề. Giả dụ Quý Thủy là mẹ, dương Thủy tức Nhâm Thủy sẽ tượng trưng cho tình hình của mẹ, hoặc là chị em gái của mẹ. Giả dụ mẹ không có chị em gái, Bát tự đại vận hành đến Nhâm Thủy, cho thấy người cha có bồ. Nói cách khác, khi trong đại vận đột nhiên nhiều thêm một Nhâm Thủy, cho thấy sẽ có một người mẹ khác.

Quý Thủy (âm Thủy) sinh Giáp Mộc (dương Mộc), là Chính Ấn của Giáp Mộc. Nhưng rất nhiều khi, trong Bát tự không có Chính Ấn, mà người nào cũng phải do mẹ sinh ra, vậy thì chữ nào sẽ tượng trưng cho mẹ? Thực ra, Nhâm Thủy cũng tượng trưng người mẹ. Nếu trong Bát tự không có Quý Thủy, Nhâm Thủy sẽ là mẹ. Vậy có nghĩa là gì? Bạn sẽ phát hiện ra một bí mật: mẹ của bạn không phải vợ chính, cha bạn vẫn còn có một người tình khác hoặc trước đây đã từng có.

Đối với Giáp Mộc, Quý Thủy tượng trưng cho mẹ, Nhâm Thủy tượng trưng cho một người mẹ khác. Giả dụ trong Bát tự chỉ có Nhâm Thủy, cho thấy mẹ người này không phải là vợ chính.

QUAN SÁT TƯỢNG TRƯNG CHO CHỒNG, CÔNG VIỆC VÀ TIỂU NHÂN

Trong Bát tự, dù là tương sinh hay tương khắc, đều coi âm dương gặp nhau là cát, dương gặp dương hoặc âm gặp âm là hung. Điều này giống như quy luật “cùng cực đẩy nhau, khác cực hút nhau” trong vật lý học. Nếu ngũ hành khắc chế nhật nguyên khác tính chất âm dương với nhật nguyên, gọi là Chính Quan hoặc Quan; nếu có cùng tính chất âm dương với nhật nguyên, gọi là Thiên Quan, Thất Sát. Ví dụ Kim khắc Mộc, nếu là Canh Kim khắc Giáp Mộc, sẽ gọi Canh Kim

là Thất Sát của Giáp Mộc; Canh Kim khắc Ất Mộc, sẽ gọi Canh Kim là Chính Quan của Ất Mộc.

Dù là nam hay nữ, nếu gặp Thất Sát sẽ dễ đi theo con đường sai trái, nếu gặp Chính Quan sẽ dễ làm quan.

Thất Sát tượng trưng cho thị phi, tiểu nhân... Có Thất Sát tốt hay không? Có, nhưng chỉ trong một tình huống, tức là trong Bát tự toàn bộ là Thất Sát, hoặc toàn bộ Chính Quan. Đây là kiểu Bát tự cực đoan, thường là của kỳ nhân tuần kiệt. Giả dụ trong Bát tự đã có Quan lại có Sát, gọi là "tạp sát", là không cát. Nữ giới có tạp sát, thì Quan tượng trưng chồng, Sát tượng trưng cho tình nhân, tức là đã có chồng lại có tình nhân, là bắt cá hai tay. Nam giới có tạp sát, tượng trưng cho việc không phân biệt trắng đen, hoặc là "gỗ mục không thể chạm khắc".

Chính Quan tượng trưng cho công việc, người Giáp Mộc gặp được Tân Kim mới gặp quan vận. Chính Quan cũng tượng trưng danh tiếng, được người khác khen ngợi. Nếu một người có Chính Quan, lại có cả Thất Sát, cho thấy người này có cả tiếng tốt và tiếng xấu. Vì vậy tạp sát không phải hiện tượng tốt, cho thấy người này đi trên cả hai con đường đen và trắng, cuối cùng sẽ phải thất bại bởi một trong hai phía. Cũng giống như làm quan phải xác định ranh giới rõ ràng với giới xã hội đen; đầu gấu xã hội đen cũng không nên qua lại với quan. Nếu vừa trắng vừa đen, cuối cùng hai bên không vừa lòng, dẫn đến cả hai bên đều thương tổn.

TÀI TINH TƯỢNG TRƯNG CHO VỢ, CHA VÀ TIỀN TÀI

Đối với nam giới, ngũ hành mà mình khắc tượng trưng cho vợ và tiền tài. Ví dụ Mộc gặp Thổ, Mộc khắc Thổ, Thổ sẽ là vợ và tiền tài của Mộc. Người Giáp Mộc sẽ kết hôn vào năm nào? Đối với người Giáp Mộc, Kỷ Thổ là chính thê (vợ chính) và Chính Tài. Khi đại vận hành đến Kỷ Thổ, năm năm này sẽ hành thê vận. Năm Kỷ là các năm 1989, 1999, 2009. Người Giáp Mộc hành đến những lưu niên này sẽ có thê vận. Người chưa kết hôn có cơ hội kết hôn, người đã kết hôn thì sẽ có thêm con cái.

Chính thê (vợ chính) cũng tượng trưng cho Chính Tài. Chính Tài là tiền bạc có được bằng sức lao động cần cù, thông thường chỉ tài phú có được nhờ công

việc. Nếu là tiền bạc có được thông qua đầu cơ hoặc thừa kế, thì đó là Thiên Tài. Thiên Tài cũng tượng trưng cho thiên thể, tức tình nhân. Ví dụ Giáp gặp Mậu, Mậu Thổ sẽ là tình nhân của Giáp Mộc. Nam giới Giáp Mộc hành tới năm Mậu Thổ, sẽ có sao tình nhân.

Năm 2008 là năm Mậu Tý, giả dụ sao Hàm Trì của người Giáp Mộc là con, Mậu Thổ lại tượng trưng cho tình nhân, trong năm đó sẽ có hai sao tình nhân, Hàm Trì đáo vị, nếu như người này chưa kết hôn, năm nay chắc chắn sẽ kết hôn hoặc sống chung. Nếu như đã kết hôn, năm nay sẽ rất dễ dẫn tới ngoại tình.

Vào năm nam giới gặp phải sao thiên thể, người vợ sẽ nhận được những tin dữ bất ngờ. Nhưng trong một tình huống, chuyện đó sẽ không xảy ra, đó là khi ngày sinh của vợ là Mậu Thổ, cho thấy người phụ nữ này sẽ vừa là vợ lại vừa là tình nhân, cho dù chồng có gặp sao tình nhân cũng sẽ không xảy ra vấn đề gì. Nhưng nếu chẳng may nhật nguyên của vợ lại là Kỷ Thổ, cho thấy cô ta chỉ có thể đóng vai trò là vợ. Khi Bát tự xuất hiện Mậu Thổ, ngoài cô ta ra, sẽ còn có một người phụ nữ khác xuất hiện trong cuộc sống của chồng.

Khi tìm ra được mật mã tượng trưng cho vợ và tình nhân, tiếp tục tìm ra sao Hàm Trì của bản thân, sẽ có thể biết được năm nào mình sẽ xuất hiện đào hoa.

ẤN KIÊU TƯỢNG TRƯNG CHO MẸ VÀ HỌC VẤN

Nếu như nhật nguyên của bạn là Mộc, nhưng thân nhược, cần có Thủy để sinh vượng cho bạn, Thủy được gọi là "Ấn tinh". Ấn tinh này không chỉ tượng trưng cho mẹ, mà còn tượng trưng cho việc ngủ, ăn động vật, học hành, tu dưỡng, vì vậy bạn nên ngủ nhiều, tốt nhất mỗi ngày không được ngủ ít hơn mười tiếng đồng hồ. Đồng thời cũng phải ăn nhiều để béo lên, và cố gắng phấn đấu học tập.

Người xưa cho rằng Ấn chính chỉ thứ nuôi dưỡng chúng ta. Cho dù nhật nguyên của bạn là gì, ngũ hành sinh ra bạn cần phải có đủ. Ví dụ bạn thuộc Hỏa, trong Bát tự phải có đủ Mộc; nếu như bạn thuộc Mộc, phải có đủ Thủy; nếu bạn thuộc Thổ, phải có đủ Hỏa; nếu thuộc Kim phải có đủ Thổ. Nếu như không có, bạn sẽ thiếu ngủ, hoặc không có học thức, hoặc mẹ không mạnh khỏe.

Nếu như bạn thuộc Kim, sinh tại mùa xuân Mộc vượng, Kim tự nhiên sẽ rất nhược, cần phải có Thổ để sinh Kim, tức cần có mẹ. Nhưng nếu như trong Bát tự không có Thổ, hoặc mẹ đã xa bạn từ nhỏ, điều này sẽ dẫn đến một hiện tượng rất kỳ lạ - bạn sẽ thích những người con gái trông giống như mẹ, hoặc phụ nữ nhiều tuổi.

Nếu như thân nhược, sẽ có rất nhiều việc bạn không làm được. Bạn khờ dại, vợ và tài, thân nhược thì gánh không nổi tài, hoặc là chồng mà không thể quản lý vợ. Bát tự cần nhất là ngũ hành phải đầy đủ. Biết được ngũ hành của mình có đầy đủ hay không, sẽ có thể biết được mình thân cường hay thân nhược, sau đó mới có thể tìm ra dụng thần cần thiết.

Ấn phân thành Chính Ấn và Thiên Ấn. Nguyên lý ngũ hành sinh khắc là: âm sinh dương, dương sinh âm là ngũ hành tương phối, gọi là Chính Ấn. Nếu một người nào đó là dương Mộc, cần âm Thủy để sinh ra, tức Quý Thủy sinh Giáp Mộc. Nếu một người là âm Mộc, cần dương Thủy để sinh ra, tức Nhâm Thủy sinh Ất Mộc.

Ngược lại, nếu như là dương sinh dương, âm sinh âm, gọi là Thiên Ấn, Kiêu Ấn hoặc Kiêu Thần. Trong Bát tự học có thuyết "Thiên Ấn đoạt Thực", có nghĩa là Thiên Ấn sẽ đoạt mất Thực Thần, vì Thiên Ấn khắc Thực Thần.

THỰC THƯƠNG TƯỢNG TRƯNG CHO TÀI HOA VÀ CON CÁI

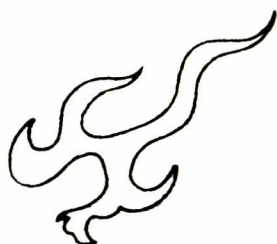
Đối với nam giới, thứ do mình sinh ra không chỉ tượng trưng cho con cái, mà còn tượng trưng cho tác phẩm nghệ thuật hoặc sáng tác, hoặc là học sinh. Thứ do mình sinh ra gọi là Thực Thần hoặc Thương Quan. Ví dụ một người đàn ông nào đó nhật nguyên là dương Mộc, dương Hỏa sẽ là Thực Thần của họ, tượng trưng cho sáng tác của họ, cũng tượng trưng cho học trò hoặc cấp dưới nam giới. Âm Hỏa là Thương Quan của bạn, tượng trưng cho thế lực phản đối hình thành trong công việc, cũng tượng trưng cho học trò và cấp dưới nữ.

Thương Quan là gì? Chính Quan của dương Mộc là Tân Kim, học trò nữ là Đinh Hỏa, Đinh Hỏa khắc chế Tân Kim, tức tổn thương Chính Quan, vì vậy gọi là Thương Quan. Đinh Hỏa thường thiêu đốt Tân Kim Chính Quan, tượng trưng nam giới có học trò nữ gây ảnh hưởng bất lợi tới công việc và thanh danh.

Nếu như Mộc là chồng, Mậu Thổ là vợ, Kim do Thổ sinh ra sẽ là con cái. Tương tự như vậy, nếu như vợ là Âm Thổ, sinh ra âm Kim là con gái, dương Kim là con trai. Do Kim khắc Mộc, Thất Sát của nam giới thuộc Mộc là con trai của anh ta, Chính Quan là con gái của anh ta.

Trong quan hệ ngũ hành tương khắc, điểm khác biệt lớn nhất giữa nam và nữ là: ngũ hành khắc chế nhật nguyên của nữ giới tượng trưng cho chồng, tức Chính Quan; còn Thất Sát tượng trưng cho tình nhân, cũng tượng trưng cho anh em của chồng. Ví dụ nữ giới có nhật nguyên là Giáp Mộc, Kim khắc Mộc, Tân Kim là chồng, Canh Kim là tình nhân. Mộc khắc Thổ là tài, điểm này cũng giống như nam giới. Âm dương tương khắc là Chính Tài, âm khắc âm, dương khắc dương là Thiên Tài.

Một điểm khác nữa là cách phán đoán về con cái không giống nhau. Đối với nữ giới, thứ được sinh ra sẽ là con cái. Nhìn vào Thực Thần Thương Quan có thể biết được tình hình của con cái. Giả dụ nữ giới là Giáp Mộc, sinh ra Hỏa sẽ là con cái. Đinh Hỏa tượng trưng cho con trai, Bính Hỏa tượng trưng cho con gái. Năm 1996 là năm Bính Tý, do Bính tượng trưng cho con gái, nữ giới Giáp Mộc nếu muốn sinh con gái thì năm đó sẽ là cơ hội rất tốt. Nếu muốn sinh con trai, năm 1997 là năm Đinh Sửu, Đinh tượng trưng cho con trai, năm đó sẽ có nhiều cơ hội sinh được con trai.

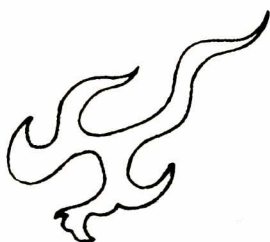


CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP TÌM DỤNG THẦN

Bát tự và đại vận ẩn chứa những mật mã của cuộc đời, phân tích những mật mã này, có thể biết được tính cách, vận thế, tình hình sức khỏe, tuổi thọ... của một người. Phương thức nghiên cứu này là điểm khó nhất của Bát tự học, vì phải hiểu được quan hệ tương hỗ giữa tất cả các mật mã. Bát tự và đại vận tổng cộng có hơn một triệu kiểu tổ hợp, điểm thần kỳ của Bát tự học chính là đã phân tích vận mệnh của con người thành hơn một triệu kiểu.



Nội dung chính



- * Sắp xếp bát tự và đại vận
 - * Căn cứ vào tháng sinh để tìm dụng thần
 - * Hợp cục thiên biến vạn hóa
 - * Tác dụng thần kỳ của địa chi tàng can
 - * Căn cứ vào lưu niên phán đoán tình hình cụ thể
 - * Thân cường mới có thể gánh vác Tài, Quan
 - * Đặc thời, đặc địa, đặc thế
 - * Mười bí quyết tìm dụng thần
-

SẮP XẾP BÁT TỰ VÀ ĐẠI VẬN

Dưới đây sẽ giới thiệu đơn giản cách sắp xếp Bát tự.

Trước khi sắp xếp Bát tự, phải vẽ ra tám ô. Giờ, ngày, tháng, năm sinh của con người được gọi là tứ trụ, mỗi một trụ (cột) đều gồm một thiên can và một địa chi, nên tổng cộng có tám chữ, tục gọi là “Bát tự”. Mật mã của Bát tự có thể phản ánh được cả một cuộc đời.

Thiên can và địa chi có một quy luật: Nếu thiên can là dương, địa chi sẽ là dương, vì vậy sẽ không bao giờ xuất hiện các tổ hợp kiểu Ất Tý, vì Ất là âm, Tý là dương. Vậy phân biệt âm dương bằng cách nào? Rất đơn giản, trong dãy sắp xếp của thiên can, vị trí số lẻ là âm, số chẵn là dương; địa chi cũng tương tự như vậy. Theo phương pháp này, có thể biết được:

Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm và Tý, Ngọ, Thìn, Tuất, Dần, Thân là dương;

Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý và Mão, Dậu, Sửu, Mùi, Tỵ, Hợi là âm.

Cách kết hợp của thiên can và địa chi là dương kết hợp với dương, âm kết hợp với âm, thiên can phía trước, địa chi phía sau. Kết hợp 10 thiên can với 12 địa chi, tổng cộng sẽ có 60 tổ hợp, gọi là lục thập Giáp Tý, tức bắt đầu từ “Giáp” kết hợp với “Tý”, tổng cộng có 60 tổ hợp thiên can địa chi khác nhau. Những tổ hợp này sẽ là mật mã vận mệnh của mỗi người.

Lấy ngày 20 tháng 3 năm 2004 làm ví dụ. Tra trong lịch vạn niên ta biết được rằng, thiên can địa chi của ngày này là Mậu Tuất. Vì vậy phải viết chữ “Mậu Tuất” ở phần trụ ngày trong Bát tự. Người sinh ra vào ngày này, nhật nguyên sẽ là Mậu Thổ.

Khi phán Bát tự, buổi tối sau 11 giờ sẽ là giờ Tý của ngày hôm sau. Khi viết Bát tự, trước tiên phải viết ra nhật nguyên trước, không được viết năm trước, lý do là sau tiết Lập xuân mới chính thức bước vào tháng đầu tiên của một năm. Lập xuân là khoảng ngày 4 tháng 2 dương lịch. Lịch vạn niên hàng năm đều chỉ rõ, từ ngày nào giờ nào bắt đầu chính thức bước sang năm mới.

Ví dụ năm 2004 là năm Giáp Thân, nhưng bắt đầu từ ngày nào mới chính thức bước sang năm Giáp Thân? Hãy lật lịch vạn niên ra, ta sẽ thấy ngày Quý Sửu

mồng 4 tháng 2, ở cột tiết khí, thời điểm Lập xuân là giờ Tuất ngày 14 âm lịch, tức 19 giờ 44 phút. Vì vậy, 19 giờ 44 phút tối ngày 4 tháng 2 năm 2004 sẽ chính thức bước vào năm Giáp Thân. Để xem một người có được sinh ra vào năm Thân hay không, yếu tố quyết định nằm ở chỗ người này có được sinh ra sau ngày 4 tháng 2 hay không. Nếu sinh vào ngày mồng 1 tháng 2, ngày này vẫn chưa chuyển giao tiết khí, vẫn thuộc vào tiết lệnh trước, tức là thuộc vào năm trước.

Trong Bát tự, phải căn cứ vào tiết lệnh để tìm ra địa chi của tháng. Tháng đầu tiên của mỗi năm bắt đầu từ tiết Lập xuân, tức từ ngày mồng 4 tháng 2 đến mồng 5 tháng 3 dương lịch. Tháng thứ hai bắt đầu từ Kinh trập, tức từ ngày mồng 5 tháng 3 đến mồng 4 tháng 4, và cứ suy tính tương tự như vậy. Ngày 20 tháng 3 năm 2004 thuộc tiết Kinh trập, vì vậy trụ tháng là Đinh Mão, cho nên trụ tháng của người này là Đinh Mão, trụ ngày là Mậu Tuất, trụ năm là Giáp Thân.

CANH GIỜ	GIỜ					
	THIÊN CAN TRỤ GIỜ	GIÁP KỶ	ẤT CANH	BÍNH TÂN	ĐINH NHÂM	MẬU QUÝ
GIỜ TÝ	23h - 1h	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Nhâm
GIỜ SỬU	1h - 3h	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Quý
GIỜ DẦN	3h - 5h	Bính	Mậu	Canh	Nhâm	Giáp
GIỜ MÃO	5h - 7h	Đinh	Kỷ	Tân	Quý	Ất
GIỜ THÌN	7h - 9h	Mậu	Canh	Nhâm	Giáp	Bính
GIỜ TỴ	9h - 11h	Kỷ	Tân	Quý	Ất	Đinh
GIỜ NGỌ	11h - 13h	Canh	Nhâm	Giáp	Bính	Mậu
GIỜ MÙI	13h - 15h	Tân	Quý	Ất	Đinh	Kỷ
GIỜ THÂN	15h - 17h	Nhâm	Giáp	Bính	Mậu	Canh
GIỜ DẬU	17h - 19h	Quý	Ất	Đinh	Kỷ	Tân
GIỜ TUẤT	19h - 21h	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Canh
GIỜ HỢI	21h - 23h	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Tân

Sau đó mới xem tới giờ, nếu thời gian sinh là 5 giờ 50 phút chiều, tức là thuộc giờ Dậu. Phương pháp để tìm thiên can của giờ Dậu, là có thể tra bảng hoặc dùng khẩu quyết. Khẩu quyết để tìm thiên can là:

Giáp Kỷ hoàn gia Giáp, Ất Canh Bính tác sơ; Bính Tân khởi từ Mậu, Đinh Nhâm Canh Tý cư; Mậu Quý hà phương phát, Nhâm Tý thị chính đồ. (Giải thích: Ngày Giáp, ngày Kỷ, sẽ bắt đầu từ giờ Giáp Tý, kể là Ất Sửu, Bính Dần... Ngày Ất, ngày Canh sẽ bắt đầu từ giờ Bính Tý... Ngày Mậu, ngày Quý sẽ bắt đầu từ giờ Nhâm Tý, rồi đến Quý Sửu...).

Dựa theo bảng tra nhanh ở trên, nếu nhật nguyên là Mậu, sinh vào giờ Dậu, thì can chi giờ sẽ là Tân Dậu. Đến đây Bát tự đã được tìm ra đầy đủ.

Học Bát tự phải chú trọng đến nhật nguyên. Mỗi can trong mười thiên can đều có đặc tính riêng, trạng thái của chúng chịu ảnh hưởng của chi tháng, nguyên do chính là: mùa sẽ quyết định nhiệt độ của ngũ hành. Mùa xuân Mộc vượng, mùa hè Hỏa vượng, mùa thu Kim vượng, mùa đông Thủy vượng, mười lăm ngày trước tiết Lập của mỗi mùa là lúc Thổ vượng. Ngũ hành của địa chi khống chế sự biến hóa của thiên can, đó chính là bản chất trong Bát tự của mỗi người, tức là tính cách và xu hướng biến đổi tiềm tàng, cũng có thể nói đó là một loại quả báo có sức ảnh hưởng và khả năng tác động lớn nhất.

Chi tháng tượng trưng năng lượng căn bản của mình, còn năng lượng từ bên ngoài đến được tượng trưng bởi can tháng và can năm. Vì vậy, nếu dụng thần tại thiên can của năm, tháng, người này thường có nhiều quý nhân là trưởng, hoặc rất dễ làm giàu thành công. Rất nhiều người giàu có nổi tiếng, trong Bát tự đều có dụng thần là thiên can của năm, tháng.

Nhật nguyên chịu ảnh hưởng lớn nhất từ tháng sinh, vì tháng sinh là thứ duy nhất trong Bát tự có quyền quyết định sức mạnh của ngũ hành. Thứ hai là chi giờ, vì thời gian cũng tác động đến nhiệt độ. Giờ Ngọ tương đối nóng, giờ Tý tương đối lạnh. Nhưng sức mạnh của nó không bằng mùa, vì vậy giờ Tý vào mùa hè cũng là giờ tương đối nóng.

Có thể thấy chi tháng có sức ảnh hưởng lớn nhất, thứ đến là chi giờ. Mà chi tháng chịu ảnh hưởng của chi ngày nhiều hơn so với chi năm, trong hợp cục, trước tiên xem xét sự hóa hợp của chi tháng và chi ngày, sau đó là chi giờ, cuối cùng là chi năm. Đây là một kỹ năng quan trọng trong Bát tự học.

Giờ thực chất chính là mật mã của cái chết. Giờ, ngày, tháng chết của con người thông thường đều có liên quan tới thiên can địa chi của giờ. Nhưng khi phán đoán Bát tự tốt nhất không nên phán đoán người ta chết vào lúc nào, vì kết

quả chưa chắc đã chuẩn, lại khiến đối phương phải sống trong nơm nớp lo sợ suốt phần đời còn lại, nên đây là một cách làm không hợp đạo đức. Vì vậy người nào càng hiểu rõ Bát tự, càng không muốn phán Bát tự, vì biết càng nhiều lại càng không muốn nói ra.

Đồng Mộ Tiết là một tiên bối nghiên cứu về thuật số mà tôi rất kính phục, ông là truyền nhân duy nhất của Thiết Bản thần số. Khi đoán mệnh cho người khác, đoán đến năm 70 tuổi, ông luôn tổng kết bằng một câu: “Nam Cực tiên ông đến tăng thọ”. Câu này tôi cũng thường sử dụng, khi có người muốn biết cuộc đời mình sẽ kết thúc vào lúc nào, tôi sẽ nói: “Nam Cực tiên ông đến tăng thọ”. Sự thực đúng là như vậy. Chỉ cần tích lũy nhiều công đức, sẽ được trường thọ.

Sau khi tìm ra Bát tự, sẽ phải khởi đại vận cho Bát tự. Trước tiên phải biết người này là nam hay nữ. Nam thuộc dương, nữ thuộc âm.

Đối với nam giới, nếu như thiên can của năm sinh là dương, đại vận sẽ tính thuận; nếu thiên can của năm sinh là âm, đại vận sẽ tính ngược.

Đối với nữ giới, nếu thiên can của năm sinh là dương, đại vận sẽ tính ngược; thiên can của năm sinh là âm, đại vận sẽ tính thuận.

Ví dụ: 17 giờ 15 phút ngày 20 tháng 3 năm 2004 (nam)

THIÊN CAN ĐỊA CHI

GIÁP	THÂN
ĐINH	THÌN
MẬU	TY
KỶ	SỬU

Lấy Bát tự trên đây làm ví dụ, nam thuộc dương, năm Giáp Thân cũng thuộc dương, như vậy là dương với dương là dương, đại vận tính thuận. Từ ngày 20 tháng 3 tính thuận tới ngày 4 tháng 4 của tiết lệnh tiếp theo, đúng bằng 15 ngày. Cứ 3 ngày coi là 1 năm, 15 chia 3 bằng 5, vì vậy người này khởi vận từ năm 5 tuổi. Do đại vận tính thuận, từ tháng sinh trong Bát tự tính thuận đến tháng tiếp theo là Mậu Thìn, vì vậy đại vận mười năm đầu là Mậu Thìn, đại vận tiếp theo là Kỷ Ty, các đại vận tiếp theo suy luận tương tự như vậy.

5 – 14 TUỔI	MẬU THÌN
15 – 24 TUỔI	KỶ TỶ
25 – 34 TUỔI	CANH NGỌ
35 – 44 TUỔI	TÂN MÙI
45 – 54 TUỔI	NHÂM THÂN
55 – 64 TUỔI	QUÝ DẬU
65 – 74 TUỔI	GIÁP TUẤT
75 – 84 TUỔI	ẤT HỢI

Nếu người này là nữ, đại vận tính ngược, từ ngày 20 tháng 3 tính ngược tới ngày 5 tháng 3 của tiết lệnh phía trước tức Kinh trập, đúng bằng 15 ngày. Cứ 3 ngày coi là 1 năm, dư 2 ngày tính là 1 năm, dư 1 ngày không tính. 15 chia cho 3 đúng bằng 5, không có số dư, vì vậy nữ giới sinh ra vào ngày này, Bát tự khởi vận từ năm 5 tuổi. Sau đó xếp đại vận theo phương pháp tính ngược, tháng trước của tháng Đinh Mão là Bính Dần, vì vậy đại vận đầu tiên là Bính Dần, đại vận thứ hai là Ất Sửu, các đại vận tiếp theo suy tính tương tự như vậy.

Sau khi xếp được đại vận, có thể bắt đầu tính toán.

CĂN CỨ VÀO THÁNG SINH ĐỂ TÌM DỤNG THẦN

Trong Bát tự này, ngũ hành của các thiên can là: Giáp thuộc Mộc, Đinh thuộc Hỏa, Mậu thuộc Thổ, Tân thuộc Kim; ngũ hành của các địa chi là: Dậu thuộc Kim, Tuất thuộc Thổ, Mão thuộc Mộc, Thân thuộc Kim. Có đủ các ngũ hành Kim, Mộc, Hỏa, Thổ, chỉ thiếu Thủy, vì vậy Bát tự này cần Thủy. Vậy tìm dụng thần bằng phương pháp này có chuẩn hay không? Đôi khi cũng có khả năng tìm đúng. Như trong Bát tự này, áp dụng phương pháp trên quả thực đã tìm đúng. Nhưng không phải lần nào cũng có thể trùng hợp như vậy, bình quân trong 10 lần có khoảng 3 lần tìm đúng theo phương pháp này. Người không hiểu Bát tự thường lợi dụng phương pháp lừa gạt này để phán Bát tự cho người khác, các bạn đừng nên học theo.

Trong Bát tự, năm sinh tượng trưng cho tổ tiên, tháng sinh tượng trưng cho cha mẹ, thiên can của ngày sinh tượng trưng cho bản thân mình, địa chi của ngày sinh tượng trưng cho vợ hoặc chồng, giờ sinh tượng trưng cho con cái. Di sản mà cha mẹ, tổ tiên để lại cho bạn gọi là "gia sơn". Muốn biết một người có nhận được phúc đức của tổ tiên hay không, phải tìm từ thiên can của năm sinh và tháng sinh. Trong ví dụ trên, Bát tự này không có gia sơn, vì Bát tự có dụng thần là Kim Thủy, mà gia sơn là Mộc Hỏa. Mộc Hỏa là kỵ thần của Bát tự, cho thấy người này không có gia sơn.

NGƯỜI THÂN TRONG BÁT TỰ

ÔNG	BÀ
CHA	MẸ
BẢN THÂN	VỢ CHỒNG
CON TRAI	CON GÁI

Ngoài ra, giờ, ngày, tháng, năm sinh trong Bát tự cũng lần lượt tượng trưng cho các giai đoạn niên thiếu, thanh niên, trưởng thành và về già của bản thân.

NĂM	NIÊN THIÊN
THÁNG	THÁNG SINH
GIỜ	THỜI GIAN THÁNG
GIỜ	VỊ GIÃ

Trong Bát tự, có một chữ rất đặc biệt, khống chế nhiệt độ của toàn bộ Bát tự, đó là địa chi của tháng sinh. Ví dụ người sinh vào mùa hè, Bát tự chắc chắn rất nóng, cho dù là vào buổi tối mùa hè, không khí cũng vẫn rất nóng bức. Địa chi của tháng sinh khống chế toàn bộ ngũ hành của Bát tự, chữ này chính là “ma tính” của bạn, nó quyết định nhiệt độ của những chữ khác, đồng thời chứng tỏ nó là chữ vượng nhất và có sức mạnh nhất.

Ngoài tháng sinh ảnh hưởng tới nhiệt độ, giờ sinh cũng có ảnh hưởng tới nhiệt độ. Thông thường, buổi trưa đương nhiên sẽ nóng hơn ban tối; buổi trưa là thời gian của Hỏa, buổi tối là thời gian của Thủy. Mặc dù giờ sinh có ảnh hưởng tới nhiệt độ của Bát tự, nhưng sức ảnh hưởng không thể sánh bằng mùa. Ví dụ vào mùa đông, buổi trưa vẫn rất lạnh; mùa hè ban tối vẫn rất nóng. Vì vậy mới nói, mật mã mùa có tính chất quyết định, mật mã giờ chỉ mang tính phối hợp. Trong toàn bộ Bát tự này, chỉ có tháng sinh và giờ sinh là có mật mã nhiệt độ, những chữ khác không thể quyết định nhiệt độ.

BỐN MÙA	ĐỊA CHI	NGŨ HÀNH VƯỢNG NHẤT
MÙA XUÂN	Dần, Mão, Thìn	Mộc
MÙA HÈ	Tý, Ngọ, Mùi	Hỏa
MÙA THU	Thân, Dậu, Tuất	Kim
MÙA ĐÔNG	Hợi, Tỵ, Sửu	Thủy

Trong ví dụ Bát tự nêu trên, địa chi của tháng sinh là Mão Mộc, Bát tự này kỵ Mộc, nên dụng thần thứ nhất cần phải tương phản với Mộc. Nói cách khác, thứ đối xung với tháng sinh sẽ là dụng thần thứ nhất trong Bát tự. Trong phần trước đã giới thiệu về ba nhóm địa chi: Tý Ngọ Mão Dậu, Thìn Tuất Sửu Mùi, Dần Thân Tỵ Hợi. Trong đó Tý Ngọ tương xung, Mão Dậu tương xung, Thìn Tuất tương xung, Sửu Mùi tương xung, Dần Thân tương xung, Tỵ Hợi tương xung.

Trong ví dụ này, tháng sinh là Mão, Dậu xung với Mão, vì vậy dụng thần thứ nhất là Dậu. Trong cuộc đời của người này, vận tốt nhất là vận Tân từ lúc 35 đến 40 tuổi, thứ hai là vận Dậu từ 60 đến 65 tuổi. Trong năm năm đại vận từ 35 đến 40 tuổi, lại tìm xem liệu có ngũ hành thuộc Kim xuất hiện hay không. Nếu trong khoảng thời gian đó xuất hiện năm Dậu hoặc năm Thân, thì năm đó sẽ hành vận nhất.

Dùng mùa để tìm ra hành tương xung là phương pháp tìm dụng thần nhanh nhất. Thuyết cải vận dành cho mệnh thiếu ngũ hành cũng có xuất phát điểm từ đó. Học thuyết “Mệnh thiếu ngũ hành” cho rằng, với những người sinh ra ở các mùa khác nhau, Bát tự cũng cần đến những ngũ hành không giống nhau:

Người mệnh thiếu Kim: sinh từ ngày 19/2 đến 4/5 dương lịch, trong mệnh cần Kim;

Người mệnh thiếu Thủy: sinh từ ngày 5/5 đến 7/8 dương lịch, trong mệnh cần Thủy;

Người mệnh thiếu Mộc: sinh từ ngày 8/8 đến 7/11 dương lịch, trong mệnh cần Mộc;

Người mệnh thiếu Hỏa: sinh từ ngày 8/11 đến 18/2 dương lịch, trong mệnh cần Hỏa;

Nói một cách đơn giản, nếu bạn sinh vào mùa hè, Bát tự tương đối nóng, nên bạn cần có Thủy và kỵ Hỏa. Nếu bạn sinh vào mùa đông, bạn cần Hỏa và kỵ Thủy; sinh vào mùa xuân, do mùa xuân là mùa Mộc vượng, Mộc quá nhiều nên cần Kim chặt bớt, vì vậy cần Kim kỵ Mộc. Mùa thu là mùa cây cối lụi tàn, người sinh vào mùa thu cần Mộc kỵ Kim. Lý luận “mệnh thiếu Ngũ hành” tương đối chung chung, chỉ thích hợp để tham khảo. Nếu muốn biết chính xác ngũ hành của mình cần gì, cần phải tiến hành tính toán Bát tự một cách chuyên nghiệp, trong đó có rất nhiều huyền cơ kỳ diệu.

Nguyên lý cơ bản của thuyết “mệnh thiếu Ngũ hành” là dạy mọi người biết căn cứ vào hành tương xung với tháng sinh để tìm ra loại ngũ hành mà mình còn thiếu. Điểm khác biệt giữa thuyết mệnh thiếu ngũ hành và Bát tự là: thuyết mệnh thiếu ngũ hành chỉ dạy bạn cách tìm ra một loại dụng thần, nhưng Bát tự lại dạy bạn cách tìm ra tất cả dụng thần. Thông thường dụng thần không chỉ có một loại, mà sẽ có hai loại, thậm chí ba loại, rất ít người chỉ có một loại dụng thần.

Rất nhiều người cho rằng, thiên can địa chi chỉ là những ký hiệu và số lý, thực ra chúng cũng là “tượng”. Trong “Kinh Dịch” có hai phương pháp nghiên cứu lớn, đó là “số” và “tượng”. Ví dụ Giáp Mộc, nó vừa là một ký hiệu của thiên can, đồng thời cũng là một loại “tượng”, tượng tức là hình tượng của sự vật. “Giáp” Mộc là cây cao lớn, là giáp trụ, là con vịt, là con cua, là bộ cánh cứng... ứng dụng trong thực tế là khoa giáp thi cử, ứng dụng trong chữ số là số 1 và chữ cái A... Suy luận tương tự như vậy, bạn sẽ hiểu được rằng, sau khi tìm được dụng thần của một người từ trong Bát tự, có thể ứng dụng vào trong cuộc sống thường ngày, đây chính là khởi nguồn của lý luận “Mệnh thiếu ngũ hành”.

Bát tự là một loại “Dự đoán học”, nhưng nếu như phóng đại nó thành “Cải vận học”, đặc biệt là cải vận cho bản thân, hứng thú học tập sẽ tăng lên gấp bội. Nếu như tiến hành xem vận, cải vận cho vợ chồng, cha mẹ, bạn sẽ phát hiện ra rằng, Bát tự sẽ giống như bắt mạch trong Đông y, tìm ra mạch tượng của một người chỉ là thao tác ban đầu, còn mục đích chính là bốc thuốc. Trong Bát tự của mỗi người đều có từ hai đến ba dụng thần, đóng vai trò quan trọng nhất chỉ có một dụng thần, không cần quan tâm những người bên cạnh bạn có kỵ dụng thần này hay không, chỉ cần bản thân tìm được đúng là có thể thay đổi được vận. Sau khi học Bát tự được tới mức xuất thần nhập hóa, còn có thể phối hợp dụng thần với phi tinh lưu niên và lý luận cứu cung trong Kinh Dịch để bày trận Phong thủy. Trong tương lai, loại Phong thủy học như vậy sẽ chính là văn hóa Phong thủy cao siêu nhất và thực dụng nhất.

Nhưng có một số người kỳ quặc sẽ hỏi rằng: “Tôi thích phản kháng lại chính mình. Mặc dù tôi kỵ Mộc, nhưng ngày nào tôi cũng mặc áo xanh, khắp nhà chỗ nào cũng bày cỏ. Tôi còn đổi tên thành “Lục”, chuyển nhà đến sống ở nơi nhiều Mộc. Tôi thích làm tổn hại đến ngũ hành của mình, như thế thì sẽ thế nào?”

Mọi người thử đoán xem, kết quả sẽ như thế nào? Nếu bạn luôn làm bạn với ngũ hành mà mình kỵ, sẽ có hai hiện tượng xảy ra: nếu là nam giới, bạn sẽ trở thành một người đàn ông rất đẹp trai, nhưng thực chất lại là kẻ “bất lực”, tức đẹp trai nhưng không bình thường. Nữ giới sẽ trở thành người lẳng lơ thích dụ dỗ đàn ông. Giả dụ bạn đã không xinh đẹp lại chưa kết hôn, muốn thay đổi hiện trạng, bạn có thể xem xét sử dụng phương pháp này.

Người ta thường dùng từ “ma tính” để chỉ những suy nghĩ, cảm xúc khơi gợi nên tình yêu và dục vọng, khiến con người đau khổ, sa đọa, vận kiếp không

thể quay đầu. Cũng sẽ xuất hiện một hiện tượng khác, phải xem ngũ hành này tượng trưng cho loại quan hệ nào. Giả dụ nhật nguyên là Mậu, địa chi tháng sinh là Mão, đối với nam giới, tương khắc khác tính chất âm dương là Chính Quan, nên Mão là Chính Quan của Mậu. Nếu người này cố tình gặp nhiều Mão Mùi, sẽ dễ phạm phải kiện tụng thị phi, hoặc tổn hại đến danh dự.

Mặt khác, Mão là tứ Đào hoa, nếu như một người có Mão, nhưng Mão lại là kỵ thần, cho thấy người này sẽ vì đào hoa mà phải chịu tai họa rất lớn. Nếu trong Bát tự, Mão là Tài tinh, tượng trưng cho mất mát tài sản. Nếu như Mão là Ấn tinh, cho thấy mẹ sẽ gặp vấn đề, hoặc khi đọc sách, khi ngủ sẽ gặp phải vấn đề.

Tóm lại, một chữ này chính là “ma tính” của bạn, nếu bạn cứ đến gần con ma đó, những vấn đề rắc rối do “ma tính” này sinh ra sẽ ứng nghiệm. Dựa vào nhật nguyên ngày sinh để tìm ra quan hệ với “ma tính”, có thể biết được sẽ ứng nghiệm vào những sự việc nào.

HỢP CỤC THIÊN BIẾN VẠN HÓA

Phương pháp tìm dụng thần chi tiết có thể khái quát lại thành những quy luật dưới đây:

Thứ nhất, trước tiên bắt đầu từ tháng sinh, lấy thứ tương xung với tháng sinh là dụng thần, tức là ngũ hành của địa chi tương xung với địa chi của tháng sinh.

Thứ hai, tìm ra thiên can của nhật nguyên, dựa vào yêu cầu khác nhau của nó để tìm ra ngũ hành còn thiếu, ngũ hành đó là dụng thần.

Thứ ba, phân biệt nhật nguyên âm và dương, ví dụ trong tình huống nào dùng Nhâm Thủy, trong tình huống nào dùng Quý Thủy. Thời điểm nào cần Bính Hỏa, thời điểm nào cần Đinh Hỏa.

Thứ tư, tháng sinh khống chế sức mạnh của toàn bộ Bát tự, vì vậy tháng sinh khống chế tất cả các cục tam hợp, lục hợp.

Địa chi có lý luận tam hợp, tam hội và lục hợp, thiên can cũng sẽ phát sinh hợp cục. Điều này tượng trưng cho điều gì? Địa chi của tháng sinh thường xuyên ngầm ngầm cấu kết với mật mã của đại vận hoặc Bát tự, khiến Bát tự bị thay đổi.

Trong ví dụ phía trên, tháng sinh Mão sẽ hội hợp với Tuất ở bên cạnh tạo thành Hỏa, khiến Bát tự này rất giàu tính Hỏa.

Hợp cục được ứng dụng rất rộng rãi trong Bát tự, nhất định phải ghi nhớ kỹ. Vận dụng vào trong cuộc sống thường ngày, nếu năm nào phạm Thái Tuế, có thể dùng hợp cục để cứu vãn. Phương pháp là dùng lục hợp để cân bằng và giảm bớt hình khắc do lục xung gây ra. Hợp cục cũng khiến ngũ hành thay đổi, khiến vận trình xuất hiện tình trạng lên xuống thất thường. Hợp cục có thể đem lại thành công trong hai tình huống sau:

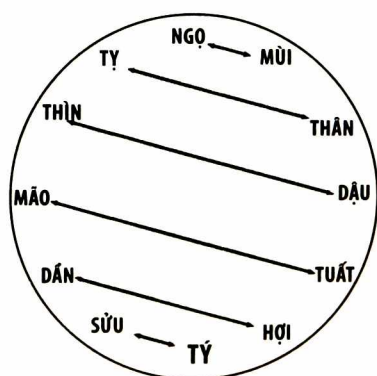
Tình huống thứ nhất: Chi tháng trong Bát tự là ngũ hành của hợp cục.

Tình huống thứ hai: Ngũ hành của hợp cục rất vượng trong Bát tự.

Ví dụ sinh tại tháng Tý, tất cả hợp cục Thủy đều có thể thành công. Tức trong tháng Tý, Bính Tân có thể hợp Thủy, Thân Tý Thìn có thể hợp Thủy, Hợi Tý Sửu có thể hợp hóa thành Thủy. Cũng suy như vậy, nếu chi tháng là Ngọ, hợp cục Hỏa có thể thành công. Chi tháng là Dậu, hợp cục Kim thành công. Tháng Mão, hợp cục Mộc thành công. Đây là nguyên lý của hợp cục.

Địa chi của tháng sinh khống chế toàn bộ Bát tự, chữ này và tất cả những hợp cục, xung cục khác trong Bát tự sẽ quyết định vận mệnh của toàn bộ Bát tự đó. Sự biến đổi của chữ này là quan trọng nhất, sự biến đổi của những chữ khác chỉ đóng vai trò thứ yếu. Mọi người phải thuộc lòng các hợp cục của thiên can địa chi, mới có thể tính toán một cách trôi chảy, thuận lợi.

ĐỊA CHI LỤC HỢP

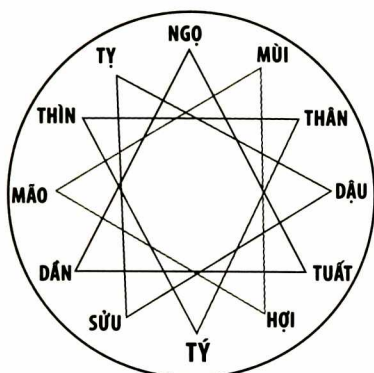


Dần Mộc + Hợi Thủy = hợp hóa Mộc

Thìn Thổ + Dậu Kim = hợp hóa Kim

Ngọ Hỏa + Mùi Thổ = hợp hóa Hỏa

ĐỊA CHI TAM HỢP



Thân Kim + Tý Thủy + Thìn Thổ = hợp Thủy

Dần Mộc + Ngọ Hỏa + Tuất Thổ = hợp Hỏa

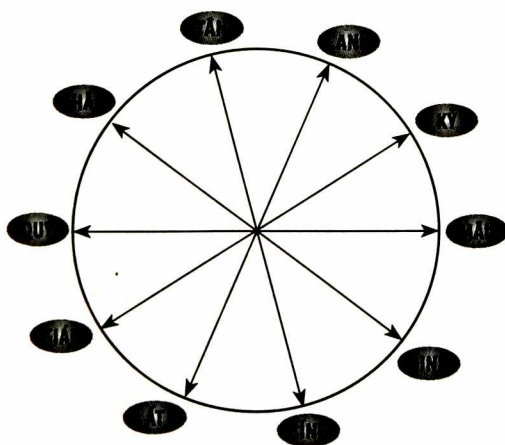
ĐỊA CHI TAM HỘI



Dần Mộc + Mão Mộc + Thìn Thổ = hội Mộc

Thân Kim + Dậu Kim + Tuất Thổ = hội Kim

ĐỊA CHI NGŨ HỘI

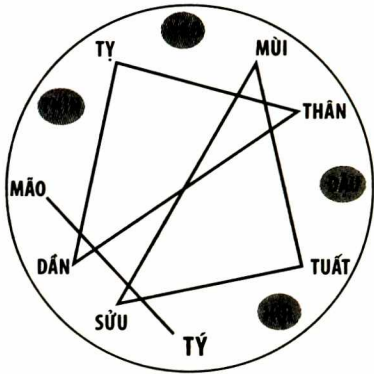


Giáp Mộc + Kỷ Thổ = hợp hóa Thổ

Bính Hỏa + Tân Kim = hợp hóa Thủy

Mậu Thổ + Quý Thủy = hợp hóa Hỏa

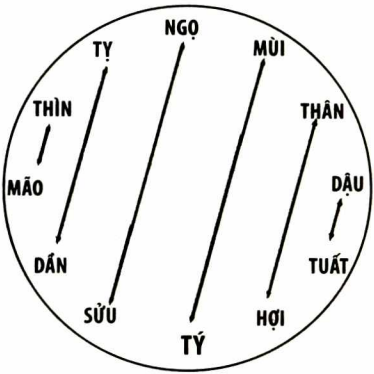
ĐỊA CHI TƯỢNG HÌNH



Dần Tý Thân: cái hình vô ơn

Tý Ngọ: cái hình vô lễ

ĐỊA CHI TƯƠNG HẠI

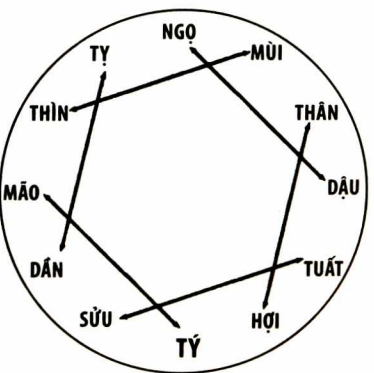


Tý Mùi tương hại

Dần Tý tương hại

Dậu Tuất tương hại

ĐỊA CHI TƯƠNG PHÁ



Tý Dậu tương phá

Thìn Sửu tương phá

Thân Tý tương phá

BẢNG TRA QUAN HỆ CỦA CÁC ĐỊA CHI

	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
TÝ		Hợp	Hình	Tam hợp		Xung	Hại	Tam hợp	Phá			
SỬU	Hợp			Phá	Tam hợp	Hại	Hình xung		Tam hợp	Hình		
DẦN					Hình	Tam hợp		Hình xung		Tam hợp	Hợp phá	
MÃO	Hình			Hại		Phá	Tam hợp		Xung	Hợp	Tam hợp	
THÌN	Tam hợp	Phá		Hình				Tam hợp	Hợp	Xung		
TỶ		Tam hợp	Hình hại					Hợp hình	Tam hợp		Xung	
NGỌ	Xung	Hại	Tam hợp	Phá		Hình	Hợp			Tam hợp		
MÙI	Hại	Xung		Tam hợp		Hợp				Hình phá	Tam hợp	
THÂN	Tam hợp		Hình xung		Tam hợp	Hợp hình					Hại	
DẬU	Phá	Tam hợp		Xung	Hợp	Tam hợp			Hình	Hại		
TUẤT		Hình	Tam hợp	Hợp	Xung		Tam hợp	Hình phá		Hại		
HỢI			Hợp phá	Tam hợp		Xung		Tam hợp	Hại		Hình	

TÁC DỤNG THẦN KỲ CỦA ĐỊA CHI TÀNG CAN

Đến đây, các bạn đều đã nắm bắt được lý luận cơ bản của việc tìm dụng thần Bát tự. Dưới đây, qua những ví dụ thực tế về Bát tự, tôi sẽ hướng dẫn mọi người cách vận dụng linh hoạt những lý luận đã học được vào trong việc tính toán thực tế.

QUÝ	TỶ
BÍNH	THÌN
ẤT	MÙI

13 - 22 TUỔI	GIÁP DẦN
23 - 32 TUỔI	QUÝ SỬU
33 - 42 TUỔI	NHÂM TÝ
43 - 52 TUỔI	TÂN HỢI
53 - 62 TUỔI	CANH TUẤT
63 - 72 TUỔI	ẤT DẬU

Đây là Bát tự sinh vào năm Tỵ. Người sinh năm Tỵ trong mười hai con giáp có một đặc trưng rất nổi bật, tức là thường xuyên có mệnh tốt. Từng có một bài báo cáo điều tra của nước ngoài chỉ ra, người sinh ra vào tháng 5 dương lịch thường rất may mắn. Tính theo lịch Trung Quốc, tháng 5 dương lịch là tháng Tỵ, tức tháng rắn. Nói cách khác, người sinh ra vào năm Tỵ hoặc tháng Tỵ thường có vận rất tốt.

Một mật mã rất quan trọng trong Bát tự là địa chi của tháng sinh, từ đặc trưng của chi tháng có thể nhanh chóng tìm hiểu được về tính cách của người này, và đặc trưng lớn nhất trong cuộc đời họ. Trong ví dụ này chi tháng là Thìn. Có một nhân vật rất nổi tiếng cũng sinh ra vào tháng Thìn, đó là Thành Long. Tháng năm sinh là rồng hoặc rắn, cũng đều cho thấy người này có một loại bản năng vượt trội hơn người khác. Tháng sinh là Thìn, tất cả hợp cục trong Bát tự đều được sinh ra. Vì rồng tượng trưng cho biến hóa khôn lường. Nếu Bát tự có Thìn, bất kể hợp cục là loại ngũ hành nào, chỉ cần có Thìn xuất hiện, là có thể lập tức hợp cục thành công.

Tháng sinh của Bát tự này là Thìn, vì vậy người này cả đời thay đổi cực nhiều, khi phát sinh một chuyện nào đó, sẽ thường đem lại những kết quả không ngờ tới. Phần lớn người có chữ này đều là kỳ nhân dị tướng.

Người này sinh ra vào ngày Ất Mộc. Mộc chia thành Giáp Mộc và Ất Mộc. Ất Mộc là thực vật, nhân tố cần thiết nhất đối với thực vật là ánh sáng mặt trời, trong Bát tự, ánh sáng mặt trời là Bính Hỏa. Ngoài ánh sáng mặt trời, thực vật cũng cần có Thủy (nước) để tưới ướt. Loại Thủy này không phải nước sông lớn,

vì vậy không phải là Nhâm Thủy, mà là Quý Thủy có tính chất thấm nhuần. Dụng thần của người Ất Mộc chính là Bính Hỏa và Quý Thủy.

Trong mười hai địa chi, mỗi một địa chi đều ẩn tàng thiên can, gọi là “địa chi tàng can”. Muốn học sâu về cách xem Bát tự, cần phải hiểu được thế nào là địa chi tàng can.

ĐỊA CHI	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO
ĐỊA CHI TÀNG CAN	Quý	Kỷ, Quý, Tân	Giáp, Bính, Mậu	Ất
TỶ LỆ SỨC MẠNH	100	60, 30, 10	60, 30, 10	100

ĐỊA CHI	THÌN	TÝ	NGỌ	MÙI
ĐỊA CHI TÀNG CAN	Mậu, Ất, Quý	Bính Mậu Canh	Đinh, Kỷ	Kỷ, Đinh, Ất
TỶ LỆ SỨC MẠNH	60, 30, 10	60 30 10	70, 30	60, 30, 10

ĐỊA CHI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
ĐỊA CHI TÀNG CAN	Canh, Nhâm, Mậu	Tân	Mậu, Tân, Đinh	Nhâm, Giáp
TỶ LỆ SỨC MẠNH	60, 30, 10	100	60, 30, 10	70, 30

Tiếp theo, tôi sẽ phân tích địa chi của tháng sinh, để tìm xem trong đó ẩn chứa những thiên can nào. Chữ Thìn ẩn chữ Ất Mộc là Quý Thủy, vì vậy thực vật nhật nguyên rất cường tráng, là cường Mộc, người này thân mạnh, là mệnh tốt, vì trong Bát tự có thiên can tháng sinh là Bính, thiên can năm sinh là Quý, có cả Bính và Quý, tức hai yếu tố mà người Ất Mộc cần nhất đều có trong Bát tự. Điều này cho thấy người này luôn được người trên giúp đỡ ở mọi nơi, mọi lúc.

Bát tự này sinh tại tháng Thìn. Quý Thủy rất dồi dào, nhưng Bính Hỏa lại yếu ớt, vì Thìn Thổ là đất ẩm, đất ẩm sẽ làm tiêu tan sức nóng của Hỏa, bất kỳ Hỏa nào khi gặp đất ẩm cũng sẽ mất đi tác dụng. Nhưng vận người này rất tốt, vì sinh tại năm Tỵ, Tỵ và Mùi trong nhật nguyên có thể củng Thủy. Thế nào là củng Thủy? Tỵ Ngọ Mùi tam hợp Hỏa cục, ở đây thiếu mất Ngọ Hỏa, nhưng tàng can của Mùi là Kỷ Đinh Ất, tàng can của Ngọ là Đinh Ất, mặc dù bề ngoài không thấy Ngọ Hỏa, nhưng bên trong lại ẩn chứa Ngọ Hỏa, nên gọi là “củng Thủy”.

Nói cách khác, dụng thần của Bát tự này là Hỏa, người này chỉ cần giữ được Bính Hỏa, cả đời sẽ không phải lo lắng điều gì. Lại xem đại vận Bát tự của người này, sắp tới người này sẽ bước vào đại vận Tân Hợi. Người phải có đủ Hỏa mới có thể mạnh khỏe, đầu óc mới tỉnh táo. Nếu Bính gặp Tân sẽ biến thành Thủy, trong Bát tự hoàn toàn không có Hỏa, người này cả ngày sẽ ngủ gà ngủ gật.

Thực ra Bính Hỏa trong Bát tự này không hề cô độc. Trong địa chi Tỵ đã ẩn chứa Bính Hỏa, Canh Kim, Mậu Thổ. Mặc dù Tỵ thuộc âm, nhưng bên trong lại bao hàm dương Kim, dương Hỏa, dương Thổ. Thực ra trong Bát tự đã xuất hiện hai Bính Hỏa, một tại thiên can, một tại địa chi, cả hai hình thành một mạch khí tương thông, giúp người này trước đây luôn được thuận buồm xuôi gió, tình yêu sự nghiệp đều được toại nguyện.

Nhưng khi Tỵ gặp phải đại vận Hợi, Tỵ Hợi tương xung, khiến mạch khí giữa Bính Hỏa bị ngắt quãng. Khi Bính và Tân gặp nhau, Bính Tân hợp hóa thành Thủy, lại dập tắt Bính Hỏa biến thành Thủy. Người này hoàn toàn dựa vào Bính Hỏa để giữ cho Mộc này không bị mốc, vì vậy nguy cơ lớn nhất chính là mười năm hành vận Bính Hỏa phiêu diêu này. Bát tự này lấy Hỏa làm dụng thần, Kim sinh Thủy tiết khí của Hỏa, Tân Kim là đại kỵ. Lại dựa theo tàng can, tìm xem địa chi nào ẩn chứa Tân Kim? Là Dậu, vì vậy Tân Kim sẽ là mật mã tử vong trong Bát tự, người này nếu gặp Tân Kim sẽ hành suy vận.

CĂN CỨ VÀO LƯU NIÊN PHÁN ĐOÁN TÌNH HÌNH CỤ THỂ

Khi đã xác định được đặc tính của Bát tự, và sắp xếp được đại vận cát hung, chúng ta tiếp tục xem khi lưu niên gặp đại vận sẽ xảy ra những tình huống nào.

Trong ví dụ trên, năm 2001 là năm Tân Tỵ, Tỵ vốn thuộc Hỏa, nhưng do đại vận là Tân Hợi, nên Tỵ Hợi tương xung; chữ Tân lại xuất hiện lại, là phạm vào phục ngâm, vì vậy người này vào năm đó thiếu Hỏa. Tại tháng Thân và tháng Dậu, tức khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 dương lịch, Kim vượng nhất, cho thấy đây là giai đoạn nguy hiểm nhất, sẽ gặp phải tai nạn hoặc tổn thương bất ngờ.

Năm 2002 và năm 2003 là năm Nhâm Ngọ và Quý Mùi, hai năm này có Ngọ Hỏa và Quý Thủy sinh vượng Ất Mộc, là hai năm tương đối tốt trong đại vận, áp lực và phiền muộn trong quá khứ có thể tạm thời lắng dịu. Mặc dù vận tổng thể vẫn không đẹp, nhưng quý nhân rất nhiều, có thể gặp hung hóa cát. Năm 2004 là năm Giáp Thân, Giáp Mộc có thể sinh Hỏa, sự nghiệp của người này trong nửa năm đầu sẽ có khởi sắc. Nhưng nửa năm cuối lại đi vào vận Thân Kim, Hỏa lại một lần nữa mất đi tác dụng. Điều này chứng tỏ, người này tuy bề ngoài có vẻ rất tốt đẹp, nhưng thực ra bên trong có rất nhiều vấn đề, sự nghiệp của anh ta

có thể thành công, vẫn còn chưa chắc chắn. Vì đại vận của anh ta xuất hiện vấn đề. Khi đại vận Tân Hợi lại gặp phải tháng Thân năm Thân, tài vận và sự nghiệp sẽ gặp phải nguy cơ.

Năm 2005 là năm Ất Dậu, Bát tự gặp phải năm Ất Dậu, Dậu và Thìn trong Bát tự hợp thành Kim, Kim sẽ chặt phá Mộc trong nhật nguyên. Sau khi Dậu Thìn kết hợp, lại khiến Bính Tân hợp thành Thủy, tiếp tục chém về phía Mộc. May mà năm đó là năm Ất Mộc, tức có hai Ất Mộc có thể cùng chịu đựng chặt chém, sau khi một Ất Mộc bị chặt, vẫn còn một Ất Mộc khác đứng trụ. Vì vậy người này vẫn được cứu, đây chính là “trong nguy được cứu”. Người này sẽ gặp tai nạn vào năm 2005, nhưng cuối cùng vẫn được bình yên.

Do Bính Hỏa tượng trưng cho phần đầu, máu và tim, khi Kim vượng, những vị trí này rất dễ bị tổn thương hoặc mắc bệnh, thậm chí những tai nạn gặp phải còn có liên quan tới Hỏa. Đến năm Bính Tuất 2006, Bính Hỏa can nhất trong Bát tự lại xuất hiện một lần nữa, mặc dù Bính Tân hợp Thủy, nhưng năm đó có ba Bính Hỏa xuất hiện cùng lúc, ba Bính đối phó với một Tân, tượng trưng cho rất sung túc giàu có. Vì vậy trong năm này sẽ có sự trỗi dậy, gặp được quý nhân và chuyển cơ.

Một người có hành vận hay không, ngoài việc chịu ảnh hưởng của Bát tự, còn cần phải xem bên cạnh có xuất hiện các yếu tố ngũ hành sinh vượng hoặc khắc chế bản thân hay không, chúng sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới vận khí. Người nam trong ví dụ trên cần Hỏa, nếu như cấp trên hoặc đồng nghiệp của anh ta nhiều Hỏa, có thể giúp anh ta thành công. Nhưng người nào mới nhiều Hỏa? Những người sinh vào các tháng Dần hoặc tháng Ngọ, nhật nguyên là hai Hỏa Bính, Đinh, Bát tự đều rất nhiều Hỏa. Người đàn ông này hợp tác với người nhiều Hỏa, sẽ hành vận tốt. Ngược lại, nếu anh ta bất hòa với người nhiều Hỏa, cho thấy anh ta hành vận suy.

Nếu như anh ta gặp phải người có nhật nguyên là Tân Kim, Quý Thủy sinh vào tháng Dậu và hợp tác với người đó, hoặc một người mặc dù không thuộc Kim, nhưng đại vận lại hành đến Kim Thủy, những người này rất dễ mang lại tổn thất hoặc phiền phức cho anh ta. Người này khi bước vào đại vận Tân Hợi, bên cạnh anh ta chắc chắn sẽ xuất hiện nhiều người Kim vượng, khiến anh ta trong mười năm đó sẽ bị cản trở, trói buộc, không thể nào phát huy khả năng được.

Trong cuộc sống hiện thực, có một số người khi vừa mới kết hôn hoặc mới sinh con cái, vận trình liền xuất hiện những thay đổi rất lớn, đó chính là do sau khi ngũ hành của vợ chồng hoặc con cái gặp phải ngũ hành của bản thân, đã khiến đại vận bị thay đổi. Ngoài ra, còn có một thứ gây ảnh hưởng nữa, nhưng mọi người thường không chú ý tới, đó là vật nuôi. Vật nuôi rất hiếu động, một con chó hàng ngày chạy đi chạy lại trong nhà, sẽ khiến từ trường của môi trường có sự thay đổi rất lớn. Vì vậy vật nuôi có ảnh hưởng rất lớn tới Bát tự của chủ nhân và toàn bộ Phong thủy. Mèo và chó đều thuộc Hỏa, người Bát tự cần Hỏa, nuôi chó mèo có thể cứu vận. Ngược lại, người kỵ Hỏa hàng ngày ôm ấp Thổ khô và Mộc nóng bên mình, rất dễ gọi ác vận tới.

Ngoài những người và vật nuôi bên cạnh, công việc mình làm, tên công ty, và cả địa điểm sống, thói quen ăn uống, đều gây ra ảnh hưởng đến vận trình của con người. Vì vậy, cùng với việc phán Bát tự, cũng phải hiểu được hoàn cảnh sống và công việc của người này, và ảnh hưởng từ những người thân bên cạnh, các thành viên trong gia đình, như vậy mới có thể tính toán chính xác được.

Chuyện đời vốn vô cùng kỳ diệu, khi một người gặp vận suy, tự nhiên sẽ cố gắng bám vào một thứ gì đó để tiếp tục được sinh tồn. Trong ví dụ, người đàn ông này chắc chắn sẽ phải bám víu vào một số người nào đó mới có thể tiếp tục đứng vững, người này sẽ là tình nhân của anh ta. Vì anh ta đang thiếu Bính Hỏa cục độ, khi anh ta gặp được một người tình có nhật nguyên Bính Hỏa sinh vào mùa hè, hoặc đại vận hành tới Bính Hỏa, anh ta sẽ dựa dẫm vào người tình này, để giúp anh ta vượt qua được thời kỳ nguy hiểm.

Một phương diện khác, do thể cung của người đàn ông này là Mùi, mà đại vận lại gặp Hợi, khi anh ta gặp người Mão Mộc hoặc người nhiều Mộc, Hợi Mão Mùi sẽ thành tam hợp Mộc cục, Mão và Thìn trong tháng sinh cũng thành tam hợp cục Dần Mão Thìn, cho thấy người thuộc Mão có duyên phận đặc biệt với Bát tự này. Người nam có Bát tự này rất chung tình với người con gái Mão Mộc. Mộc khắc Thổ là vợ, Ất Mộc là âm Mộc, vợ chính thức là dương Thổ, tình nhân là âm Thổ.

Trong chữ Tý và chữ Thìn ẩn chứa Mậu Thổ, tại cung thể, chữ Mùi bao hàm Kỷ Thổ, Kỷ Thổ có rất nhiều khả năng là tình nhân của anh ta. Nhưng liệu đây có phải là người mà anh ta yêu nhất hay không? Trước tiên, trong Mùi Thổ không

có Bính Hỏa, cũng không có Quý Thủy. Mùi là khố của Mộc, người này bản thân có rất nhiều Mộc, vậy có cần thêm một khố của Mộc nữa hay không? Đáp án là không cần. Nói cách khác, đây là tình nhân của anh ta, nhưng không phải người anh ta thích. Thê cung nối liền với nhật nguyên, cho thấy tình nhân thường xuyên ở bên cạnh anh ta.

Tiếp tục xem thêm một vấn đề thú vị nữa. Trong Bát tự này đã ẩn chứa hai Mậu Thổ và một Kỷ Thổ, tượng trưng người này ít nhất có hai người vợ và một tình nhân, và những người vợ và tình nhân này đều bị ẩn tàng, liệu có cơ hội để lộ diện hay không? Có Mậu Thổ thấu xuất tại thiên can, cho thấy tình nhân của anh ta xuất đầu lộ diện. Khi địa chi vốn ẩn tàng lại xuất hiện ở thiên can, gọi là "thấu xuất" hoặc "xuất can", tượng trưng cho sự xuất đầu lộ diện và công khai.

Năm 1988 là năm Mậu Dần, Mậu Thổ xuất can, người này gặp phải đào hoa. Trong tháng Mậu Thìn của năm 2004, Mậu Thổ cũng xuất can, trong tháng này, tình nhân của ta sẽ đột nhiên xuất hiện. Tình nhân xuất hiện có giúp ích gì cho sự nghiệp và vận khí của người này hay không? Không có. Bởi vì người này tối kỵ Tân Kim, Tân Kim là âm Kim. Mậu Thổ sẽ sinh vượng Tân Kim, đồng thời sẽ cân bằng Quý Thủy trong Bát tự. Khi Thổ xuất hiện, sẽ tiết khí của Hỏa, và cũng khắc chế Thủy, hành vận suy, khiến tình nhân của anh ta bỗng vô cớ xuất hiện.

Khi anh ta thất vận, tức khi Bính Hỏa và Quý Thủy đều mất đi tác dụng, Thổ sẽ xuất hiện, khiến Bính và Quý trở nên nhược hơn. Thổ cũng tượng trưng cho tiền tài của người này. Cũng theo cùng một nguyên lý, tiền tài của anh ta càng nhiều, sẽ càng phiền phức. Anh ta không thích tích lũy, tiền kiếm được bao nhiêu sẽ tiêu hết bấy nhiêu. Vì vậy cả đời anh ta cũng không tích lũy được tiền tài, nếu không tiêu hết tiền thì không thể sinh tồn. Anh ta buộc phải ẩn giấu vợ, không được công khai.

Người này mặc dù từ năm 43 đến 53 tuổi bước vào đại vận Tân Hợi, nhưng cả đời may mắn, quý nhân rất nhiều, mọi việc gặp hung hóa cát, cuối cùng cũng sẽ được bình yên. Một người có được giải cứu hay không, cần phải xem mười năm xấu nhất trong đại vận có chứa nhiều nhân tố chí mạng hay không, nhưng không thể chỉ dựa vào đó mà phán đoán người này sẽ chết hoặc trong nguy được cứu. Mấu chốt là đại vận tiếp theo có còn nhiều nguy cơ hay không. Giả dụ hai đại vận liên tiếp đều chứa nhiều yếu tố chí mạng, người này chắc chắn sẽ rất khó cứu.

Tình huống này giống như khi xem tướng mặt, một người có đôi mắt cực kỳ xấu, cho thấy sẽ gặp phải tai họa trong khoảng từ năm 35 đến 40 tuổi, nhưng chưa chắc đã chết. Phương pháp phán đoán là tiếp tục xem tình hình ở vị trí của giai đoạn tiếp theo. Nếu vị trí sống mũi tượng trưng cho năm 40 tuổi thấp tẹt, lại có một mụn ruồi lớn; tướng mặt đã xấu, tướng mũi còn tồi tệ hơn, cho thấy anh ta sẽ qua đời vào thời điểm này. Nhưng giả dụ sống mũi rất đẹp, cho thấy vào độ tuổi trước đó chỉ gặp hung hiểm, cuối cùng vẫn sẽ vượt qua được. Phương pháp suy đoán Bát tự cũng giống như vậy.

Trong Bát tự này, 43 đến 53 tuổi là một cửa ải quan trọng. Nhưng chúng ta phải tiếp tục thử tìm xem mặt mã giải cứu anh ta trong mười năm đại vận tiếp theo, từ đó phán đoán xem người này có gặp phải nguy cơ thực sự hay không. Khi tiến vào đại vận Canh Tuất năm 53 tuổi, Canh Kim và Ất Mộc của nhật nguyên sẽ hợp thành Kim, sau khi hợp Kim sẽ mất đi Ất Mộc. Điều này có ý nghĩa gì?

Giả dụ người này là cư sĩ tu tại gia, có một phương pháp có thể giúp anh ta yên ổn vượt qua mười năm đại vận, đó là xuống tóc làm hòa thượng. Chỉ cần anh ta xuất gia và thay đổi pháp hiệu, thì có nghĩa là người này đã không còn tồn tại nữa. Anh ta sẽ không còn trên nhân gian nữa, có thể thanh thản tận hưởng tuổi già. Nhưng sự mâu thuẫn của Bát tự là do ông trời sắp đặt, Bính Hỏa là dụng thần của Bát tự, mà Bính Hỏa lại tượng trưng cho tinh lực và sức sáng tạo. Người này nhất thiết phải sáng tạo, tinh lực sung mãn, như vậy mới có thể tiếp tục sinh tồn. Muốn anh ta vứt bỏ toàn bộ công việc và tình cảm, để tu hành thanh tịnh, là điều không thể xảy ra.

Vận mệnh trong tương lai của người này như thế nào? Bát tự còn rất nhiều huyền cơ đang chờ đợi con người khám phá, phải chờ các độc giả tự mình tìm hiểu và lĩnh ngộ. Bát tự là một đề tài vô tận, muốn học tốt Bát tự, cần phải ứng dụng hàng ngày.

Từ ví dụ trên, mọi người đã nắm bắt được những kiến thức cơ bản, biết cách dựa vào Bát tự để phán đoán về tình trạng của vợ, tình nhân và con cái. Cũng đã biết được ngũ hành nào tượng trưng cho quan hệ nào, từ đó biết được một người nào đó sẽ xảy ra chuyện gì và xảy ra vào lúc nào. Đây đều là những điểm thú vị và rất đáng được nghiên cứu của Bát tự.

Cũng có thể thử dựa vào Bát tự để đoán xem người này có bao nhiêu con cái. Nhật nguyên vốn dĩ thuộc Mộc, Mộc khắc Thổ là vợ, Thổ sinh Kim tượng

trưng cho con cái, vậy trong Bát tự này có bao nhiêu Kim? Nếu chỉ nhìn qua, có người sẽ nói người này không có con. Vì trong Bát tự không có Kim. Như vậy là sai. Người này là dương Mộc, Mậu Thổ là vợ, Thổ sinh Kim là con cái. Mậu Thổ và Canh Kim đều thuộc dương, vì vậy Canh Kim là con gái của người này, Tân Kim là con trai của người này.

Trong Bát tự này, Tự có chứa Canh Kim, vì vậy người này có một con gái? Chưa chắc. Ngoài Kim tượng trưng cho con gái ra, Bát tự tương hợp với Kim cũng tượng trưng con cái. Trong thiên can hợp cục, Canh hợp với Ất, vì vậy Ất Mộc trong Bát tự này cũng tượng trưng cho con cái. Tàng can của Thìn là Mậu Ất Quý, trong chữ Thìn có ẩn chứa một người con. Mùi ẩn tàng Ất Thổ, Đinh Hỏa và Ất Mộc, chữ Mùi cũng ẩn chứa một người con. Cuối cùng còn có một Ất, chính là nhật nguyên của Bát tự. Phân tích Bát tự này, người này tổng cộng sẽ có bốn con.

Con cái trực tiếp do Thổ sinh ra, có thể căn cứ vào âm dương để xem giới tính. Nhưng nhóm con cái được sinh ra từ những chữ tương hợp với nhóm con cái thứ nhất, giới tính nam hay nữ lại không được thể hiện rõ ràng. Ất Mộc tương hợp với Canh Kim, có thể là nam, cũng có thể là nữ. Phương pháp xem số lượng anh chị em cũng tương tự như vậy, nhật nguyên là Ất Mộc, Giáp Mộc hoặc Ất Mộc sẽ là anh em của người này. Giáp Kỷ có thể hóa hợp Thổ, Kỷ Thổ cũng tượng trưng cho anh em. Chữ Thìn ẩn tàng Ất Mộc, chữ Mùi ẩn tàng Ất Mộc và Kỷ Mộc, từ đó phán đoán, người này có ba anh chị em.

Trong Bát tự của người này, tất cả con cái đều được ẩn tàng, chỉ có một người là có thể lộ diện, đó là Ất Mộc. Từ đó suy đoán, anh ta ở chung với người con này, và thời gian con cái xuất hiện chính là năm Ất Mộc. Năm 1995 là năm Ất Hợi, trong năm nay con cái sẽ có cơ hội xuất hiện. Nếu Ất Mộc là con gái, vậy khi nào sẽ kết hôn? Có thể đoán biết điều này, vì Canh Kim khắc Ất Mộc là chồng của con gái. Bát tự của người nam này vào năm 53 tuổi sẽ hành đại vận Canh Kim, từ đó có thể đoán, con gái sẽ kết hôn vào năm bố từ 53 đến 58 tuổi.

Nhưng có một điểm cần chú ý, Canh và Ất hợp Kim, sau khi hợp Kim sẽ mất đi Ất, tức người này đã mất đi con gái. Nói cách khác, con gái sau khi kết hôn sẽ biến mất, không xuất hiện bên cạnh cha nữa.

Cũng có thể biết được con gái bắt đầu yêu vào năm nào, khi cha 43 tuổi và bước vào đại vận Tân Kim, vì Canh Kim là phu tinh của con gái, Tân Kim sẽ là tình

nhân của con gái. Nhưng Tân là đại kỵ của Bát tự, điều này có nghĩa cho dù con gái có yêu người bạn trai nào thì người cha cũng đều không thích. Trừ khi đó là chồng. Vì Canh Kim khắc Ất Mộc là Chính Quan, mặc dù cha phản đối con gái yêu đương, nhưng sau khi con gái kết hôn, người cha bắt đầu chấp nhận con rể. Như vậy, nhìn vào Bát tự, chúng ta không những biết vận mệnh của bản thân một người, mà còn có thể biết được tình hình của những người khác ở bên cạnh.

THÂN CƯỜNG MỚI CÓ THỂ GÁNH VÁC TÀI, QUAN

Độc giả thường xuyên thắc mắc: “Bát tự của tôi có Tướng tinh, tại sao chẳng có ai giúp đỡ tôi?” “Con trai của tôi có sao Hoa Cái, tại sao thành tích học tập lại rất kém?” “Tôi năm nay hành sao Hồng Loan, nhưng tại sao vẫn chưa tìm được người yêu?” Khi phân tích Bát tự, các bạn đừng nên lẫn lộn. Các sao chỉ có thể đem lại tác dụng tốt đối với Bát tự trong một tình huống: Ngũ hành của sao chính là dụng thần của Bát tự.

Ví dụ người sinh ra vào ngày Giáp Mộc, có sao Thái Cực Quý Nhân là Tý. Nếu như trong Bát tự của người này xuất hiện Tý, đồng thời Tý Thủy cũng là dụng thần của Bát tự, thì sao Quý Nhân sẽ phát huy tác dụng, người này cả đời được quý nhân giúp đỡ. Ngược lại, nếu Tý là ngũ hành mà Bát tự kỵ, tức sẽ không được quý nhân giúp đỡ. Vì vậy, tìm ra dụng thần là trọng điểm của Bát tự. Không biết cách tìm dụng thần, cũng tức là không hiểu về Bát tự.

Trước khi xác định dụng thần Bát tự, phải tìm ra Bát tự thuộc thân cường (mạnh) hay thân nhược (yếu). Khi phân tích về quan hệ trong Bát tự, “thân nhược” và “thân cường” sẽ đem lại hai cách lý giải hoàn toàn khác nhau. Người thân cường, làm việc gì cũng có thể thành công, có thể gánh vác được tài, quan, sát. Điều này có nghĩa là gì? Giống như một người thân thể khỏe mạnh mới có thể kiếm được tiền, mới có sức lực để gánh vác tài phú. Một người khỏe mạnh mới có thể làm quan, đối mặt với sự phê bình và đánh giá của người khác. Một người khỏe mạnh mới có thể “nhiệm sát”, tức đối diện với bất kỳ thị phi, hãm hại, tai họa nào cũng đều có thể xử lý được, bởi vì bản thân họ có sức mạnh, sẽ nhanh chóng hồi phục được. Vì vậy, điều cơ bản nhất của con người là khiến cho “thân cường”. Sức khỏe là điều kiện cơ bản nhất để con người sinh tồn được.

Ngược lại, một người thân nhược, tự nhiên sẽ có nhiều kiện tụng thi phi, ít tiền tài, khó thành công. Vậy thì, Bát tự của người thân nhược phải chăng sẽ kém hơn Bát tự của người thân cường? Chưa chắc, vì Bát tự coi trọng nhất là sự phối hợp hài hòa của ngũ hành.

Người thân cường tương đương với người béo tốt, đương nhiên anh ta sẽ phải tìm cách giảm béo, giảm béo mới có thể khiến anh ta thoải mái. Vì vậy những người thân cường cần phải giảm thiểu sức mạnh của mình mới có thể hành vận tốt, cũng giống như một người béo giảm béo thành công là chuyện tốt đẹp. Cũng theo nguyên lý, thân nhược cũng giống như một người gầy yếu, làm thế nào mới có thể hành vận tốt? Đương nhiên là phải tăng cân rồi, như vậy sẽ giúp anh ta có được cơ thể và tâm hồn khỏe mạnh để đảm đương công việc và mọi khó khăn trong cuộc sống.

Khi đặt một đĩa thức ăn trước mặt, đối với người thân nhược, đó là những món ăn ngon lành, có thể giúp anh ta thay da đổi thịt. Nhưng đối với người thân cường, món ăn đó lại chẳng khác nào thuốc độc, khiến anh ta tăng cân vùn vụt, cuối cùng nghẽn mạch máu mà chết. Vì vậy, cùng một ngũ hành lại có hiệu quả trái ngược đối với những người khác nhau.

Người thân cường không thích sinh trợ, mà thích khắc tiết. Nhưng thân cường cũng chia làm hai loại: nhật nguyên dương và nhật nguyên âm.

NHẬT NGUYÊN	DƯƠNG	
	ÂM	Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý

ĐỊA CHI	DƯƠNG	
	ÂM	Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi

Giả dụ nhật nguyên thuộc dương, tức Giáp Mộc, Bính Hỏa, Mậu Thổ, Canh Kim, Nhâm Thủy, có thể chịu đựng mọi hình khắc; giả dụ nhật nguyên thuộc âm, tức Ất Mộc, Đinh Hỏa, Kỷ Thổ, Tân Kim, Quý Thủy, cho dù bản thân rất cường vượng, nhưng vẫn không ưa Quan Sát.

Lấy Ất Mộc làm ví dụ, cho dù người Ất Mộc thân cường, vẫn không thích bị Canh Kim và Tân Kim chặt chém. Đối với nam giới, nếu nhật nguyên thuộc âm

thì không thích làm quan, vì Quan tinh là khắc tinh. Ngược lại, nếu nhật nguyên thuộc dương, thường có khuynh hướng thích làm quan.

Giả dụ Canh Kim cường vượng, thích được Hỏa khắc chế, nếu là nữ giới, sẽ rất yêu chồng, dễ có chồng, vì mệnh dương ưa được khắc. Người phụ nữ thân cường thuộc âm thường không thích chồng, vì không thích bị quản thúc. Nói cách khác, nếu năm kiểu phụ nữ Ất Mộc, Đinh Hỏa, Kỷ Thổ, Tân Kim, Quý Thủy mà thân cường thì bẩm sinh đã không thích bị gò bó ràng buộc, không thích bị chồng quản chế, chỉ có thể là do họ quản lý chồng, mắng mỏ chồng. Nếu như chồng muốn quản chế họ, họ sẽ ly hôn.

Những người có nhật nguyên thuộc âm, rất sợ bị tổn hại, kiện tụng thị phi, đâm xe, phẫu thuật... Nếu nhật nguyên thuộc dương, khả năng phẫu thuật, gặp tai nạn sẽ ít hơn, cũng dễ chấp nhận sự trách móc hơn.

Nếu như nhật nguyên cần bị khắc, vậy thì về cơ bản người mệnh âm không thích kiểu hình khắc này, nhưng chắc chắn người mệnh dương sẽ thích. Đây là một bí quyết đoán nhanh, vì vậy, người mệnh âm không thích dùng Quan Sát, đây là điểm khác biệt lớn nhất giữa thiên can âm và thiên can dương.

Người thuộc dương ít khi buồn phiền, người thuộc âm lại đa sầu đa cảm, hay tự chuốc đau khổ vào mình. Người thuộc dương làm việc theo nguyên tắc, mau chóng vượt qua đau khổ. Người thuộc âm làm việc theo cảm tính, dễ chuốc lấy đau khổ.

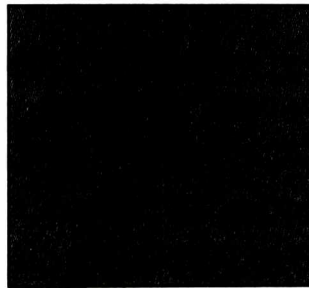
ĐẮC THỜI, ĐẮC ĐỊA, ĐẮC THỂ

Hiểu được thể nào là thân cường và thân nhược, mới có thể tìm đúng được dụng thần Bát tự, thành công bước sang giai đoạn phán đoán Bát tự. Một Bát tự có thể đắc thời, đắc địa, đắc thể, sẽ là thân cường.

Đắc thời: Tức là có được thời gian tốt nhất. Như Giáp Mộc sinh tại tháng Dần, gọi là “dương thời đắc lệnh”, tức Giáp Mộc được sinh vào mùa Mộc vượng nhất, bản thân Giáp Mộc rất cường vượng, nên dễ dàng hiện diện. Tháng dương thời đắc lệnh này gọi là “Lộc thần”. Tham khảo trong bảng tra Lộc thần, có thể biết được Lộc thần của mình nằm ở tháng nào.

NHẬT NGUYÊN	LỘC THẦN
GIÁP	Dần
ẤT	Mão
BÍNH	Tỵ
ĐINH	Ngọ
MẬU	Tỵ
KỶ	Ngọ
CANH	Thân
TÂN	Dậu
NHÂM	Hợi
QUÝ	Tý

Đắc thế: Thiên can bên cạnh nhật nguyên xuất hiện chữ tương đồng với ngũ hành của nó. Ví dụ Bính Hỏa là nhật nguyên, can bên cạnh xuất hiện Bính hoặc Đinh, gọi là đắc thế.



Đắc địa: Ngũ hành của nhật nguyên có thể lực cực lớn trong địa chi. Ví dụ nhật nguyên là Bính Hỏa, trong Bát tự, địa chi lại xuất hiện tam hợp Hỏa cục Dần Ngọ Tuất, gọi là đắc địa, tức là thuộc Hỏa mà lại ở trong môi trường có rất nhiều Hỏa.

	NGỌ
	TUẤT
BÍNH	ĐẦN

Muốn biết được Bát tự có đắc thời, đắc thế hay không, phải phân biệt Bát tự thuộc thân cường hay thân nhược, và cần phải thuộc lòng ngũ hành tượng trưng cho những khoảng thời gian khác nhau. Mùa xuân Mộc vượng nhất, tức khoảng thời gian từ ngày 4 tháng 2 đến 4 tháng 5 dương lịch. Tuy nhiên, thời gian Mộc vượng nhất vào mùa xuân chỉ kéo dài đến trước tiết Lập hạ 15 ngày là chấm dứt. 15 ngày trước ngày 4 tháng 5 thuộc Thổ, không phải thuộc Mộc. 15 ngày trước các tiết Lập xuân, Lập hạ, Lập thu, Lập đông cũng đều thuộc Thổ, là thời khắc Thổ vượng nhất. Vì vậy, hàng năm cứ bắt đầu từ ngày 20 tháng 4, là người kỵ Mộc có thể yên tâm, lúc này Mộc mùa xuân đã không cường vượng nữa, bắt đầu tiến vào ngũ hành Mộc. Nếu như một người cần Thổ, anh ta sẽ hành vận nhiều nhất vào lúc trước ngày lập hạ 15 ngày. Cũng như vậy, 15 ngày trước các tiết Lập thu, Lập đông, Lập xuân cũng đều hành vận.

Bốn tháng thuộc Thổ trong Bát tự là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. 15 ngày đầu trong các tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi chịu ảnh hưởng của ngũ hành của địa chi tháng phía trước nó, ví dụ tháng Mùi Thổ, 15 ngày đầu của tháng Mùi, Hỏa tính rất nặng; 15 ngày sau của tháng Mùi, Thổ tính rất nặng. Đây là phương pháp chi tiết hơn để nhận thức về mỗi địa chi.

Dưới đây xin đưa ra mệnh cách điển hình của thân cường và thân nhược. Nếu trong Bát tự, nhân tố hình khắc nhật nguyên rất mạnh mẽ sẽ gọi là Thất Sát cách. Thất Sát cách tượng trưng thân nhược. Ví dụ người Ất Mộc sinh tại tháng Dậu, tàng can của Dậu là Tân Kim. Lại xem thiên can của Bát tự có Tân Kim hay không, nếu có, cho thấy trong Bát tự Dậu Kim rất cường vượng. Đối với Ất Mộc, Tân Kim chặt đứt Ất Mộc chính là Thất Sát, Bát tự có Thất Sát rất cường vượng, nhật nguyên bị khắc, sẽ vô cùng yếu ớt. Đây chính là người thân nhược điển hình.

Lại đưa thêm một ví dụ nữa, người Canh Kim sinh tại tháng Thân. Trong Thân Kim có Mậu Thổ, Nhâm Thủy và Canh Kim. Nếu thiên can cũng có Mậu,

Mậu Thổ của Thân Kim và Mậu Thổ của thiên can hợp thành một thể, Mậu Thổ coi Canh Kim làm Thiên Ấn, Bát tự này gọi là Thiên Ấn cách. Gặp Ấn Cách hoặc Tỷ Kiếp đều cho thấy nhật nguyên cường vượng, là Kim mạnh mẽ. Lại thêm Thân cũng tàng ẩn Canh Kim, cùng hô ứng với Canh Kim của nhật nguyên. Vì vậy Canh Kim sinh tại tháng Thân, là đương thời đắc lệnh, là thân cường.

THẤT SÁT CÁCH

ĐINH	SỬU
KỶ	ĐẬU
ẤT	MÙI
TÂN	TÝ

THIÊN ẤN CÁCH

BÍNH	THÂN
BÍNH	THÂN
CANH	THÌN
MẬU	DẦN

MƯỜI BÍ QUYẾT TÌM DỤNG THẦN

Dưới đây, tôi sẽ liệt kê ra mười bí quyết quan trọng khi tìm dụng thần, tức mười khái niệm cơ bản khi tìm dụng thần. Sau khi hiểu rõ cách tìm dụng thần, tôi sẽ dùng ví dụ thực tế về thiên can để giải thích cho mọi người hiểu rõ về sự biến hóa của dụng thần theo sự khác nhau của thiên can và tháng sinh.

1. SÁT NẶNG THÂN NHẸ, NÊN DÙNG ẤN HÓA SÁT; THÂN NHƯỢC TÀI VƯỢNG, TỐT NHẤT NÊN DÙNG KIỆP

Gọi là “Sát nặng thân nhẹ”, ví dụ nhật nguyên thuộc Mộc, thân nhẹ là chỉ thân nhược, sát nặng tức Kim cường vượng. Kim mạnh mẽ chặt vào Mộc yếu ớt, làm sao có thể cứu được Mộc? Nên lấy Ấn hóa sát. Thủy sinh Mộc, Thủy là Ấn của Mộc, tức là mẹ của Mộc. Thủy sinh Mộc, Mộc sẽ trở nên cường tráng. Khi Thủy xuất hiện, Kim mạnh sinh Thủy, Thủy nhiều có thể tiết bớt sức mạnh của Kim, khiến Kim bị tổn thương nguyên khí, không còn sức lực để khắc Mộc. Vì vậy, Thủy lúc này có hai công dụng, một là tiết khí của Kim mạnh, hai là sinh vượng Mộc của nhật nguyên.

“Thân nhược tài vượng, tốt nhất nên dùng Kiếp”, ý nói là Mộc này rất yếu, nhưng Tài lại cực vượng. Mộc khắc Thổ là Tài, vậy phải dùng cách nào để vận tài? Tốt nhất dùng Kiếp, tức anh chị em, cũng là Mộc. Dùng Mộc mạnh để tiếp nhận

Thổ mạnh, tự nhiên có thể cân bằng. Chắc hẳn sẽ có một số người cảm thấy nghi hoặc: “Tại sao không dùng Thủy để sinh Mộc”? Vì Ấn tinh là Thủy, mà Thổ rất mạnh, Thổ có thể khắc Thủy, tức Thổ sẽ khắc chế Ấn tinh. Khi có Thủy đến sinh Mộc, Mộc đã rất yếu ớt rồi, cho dù có gặp Thủy cũng không thể tiếp tục sinh trưởng được nữa, vì vậy không thể dùng Ấn để cứu.

Giả dụ bạn muốn trúng xổ số, nhưng bạn lại là thân nhược, muốn tìm một người mang tiền đi mua giúp, nhưng không nên tìm mẹ. Vì tôi đã nói với bạn rằng, thân nhược mà muốn kiếm được nhiều tiền, nếu tìm mẹ để hợp tác, sẽ không thể thành công. Bạn cần phải tìm anh chị em để hợp tác, mới có thể kiếm được món tiền lớn.

Theo nguyên lý này, người thân nhược muốn kiếm nhiều tiền, cần phải tìm người hợp tác. Giả dụ bản thân thuộc Kim, người Kim vượng sẽ là đối tác tốt của bạn, người này có thể sinh vượng cho ngũ hành của bạn. Trên đây lấy Mộc làm ví dụ, những ngũ hành khác cũng tương tự như vậy.

Trong Bát tự, thứ mà nam giới khắc sẽ là vợ, nếu như bạn chưa lập gia đình, bạn sẽ tìm được vợ trong tình huống nào? Không được tìm mẹ để giúp đỡ, mặc dù mẹ cũng rất sốt ruột. Muốn tìm vợ, phải nhờ anh em, bạn bè giới thiệu, mới có cơ hội gặp được người thích hợp.

Áp dụng nguyên lý “Sát nặng thân nhẹ, nên dùng Ấn hóa Sát; thân nhược tài vượng, tốt nhất nên dùng Kiếp” này vào trong quan hệ giao tiếp thường ngày, bạn sẽ hiểu rằng, tại sao mẹ và vợ bạn luôn xung khắc với nhau.

Người thân cường có thể quản chế được vợ, còn người thân nhược sẽ không thể. Lúc này phải tìm ai để thuyết phục vợ? Có thể tìm anh chị em, nhưng không được tìm mẹ. Bạn là Mộc, mẹ là Thủy, Mộc khắc Thổ là vợ, mà Thổ khắc Thủy, mẹ bạn sẽ bị vợ khắc. Tại sao mẹ và vợ lại thường xuyên xung khắc nhau, có thể giải thích được từ nguyên lý Bát tự. Nếu như bạn thân nhược, lại tìm mẹ để hòa giải cho bạn và vợ, chắc chắn sẽ thất bại.

Xuất phát từ Bát tự có thể lý giải mối quan hệ của rất nhiều người, bạn cứ tìm hiểu từng bước, bạn sẽ phát hiện được nhiều bí mật cuộc đời.

2. NHẬT CHỦ CƯỜNG VƯỢNG, ẤN GẶP NHIỀU, PHẢI LẤY TÀI TINH LÀM DỤNG

Câu nói có nghĩa là, khi nhật nguyên được sinh quá nhiều, nhất thiết không được dùng Quan Sát để hóa giải, mà nên dùng Tài tinh. Ví dụ nhật nguyên là

Mộc, Ấn đến nhiều, tức có rất nhiều Thủy sinh Mộc. “Lấy Tài tinh làm dụng” có nghĩa là, phải lấy ngũ hành Thổ để khắc chế Thủy, khiến Thủy không tiếp tục lộng hành nữa.

Giả dụ Mộc vượng mà dùng Sát, kết quả sẽ hoàn toàn ngược lại, vì Kim khắc Mộc là Sát, nhưng Kim có thể sinh Thủy, sẽ tăng vượng cho Chính Ấn, vì vậy nhất định phải dùng Tài. Nói cách khác, khi cha có rất nhiều vợ, sẽ khiến con cái muốn rời khỏi nhà. Khi mẹ hung dữ, con cái sẽ mong sớm kết hôn. Mọi người hãy tiếp tục suy ngẫm, để tự lĩnh ngộ ra được huyền cơ trong đó.

3. NHẬT VƯỢNG QUAN KHINH, TÀI TINH LÀ DỤNG

Nhật nguyên thuộc Mộc vốn dĩ rất vượng, nhưng không có Kim, tức Quan Sát rất nhẹ, thì lấy dụng thần là Thổ, vì Thổ có thể sinh Kim, có thể tăng cường Quan Sát.

4. NHẬT VƯỢNG TỶ KIẾP NHIỀU, NẾU KHÔNG CÓ TÀI TINH, LẤY THỰC THƯƠNG LÀM DỤNG

Câu này có nghĩa là, nếu như bạn là Mộc, làm cách nào để giúp bạn có được thân cường? Đương nhiên phải dựa vào Thủy! Sau khi bạn đã trở nên cường tráng, Mộc khắc Thổ là Tài. Giả dụ trong Bát tự có tài, tức có rất nhiều Thổ, cho thấy bạn sẽ phát tài, nhưng tình huống này ít khi xảy ra. Làm cách nào mới có thể đại phát? Không phải gặp được Tài tinh, mà là gặp được ngũ hành sinh vượng Tài tinh. Loại ngũ hành nào càng vượng, thì càng có nhiều Hỏa để sinh vượng Thổ đó, liên tục ra sức trợ giúp, mới có thể khiến tài phú không bao giờ cạn, đây mới là đại phát.

Giả dụ đây là Bát tự của nữ giới, con cái sinh ra có thể làm tráng vượng Tài tinh, vì Mộc sinh Hỏa là con cái, Hỏa có thể sinh Thổ, Thổ là Tài tinh. Phụ nữ phải sinh con, chồng mới đem lại cho tài phú, bố chồng mới cho ruộng đất. Vì vậy phụ nữ phải sinh con mới có thể phát đạt. Giải thích dựa theo lý luận Bát tự, con cái có thể liên tục sinh vượng cho tài tinh của mẹ.

Nguyên lý của Bát tự học là: Khi bản thân mình thân cường, điều cần làm trước tiên là cố gắng động não và sáng tạo, mới có thể liên tục có được tài phú. Nếu như là nam giới, Mộc sinh Hỏa tượng trưng cho sự nghiệp và sáng tạo, tượng trưng cho sự phấn đấu trong công việc. Nếu không cần cù làm việc và sản xuất, bao gồm cả việc sinh con cái, thì sẽ không thể có được tài phú.

5. NHẬT CHỦ NHƯỢC, QUAN SÁT TRỌNG, DỪNG ẤN ĐỂ CỨU

Nhật nguyên rất yếu, có rất nhiều thị phi khắc chế nhật nguyên, phải dùng Ấn để giải cứu, tức tìm mẹ nhờ giúp đỡ. Giả dụ bạn thân nhược mà thường xuyên gặp kiện tụng thị phi, thậm chí thường xuyên gặp sự cố ngoài ý muốn. Bạn phải cố gắng luôn ở bên mẹ, cũng phải ngủ nhiều, ăn nhiều và tích cực lao động, tu dưỡng.

6. NHẬT CHỦ NHƯỢC, THỰC THƯƠNG NHIỀU, DỪNG ẤN ĐỂ CỨU

Nhật nguyên rất yếu. Thực Thương nhiều, sẽ phải thường xuyên làm nhiều công việc, khiến cơ thể mệt mỏi quá độ, tự nhiên thân sẽ yếu ớt. Nếu như thân quá nhược, sẽ rất khó tìm được chồng hoặc vợ. Phương pháp là dùng Ấn để cứu, thường xuyên ở bên cạnh mẹ, tốt nhất là ở cùng với mẹ. Rất nhiều người đã khá lớn tuổi mà vẫn còn ở chung với mẹ, nguyên nhân rất lớn là do thân nhược, lại thường xuyên bận bịu với công việc, vì vậy cần phải ở chung với mẹ để trợ vượng cho bản thân mình.

7. NHẬT CHỦ NHƯỢC, TÀI TINH NHIỀU, DỪNG TỶ KIẾP TRỢ GIÚP

Anh em bạn bè là Tỷ Kiếp. Nhật chủ rất nhược, nhưng Tài tinh lại nhiều, muốn tìm người để kết hôn, phải nhờ anh chị em giúp đỡ, mới có thể có được “thê tài”.

8. NHẬT CHỦ VÀ QUAN SÁT TƯƠNG ĐÌNH, LẤY THỰC THƯƠNG LÀM DỤNG

“Tương đình” chỉ sức mạnh của hai bên ngang nhau. Nếu như nhật nguyên thuộc Mộc, bên cạnh có rất nhiều Kim, tức có rất nhiều Quan Sát, phải lấy Thực Thương làm dụng thần, tức lấy Thực Thương để khắc chế Quan Sát. Chỉ cần chăm chỉ làm việc, tự nhiên có thể sinh Hỏa, Hỏa nhiều tự nhiên có thể thiêu đốt vào Kim của nhật nguyên, khiến Kim không tiếp tục lộng hành được nữa.

Nếu như bạn là nữ thuộc Mộc, bạn hãy sinh con, như vậy sẽ không sợ bị chồng ức hiếp nữa, vì Kim khắc Mộc là chồng của bạn. Làm cách nào để tránh bị chồng khắc chế? Đó là hãy sinh ra một em bé để dịch chuyển sự chú ý của người chồng, tự nhiên chồng bạn sẽ đối xử với bạn khác trước, đây là điều kỳ diệu của Bát tự, tức từ nhật nguyên sinh ra một Hỏa để cân bằng Kim.

9. NHẬT CHỦ VÀ TÀI TINH MẠNH NGANG NHAU, LẤY TỶ KIỆP LÀM DỤNG

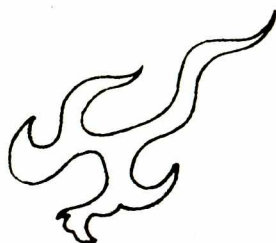
Thân cường mà Tài tinh cũng cường vượng, phải tìm đến thật nhiều anh em, tức hợp tác với Tỷ Kiếp, mới có đủ khả năng để gánh vác tài.

10. CHI NGÀY HỢP HÓA, HÓA THẦN KHÔNG ĐỦ, LẤY THẦN TRỢ GIÚP HÓA THẦN LÀM DỤNG; HÓA THẦN DƯ THỪA, LẤY THẦN TIẾT KHÍ HÓA THẦN LÀM DỤNG

Giả dụ Bát tự dụng thần là Kim, trong Bát tự có hợp Kim đương nhiên sẽ là hợp cục tốt. Nhưng nếu như hợp cục thuộc Mộc mà không phải thuộc Kim, Mộc không phải là dụng thần, hợp cục Mộc đương nhiên sẽ có hại đối với bạn, vì vậy bạn phải hóa tiết nó, khiến nó không thể hợp thành cục.



CHƯƠNG 5:



DÙNG BÁT TỰ CỦA NHỮNG NGƯỜI NỔI TIẾNG PHÁ GIẢI BÍ MẬT CỦA NHẬT NGUYÊN

Trong chương thứ hai, tôi đã giới thiệu tính chất cơ bản của mười loại thiên can. Chương này sẽ lấy Bát tự của những người nổi tiếng làm ví dụ, liên hệ với thiên can, địa chi, Thập thần để giải thích ý nghĩa thực chất của mười thiên can này. Tính cách, bối cảnh và số phận của những nhân vật này đã khá quen thuộc với mọi người, vì vậy những ví dụ này sẽ giàu tính thuyết phục hơn.



Nội dung chính



- * Nhật nguyên Giáp Mộc: Quách Phú Thành
 - * Nhật nguyên Ất Mộc: Người thần bí
 - * Nhật nguyên Bính Hỏa: Mai Diễm Phương
 - * Nhật nguyên Đinh Hỏa: Lý Bằng Phi
 - * Nhật nguyên Mậu Thổ: Thư Kỳ
-

NHẬT NGUYÊN GIÁP MỘC: QUÁCH PHÚ THÀNH

Trong Bát tự học, dụng thần của người Giáp Mộc có ba đặc điểm lớn. Thứ nhất, người Giáp Mộc nhất định phải gặp Đinh Hỏa mới có tinh thần và khả năng phát triển, cho dù chỉ là tàng can cũng được. Nếu không có Đinh Hỏa, người này sẽ trở nên mờ ám thiếu sức sống. Thứ hai, do Giáp Mộc là tượng đại thụ cao lớn, cần phải nhờ vào nước mưa để được tưới mát. Vì vậy dụng thần thứ hai của Giáp Mộc là Quý Thủy. Thứ ba, Giáp Mộc cần Canh Kim. Người Giáp Mộc cần phải trải qua gọt đẽo mới có thể trở nên hữu dụng, Canh Kim lại khắc chế Giáp Mộc. Nếu như trong Bát tự của người Giáp Mộc cùng lúc xuất hiện ba yếu tố Đinh Hỏa, Canh Kim, Quý Thủy, cho thấy dụng thần của Bát tự rất đầy đủ.



QUÁCH PHÚ THÀNH

ẤT	TỴ
BÍNH	TUẤT
GIÁP	THÌN

1	3 - 12 TUỔI	ẤT DẬU	5	43 - 52 TUỔI	TÂN TỴ
2	13 - 22 TUỔI	GIÁP THÂN	6	53 - 62 TUỔI	CANH THÌN
3	23 - 32 TUỔI	QUÝ MÙI	7	63 - 72 TUỔI	KỶ MÃO
4	33 - 42 TUỔI	NHÂM NGỌ	8	73 - 82 TUỔI	MẬU DẦN

Quách Phú Thành được coi là một diễn viên thành công, nhưng mấy năm gần đây vận khí của anh đang dần dần xuống dốc. Bản thân anh ta là Giáp Mộc,

sinh tại tháng Tuất, chữ Tuất có chứa Đinh Hỏa. Giáp Mộc gặp phải Đinh Hỏa, nên đây là một người rất có tinh thần và giàu sức sống. Nói cách khác, người Giáp Mộc không có Đinh Hỏa, sẽ mất đi sức chiến đấu và sự cầu tiến.

Quách Phú Thành sinh tại tháng Tuất, có nhiều Hỏa, vì vậy vô cùng hoạt bát, tinh lực dồi dào. Anh ta đã có được dụng thần đầu tiên trong Bát tự. Thứ hai, Giáp Mộc cần có Canh Kim. Trong chữ Tuất không có Canh Kim, vậy Bát tự có thiếu Canh Kim không? Chưa chắc. Chữ "Ty" trong năm sinh có chứa Canh Kim, cho thấy Giáp Mộc có thể được gọt giũa thành công. Nhưng liệu có trèo được lên đỉnh cao nhất hay không? Đây là điều còn phải nghi ngờ, lý do là Canh Kim đã ẩn nấp, không thể lộ diện. Lại xem đại vận của anh ta. Khi tới năm 53 tuổi, đại vận là Canh Thìn, cho thấy phải tới lúc này anh ta mới có thể thực sự gặp được Canh Kim. Trước năm 53 tuổi, khối Mộc này vẫn chưa được gọt đẽo, nên chưa thể trở thành Mộc tốt nhất.

Dụng thần thứ ba là Quý Thủy. Trước khi anh ta 23 tuổi, trong đại vận xuất hiện Quý Thủy. Khi anh ta tới 33 tuổi và hành đại vận Nhâm Ngọ, chữ Ngọ bao hàm Đinh Hỏa, rất rõ ràng, Bát tự của anh ta mất đi Quý Thủy. Giáp Mộc sinh tại tháng Tuất, đang vào khoảng giao thời giữa mùa thu và mùa hè, mặc dù bước vào mùa thu, nhưng thời tiết vẫn rất nóng. Bát tự đã chứa Đinh Hỏa và Mậu Thổ, đây là Bát tự rất nóng, chứa lượng lớn Đinh Hỏa, dụng thần của Bát tự này là Thủy, và là Quý Thủy.

Làm cách nào để bổ cứu Bát tự này? Dùng Canh Kim và Quý Thủy. Anh ta họ Quách, chữ Quách cũng chứa Tý Thủy và bộ "phủ đầu" (búa), cũng tức là Canh Kim, thực ra họ của anh ta đã chứa một nửa Canh Kim, một nửa Quý Thủy. Từ đó chúng ta có thể biết được, trong năm Quý Mùi 2003 anh ta tương đối hành vận. Trong năm Bính Tý 1996 anh ta cũng khá phát triển. Nhưng sau năm 2003, phải đợi đến tận năm Mậu Tý 2008 mới có thể tiếp tục hành vận. Lúc đó anh ta đi vào đại vận Tân Ty, được Canh Kim và Tân Kim sinh Thủy, bắt đầu từ lúc đó, anh ta có thể có một bước đột phá mới.

Bát tự này cần Thủy, vì vậy anh ta kỵ gặp ngựa, ngựa là năm Ngọ, Tý Ngọ tương xung, Ngọ Hỏa sẽ xung đuổi Tý Thủy đi. Sắp tới anh ta bước vào đại vận Ngọ Hỏa, nếu như anh ta lại làm những việc liên quan đến ngựa, chắc chắn sẽ xảy ra vấn đề. Và khoảng thời gian anh ta dễ mắc sai lầm nhất trong đời, cũng chính

là lúc anh ta ở vào nơi rất nóng. Nếu anh ta mặc quần áo màu đỏ, lái xe màu đỏ, chắc chắn sẽ xảy ra vấn đề, gây cản trở cho sự nghiệp của anh ta. Phương nam thuộc Hỏa, anh ta sẽ qua đời ở Australia. Anh ta đã từng gặp tai nạn tại Australia, điều này càng chứng thực rằng mệnh của anh ta kỵ Hỏa kỵ ngựa. Từ trong Bát tự, chúng ta hoàn toàn có thể tìm được nguyên nhân đem lại sự khởi sắc hay suy thoái cho vận trình của một người.

Bước vào năm Giáp Thân 2004, anh ta có thể tạo một bước đột phá lớn, nhưng đáng tiếc cuối cùng lại chỉ có được thành công nhỏ, thật là đáng tiếc.

NHẬT NGUYÊN ẤT MỘC: NGƯỜI THẦN BÍ

Dưới đây xin đưa ra một ví dụ về người Ất Mộc để giới thiệu với mọi người về đặc trưng của nhật nguyên Ất Mộc và dụng thần cần thiết. Người này là ai? Tôi gọi đó là “người thần bí”, mọi người cùng đoán xem nhé.

Điểm phân biệt lớn nhất của người Ất Mộc là, Ất Mộc là Mộc nhu nhược. Giáp Mộc là dương Mộc, có thể chịu đựng Canh Kim chặt chém, nhưng âm Mộc lại không thể bị chặt chém, vì Ất Mộc không thể bị gọt đẽo, nếu không sẽ bị đứt gãy.

Dụng thần cần thiết nhất của Ất Mộc là Quý Thủy và Bính Hỏa. Nếu người Ất Mộc sinh vào mùa đông, do Thủy nhiều, nên anh ta sẽ là Mộc bị mốc, cần Bính Hỏa để sưởi ấm. Người Ất Mộc sinh vào mùa hè, Bát tự rất nóng. Nhưng âm Mộc không thể gặp Sát, vì vậy không thể dùng Kim để sinh Thủy, phương pháp là dùng Thổ ướt để tản nhiệt. Ví dụ người Ất Mộc sinh tại tháng Ngọ, mọi người thường cho rằng nên dùng Kim Thủy để cứu. Nhưng trong tình huống này, ngũ hành cần thiết lại là Thổ ướt.



QUÁCH PHÚ THÀNH

	NGỌ
ẤT	

Thổ ươt được tượng trưng bởi hai chữ, một là Thìn, một là Sửu. Ất Mộc không thích dùng Kim, đây là bí quyết, cũng là một tổng kết rất chính xác. Thuyết “mệnh thiếu ngũ hành” chỉ bàn về các quy luật thông thường, nếu đi sâu hơn, còn có một phương thức suy đoán khác nữa. Cho dù nhật nguyên Ất Mộc sinh tại tháng Mão, cũng không thể dùng “Dậu” là chi xung với Mão để xung kích Mão, vì Ất Mộc kỵ bị Canh Kim chặt đứt, cho dù thân cường cũng vẫn không thích dùng Sát. Trong ví dụ ban nãy, đến cuối cùng Ất Mộc vẫn rất kỵ Canh Kim, lý do chính nằm tại điểm này.

Ngoài việc kỵ bị Kim chặt chém, lý do khiến Ất Mộc tối kỵ Tân Kim là do Tân Kim đã lấy mất thứ mà Ất Mộc thích nhất, đó chính là Bính Hỏa. Ất Mộc cần ánh mặt trời và Thủy, không có mặt trời, sẽ cảm thấy khó chịu. Ất Mộc cần các nhân tố ở hướng nam bắc, cần Bính thẩu, Quý thẩu, sau đó là thêm một chút Tài tinh. Ý nghĩa của việc thêm Tài tinh là, Mộc mùa đông cần có Mùi Thổ và Tuất Thổ, tức tăng thêm nhiệt tài (tài nóng). Mùa hè phải tăng thêm Sửu Thổ và Thìn Thổ, giúp có thêm thấp tài (tài ẩm).

Từ đó mọi người có thể biết, tại sao một số người lại thích ăn thịt dê, thịt chó, vì dê là Mùi, chó là Tuất. Cũng có một số người thích trang trí hình trâu hoặc rồng trong nhà, thực ra những điều này đều do ngũ hành tạo nên.

Người thần bí vào năm Tân Tỵ sẽ gặp một số nguy hiểm chí mạng, bạn có thể không tin điều thần diệu của Bát tự thần số không?

NHẬT NGUYÊN BÍNH HỎA: MAI DIỄM PHƯƠNG

Nói tới Bính Hỏa, tôi sẽ giải thích về cái chết của một người, đó chính là nữ diễn viên nổi tiếng Hồng Kông Mai Diễm Phương.

Bát tự của người Bính Hỏa thích nhất gặp Nhâm Thủy, tối kỵ gặp Thổ. Không cần phân biệt xuân hạ thu đông, tóm lại phải ghi nhớ thật kỹ một yếu quyết, người Bính Hỏa bất luận thân cường thân nhược, gặp Nhâm Thủy sẽ là dụng thần. Cho dù Bát tự nhiều Thủy cũng vẫn cần Thủy, đây là bí quyết. Tại sao bạn phán Bát tự không chính xác? Bởi vì bạn chưa hiểu được bí quyết này.

Người Bính Hỏa gặp Thổ, sẽ hành vận suy. Vì mặt trời phải gặp được sông lớn mới có thể tạo ra được cảm giác trong lành, sáng sủa. Khi mặt trời xuất hiện,



MAI DIỄM PHƯƠNG

QUÝ	MÃO
NHÂM	TUẤT
BÍNH	TUẤT

1 9 – 18 TUỔI	QUÝ HỢI	5 49 – 58 TUỔI	ĐINH MÃO
2 19 – 28 TUỔI	GIÁP TÝ	6 59 – 68 TUỔI	MẬU THÌN
3 29 – 38 TUỔI	ẤT SỬU	7 69 – 78 TUỔI	KỶ TÝ
4 39 – 48 TUỔI	BÍNH DẦN	8 79 – 88 TUỔI	CANH NGỌ

nếu như bầu trời mù mịt cát bụi, thì cảnh tượng cũng trở nên tối tăm vẩn đục. Người sinh vào ngày Bính Hỏa đặc biệt rất kỵ đất bùn. Người xưa có câu: “Bính Hỏa mãnh liệt, khi sương vũ tuyết, năng luyện Canh Kim, phùng Tân phản khiếp. Thổ chúng sinh từ, Thủy xương hình tiết. Hổ mã khiển hương, giáp mộc thành diệt” (Bính Hỏa mãnh liệt, coi thường sương tuyết, luyện được Canh Kim, gặp Tân sợ khiếp. Thổ đông hiển từ, Thủy dâm thất tiết. Dần, Ngọ cùng Tuất, gặp Giáp thành diệt). Bài thơ này nói với chúng ta rằng, Bính Hỏa chỉ cần rất ít yếu tố Thổ là đã có thể giúp thân cường.

Bát tự của Mai Diễm Phương là Bính Hỏa sinh tại tháng Tuất. Người này cả đời giống như mặt trời rực rỡ, đáng tiếc thân lại ở trong hoàn cảnh bụi bặm mịt mù. Những bụi bặm đó là gì? Bính là Hỏa, Hỏa sinh Thổ, khiến toàn bộ môi trường mịt mù bụi bặm. Với phụ nữ, thứ mà mình sinh ra tượng trưng cho con cái, hoặc là học trò, cho thấy nữ diễn viên này càng có nhiều học trò càng hành suy vận. Đây là luận dựa theo Bát tự.

Tiếp theo nhật nguyên thuộc Hỏa, sinh vào mùa Hỏa Thổ, Hỏa cực vượng, chữ Tuất và Mão lại hợp thành Hỏa. Trong cuộc đời của cô có hai yếu tố khiến Hỏa vượng hơn: thứ nhất là Tuất tượng trưng cho học trò, đệ tử; thứ hai là Mão Mộc, tức là mẹ của cô. Từ đó chúng ta có thể biết được rằng, Mai Diễm Phương không hề thích mẹ và anh em của cô. Hỏa của cô đã cực vượng, anh em sẽ khiến Hỏa của cô càng được đốt nóng hơn, còn cho thấy sẽ cướp mất tài của cô. Thế nhưng, Bát tự của cô nóng như vậy, tại sao cô có thể trở thành một nữ ca sỹ - diễn viên nức tiếng một thời?

Trong ví dụ Ất Mộc, tôi từng nói Quý Thủy và Bính Hỏa là bảo vật của người Ất Mộc, khi thiên can xuất hiện hai loại dụng thần này, giống như đã có được hai bảo bối, làm gì cũng thuận lợi. Ngay từ khi sinh ra, người này đã có được những thứ cần thiết nhất với bản thân. Đây là Bát tự của thần tiên, chỉ có điều phải xuống phàm trần chịu một chút cực khổ, sau đó quay trở lại trời làm thần tiên. Bát tự của Mai Diễm Phương tương tự với tình hình này.

Bính Hỏa cần nhất là gặp Nhâm Thủy, trong Bát tự của cô đã có sẵn. Nhâm Thủy là ai? Nếu như Bính Hỏa tượng trưng cho nữ, thì Nhâm Thủy sẽ tượng trưng cho tình nhân của cô. Nói cách khác, theo Bát tự của cô, cô vô cùng mong muốn có người tình. Nhưng cô sẽ không bao giờ có thể kết hôn, vì trong Bát tự đã có một thế lực vô cùng lớn không ngừng gây phiền nhiễu cho cô, đó chính là Tuất Thổ. Tuất Thổ ẩn chứa Mậu Thổ, chỉ cần Mậu Thổ tồn tại, mỗi khi xuất hiện Quý Thủy, sẽ bị Mậu Thổ này hợp thành Hỏa. Bát tự này nóng như vậy, đương nhiên Mậu Quý có thể hợp Hỏa thành công. Điều này tượng trưng cho điều gì? Mỗi khi có người chồng Quý Thủy đến gần, Mậu Thổ sẽ xuất hiện xua đuổi Quý Thủy đi, khiến Quý Thủy mất đi tác dụng. Mà Quý Thủy còn tượng trưng cho tử cung của người phụ nữ, cũng tượng trưng cho chức năng của thận, tai. Khi Quý Thủy liên tục gặp Tuất, sẽ khiến chữ Quý liên tục gặp sự cố. Khi hành đến đại vận Sửu Thổ, trong Bát tự đã có hai Thổ, khi lại gặp phải một Thổ nữa, sẽ liên xuất hiện nguy hiểm.

Ba loại Thổ cùng gặp nhau gọi là “tam hình”. Mai Diễm Phương qua đời vào tháng Sửu năm Quý Mùi, chính là chết tại tam hình, tức hình sát của ba Thổ. Dường như vào nửa đầu của năm này, cô có những chuyển biến tốt, vì nửa năm đầu hành chữ Quý của năm Quý Mùi. Nhưng khi kết thúc nửa năm đầu, tức sau ngày mồng 8 tháng 8, bệnh tình của cô trở nên trầm trọng hơn, lý do là đã tiến

vào chữ “Mùi” của nửa năm sau, Mùi là Thổ khô, lại cộng thêm cô đốt áo giấy vào giờ Tý nửa đêm, tất cả những điều này đều là do số mệnh đã sắp đặt.

Một người khi gặp phải nguy cơ có được cứu hay không, phải xem ở đại vận tiếp theo có xuất hiện mật mã giải cứu hay không. Vận Bát tự của Mai Diễm Phương có được cứu hay không? Đáp án là “không”, vì cô mắc bệnh trong vận Sửu Thổ, khi tiến vào đại vận Bính Dần, Dần là trường sinh của Mộc Hỏa, cô sẽ bị thiêu cháy. Đại vận tiếp theo lại là Đinh Mão, tất cả đều là Hỏa, chắc chắn sẽ nguy đến tính mạng.

Từ đó mọi người có thể thấy rằng, người Bính Hỏa sợ nhất là Thổ, cần nhất là Nhâm Thủy. Giả dụ nhật nguyên Bính Hỏa sinh vào mùa đông lạnh giá và rất nhiều Thủy, vậy thì sẽ ra sao? Trong lý luận Bát tự, Bính Hỏa không hề sợ Thủy, chỉ sợ thấy Thổ. Bính Hỏa sinh tại mùa thu, cũng cần phải có Thủy để sinh Mộc. Bính Hỏa trong mùa thu đông thích Mộc, đồng thời cũng cần Nhâm Thủy, đây là đặc trưng của Bính Hỏa.

NHẬT NGUYÊN ĐINH HỎA: CHƯƠNG TỬ DI

Điểm khác biệt lớn nhất giữa Đinh Hỏa và Bính Hỏa là, Bính Hỏa đặc biệt thích làm việc thiện. Người Bính Hỏa cho dù là thân cường hay thân nhược, có tiền hay không, đều thích đảm nhiệm công việc từ thiện hoặc giáo dục. Đinh Hỏa thì hoàn toàn ngược lại, người Đinh Hỏa đặc biệt thích kiếm tiền.

Đặc trưng lớn nhất của người Đinh Hỏa là sống lâu. Nếu so với họ, người Bính Hỏa không sống thọ bằng, sức chịu đựng và độ dẻo dai cũng không bằng người Đinh Hỏa. Trong Bát tự, nhật nguyên thuộc âm thường sống lâu hơn, nhật nguyên thuộc dương thường đoản mệnh hơn. Người mệnh dương, khi phải chết sẽ chết ngay lập tức, không kéo dài được thời gian. Người mệnh âm, cho dù có mắc bệnh, cũng sẽ phải kéo dài một thời gian mới có thể qua đời.

Giả dụ Đinh Hỏa sinh tại mùa có nhiều Thủy, đương nhiên thân nhược, nhưng Đinh Hỏa chỉ cần gặp một thứ, thân sẽ không còn nhược nữa, đó chính là Giáp Mộc. Đinh Hỏa gặp được Giáp Mộc, tất cả đều trở nên tốt đẹp. Người mệnh Đinh Hỏa bất kể sinh vào tháng nào, nếu thân nhược, cần phải lấy Giáp Mộc để bổ cứu. Đinh Hỏa gặp được Dần Mộc sẽ lập tức khởi sắc, đây là phương pháp nhanh chóng nhất.

Nhưng Đinh Hỏa dựa vào cái gì để dẫn dắt Giáp Mộc xuất hiện? Giáp Mộc không phải được dẫn dụ bằng Thủy, mà phải dựa vào Canh Kim. Canh Kim là một cái rìu, chuyên chặt đẽo Giáp Mộc. Người Đinh Hỏa cần Mộc, nhưng cũng cần Canh Kim mới có thể đảm bảo Giáp Mộc luôn dồi dào bất tận. Vì vậy người Đinh Hỏa mệnh nhược rất dễ bổ cứu, chỉ cần dùng Giáp Mộc, sau đó thêm một ít Canh Kim, là có thể giải quyết được vấn đề. Canh Giáp cùng gặp, là điều cần có của Đinh Hỏa. Trong Bát tự có Canh Kim, mệnh của người này tự nhiên sẽ tốt đẹp; có Giáp Mộc, tự nhiên hành vận.

Đinh Hỏa là một cây nến, nếu như Thủy rất vượng, thậm chí xuất hiện Thủy cục, sẽ phải cứu Đinh Hỏa bằng cách nào? Phương pháp duy nhất là dùng thật nhiều đất bùn để ngăn cản dòng nước, đó chính là Thổ của Mậu Tuất.

Chương Tử Di chính là người sinh vào ngày Đinh Hỏa. Nhật chủ Đinh Hỏa chủ về tính tình ôn hòa, xuất hiện trong mệnh nữ cho thấy bả sinh xinh đẹp, ngoài nhu trong cương, biết cách tiến lui phù hợp.



CHƯƠNG TỬ DI

KỶ	MÙI
BÍNH	DẦN
ĐINH	MÙI
TÂN	HỢI

1	9 - 18 TUỔI	ĐINH MÃO	5	49 - 58 TUỔI	TÂN MÙI
2	19 - 28 TUỔI	MẬU THÌN	6	59 - 68 TUỔI	NHÂM THÂN
3	29 - 38 TUỔI	KỶ TỶ	7	69 - 78 TUỔI	QUÝ DẬU
4	39 - 48 TUỔI	CANH NGỌ	8	79 - 88 TUỔI	GIÁP TUẤT

Thực Thần nhiều sẽ hóa Thương Quan, vì vậy cá tính mạnh mẽ, trắng đen rõ ràng, làm việc độc lập, dứt khoát, không thích bị gò bó, quản thúc. Có ý thức tự bảo vệ mạnh mẽ, nếu có người vượt qua ranh giới an toàn, sẽ nâng cao ý thức cảnh giác. Thực thần tại chi ngày, vì vậy tình dục cực thịnh, bên cạnh có nhiều đàn ông, tình cảm phải đến năm Canh Ngọ, tức năm 39 tuổi mới ổn định.

Trong mệnh Mộc Hỏa trùng trùng là thân cường. Cường sẽ thích tiết bớt, nếu tiết bớt sẽ rất tốt đẹp. Thực thần có ba, nếu được tiết bớt thì tú khí sẽ tràn đầy bất tuyệt. 19 tuổi hành đại vận Thương Quan, giúp cho tài năng hiển lộ. 29 tuổi hành đại vận Thực Thần càng thêm khởi sắc hơn, quyền rũ hơn nữa.

NHẬT NGUYÊN MẬU THỔ: THƯ KỲ

Mậu Thổ là thứ giúp mọi người chống lũ, trước đây, nguyên thủ của rất nhiều quốc gia đều là người Mậu Thổ. Tôi sẽ tiết lộ cho các bạn một phương pháp nhanh nhất, đó là những người Mậu Thổ phần lớn đều cần đến Dần Mộc. Phân tích Dần Mộc, bên trong còn bao hàm Giáp Mộc, Bính Hỏa và Mậu Thổ. Cũng giống như một khối đất bùn sau khi gặp được rất nhiều đồng loại, có Giáp Mộc làm cho đất bùn tơi xốp, khiến Thổ không quá nhiều, sau đó liên tục được Hỏa sưởi ấm.

Đặc trưng của Mậu Thổ là phải dầy dặn mới có được mệnh tốt. Người Mậu Thổ phải thân cường mới được hành vận. Người Mậu Thổ thân nhược chắc chắn sẽ hành vận suy, vì Mậu là đất bên bờ sông lớn, có trách nhiệm phòng chống lũ, Thổ này nhất định phải cường vượng mới thể hiện được bản thân. Nếu không đủ mạnh, sẽ không thể gánh vác được trọng trách. Vì vậy Mậu Thổ càng cường càng có vận khí, người Mậu Thổ không sợ thân cường, chỉ sợ thân nhược.

Khi phán Bát tự, không được nói chung chung kiểu ngũ hành hài hòa vừa phải là tốt nhất. Mậu Thổ có khuynh hướng thích thân cường, tối kỵ thân nhược. Ba bảo bối của người Mậu Thổ là: Bính Hỏa, Quý Thủy và Giáp Mộc. Khi xem Bát tự của người Mậu Thổ, chỉ cần trong Bát tự có đầy đủ Giáp Mộc, Quý Thủy và Bính Hỏa, là có thể hành vận.

Trước đây trong số những người nổi tiếng tại Hồng Kong, có một người đã từng đột nhiên trở nên rất may mắn trong một khoảng thời gian, nhưng lại

nhanh chóng chìm xuống, đây chính là một người Mậu Thổ - Thư Kỳ. Những người sinh vào ngày Mậu Thổ, tốt nhất không nên sinh vào ngày Mậu Tuất, vì Mậu Tuất là một mật mã rất cô độc. Nếu trong Bát tự thấy Mậu Tuất, rất có thể sẽ làm ni cô hòa thượng, hoặc lưu lạc phong trần.

Người xưa coi kỹ nữ và ni cô cùng thuộc một loại mệnh cách, đều là người mệnh khổ. Xã hội hiện đại đã công bằng hơn, tầng lớp nhìn chung đều được tôn trọng. Thời xưa, người xuất gia cũng được coi như người ăn xin, nghèo khổ cùng cực lắm mới bắt buộc phải xuất gia, lưu lạc thanh lâu. Mật mã Mậu Tuất này thời xưa tượng trưng cho hình khắc cha mẹ, hình khắc chồng. Mậu Tuất là một miếng đất cứng, thích hợp nhất để chống lũ, cống hiến và hy sinh cho quần chúng. Trong Bát tự của Thư Kỳ, Mậu Thổ cần phải gặp được Quý Thủy mới có thể được tươi nhuận, và trong cung Thìn của cô có chứa Quý Thủy.



THƯ KỲ

BÍNH	THÌN
NHÂM	THÌN
MẬU	THUẬT

4 - 13 TUỔI	TÂN MÃO	44 - 53 TUỔI	ĐINH HỢI
14 - 23 TUỔI	CANH DẦN	54 - 63 TUỔI	BÍNH TUẤT
24 - 33 TUỔI	KỶ SỬ	64 - 73 TUỔI	ẤT DẬU
34 - 43 TUỔI	MẬU TÝ	74 - 83 TUỔI	GIÁP THÂN

Dụng thần thứ hai mà Mậu Thổ cần là Bính Hỏa. Trong Bát tự của cô cũng có Bính Hỏa, mặc dù không quá mạnh. Dụng thần thứ ba là Giáp Mộc, cô có Giáp

Mộc hay không? Khi cô từ 19 đến 24 tuổi, đại vận gặp Dần. Phàm là Mậu Thổ gặp Dần sẽ giống như tiếng sét giữa trời xanh. Thư Kỳ từ năm 19 đến 24 tuổi cực kỳ nổi tiếng, đó là nhờ vào vận Dần Mộc, khiến cô có được tất cả, vô cùng may mắn. Nhưng sau đó, cô sẽ chuyển sang vận Kỷ Thổ. Tất nhiên trong Kỷ Thổ không có Giáp Mộc, nhưng vấn đề không phải nằm tại đây.

Thư Kỳ sinh vào tháng Thìn, người sinh vào tháng Thìn có nhiều thay đổi lớn. Giáp Kỷ có thể hóa hợp Thổ hay không? Cô cần Giáp Mộc, nhưng Bát hành Kỷ Thổ, mỗi khi có Giáp Mộc xuất hiện đều sẽ cùng với Kỷ Thổ hợp thành Thổ, tức hoàn toàn không có Mộc. Trong Bát tự của cô, Giáp Mộc khắc Mậu Thổ, Giáp Mộc là tình nhân của cô. Khi cô 24 tuổi, Giáp và Kỷ hợp, cô sẽ đột nhiên mất đi tình nhân. Giáp Mộc là dụng thần của cô, tình nhân này vốn dĩ tồn tại, nhưng khi kết hợp với đại vận, sẽ đột ngột mất đi tình nhân, khiến cô vô cùng đau khổ. Tại sao người tình này lại đột nhiên bỏ Thư Kỳ mà đi? Chúng ta hãy thử tìm kiếm nguyên nhân từ trong Bát tự xem sao.

Giả dụ Thư Kỳ là Mậu Thổ, Kỷ Thổ là ai? Đó sẽ là em gái của cô. Vì vậy, tình nhân của cô đã quen biết một người phụ nữ xinh đẹp hơn cô, ít tuổi hơn cô. Sau khi cô đi hết vận Kỷ Thổ, có thể tìm lại được người tình này hay không? Sau Kỷ Thổ là Sửu Thổ. Sửu đã chứa đựng Kỷ Thổ, Quý Thủy và Tân Kim, tượng trưng Kỷ Thổ lại một lần nữa kết hợp với Giáp Mộc. Nhưng sự kết hợp này lại hơi khác với trước đó, vì Kỷ Thổ này đã ẩn tàng, nên tốt hơn trước đó, những cũng vẫn xảy ra vấn đề. Nhìn vào Bát tự của cô có thể biết rằng, cô rất muốn có tình nhân. Những người đàn ông nhiều Giáp Mộc theo đuổi Thư Kỳ sẽ có cơ hội thành công nhanh chóng.

Do cô rất cần Giáp Mộc, năm 2004 lại là năm Giáp Mộc, ở nửa đầu năm này cô sẽ may mắn hơn, cũng có nhiều cơ hội làm quen với người khác giới. Nhưng khi bước vào tháng Mậu Thìn, cô lại mất đi tình nhân. Muốn có được Giáp Mộc, phải đợi tới tháng Dần của năm sau mới có cơ hội.

NHẬT NGUYÊN KỶ THỔ: CHÂU NHUẬN PHÁT

Kỷ Thổ cũng giống như Mậu Thổ, cần có mặt trời, vì vậy cần có Bính Hỏa, cũng cần phải có cả Quý Thủy đến tưới ướt. Nhưng Kỷ Thổ không cần Giáp Mộc. Như đã nói ở phần trên, những Bát tự thuộc âm không thích bị hình khắc. Kỷ Thổ sợ gặp Giáp Mộc, nên cố gắng không chọn Giáp Mộc làm dụng thần. Giả dụ dụng thần cần Mộc, nên làm thế nào? Chỉ có thể dùng Ất Mộc. Kỷ Thổ có thể tiếp nhận Ất Mộc, nhưng không tiếp nhận Giáp Mộc. Có thể tiếp nhận một chút Mộc, không nên có quá nhiều Mộc.

Có nhân vật Kỷ Thổ rất điển hình trong giới nghệ sĩ, đó chính là Châu Nhuận Phát. Anh là Kỷ Thổ sinh tại tháng Tỵ, tức tháng rắn. Tỵ tượng trưng “bất trung bất hiếu, bất nhân bất nghĩa”. Tỵ hay thay đổi, giả dụ bên cạnh Tỵ xuất hiện Dậu hoặc Thân, Tỵ và Thân hợp thành Thủy, Tỵ và Dậu hợp thành Kim. Nhưng trong Bát tự này, Tỵ không thay đổi, chúng ta thấy rằng Tỵ không có khuynh hướng biến Kim hoặc biến Hỏa. Trong Bát tự này có Mùi, khi Tỵ có Mùi, trong Bát tự gọi là “cung Ngọ”, tức Ngọ Hỏa đã bị ẩn tàng, cho thấy nếu gặp Hỏa sẽ lập tức bị thiêu rụi. Nói cách khác, Tỵ này một trăm phần trăm mang tính Hỏa.

Trong Tỵ có chứa Bính Hỏa, Bát tự này thuộc thân cường. Khi Kỷ gặp Ngọ sẽ gọi là Lộc Thần tinh. Nhưng Kỷ gặp Tỵ, cả hai cùng mang tính âm, sẽ là Dương Nhẫn tinh. Điều này có ý là gì? Nhật nguyên bản thân thuộc Thổ, trong Bát tự cũng có rất nhiều Thổ, nhưng đây hoàn toàn không phải loại Thổ tốt, mà là đất có lẫn tạp chất. Nói cách khác, cho dù người này có thành công thế nào, cuối cùng cũng không thể đạt tới cảnh giới cao nhất được, vì bản thân Bát tự đã bị thiếu khuyết.

Bản thân Châu Nhuận Phát là Kỷ Thổ, đồng thời cũng có Bính Hỏa, chỉ cần cộng thêm Quý Thủy, là có thể đạt được thành công. Nhưng trong Bát tự của anh không có Quý Thủy. Lúc này, cái tên đã phát huy tác dụng rất lớn. Từ nhỏ anh đã được gọi là “Phát Tử”, “Phát” chính là Quý Thủy, “Tử” tức “Tý” cũng là Quý Thủy. Từ đó mọi người có thể biết rằng, cái tên “Phát” không thể tùy tiện sử dụng, vì “Phát” chính là Quý. Châu Nhuận Phát nếu được gọi là “Phát Tử” (cậu Phát) sẽ có lợi hơn so với gọi là “Phát ca” (anh Phát), vì sẽ nhiều hơn một Thủy.



CHÂU NHUẬN PHÁT

ẤT	MÙI
TÂN	TÝ
KỶ	MÃO

14 – 13 TUỔI	CANH THÌN	54 – 53 TUỔI	BÍNH TÝ
24 – 23 TUỔI	KỶ MÃO	64 – 63 TUỔI	ẤT HỢI
34 – 33 TUỔI	MẬU DẦN	74 – 73 TUỔI	GIÁP TUẤT
44 – 43 TUỔI	ĐINH SỬU	84 – 83 TUỔI	QUÝ DẬU

Sau tuổi 44, Châu Nhuận Phát sẽ bước vào đại vận Bính Tý, Tý tức Quý Thủy, Bính Hỏa hợp với Tân Kim, cho thấy trong khoảng thời gian này anh có thể thu được thành công lớn. Nhưng trong bốn năm từ năm 44 đến 49 tuổi, mặc dù cũng có rất nhiều cơ hội, nhưng vẫn bị thiếu vận, vì anh ta đã nhập vào vận Bính Hỏa, nên Quý Thủy vẫn chưa được tốt đẹp. Năm 39 đến 44 tuổi, tức khi đại vận hành Sửu, sẽ có sự phát triển tương đối tốt, tốt hơn vận Bính Hỏa.

Bản thân anh thuộc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy sẽ là thê tài của anh, bắt đầu từ năm 34 tuổi anh sẽ bước vào đất Thủy “Hợi Tý Sửu”, cho thấy trong khoảng thời gian đó, Châu Nhuận Phát sẽ hành thê vận. Thủy sinh Mộc là con cái, Mộc là cung con cái của anh ta. Như mọi người đã biết, vợ của Châu Nhuận Phát từng bị sảy thai. Nguyên nhân là do Bát tự của anh xuất hiện một hiện tượng, đó là bản thân Tý vốn có rất nhiều Hỏa, Mùi và Mão gặp Hợi, sẽ hợp thành Mộc cục.

Tình trạng này cũng giống như Mai Diễm Phương, chi tháng của Mai Diễm Phương là Tuất, khi có Quý Thủy đến gần sẽ đều bị Mậu hợp thành Hỏa. Trong

Bát tự của Châu Nhuận Phát, Ty bản thân rất nóng, khi Mộc tới gần đều sẽ bị thiêu rụi, vì vậy cần phải chế ngự được chữ Ty, như vậy mới có thể có được con cái Mộc. Cho dù Ty không tiếp tục biến thành Hỏa nữa, Ty gặp Dậu hoặc Sửu sẽ biến thành Kim, Kim khắc chế Mộc, khiến Mộc không thể sinh tồn. Trong thời gian này, anh ta mất đi thai nhi, vì mặc dù đã gặp Mộc, nhưng Mộc lại bị mất.

Làm thế nào để giúp anh ta giữ được Mộc không bị mất đi? Cơ hội rất mong manh. Khi Ty gặp Thân, biến thành Thủy, Thủy có thể sinh Mộc, anh ta mới có cơ hội có con cái. Trong đại vận của anh ta, có thể dự đoán sau này anh sẽ có con trai và cũng có cả con gái, Ất Mộc là con trai, trong Hợi cũng chứa một con gái. Ty Thủy trong đại vận của anh rất có thể sẽ xung khai được Ngọ cực nóng, khiến Ty Thân có thể hợp Thủy thành công, giúp anh có được con cái. Điều này cho thấy anh ta có thể thu nhận đồ đệ, hoặc nhận con nuôi. Nếu anh ta không phải con một, Giáp Ất Mộc cũng tượng trưng cho con cái của anh em.

Trước đây anh ta không thể có con, bởi vì Ty và Mùi thường xuyên hợp thành Hỏa, khiến Mộc khố của Mùi cũng biến thành Hỏa, chỉ có Mão vẫn là Mộc. Những mỗi lần Mão tới đều bị Ty Hỏa thiêu rụi, khiến Mão Mộc không thể trở thành cung con cái. Đây là rắc rối lớn nhất trong Bát tự.

Còn có một điểm nữa, anh ta kỵ Giáp Mộc, tức là kỵ con gái. Giả dụ anh có con gái, sẽ lập tức phá hỏng toàn bộ cách cục của Bát tự, khiến danh tiếng của anh ta bị tổn hại nghiêm trọng. Nhưng liệu có phải cả đời anh cũng không có cơ hội có con? Chưa chắc. Khi còn trẻ, tức từ năm 19 đến 24 tuổi, anh hành vận Mão Mộc, đây là lúc có nhiều cơ hội sinh con nhất. Nhưng sau năm 39 tuổi, vốn Sửu Thổ có thể tán Hỏa, nhưng Ty Sửu hợp thành Kim, Kim chặt chém Mộc, trong thời gian này anh sẽ mất đi duyên phận với con cái.

NHẬT NGUYÊN CANH KIM: LƯƠNG CHẤN ANH

Canh Kim là một loại Kim rất ngoan cường và bướng bỉnh, là cường Kim, có khác biệt rất lớn với Tân Kim. Người mệnh Canh Kim phải gặp được Đinh Hỏa mới có thể có được vận tốt. Nếu không có Đinh Hỏa, thì cũng chỉ là một miếng kim loại bỏ đi, mãi mãi chẳng thể thành tài. Tất cả Bát tự mệnh Canh Kim đều cần có được nhiều Đinh Hỏa. Nhưng chỉ có Đinh Hỏa thôi vẫn chưa thể sinh vượng Canh Kim, Đinh Hỏa còn cần Giáp Mộc. Trong Bát tự, Giáp, Đinh, Canh được gọi là một loại tổ hợp tam giác, tự hỗ trợ lẫn nhau, Canh Kim gặp Đinh Hỏa và Giáp Mộc mới có thể thành tài.

Người Canh Kim nếu thiếu Đinh Giáp sẽ là mệnh cách đẹp nhất. Có một nhân vật nổi tiếng trong Bát tự thiếu xuất Đinh Giáp, người này là Lương Chấn Anh. Ông có nhật nguyên Canh Kim, sinh vào tháng Thân. Đây là mật mã đương thời đắc lệnh, cho thấy người này dễ nổi tiếng và thành danh, bản thân đã có điều kiện rất tốt. Ông sinh vào năm Giáp Ngọ, chữ Giáp ở đây rất tốt đẹp. Trong Ngọ có chứa Đinh Hỏa, không được coi thường mật mã này.



LƯƠNG CHẤN ANH

GIÁP	NGỌ
NHÂM	THÂN
CANH	

1	9 – 18 TUỔI	QUÝ DẬU	5	49 – 58 TUỔI	ĐINH SỬU
2	19 – 28 TUỔI	GIÁP TUẤT	6	59 – 68 TUỔI	MẬU DẦN
3	29 – 38 TUỔI	ẤT HỢI	7	69 – 78 TUỔI	KỶ MÃO
4	39 – 48 TUỔI	BÍNH TÝ	8	79 – 88 TUỔI	CANH THÌN

Chúng ta hãy tiếp tục xem đại vận của ông. Thuộc Kim mà lại sinh vào mùa Kim vượng, là cường Kim, dụng thần tất phải là Mộc Hỏa, Mộc là Giáp Mộc, Hỏa là Đinh Hỏa. Từ năm 49 đến 54 tuổi, ông có 5 năm hành đại vận Đinh Hỏa. Canh Kim là dương Kim, Đinh Hỏa là âm Hỏa, Hỏa khắc Kim là Chính Quan tinh, Chính Quan tinh lại là dụng thần. Năm 2007 là năm Đinh Hợi, năm này có Đinh Hỏa, chữ Hợi cũng bao hàm Nhâm Thủy và Giáp Mộc, cả năm đều là dụng thần của ông, vào năm này ông có một chút vận tốt. Tuy nhiên, đến năm 2007, ông đã bước vào năm cuối cùng của đại vận Đinh Hỏa. Sau khi ông tiến vào vận Sửu Thổ, uy lực của ông sẽ đột nhiên biến mất. Vì trong Sửu Thổ không có Đinh Hỏa, tức không có Quan tinh. Sửu Thổ có thể sinh Kim, vì Thổ ứot rất dễ sinh Kim, nhưng dụng thần của ông là Mộc chứ không phải là Kim.

Đại vận trước gặp Đinh, mật mã mà ông cần trong năm này đều có cả. Canh Kim mạnh mẽ như vậy, nên cần phải liên tục dùng Hỏa để tôi luyện, vậy thì trong trường hợp nào Canh Kim sẽ chết? Khi Canh Kim gặp tam hợp hoặc tam hợp Hỏa cục, sẽ phải chết. Ngoài Canh Kim, Giáp Mộc gặp tam hợp Hỏa cũng sẽ chết, vì Giáp Mộc kỵ quá nhiều Hỏa.

Canh Kim chỉ cần một Đinh Hỏa. Giả dụ Dần Ngọ Tuất hoặc Tỵ Ngọ Mùi hợp thành Hỏa cục, Canh Kim sẽ bị nung chảy và tiêu diệt. Tuy nhiên, cũng cần phải xem dụng thần của Bát tự. Nếu Dần là dụng thần, trong Bát tự xuất hiện Hỏa cục Dần Ngọ Tuất, thì vấn đề sẽ không quá nghiêm trọng nữa. Nếu như Dần là kỵ thần, sẽ có nguy hiểm, vì Canh Kim sợ bị nung chảy bởi Hỏa mạnh. Nói cách khác, cho dù ông có thành công trong năm 2007, nhưng rất có thể sẽ thất bại vào năm sau. Chỉ xem năm 2007, năm này là năm đỉnh cao nhất của ông.

NHẬT NGUYÊN TÂN KIM: LƯU HOAN

Canh Kim là mẫu người cần Hỏa để tôi luyện điển hình, có thể chịu được Hỏa mạnh, để giúp họ tôi luyện thành tài. Tân Kim thì ngược lại, Tân Kim không cần Hỏa, và có khuynh hướng thích lạnh lạnh, bản thân Tân Kim cho dù có lạnh đến đâu, cũng vẫn muốn lạnh hơn nữa, không thích Hỏa đến thiêu đốt. Vì vậy, không được nói chung chung kiểu như mệnh Tân Kim sinh vào mùa đông sẽ cần có Hỏa. Tân Kim kỵ gặp Đinh Hỏa, Đinh Hỏa khắc chế Tân Kim, Tân Kim sẽ gặp tai ương. Cho dù Bát tự của Tân Kim rất lạnh và cần có Hỏa để sưởi ấm, thì

cũng cần Bính Hỏa chứ không cần Đinh Hỏa, lý do là Bính và Tân có thể hóa hợp thành Thủy.

Tân Kim cần Bính Hỏa để sưởi ấm, nhưng cuối cùng cũng biến thành Thủy. Dụng thần của Tân Kim có khuynh hướng cần Thủy, và nhất định phải là Nhâm Thủy. Vì Tân Kim cần Thổ để sinh, Thổ sinh Kim khiến miếng Kim này bị vắn đục, muốn khiến Tân Kim thay da đổi thịt, nhất định phải dùng tới Nhâm Thủy. Hầu hết Tân Kim phải dùng Kỷ Thổ để sinh vượng bản thân mình, sau đó rửa bằng Nhâm Thủy. Giả dụ Bát tự rất lạnh, có thể thêm một ít Bính Hỏa, tức là mặt trời, .

Vì vậy, dụng thần của Tân Kim là Kỷ Thổ, Nhâm Thủy và Bính Hỏa. Có một tình huống mà mọi người thường gặp, đó là bên cạnh Tân Kim đều là Thổ, gọi là “hậu Thổ mai Kim” (Thổ dày chôn kim). Nghĩa là trong Thổ có Đinh Hỏa, Hỏa có thể sinh Thổ, Thổ dày đã chôn vùi Kim, khiến Kim rất nóng, mà trở nên rất khô sở, bức bối khó chịu. Phương pháp duy nhất là dùng Mộc để làm tươi xối Thổ, sau đó dùng Thủy để làm ẩm Thổ. Để làm tươi xối Thổ cần phải dùng Giáp Mộc, chứ không thể dùng Ất Mộc. Ất Mộc là một cành cây, dùng cành cây để xối đất (Thổ) sẽ rất dễ gãy, vì vậy nhất thiết phải dùng Giáp Mộc mới có thể làm Thổ tươi xối.

Cổ nhân nói: “Tân Kim nhuyển nhược, ôn nhuận nhi thanh. Ủy Thổ chi đa, lạc Thủy chi doanh” (Tân Kim yếu ớt, ôn nhuận mà trong. Sợ gặp nhiều Thổ, thích gặp nhiều Thủy). Ý là Tân Kim sợ nhất Thổ quá nhiều, cũng chính là sợ nhất mẹ quá nuông chiều, hoặc cha quá phong lưu, khiến bạn có rất nhiều mẹ, dẫn đến tình trạng “hậu Thổ mai Kim”. Người Tân Kim nếu có cha phong lưu, sẽ cả đời không được hành vận, ý của “hậu Thổ mai Kim” cũng có nghĩa là không thể thành công.

Lưu Hoan là người mệnh Tân Kim điển hình. Tân Kim của anh ta được sinh vào tháng Thân, nên ở chỗ vượng, Quý Thủy có Sửu Thổ căn, Bát tự rất mạnh. Thực thần Quý Thủy lại được Canh Tân Kim đến sinh, vì vậy tài hoa xuất chúng. Bát tự lưu thông hữu tình: Giáp Mộc sinh Ngọ Hỏa, Ngọ Hỏa sinh Sửu Thổ, Sửu Thổ sinh Tân Kim, Tân Kim lại truyền sức mạnh vào Canh Kim để sinh Quý Thủy, Quý Thủy lại sinh Mão Mộc. Con đường lưu thông rất dài, vì vậy anh dễ dàng có được địa vị bá chủ trong làng âm nhạc, đồng thời trở thành một trong số ít ngôi sao giữ được sự nổi tiếng lâu dài.



LƯU HOAN

QUÝ	MÃO
CANH	THÂN
TÂN	SỬU
GIÁP	NGỌ

16 – 25 TUỔI	ẤT MÙI	56 – 65 TUỔI	ẤT MÃO
26 – 35 TUỔI	MẬU NGỌ	66 – 75 TUỔI	GIÁP DẦN
36 – 45 TUỔI	ĐINH TÝ	70 – 79 TUỔI	QUÝ SỬU
46 – 55 TUỔI	BÍNH THÌN	76 – 85 TUỔI	NHÂM TÝ

Thực thần Quý Thủy tượng trưng cho tài năng nghệ thuật, Quý Thủy có căn và được tương sinh, vì vậy Lưu Hoan rất giỏi ca hát, tinh thông ngoại ngữ. Ngọ là Quan Sát, tượng trưng cho sự nghiệp, anh cũng bắt đầu nổi tiếng từ vận Ngọ (khoảng 20 tuổi), trong vận Đinh Tỵ tiếp theo, lại càng tỏa sáng hơn nữa. Năm Mậu Tý 2008, Thân Tý Thìn tam hợp Thủy cục, đã làm giảm bớt chút ít sức mạnh của kỵ thần Thân Thìn, vì vậy anh đã được Trương Nghệ Mưu lựa chọn, trở thành ca sỹ hát chính trong thế vận hội Olympic.

NHẬT NGUYÊN NHÂM THỦY: LA VĂN

Nhâm Thủy là dương Thủy, thuộc loại người ít khi phải đau khổ. Người Nhâm Thủy chỉ có một nỗi khổ, đó chính là khô cạn. Nhâm Thủy là Thủy ở sông lớn, nếu không có Thủy đương nhiên sẽ rất đau khổ. Người Nhâm Thủy cả đời phải có Thủy rất tráng vượng mới có thể hành vận. Tức là thả để nước sông dâng tràn lũ lụt, còn hơn là khô cạn. Mặc dù lũ lụt sẽ gây tổn thương, nhưng nó vẫn là sông lớn, vẫn có thể tiếp tục tồn tại.

Giả dụ sông lớn không có Thủy, thì sẽ không còn là sông lớn nữa, mà sẽ gọi là con kênh. Vì vậy người Nhâm Thủy nhất định phải cường không được nhược. Người Nhâm Thủy thân nhược, khi gặp tai họa lớn sẽ không thể vượt qua được.

Trong Bát tự Đinh Nhâm hợp Mộc, khi Nhâm Thủy gặp được Đinh Hỏa, nếu hóa hợp thành công, Nhâm Thủy biến thành Mộc, và sẽ không tồn tại nữa. Từ đó có thể thấy được rằng, người ta thường dễ qua đời tại hợp cục, vì hợp cục tượng trưng cho sự mất đi của bản thân, từ đó không còn xuất hiện trên nhân gian nữa. Trong Bát tự, hợp cục có vai trò vô cùng quan trọng, tượng trưng một loại ngũ hành nào đó đột nhiên mất đi, cũng tượng trưng một người nào đó đột nhiên qua đời, hoặc mất tích, hoặc đánh mất quyền hạn, hoặc bị người khác khống chế, đánh mất chính bản thân mình.



LA VĂN

CANH	DẦN
MẬU	DẦN
NHÂM	NGỌ

1	6 – 15 TUỔI	KỶ MÃO	5	46 – 55 TUỔI	QUÝ MÙI
2	16 – 25 TUỔI	CANH THÌN	6	56 – 65 TUỔI	GIÁP THÂN
3	26 – 35 TUỔI	TÂN TÝ	7	66 – 75 TUỔI	ẤT DẬU
4	36 – 45 TUỔI	NHÂM NGỌ	8	76 – 85 TUỔI	BÍNH TUẤT

Ví dụ, hợp cục biến thành con cái, cho thấy cha mẹ bị con cái khắc chế và ức hiếp, hoàn toàn mất đi địa vị. Đối với nhật nguyên Nhâm Thủy, có đủ Kim để sinh Thủy là điều quan trọng nhất, vì người Nhâm Thủy tráng vượng mới có vận tốt.

Có một diễn viên nổi tiếng có nhật nguyên Nhâm Thủy, đó chính là La Văn. Bát tự của anh ta vô cùng bất ổn, có khi có Thủy, có khi lại không. Có khi đường như rất may mắn và nổi tiếng, nhưng cũng có lúc rất im ắng. Có khi kiếm được rất nhiều tiền, có khi lại rất nghèo. Trong năm 2002, là năm Nhâm Ngọ nhiều Hỏa, do phạm phải phục ngâm nên anh ta đã qua đời. Vào năm 16 tuổi, La Văn gặp đại vận Canh Thìn, Thìn ngoài ý nghĩa biến hóa đa đoan, mà còn đặc biệt thích một mật mã, khi gặp mật mã này sẽ từ Thìn biến thành cường Kim, mật mã đó chính là Dậu. Người cần Kim gặp được Thìn, sẽ lập tức hành vận.

Người này trước năm 16 tuổi hành vận Mão Mộc, đó là thời gian kém nhất của anh ta. Lúc đó, La Văn đang học nghề ở một tiệm may nhỏ, tại đây anh ta đã gặp được Lưu Bồi Cơ trong giới thời trang. Sau 16 tuổi, ngoài việc thiết kế trang phục, La Văn bắt đầu cùng các bạn lập thành nhóm nhạc theo nghề ca hát. Và bắt đầu từ đó, sự nghiệp của anh phát triển vô cùng thuận lợi, và cũng bắt đầu nổi tiếng ở các hộp đêm.

Bắt đầu từ năm 26 tuổi, La Văn dần dần nổi tiếng, lúc đó anh ta đang hành tới đại vận Tân. Tân là Kim, Kim sinh Thủy, Tân là mẹ của anh ta. Vào thời điểm nổi tiếng nhất của La Văn, mặc dù thường xuyên lên sân khấu biểu diễn, nhưng số tiền thực tế kiếm được lại không nhiều. Sau năm 1983, đại vận của anh chuyển sang Tỵ, không thể đem lại những bước đột phá lớn. Anh ta cần phải gặp được Sửu hoặc Dậu mới có thể thành công, nhưng trong khoảng thời gian đó anh lại không gặp được những cơ hội này.

Từ 36 đến 41 tuổi là giai đoạn La Văn hành đại vận Nhâm Thủy, đó là từ năm 1986 đến 1991, sự nghiệp có đôi chút khởi sắc. Nhưng chữ Ngọ vẫn cứ bám chặt lấy anh, thời gian này cũng đã bắt đầu chôn ngòi cho những nguy hiểm kế tiếp. Ngọ Hỏa là thứ anh ta kỵ nhất. Khi đến 41 tuổi, sẽ rất kém may mắn. Đến 46 tuổi, người ta bắt đầu gọi anh bằng cái tên "La Ký", đây là một cái tên rất xấu đối với anh ta. "La" (tức cái sọt) là thứ được làm từ gỗ, hay Giáp Mộc. "Ký" là Kỷ Thổ, Thổ khắc Thủy. Anh không nên dùng cái tên La Ký.

Khi La Văn 51 tuổi sẽ bước vào vận Mùi Thổ, và qua đời năm 52 tuổi. Vận Quý Thủy trước năm 51 tuổi có một chút tác dụng đối với anh. Nhưng mọi người nên biết, Nhâm là sông lớn, chỉ một chút nước mưa Quý Thủy sẽ không giúp ích được nhiều cho Nhâm Thủy. Cho dù Quý Thủy rất cường vượng, cũng không thể

phát huy tác dụng. Huống hồ trong Bát tự lại có một lượng lớn Mậu Thổ. Mậu Thổ xuất can, giống như nhất phu đương quan (một người canh cửa ải, ý nói canh gác chắc chắn). Khi Nhâm Thủy tráng vượng, bên cạnh sông lớn có Mậu Thổ chế ngự, khiến nó không thể tràn bờ. Sở dĩ La Văn có thể trở thành một ngôi sao lớn, chính bởi vì anh là Mậu Thổ.

Khi anh nhiều Thủy, Mậu Thổ sẽ có công lao. Nhưng khi Thủy nhược, Mậu Thổ sẽ là vết thương chí mạng của anh. Túc danh tiếng và thể diện sẽ trở thành vết thương chí mạng của anh. Khi Mậu Thổ gặp phải Quý Thủy, Mậu Quý hợp Hỏa. Năm 2001 là năm Tân Ty, Tân có thể cứu anh, nhưng Ty sẽ hại chết anh, vì Ty Ngọ Mùi là tam hợp Hỏa cục. Lại bước vào năm Nhâm Ngọ, Ngọ và Mùi tái ngộ vào tháng Ty, kết quả là anh đã qua đời vào năm 2002.

Anh là Nhâm Thủy nhưng thân nhược, toàn bộ đã biến thành Hỏa. Anh bị tổn thương tại hai bộ phận. Tôi không phải bác sỹ, nhưng tôi có thể đoán bệnh thông qua Bát tự. Nhâm tượng trưng cho bàng quang, còn Dẫn Mộc tượng trưng cho gan. Mộc sinh Hỏa, vì vậy đoán là anh ta mắc bệnh ung thư gan, nhưng thực ra vẫn còn một vị trí khác khiến anh xuất hiện vấn đề, đó chính là do gan có bệnh, dẫn tới hệ thống tiết niệu xảy ra vấn đề, và đã cướp mất tính mạng của anh.

NHẬT NGUYÊN QUÝ THỦY: LƯU ĐỨC HOA

Thiên can tương đồng với ngũ hành Nhâm Thủy là Quý Thủy. Lưu Đức Hoa chính là người mệnh Quý Thủy. Quý Thủy và Nhâm Thủy có một đặc điểm giống nhau, đó là không thể thân nhược. Nếu thân nhược, trước tiên phải nghĩ cách để biến thành thân cường, như vậy mới có thể hành vận. Cái Quý Thủy cần nhất là Canh Kim hoặc Tân Kim, dùng để sinh vượng Thủy, lại bổ sung thêm Nhâm Thủy, khiến nhật nguyên cường vượng, có đầy đủ Thủy. Nếu Quý Thủy quá nhiều, nhất thiết phải dùng Bính Hỏa để cứu. Bát tự của Lưu Đức Hoa là Quý Thủy cực vượng, vì vậy lấy Mộc Hỏa làm dụng thần.

Bát tự này từ năm 17 tuổi bắt đầu tiến vào 30 năm đại vận Mộc Hỏa, cho thấy bắt đầu từ khoảng thời gian đó, anh ta dần dần bước lên đến đỉnh cao của cuộc đời. Sau năm 20 tuổi, Lưu Đức Hoa bước vào làng điện ảnh, và dường như luôn luôn gặp may mắn, đó là khi anh hành vận Mùi Thổ. Sau 42 tuổi anh bước

vào vận Ty. Quý là âm Thủy, Thủy khắc Hỏa là tài, Ty là âm Hỏa, tượng trưng cho Thiên tài, nên dễ phát tài lớn.

Ty tượng trưng cho tiền tài của anh ta. Như phần trên đã nói, Ty là “bất trung bất hiếu, bất nhân bất nghĩa”. Khi Ty gặp phải Dậu hoặc Sửu trên Bát tự sẽ biến thành tam hợp Kim cục, cho thấy tài của anh đột nhiên biến thành Ấn, như vậy, trong khoảng thời gian này anh ta sẽ phá tài.

Bát tự này liệu có được bổ cứu hay không? Giả dụ giờ sinh của Lưu Đức Hoa là Mùi, Mùi và Ty có thể củng Ngọ, Mùi và Hợi cũng có thể hợp thành Mộc để chế ngự Kim, trong khoảng thời gian này sẽ không quá sa sút, nếu giờ sinh là Ngọ sẽ càng tốt hơn. Khi Bát tự hành đến đại vận Nhâm Thìn, Thìn và Dậu trong Bát tự lại hợp thành Kim. Nhưng Nhâm và Đinh Hỏa hợp thành Mộc, đây là điểm tương đối tốt. Đinh Hỏa tượng trưng cho tài của anh, mà Mộc lại tượng trưng cho sự sáng tạo và công việc, điều này có nghĩa là anh ta có Mộc nhưng không có Tài, mặc dù có rất nhiều công việc, nhưng lại không kiếm được bao nhiêu tiền, thậm chí trong khoảng thời gian đó còn bị mất tiền.



LƯU ĐỨC HOA

TÂN	SỬU
ĐINH	ĐẬU
QUÝ	HỢI

1 7 – 16 TUỔI	BÍNH THÂN	5 47 – 56 TUỔI	NHÂM THÌN
2 17 – 26 TUỔI	ẤT MÙI	6 57 – 66 TUỔI	TÂN MÃO
3 27 – 36 TUỔI	GIÁP NGỌ	7 67 – 76 TUỔI	CANH DẦN
4 37 – 46 TUỔI	QUÝ TÝ	8 77 – 86 TUỔI	KỶ SỬU

Năm 2008 là năm Mậu Tý, năm này Thủy rất vượng, mặc dù Mậu Thổ có thể chế ngự Tý Thủy, nhưng anh ta vẫn có thể bị phá bại vào năm này. Tại sao người này rất dễ phá tài? Đó là do anh ta thích đầu tư, thích làm nhiều việc, vì thế mà gây nên tổn thất.

Người Quý Thủy cần phải ghi nhớ rằng, bản thân nhật nguyên cường vượng, nhưng nếu như Thủy quá nhiều, sẽ rất dễ thất tài. Điểm khác biệt lớn nhất giữa Quý Thủy và Nhâm Thủy là, khi Nhâm Thủy tràn trề vỡ đê, sẽ bị người ta oán trách, hoàn toàn mất đi khả năng kiểm soát và dẫn tới thất bại. Nhưng Quý Thủy là Thủy âm nhu, cho dù có cường vượng cũng không đến nỗi có quá nhiều Thủy. Mặc dù có thể thất bại, vì Thủy quá nhiều không có Hỏa; cho dù không kiếm được tiền, nhưng cũng không đến nỗi mất mạng. Những vật mang tính âm đều có tính chất bền bỉ và dẻo dai, không dễ dàng bị tiêu diệt.

Thứ hai, do bản thân thuộc âm nhu, cho dù trên Bát tự xuất hiện cực đoan, nhưng cũng sẽ không xuất hiện tình huống quá xấu hoặc quá nguy hiểm. Mà xem Bát tự đến tầng bậc sâu hơn, cần phải xem bên cạnh người này có xuất hiện những người nào, phải tính toán cả ảnh hưởng của đối tác và người nhà, bạn bè, như vậy mới có thể đưa ra dự đoán chính xác nhất.

Những cát hung đã phân tích trên đây, thực ra một phần rất lớn còn phải xem những người bên cạnh có trợ giúp cho anh ta hay không. Rất nhiều nguy hiểm trong Bát tự đều phải nhờ vào những người bên cạnh đến giải cứu.

BÁT TỰ ĐẶC BIỆT CỦA CÀN LONG

Bát tự của hoàng đế Càn Long có điểm nào khác người? Càn Long là mệnh Canh Kim sinh vào tháng Dậu, Canh Kim là Kim thô mang sát, nhất thiết phải dẫn Đinh Hỏa đến tôi luyện, khắc chế, mới có thể thành tài được. Mệnh này là cường Kim, dưới Canh Kim có Ngọ Hỏa, cường Kim đắc Hỏa, hai Hỏa Bính và Đinh đồng thời xuất can, người này chắc chắn sẽ trở thành bậc kỳ tài.

Trong Bát tự có Mộc, liên tục thiêu đốt Hỏa, khiến Canh Kim được tôi luyện. Khi Hỏa quá mãnh liệt, có Tý Thủy và Ngọ Hỏa tương xung, có thể chế ngự nhiệt độ quá nóng. Nếu Kim mạnh biến thành Kim yếu, còn có Tân Kim đến chi viện. Vì vậy "có Mộc sinh Hỏa, Hỏa tôi luyện Kim, Kim sinh Thủy, Thủy lại sinh Mộc", hình

thành dòng tuần hoàn liên tục không ngừng nghỉ, Hỏa mãnh liệt có Thủy đến khắc, Canh nhược có Tân bổ sung, toàn bộ Bát tự bổ sung lẫn nhau, trên dưới tương thông.

Càn Long đã xây dựng nên một triều đại thịnh trị nhất trong đời Thanh. Ông thường xuyên vi hành xuống Giang Nam, để lại không biết bao nhiêu chuyện tình phong lưu trong dã sử. Đây cũng là một nhược điểm lớn của ông, đó là quá phong lưu háo sắc. Tý Ngọ Mão Dậu là mật mã tứ cực Đào hoa, cũng là mật mã của hoàng đế, điểm thú vị nhất của Bát tự này là có đầy đủ cả bốn nguồn sức mạnh ghê gớm "Tý Ngọ Mão Dậu". Hoàng đế Càn Long rất đào hoa, trong hậu cung có ba ngàn cung nữ cũng chưa thỏa mãn. Trong lịch sử cũng chỉ có duy nhất một vị hoàng đế vi hành xuống Giang Nam để tìm gái đẹp, chính là Càn Long.

Trong Bát tự của Càn Long không có Thổ, cũng không nên có Thổ, vì Thổ có thể sinh Kim, mệnh này là cường Kim, không cần Ấn. Điều này giải thích tại sao lại có bi kịch giết mẹ. Khi bản thân hoàng đế thân cường quá độ, lại có quá nhiều mẹ, sẽ dẫn tới chuyện cốt nhục tương tàn.

Đường Thái Tông Lý Thế Dân là Bát tự thân cường, vì vậy buộc phải loại bỏ tất cả Tỷ Kiếp bên cạnh, tức phải trừ bỏ anh em mới có thể làm nên nghiệp lớn. Bát tự của hoàng đế Càn Long nếu là của phụ nữ sẽ rất hung. Canh Kim thuộc mệnh cách hình khắc mang sát, nữ giới thuộc mệnh Canh Kim, Hỏa là phu cung (cung chồng), có thể là người phụ nữ xuất sắc. Nhưng toàn bộ Bát tự Đào hoa cực thịnh, nữ giới nhiều Đào hoa, thời xưa coi là thuộc mệnh thấp kém, thường lưu lạc thanh lâu. Mệnh cách mang sát lại nhiều Đào hoa, người phụ nữ này chắc chắn số khổ, cả đời mệt mỏi vì tình cảm, số phận gập ghềnh.



CÀN LONG

TÂN	MÃO
ĐINH	DẬU
CANH	NGỌ
BÍNH	TÝ

MỖI OAN THIÊN CỔ CỦA NHẠC PHI

Chúng ta sẽ tiếp tục xem Bát tự của một nhân vật lịch sử khác, đây là tướng quân Nhạc Phi đã chết dưới 12 tấm kim bài. Nhạc Phi là danh tướng thời Nam Tống, sau khi chào đời không lâu, đã gặp phải thủy tai, nhưng đại nạn không chết. Bát tự này là Giáp Mộc sinh tại tháng Mão, phạm là những người Giáp Mộc đều dễ dàng đạt được thành công và được người khác công nhận. Giáp Mộc sinh tại tháng Mộc thịnh vượng nhất, Tý Thủy của chi ngày lại không ngừng sinh vượng Giáp Mộc, cộng thêm Ất Mộc và Quý Thủy xuất can, Mão Mùi thành bán Mộc cục, Bát tự này thân cường cực độ.

Lúc trước đã từng nói qua, phạm là người Giáp Mộc hầu hết đều cần Hỏa, ngoài việc cần có Quý Thủy để tưới ướt, cũng rất cần có ánh nắng mặt trời sưởi ấm, giúp người này trưởng thành tráng kiện. Thứ hai, Giáp Mộc nhất thiết phải dẫn dắt Canh Kim đến chặt đẽo mới có thể được gọt giũa thành tài. Thứ giúp người Giáp Mộc có thể thành công chính là Bính Hỏa và Canh Kim.

Nhạc Phi cả đời chiến đấu trên lưng ngựa, đao kiếm đương nhiên là Kim, ngựa là Hỏa, khói lửa là Hỏa, hành quân phải chịu vô vàn cực khổ, toàn bộ những yếu tố đó đều là Hỏa. Trong cuộc đời tòng quân của mình, Nhạc Phi đã tìm được hai thứ cần nhất cho mình là Canh Kim và Bính Hỏa, khiến thanh Mộc cứng mạnh này được tôi luyện và gọt giũa, lập được công lao to lớn.

Bát tự của Nhạc Phi kỵ Thủy, nên mới sinh ra đã gặp thủy tai. Sinh ra không lâu đã hành đại vận Giáp Dần, cường Mộc không có Kim chặt đẽo, vì vậy mẹ ông đã khắc bốn chữ “tinh trung báo quốc” lên lưng ông, nguyên do chính là do quá thiếu Kim nên mới phải tìm Kim để đẽo khắc. Khi ông tiến vào 20 năm đại vận Quý Sửu và Nhâm Tý, trong Bát tự xuất hiện hồng thủy xâm phạm. Thủy là Ấn, thê cung cũng là Tý Thủy, vì vậy ông không thể ở bên cạnh mẹ và vợ, nếu không chắc chắn sẽ bị chết đuối. Cơ hội sống sót duy nhất của ông là xuất chinh trận mạc, cả đời làm bạn với đao thương chiến mã.

Hỏa do Giáp Mộc sinh ra tượng trưng cho sự nghiệp và thuộc hạ của ông, chiến tích của ông rất huy hoàng, cây đại thụ này lại cao lớn hơn nữa. Khi ông tiến vào đại vận Tân Hợi, Tân Hợi khắc Giáp Mộc là Quan tinh, đó là thời khắc huy hoàng nhất trong cuộc đời ông. Không ai không biết đến tiếng tăm của

đội quân Nhạc Phi, ai ai cũng khâm phục ông. Nhưng lúc này Mộc cũng đã quá cường, dẫn tới nguy cơ Kim khắc sát. Đó là do chiến tích của Nhạc Phi quá đồi lớn lao, khiến quần thần và cả hoàng đế phải đổ kỵ.



NHẠC PHI

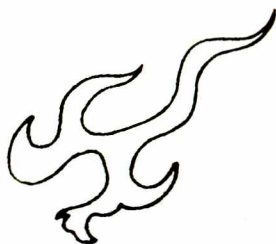
QUÝ	MÙI
ẤT	MÃO
GIÁP	TÝ
KỶ	TỶ

Khi ông bước vào đại vận Hợi Thủy, Hợi ẩn chứa Nhâm Thủy và Giáp Mộc, cường Mộc lại một lần nữa không có Kim đến chặt đẽo. Lần này không phải Nhạc mẫu khắc chữ vào lưng, mà là hoàng đế dùng mười hai tấm kim bài để triệu Nhạc Phi trở về kinh thành. Sau đó, ông đã bị xử tử khi mới 39 tuổi.

Nhìn vào đại vận của Nhạc Phi, có thể thấy được rằng, nếu như ông ta có thể vượt qua được kiếp nạn này, sau khi tiến vào đại vận Canh Tuất và Kỷ Dậu, chắc chắn có thể đứng trên vận người, giàu sang lừng lẫy. Do tiến vào đại vận cường Kim cường Hỏa, cho thấy ông có thể thoát khỏi cuộc đời trên lưng ngựa, an dưỡng tuổi già.

Trong Bát tự của Nhạc Phi, 20 năm thời thanh niên, do hành đại vận hồng Thủy nên đã khiến ông phải dấn thân trận mạc, cuối cùng cũng chết vì tiến vào đại vận Thủy Mộc. Từ đó có thể thấy rằng, Kim luôn là ngũ hành mà ông cần có nhất. Thực ra, ông rất thích hành quân chiến đấu, không bao giờ sợ đao thương, mà ngược lại luôn có sở thích rất đặc biệt với binh khí võ thuật, chúng khiến ông cảm thấy hài lòng và vui vẻ.

Vì ông rất ưa Kim, nên khi nhận được mười hai tấm kim bài, thực ra là ông đã tự nguyện hồi kinh, cuối cùng đã bị hoàng đế xử trảm. Đây cũng là do ông tự nguyện muốn chết để gìn giữ thanh danh. Ông không hề kháng cự Kim, thậm chí vui vẻ chấp nhận Kim đeo gót. Người ta thường hỏi, tại sao Nhạc Phi lại đại đột tự tìm đến cái chết như vậy, và đây đã trở thành một câu đố chưa có lời giải. Và giờ đây, điều này đã được giải đáp thông qua Bát tự.

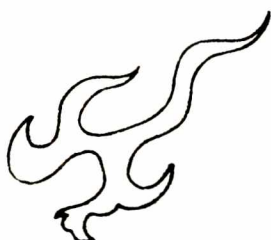


CHƯƠNG 6: MẬT MÃ CỦA PHÚ QUÝ CÁT TƯỜNG

Tài vận là thứ mà hầu hết mọi người đều quan tâm đến nhất. Nhìn vào Bát tự, có thể phán đoán về tài vận lớn nhỏ của một người, lúc nào tiến tài và lúc nào phá tài. Chương này chủ yếu giới thiệu về mật mã tài vận trong Bát tự. Tuy nhiên, Bát tự học cũng cho chúng ta biết rằng, tài phú là một con dao hai lưỡi; người tài phú quá nhiều thường có đời sống tình cảm rất bê bối; theo đuổi tài phú quá mức, sẽ mất đi sức sáng tạo và tình mẹ.



Nội dung chính



- * Bát tự "có bệnh" dễ phát đạt
- * "Thân Tài lương đình" là điều kiện tiên quyết của mệnh giàu có
- * "Tài thông môn hộ" là điều kiện thứ hai của mệnh giàu có
- * "Tài lai tỵ ngã" là điều kiện thứ ba của mệnh giàu có
- * Bảy loại mật mã thường xuất hiện ở người giàu có
- * Đặc trưng Bát tự của người giàu có
- * Bát tự xấu mà đại vận tốt, dễ giàu sang
- * Bát tự của người giàu nhưng không hào phóng
- * Lộ thần tượng trưng cho tài phú
- * Lúc nào có thể kiếm tiền lập nghiệp
- * Những bất hạnh của người phát đại tài

BÁT TỰ “CÓ BỆNH” DỄ PHÁT ĐẠT

Trong cuốn sách cổ “Ngũ ngôn độc bộ” có viết: “Hữu bệnh phương vi quý, vô thương bất thị kỳ; cách trung như khứ bệnh, tài lộc hỷ tương tùy” (Có bệnh mới là quý, không thương không lạ kỳ. Trong cách nếu hết bệnh, tài lộc sẽ theo về). Ở đây “bệnh” là chỉ kỵ thần. Tại sao trong Bát tự có kỵ thần mới là tốt? Vì Bát tự coi trọng sự biến hóa của ngũ hành, nếu như một Bát tự quá vững vàng, trong Bát tự ngũ hành cân bằng, mà đại vận cũng khiến ngũ hành trong Bát tự này phát triển cân bằng, người này được gọi là “vô bệnh”, cuộc đời anh ta tất sẽ rất bằng phẳng, không chìm không nổi. Nhưng nếu như trong Bát tự thiếu một ngũ hành, mà đại vận hành tới hành đó, đây sẽ là cách cục đại phú đại quý.



LÝ TRẠCH KHẢI

BÍNH	NGO
KỶ	HỢI
TÂN	MÙI
NHÂM	THÌN

1	10 - 19 TUỔI	CANH TÝ	5	50 - 59 TUỔI	GIÁP THÌN
2	20 - 29 TUỔI	TÂN SỬU	6	60 - 69 TUỔI	ẤT SỬU
3	30 - 39 TUỔI	NHÂM DẦN	7	70 - 79 TUỔI	BÍNH NGỌ
4	40 - 49 TUỔI	QUÝ MÃO	8	80 - 89 TUỔI	ĐINH MÙI

Trong khoảng thời gian từ năm 1999 đến năm 2000, trên vũ đài kinh tế của Hồng Kông và thế giới xuất hiện một ngôi sao mới, đó chính là Lý Trạch Khải con trai của tỷ phú Lý Gia Thành. Ông không dựa vào tài lực to lớn của cha, mà một

mình một ngựa, chỉ trong một năm đã vượt qua ba “cửa ải”, đem lại cho ông và gia đình tổng cộng 130 tỷ đô la Hồng Kông, tạo nên một kỳ tích mang tính thần thoại về sự nghiệp làm giàu.

Lý Trạch Khải sinh vào giờ Thìn ngày 8 tháng 11 năm 1966, ngày Tân sinh tại tháng Hợi giờ Thìn, Thương Quan tiết tú, cho thấy ông là người thông minh tuyệt đỉnh. Thương Quan chủ về tài khí và khối óc, giờ là Thìn Thổ, Thìn là mộ khố của nhật nguyên Tân Kim và nhật nguyên Nhâm Thủy, Nhâm Thủy đương lệnh không nhập mộ, vì vậy tiết nhược Tân Kim, thích có hai Hỏa Bính Đinh, sinh Thìn Thổ là kỳ diệu, sẽ phú quý tột đỉnh.

Bính Đinh Hỏa là dụng thần, máy tính là Hỏa, cổ phiếu công nghệ là Hỏa. Năm 2000 là năm Canh Thìn, âm lịch tháng 3 là tháng Canh Thìn, vào tháng này Hỏa hoàn toàn thất thế, kết quả là vào tháng này, cổ phiếu công nghệ trượt dốc, trong tháng này Lý Trạch Khải cũng đã biến mất. Điều này đã chứng tỏ một sự thực là ông rất cần Hỏa.

Tại sao trong năm 1998, 1999 Lý Trạch Khải lại phát lên như điều gặp gió. Có thể nhìn thấy từ trong đại vận, đây là thời điểm ông chính thức bước vào đại vận Dần. Ở cung Dần có đủ cả Giáp Mộc, Bính Hỏa, Mậu Thổ. Một Bát tự cần Thổ cần Hỏa, đến đại vận Dần sẽ phát triển mạnh mẽ. Năm 1998 là năm Mậu Dần, năm 1999 là năm Kỷ Mão, Mộc Hỏa đều có.

Lý Trạch Khải phát tại chữ Dần. Cung mệnh của Lý Trạch Khải nằm tại Canh Dần, thai nguyên tại Canh Dần, thai tức là Bính Ngọ, tất cả đều là dụng thần của ông. Can chi năm là Bính Ngọ cũng có trợ giúp lớn. Ứng nghiệm ở quan hệ với trường bối và sự giúp đỡ từ phía sau, được các trường bối khá nể nang.

Trở lại với “Ngũ ngôn độc bộ”, Lý Trạch Khải “có bệnh mới là quý”, Ấn tinh Thìn Thổ không vượng, không thể nâng đỡ Tân Kim yếu, đến khi gặp liêu thuốc Dần Mộc lập tức khỏi bệnh, tài lộc có đủ.

“THÂN TÀI LƯƠNG ĐÌNH” LÀ ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT CỦA MỆNH GIÀU CÓ

Bát tự tử phú mà chúng ta quen thuộc nhất, đương nhiên là của Lý Gia Thành. Từ Bát tự của ông, có thể thấy rõ hai đặc điểm:

1: Thân tài lưỡng đình: Ngũ hành của bản thân và ngũ hành của tài phú đều rất vượng, và dồi dào không cạn.

2: Thiên tài thấu can: Dễ dàng đắc tài, thấu can tượng trưng cho sự hào phóng, không đơn độc.

Bát tự của Lý Gia Thành là tư liệu tốt nhất để phân tích về mệnh phú quý. Trong Bát tự kinh điển này, Giáp Mộc sinh vào tháng Ngọ, thân ở đất bệnh, đây gọi là Bát tự bệnh. Giờ gặp Mậu Thìn, tài vượng tại thân, trong Tân và Thìn Ất Quý tương sinh, lại cùng với chi ngày Thân tạo thành bán hợp Thủy cục, đáng tiếc là thiếu chữ Tý, chỉ cần gặp Thủy Mộc, thân vượng sẽ tạo thành cục “thân tài lưỡng đình”, tài luôn luôn dồi dào.



LÝ GIA THÀNH

MẬU	THÌN
MẬU	NGỌ
GIÁP	THÂN
MẬU	THÌN

1	5 - 17 TUỔI	KỶ MÙI	5	48 - 57 TUỔI	QUÝ HỢI
2	18 - 27 TUỔI	CANH THÂN	6	58 - 67 TUỔI	GIÁP TÝ
3	28 - 37 TUỔI	TÂN DẬU	7	68 - 77 TUỔI	ẤT SỬU
4	38 - 47 TUỔI	NHÂM TUẤT	8	78 - 87 TUỔI	BÍNH DẦN

Muốn biết tình hình tài phú của một người ra sao, trước tiên phải xem điểm xuất phát của Tài tinh, tài của Lý Gia Thành là Thổ, bị Giáp Mộc khắc. Thổ là Tài, Ngọ Hỏa không ngừng cung ứng cho Thổ, nên tài sung túc. Chỉ cần Giáp Mộc thân cường, sẽ có thể đắc tài. Lại xem đại vận, từ năm 38 tuổi bắt đầu hành 5

năm đại vận Nhâm Thủy, Thiên Ấn vừa vận dụng, đã có thể trở thành tiểu phú. Khi bước vào năm 48 tuổi, hành 30 năm đại vận Thủy Mộc, sẽ trở thành tỷ phú giàu có tốt bậc.

Lại xem Bát tự. Giáp Mộc sinh vào tháng Tỵ, gặp Bính Hỏa, Mậu Thổ, chi ngày là Dần, Lộc thần có căn, Giáp Mộc có khi được Quý Thủy trong Tý Thủy đến sinh, thân cường tài vượng, là mệnh giàu có. Đây cũng là Bát tự thân tài lưỡng đình.

ĐINH	MÃO
ẤT	TỴ
GIÁP	DẦN
GIÁP	TÝ

“TÀI THÔNG MÔN HỘ” LÀ ĐIỀU KIỆN THỨ HAI CỦA MỆNH GIÀU CÓ

“Thân tài lưỡng đình” là điều kiện thứ nhất của mệnh giàu có. Điều kiện thứ hai là “Tài tinh thông môn hộ”, ví dụ ông vua máy tính Bill Gate nổi tiếng toàn thế giới.

Ông sinh vào giờ Dần ngày 28 tháng 10 năm 1955, trong Bát tự này, là Nhâm Thủy sinh tháng Tuất, Tuất là sự chuyển hóa của Bính Mậu, giờ sinh là Dần, chuyển và sinh Bính Tuất. Dần Tuất hợp cục, vốn dĩ Hỏa Thổ quá mạnh, được Nhâm Thủy tương trợ, đại diện cho cộng sự, vì vậy, trong cuộc đời mình, Bill Gate phải có cộng sự mới không phải lo lắng. Trong Tuất ẩn tàng Tân, Mùi có thể sinh Tân, nên chỉ cần gặp Tân Dậu sẽ có thành công lớn lao, bước lên một tầm cao mới.

Khi Bill Gate hành đại vận “Ngọ” Hỏa, là tài vượng, nhưng Nhâm Thủy không đủ, là khởi nguồn của kiện tụng rắc. Bước sang vận Tân Tỵ và năm Tân Tỵ 2001, sẽ có thể lột xác. Nhưng trong mười năm đại vận Nhâm Ngọ từ năm 36 đến 34 tuổi, chữ “Nhâm” đã giúp ông có được thân cường, và có được nguồn tài phú khổng lồ, lý do là “tài thần thông môn hộ”, đồng thời thấy bốn địa chi Mùi, Tuất, Tuất,

Dần đều ẩn tàng Đinh Hỏa, Bính Hỏa, Chính Tài, Thiên Tài đều có. Thiên Tài Bính Hỏa thấu can, chủ về đắc đại tài.



BILL GATE

ẤT	MÙI
BÍNH	TUẤT
NHÂM	TUẤT
NHÂM	ĐẦN

16 - 15 TUỔI	ẤT DẬU	46 - 55 TUỔI	TÂN TÝ
16 - 25 TUỔI	GIÁP THÂN	56 - 65 TUỔI	CANH THÌN
26 - 35 TUỔI	QUÝ MÙI	66 - 75 TUỔI	KỶ MÃO
36 - 45 TUỔI	NHÂM NGỌ	76 - 85 TUỔI	MẬU DẦN

Xem tiếp một ví dụ khác.

ĐINH	HỢI
TÂN	MÃO
TÂN	MÃO
BÍNH	THÂN

Bên cạnh Tân Kim có Tỷ Kiếp Tân, địa chi có Hợi, Mão, xuất hiện ở năm tháng sinh sẽ ứng nghiệm “Tài tinh thông môn hộ”. Đây gọi là “túc thể tài” (tiền tài kiếp trước), giống như kiếp trước có người nợ bạn, kiếp này sẽ mang đến đại tài.

“TÀI LAI TỰU NGÃ” LÀ ĐIỀU KIỆN THỨ BA CỦA MỆNH GIÀU CÓ

Điều kiện thứ 3 khi xem mệnh phú là “tài lai tựu ngã” (tài đến tìm ta), tức là tài và nhật chủ tương hợp, hợp mà hữu tình. Những người có loại mệnh cách này đều biết cách kiếm tiền, và cũng biết cách tiêu tiền, tiền tài sẽ không mang lại phiền phức, mà ngược lại sẽ mang tới vận tốt. Không giống với nhiều người có tiền khác, tiền càng nhiều càng rắc rối. Hãy xem Bát tự dưới đây:

ẤT	ĐẬU
QUÝ	MÙI
MẬU	TÝ
QUÝ	SỬU

Mậu Thổ sinh tại tháng Mùi, thân cường, giờ Sửu lại là Thổ, thân cường có thể gánh vác tài. Quý là tài, chi ngày lại là Tý Thủy, Quý Thủy có thể hợp với Mậu Thổ, mệnh này là “tài lai tựu ngã”. “Tài lai tựu ngã” là tiền tài tự tìm đến cửa. Nhưng tài cũng là vợ, thời trẻ sẽ có bạn gái tìm tới, và còn là người bạn gái tốt, người vợ tốt. Hồng Kong có một tỉ phú có cách cục “tài lai tựu ngã”, ông chính là Lý Triệu Cơ.

“Ất Ty, Bính Ngo, Đinh Mùi” dường như là một tổ hợp mật mã của đại vận cực phát, tổ hợp cũng từng xuất hiện trong Bát tự của Vương Vĩnh Khánh và Đào Chu Công. Lý Triệu Cơ cũng đã hành đại vận này và đã phát triển mạnh mẽ. Mậu Thổ gặp Quý Thủy, trong Sửu ẩn tàng Quý, nên đây là cách cục “tài lai tựu ngã”, chỉ cần thân cường có Thủy có Thổ, tài sẽ dồi dào không dứt. Có thể thấy rằng Lý Triệu Cơ sẽ hành tài vận suốt từ năm 58 tuổi đến năm 88 tuổi.

Nhưng Quý Thủy là Chính Tài, Chính Tài thấu thiên can, không phải là người hào phóng về mặt phúc lợi xã hội, Chính Tài Quý Thủy thấu thiên can như thế này là kém hơn so với Thiên Tài thấu can hào phóng của Lý Gia Thành. Những người giàu đều là do Bát tự dụng thần hành tới “chính” nên đột ngột phát tài lớn, nhưng cũng có người đã hành hết đại vận rồi lại thất bại, mất tích, có thể tham khảo Bát tự của Lý Triệu Cơ.



LÝ TRIỆU CƠ

ĐINH	MÃO
QUÝ	SỬU
MẬU	THÌN
QUÝ	HỢI

1	8 – 17 TUỔI	NHÂM TÝ	5	48 – 57 TUỔI	MẬU THÂN
2	18 – 27 TUỔI	TÂN HỢI	6	58 – 67 TUỔI	ĐINH MÙI
3	28 – 37 TUỔI	CANH TUẤT	7	68 – 77 TUỔI	BÍNH NGỌ
4	38 – 47 TUỔI	KỶ DẬU	8	78 – 87 TUỔI	KỶ TỴ

Bính Hỏa sinh tại tháng Dần, là trường sinh của Mộc Hỏa, Mộc Hỏa cực vượng, phải lấy Kim Thủy là dụng thần. Đồng thời xem đại vận từ năm 42 đến 62 tuổi, hành 20 năm vận Kim, trong đó từ 52 đến 62 tuổi là đại vận Canh Thân, Thiên Tài bộc phát đến đỉnh điểm. Nhưng đến khi bước vào vận Hỏa của năm 62 tuổi, lập tức thân bại danh liệt.

BẢY LOẠI MẬT MÃ THƯỜNG XUẤT HIỆN Ở NGƯỜI GIÀU CÓ

Làm thế nào để chỉ cần xem Bát tự mà biết được một người có phát đạt hay không? Đây là một trong những vấn đề mà mọi người quan tâm nhất. Nhìn chung, các tỷ phú nổi tiếng trên thế giới đều phát tài phát phúc nhờ bảy loại Bát tự dưới đây, có thể nói đây là “mật mã giàu có” thịnh hành nhất hiện nay.

1. TÒNG TÀI CÁCH

Trong mệnh lý có cách luận “bỏ mệnh theo Tài”, đó là khi nhật nguyên rất yếu, những chữ khác trong Bát tự đều là Tài tinh, đây gọi là “bỏ mệnh theo Tài luận là phú”.

TÂN	HỢI	CỤC HỢI TÀI	ĐINH	MÙI	CỤC HỢI TÀI	NHÂM	THÌN	CỤC HỢP TÀI
CANH	TÝ		GIÁP	NGỌ		NHÂM	TÝ	
KỶ	SỬU		QUÝ	TÝ		MẬU	THÂN	
NHÂM	THÂN		BÍNH	DẦN		NHÂM	TÝ	

Ba ví dụ này đều là Tài tinh đắc thế đương lệnh, nhật nguyên bị bức ép phải bỏ mệnh theo Tài, nhưng có thể theo Tài được hay không còn phải xem vận số của người này lúc còn nhỏ. Gặp cách này, cần phải chuyển cho anh em của bố, tức cho chú bác nuôi, rời khỏi mẹ sẽ càng ứng nghiệm với cục bỏ mệnh theo Tài. Nếu do mẹ nuôi lớn, sẽ bị phá cách, không được gia nhập vào nhóm phú quý.

Có một số đứa con gọi mẹ là bác hoặc thím, cũng là cục bỏ mệnh theo tài.

2. TỨ KHỐ CÓ ĐỦ

Mệnh nam có đầy đủ tứ khố, là phú quý hàng đầu, tứ khố là: Thìn (Thủy khố), Tuất (Hỏa khố), Sửu (Kim khố), Mùi (Mộc khố).

Có một người có ba khố, khi hành vận tới chỗ tứ khố đầy đủ, lập tức nổi như cồn trong làng âm nhạc giải trí, đó là ca sỹ nổi tiếng Trương Học Hữu. Trong Bát

tự của anh ta vốn có ba khố Thìn, Mùi, Sửu, bắt đầu nhập vận từ năm 21 tuổi, 26 tuổi lại hành Thủy khố Thìn, danh lợi song toàn, đến năm Tuất 1994, tứ khố đầy đủ, đây là năm tài phú đỉnh cao.

Nếu một Bát tự có đủ cả tứ khố, phải xem vị trí của nó, có xung tốt hay không. Tứ khố xung phải xung khai dụng thần, không được xung khai kỵ thần. Rất nhiều học viên đã hỏi tôi rằng, dựa vào Bát tự có thể dự đoán năm nào lập nghiệp được hay không, phương pháp là dùng khố. Ví dụ một mệnh nam có nhật nguyên là Tân Kim, Mộc là tài, Mộc khố là Mùi, nên lập nghiệp vào năm Mùi.



TRƯƠNG HỌC HỮU

TÂN	SỬU
ẤT	MÙI
GIÁP	THÌN
NHÂM	THÂN

1	1 – 10 TUỔI	GIÁP NGỌ	5	41 – 50 TUỔI	CANH DẦN
2	11 – 20 TUỔI	QUÝ TỶ	6	51 – 60 TUỔI	KỶ SỬU
3	21 – 30 TUỔI	NHÂM THÌN	7	61 – 70 TUỔI	MẬU TÝ
4	31 – 40 TUỔI	TÂN MÃO	8	71 – 80 TUỔI	ĐINH HỢI

NHẬT NGUYÊN	TÀI TINH	TÀI KHỐ	NĂM LẬP NGHIỆP
GIÁP	Thổ	Tuất	1994, 2006, 2018
ẤT	Thổ	Tuất	1994, 2006, 2018
BÍNH	Kim	Sửu	1997, 2009, 2021
ĐINH	Kim	Sửu	1997, 2009, 2021
MẬU	Thủy	Thìn	1988, 2000, 2012
KỶ	Thủy	Thìn	1988, 2000, 2012
CANH	Mộc	Mùi	1991, 2003, 2015
TÂN	Mộc	Mùi	1991, 2003, 2015
NHÂM	Hỏa	Tuất	1994, 2006, 2018
QUÝ	Hỏa	Tuất	1994, 2006, 2018

3. THÂN NHƯỢC TÀI NHIỀU HÀNH ẤN VẬN

Trong Bát tự thân nhược mà Tài nhiều, giống như một người bệnh nằm liệt trên giường bệnh, thần tài có gõ cửa cũng không đủ sức để mở cửa nghênh đón, thật đáng tiếc lại đáng thương. Nhưng nếu như đại vận hành tới Chính Ấn tinh, lập tức thân sẽ cường vượng, Tài tinh sẽ ồ ạt kéo đến, phát tài lớn đột ngột. Đây là mệnh cách Bát tự đặc trưng của những người đại phú, đó là vừa nhập Chính Ấn, sẽ lập tức béo tốt hồng hào, do Ấn tinh đã giúp cho thân cường. Vì vậy lượng mỡ và tài phú luôn tỉ lệ thuận với nhau.

Hãy xem một Bát tự của mệnh giàu có:

TÂN	TÝ
ĐINH	ĐẬU
ĐINH	ĐẬU
TÂN	SỬU

1 9 - 18 TUỔI	BÍNH THÂN	5 49 - 58 TUỔI	NHÂM THÌN
2 19 - 28 TUỔI	ẤT MÙI	6 59 - 68 TUỔI	TÂN MÃO
3 29 - 38 TUỔI	GIÁP NGỌ	7 69 - 78 TUỔI	CANH DẦN
4 39 - 48 TUỔI	QUÝ TỶ	8 79 - 88 TUỔI	KỶ SỬU

Mệnh này là Thiên Tài đặc lệnh, có hai Tân treo hai đầu, tài cường thân vượng, dụng thần Mộc Hỏa, vận giao năm 19 tuổi, phát đạt giàu có. Từ 29 đến 39 tuổi lập nghiệp bằng nghề điện tử.

Thêm một Bát tự nữa, mệnh nhập Ấn cung, giàu có tốt đĩnh:

QUÝ	HỢI
ẤT	MÃO
NHÂM	THÂN
ẤT	TỶ

1 1 - 10 TUỔI	BÍNH THÌN	5 41 - 50 TUỔI	CANH THÂN
2 11 - 20 TUỔI	ĐINH TỶ	6 51 - 60 TUỔI	TÂN DẬU
3 21 - 30 TUỔI	MẬU NGỌ	7 61 - 70 TUỔI	NHÂM TUẤT
4 31 - 40 TUỔI	KỶ MÙI	8 71 - 80 TUỔI	QUÝ HỢI

Mệnh này Ất Mộc đương lệnh, ám hao Thủy khí, Hợi Mão hợp Mộc, hai Ất treo hai góc thấu xuất, Canh tàng tại Thân, khó lòng lấy Mộc, vận giao năm 41 tuổi, 25 năm phát đạt nhờ cổ phiếu tiền tệ.

4. NGUYỆT LỆNH KIẾN LỘC

Khi phán đoán về mệnh giàu có, Kiến Lộc cách là một cách cực nổi tiếng. Cho dù thiên can như thế nào, chỉ cần Bát tự xuất hiện Kiến Lộc chắc chắn sẽ phát, nếu đại vận gặp, tức hành tới đại vận này, chắc chắn sẽ phát đạt. Nhưng thông thường kỵ xuất hiện hai lần, ba lần, ví dụ như trong Bát tự gặp Lộc thần, trong đại vận lại xuất hiện, sẽ luận là Kiếp Tài, cho thấy có nhiều người tranh chấp tiền tài, nên không coi là cát. Dựa theo kinh nghiệm thực tiễn, nhiều Lộc lại gặp Quan, Tài, là Tài thực, chứ không nên nhìn thấy Lộc liền coi là Lộc.

Hãy xem Bát tự của một người giàu có nổi tiếng trong lịch sử, đó là phú ông Thạch Sùng:

Mệnh này có Thân Thìn củng Thủy, thiên can lại thấu Nhâm Thủy, là tượng Sát nhẹ thân nặng. Tự là Lộc thần, nhập giao 26 tuổi giàu có. Mệnh giao 56 tuổi, Thiên Ấn đoạt Thực, Ấn phá không có Thổ để khắc chế Sát, nên mang lại họa diệt thân.

THẠCH SÙNG

KỶ	MÃO
NHÂM	THÂN
BÍNH	THÂN
NHÂM	THÌN

1 - 10 TUỔI	TÂN MÙI	41 - 50 TUỔI	ĐINH MÃO
11 - 20 TUỔI	CANH NGỌ	51 - 60 TUỔI	BÍNH DẦN
21 - 30 TUỔI	KỶ TÝ	61 - 70 TUỔI	ẤT SỬU
31 - 40 TUỔI	MẬU THÌN	71 - 80 TUỔI	GIÁP TÝ

Một ví dụ khác là Bát tự của một ông chủ ngân hàng thời cận đại, bản mệnh có Lộc thần, mệnh nhập Tài Quan và phát tài cực nhanh, trở thành một trong những trụ cột của ba ngân hàng lớn nhất Hồng Kông, mệnh tạo của ông là:

TÂN	TÝ
TÂN	SỬU
CANH	TÂN
TÂN	TÝ

1	1 - 10 TUỔI	CANH TÝ	5	41 - 50 TUỔI	BÍNH THÂN
2	11 - 20 TUỔI	KỶ HỢI	6	51 - 60 TUỔI	ẤT MÙI
3	21 - 30 TUỔI	MẬU TUẤT	7	61 - 70 TUỔI	GIÁP NGỌ
4	31 - 40 TUỔI	ĐINH DẬU	8	71 - 80 TUỔI	QUÝ TÝ

Mệnh tạo này là Canh Kim sinh vào tháng Sửu, bị Thổ ứ đọng bao bọc, nên ngưng kết lại, là bậc kỳ tài. Giờ gặp Tân Tỵ, Kiếp Tài trợ giúp, tăng trưởng tiền tài, đặc biệt có Tỵ là Thất Sát, Hỏa Thổ tương sinh, hợp thành một thể, đại vận gặp Bính lại có thêm một chút Mộc, số mệnh vô địch, nhật lộc lại gặp Thân, khác nào gấm lại thêu hoa. Mệnh hành tới năm 41 tuổi, trở nên vô cùng nổi tiếng.

5. TÀI LÀ DỤNG THẦN

Đặc điểm của loại mệnh tạo này là nhất định phải có thân cường, người giàu có có mệnh này, khi phát đạt sẽ rất gây guộc, vì ba thê bảy thiếp, cực kỳ phong lưu, nguyên do là vì thê tài là cùng một ngũ hành. Người đại phú đại quý lại có mệnh đào hoa trong giới đại gia, đứng đầu phải kể tới Hà Hồng Thâm.



HÀ HỒNG THÂM

TÂN	ĐẬU
KỶ	HỢI
NHÂM	THÌN
TÂN	HỢI

1 6 - 15 TUỔI	MẬU TUẤT	5 46 - 55 TUỔI	GIÁP NGỌ
2 16 - 25 TUỔI	ĐINH DẬU	6 56 - 65 TUỔI	QUÝ TÝ
3 26 - 35 TUỔI	BÍNH THÂN	7 66 - 75 TUỔI	NHÂM THÌN
4 36 - 45 TUỔI	ẤT MÙI	8 76 - 85 TUỔI	TÂN MÃO

Mệnh này là mệnh đại quý, giàu có tốt đỉnh, năm thê bảy thiếp, lừng danh một thời. Nhâm Thủy cường vượng, về già sinh được con trai. Mệnh nhập 36 tuổi, là Tài tinh ở Hỏa địa, đại vận 30 năm, tài Hỏa là dụng thần. Cũng vì vậy mà thành công nhờ cờ bạc, cờ bạc là tài cũng là vợ.

6. TÀI KHỐ GẶP TAM HỢP

Cách cục phát đạt thứ sáu là "Tài khố gặp tam hợp", khi Bát tự không nhìn thấy đại vận sẽ có tác dụng thần kỳ. Tức là :

Nhật nguyên Bính Đinh Hỏa: Kim khố là Sửu, lại gặp Tỵ Dậu hợp Kim cục;

Nhật nguyên Mậu Kỷ Thổ: Thủy khố là Thìn, lại gặp Thân Tý hợp Thủy cục;

Nhật nguyên Canh Tân Kim: Mộc khố là Mùi, lại gặp Hợi Mão hợp Mộc cục;

Nhật nguyên Nhâm Quý Thủy: Hỏa khố là Tuất, lại gặp Dần Ngọ hợp Hỏa cục;

Nhật nguyên Giáp Ất Mộc: Thổ khố là Thìn Tuất Sửu Mùi, bốn chữ đều xuất hiện.

Bây giờ, hãy xem Bát tự của mệnh phú có xuất hiện cục này:

Mệnh này Giáp Mộc thấu xuất, chi tạo thành Mộc cục, hai Tân vô căn, nên luận là Tòng Tài cách, Mão giao với vận Mộc, đỗ đạt giàu có, trung niên hành vận Hỏa, là quan là quý, có phúc có vận.

GIÁP	TÝ
ẤT	HỢI
TÂN	MÙI
TÂN	MÃO

7. TA KHẮC DỊCH MÃ, HẢI NGOẠI TÀI VƯỢNG

Trong các Bát tự của mệnh phú quý, có một số người cả đời làm ăn ở nước ngoài nên mới giàu có, chỉ cần tìm ra Dịch Mã, nếu như nó cũng chính là Tài tinh, sẽ ứng nghiệm. Ví dụ người Canh Tân Kim sinh vào các năm Tý, Thìn, Thân, sẽ là cách cục Tài lộc nhập Dịch Mã, hãy xem bảng dưới đây:

Nhật nguyên Giáp, Ất coi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là Tài, nhưng không nhập vận Dịch Mã. Mà ngũ hành tượng trưng cho Dịch Mã lại thường cũng chính là nghề nghiệp giúp anh ta phát tài, ví dụ:

NHẬT NGUYÊN	NĂM SINH	DỊCH MÃ
NHÂM, QUÝ	Mão, Mùi, Hợi	
CANH, TÂN	Tý, Thìn, Thân	Dần
MẬU, KỶ	Sửu, Tỵ, Dậu	Hợi
BÍNH, ĐINH	Dần, Ngọ, Tuất	Thân

Người sinh năm Dần, Ngọ, Tuất mà có nhật nguyên là Bính Đinh, Dịch của anh ta tại Thân, thường kiếm được khoản tiền khổng lồ trên thị trường cơ phiếu Mỹ và Anh.

Người sinh năm Sửu, Tỵ, Dậu mà có nhật nguyên Mậu Kỷ, Dịch Mã của anh ta tại Hợi, thường thành công trong các lĩnh vực cổ phiếu, ẩm thực, bảo hiểm, quảng cáo ở nước ngoài, rất nhiều nhà nghệ thuật phát đạt cũng đều có mệnh cách này.

Người sinh năm Tý, Thìn, Thân mà có nhật nguyên Canh Tân, Dịch Mã của anh ta tại Dần, thường phát đạt giàu có tại nước ngoài nhờ các nghề mộc, may mặc, văn hóa nghệ thuật.

Người sinh năm Mão, Mùi, Hợi mà lại có nhật nguyên Nhâm Quý, Dịch Mã của anh ta tại Tỵ, thường giàu có tại nước ngoài nhờ các nghề ẩm thực, luyện gang thép, bất động sản, dầu mỏ, vũ khí đạn dược.

ĐẶC TRƯNG BÁT TỰ CỦA NGƯỜI GIÀU CÓ

Đặc trưng trong Bát tự của người giàu có là nguồn tài dồi dào không cạn, có câu “Hỏa hạ trường thiên Kim diệt diệt” (Hỏa mùa hạ ngày dài Kim dồi dào) là mệnh phú, tức người Hỏa vượng sinh vào mùa hè, trong Bát tự thấy “cuồng Kim” là mệnh giàu có:

Theo kinh nghiệm thực tiễn: Tài nên tàng không nên lộ, tài có khổ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi lại có thể mở ra là tốt nhất. Nên mới có câu “phát khổ chi nhân tất trường hưởng” (người mở được kho sẽ hưởng thụ lâu dài), hành khổ vận mà đắc tài phú là người phát đạt.

“Thương Quan thương tận năng sinh tài” (Thương Quan tổn hại tới cùng sẽ sinh tài) cũng là một đặc điểm Bát tự của người giàu. Ví dụ Bát tự của Lý Gia Thành là Giáp Mộc sinh tại tháng Ngọ, Ngọ là Thương Quan, Hỏa và Thổ sinh trưởng không ngừng, chỉ cần thân cường, tài sẽ dồi dào không dứt.

ĐINH	ĐẬU
BÍNH	NGO
ĐINH	ĐẬU
KỶ	ĐẬU

Xem thêm một Bát tự khác:

TÂN	MÃO
CANH	TÝ
KỶ	Từ
BÍNH	DẦN

Nhật nguyên Kỷ Thổ có Bính Dần Hỏa liên tục tương sinh, thân cường, Tý là Tài tinh, Canh Kim là tổ tiên có Thực Thương liên tục đến sinh tài, tượng trưng được người trên nâng đỡ, quan hệ giữa với mọi người rất tốt, có thể trở thành mệnh giàu có. Canh Kim này cũng là công đức tốt từ kiếp trước, là vàng bạc châu báu tích lũy trong kiếp này. Nên mới có câu “Thương Quan Thực Thần hỷ sinh tài, phú quý tự thiên lai” (Thương Quan Thực thần thích sinh tài, phú quý do trời ban). Xem một Bát tự có thể sinh đại tài hay không, sau khi đã xác định có được thân cường, hãy xem có Thương Quan, Thực Thần hay không, nếu liên tục sinh tài sẽ đại phát, tiền tài dồi dào không dứt.

BÁT TỰ XẤU MÀ ĐẠI VẬN TỐT, DỄ GIÀU SANG

Tý phú Đài Loan Vương Vĩnh Khánh cũng là người mà Bát tự “có bệnh”, khi ông hành tới đại vận dụng thần của mình, liền lập tức trở nên giàu sang tột đỉnh. Phân tích từ Bát tự của Vương Vĩnh Khánh, Bát tự càng xấu, đại vận càng tốt, và sức mạnh bộc phát cũng càng ghê gớm hơn.

Vương Vĩnh Khánh sinh vào giờ Thìn ngày 18 tháng 1 năm 1917, là chủ tịch hội đồng quản trị của tập đoàn Formosa Group, từng là chủ tịch hội đồng quản trị công ty nhựa Nam Á (Nan Ya Plastics), chủ tịch hội đồng quản trị trường trung cấp Minh Chí, chủ tịch hội đồng quản trị công ty Taiwan Asahi... Nhựa - mặt hàng sản xuất của Fomosa và Nam Á, chính là Hỏa. Chữ “Nam” trong “Nam Á” cũng là Hỏa, Asahi (Đài Húc) có chữ “Húc” là Hỏa của chín mặt trời, có thể thấy cả đời ông hành vận Hỏa phát tài.

Lại xem Bát tự và đại vận, có thể nói là một khi đã phát thì không thể thu lại được. Bát tự của ông khiến tôi liên tưởng tới người đã tình cờ gặp gỡ nàng Tây



VƯƠNG VĨNH KHÁNH

BÍNH	THÌN
TÂN	SỬU
CANH	THÂN
CANH	THÌN

1	6 - 15 TUỔI	NHÂM DẦN	5	46 - 55 TUỔI	BÍNH NGỌ
2	16 - 25 TUỔI	QUÝ MÃO	6	56 - 65 TUỔI	ĐINH MÙI
3	26 - 35 TUỔI	GIÁP THÌN	7	66 - 75 TUỔI	MẬU THÂN
4	36 - 45 TUỔI	ẤT TÝ	8	76 - 85 TUỔI	KỶ DẬU

Thi bên sông vào thời Ngô Việt, sau này trở thành đại phú, đó là Đào Chu Công Phạm Lãi. Bát tự của ông rất giống với Bát tự của Vương Vĩnh Khánh, nhưng từ trong đại vận có thể thấy, Vương Vĩnh Khánh có thành tựu lớn hơn Đào Chu Công. Vương Vĩnh Khánh là Canh Kim sinh vào mùa đông, địa chi Thìn Sửu, đều là Thổ Kim, lạnh giá vô cùng, có tính âm, ẩm ướt, hàn Thổ vốn không thể sinh Kim, chỉ cần có Mộc Hỏa cùng xuất hiện, sẽ khiến Thổ Kim lạnh giá có được sức sống.

Bắt đầu từ năm 36 tuổi, Vương Vĩnh Khánh bắt đầu bước vào 30 năm đại vận Mộc Hỏa, đây là một ví dụ điển hình về "Bát tự bệnh" gặp "thuốc đại vận", Bát tự của Đào Chu Công và Vương Vĩnh Khánh rất giống nhau, Đào Chu Công là Canh Kim sinh vào mùa đông, đại vận hành Mộc Hỏa. Đến năm 51 tuổi mới hành 30 năm vận Mộc Hỏa, chậm hơn so với Vương Vĩnh Khánh 14 năm, nhưng can chi đại vận là Ất Tỵ, Bính Ngọ, Đinh Mùi của 30 năm lại hoàn toàn giống nhau.

Có thể thấy người Canh Kim sinh vào mùa đông và giờ Thìn, chỉ cần cả đời hành đại vận Ất Tỵ, Bính Ngọ, Đinh Mùi, chắc chắn sẽ phát tài.

ĐÀO CHU CÔNG

BÍNH	DẦN
KỶ	HỢI
CANH	THÂN
CANH	THÌN

1	1 - 10 TUỔI	CANH TÝ	5	41 - 50 TUỔI	GIÁP THÌN
2	11 - 20 TUỔI	TÂN SỬU	6	51 - 60 TUỔI	ẤT TÝ
3	21 - 30 TUỔI	NHÂM DẦN	7	61 - 70 TUỔI	BÍNH NGỌ
4	31 - 40 TUỔI	QUÝ MÃO	8	71 - 80 TUỔI	ĐINH MÙI

BÁT TỰ CỦA NGƯỜI GIÀU NHƯNG KHÔNG HÀO PHÓNG

Hãy xem Bát tự Tân Mão, Ất Mùi, Giáp Tuất, Ất Hợi, Giáp Mộc sinh tại tháng Mùi, không vượng, nhưng Hợi, Mão, Mùi tam hợp Mộc cục, lại có Ất Mộc ở góc đến trợ vượng, trở thành cách cục vượng Mộc, Hỏa Thổ cục vượng, liên tục có Hỏa Thổ tài tinh, cũng là mệnh phú. Nhưng giàu có chưa chắc đã hào phóng, mà ngược lại sẽ cực kỳ keo kiệt.

Bát tự của Lý Gia Thành không phải là keo kiệt, vì Mậu Thổ trong Bát tự là Thiên tài thấu can, vì vậy rất sẵn sàng làm từ thiện; xuất hiện tại thiên can năm tháng của tổ tiên, cho thấy sẽ hào phóng chi ra rất nhiều tiền để làm từ thiện cho đối tượng là người già cả, cũng tượng trưng cho sự đóng góp của các bậc cha ông. Trong thực tế, ông đã rất hào phóng đầu tư cho việc kiến thiết quê hương và xây dựng đại học Hồ Châu.

Mậu Thổ ở đây là Thiên tài, Thiên tài còn tượng trưng cho vợ không chính thức, vậy có phải Lý Gia Thành cũng rất hào phóng đối với bạn gái. Trên thực tế

là có thể, nhưng vấn đề là Mậu Thổ không phải là dụng thần của Lý Gia Thành, nếu dùng vào việc quyên góp sẽ không có gì đáng lo, nhưng dùng vào tình cảm yêu đương, e rằng sẽ gây rắc rối.

Khi nhắc tới sự hào phóng của Lý Gia Thành, nhiều người sẽ liên tưởng tới tỷ phú Khâu Đức Căn keo kiệt. Nếu như Thiên tài xuất can tượng trưng cho hào phóng, vậy thì Bát tự của Khâu Đức Căn sẽ như thế nào?

Khâu Đức Căn là nhật nguyên Ất Mộc nhật nguyên, khí dư tại Thìn, Mộc có gốc. Thổ Tài càng vượng, can giờ có một chút Quý Thủy, dương thịnh chuyển thành âm thấp, nhưng Mùi Thổ Hỏa Thổ đều vượng, cần phải có Kim đến tiết bớt, chuyển sang sinh Thủy, lại có Mộc Tỷ Kiên, thân tài mới được lương đĩnh, nhập cách cục giàu có. Nhưng xem đại vận, bắt đầu từ đại vận Tý năm 43 tuổi, sẽ thấy xuất hiện ba ngũ hành Thủy, Mộc, Kim, 5 năm xấu nhất là từ 63 tuổi đến 68 tuổi, giai đoạn này tán tài và vương vào kiện tụng thị phi, lại gặp hỏa hoạn, vô cùng ứng nghiệm.



KHÂU ĐỨC CĂN

ẤT	SỬU
CANH	THÌN
ẤT	ĐẬU
QUÝ	MÙI

1	8 - 17 TUỔI	KỶ MÃO	5	48 - 57 TUỔI	ẤT HỢI
2	18 - 27 TUỔI	MẬU DẦN	6	58 - 67 TUỔI	GIÁP TUẤT
3	28 - 37 TUỔI	ĐINH SỬU	7	68 - 77 TUỔI	QUÝ DẬU
4	38 - 47 TUỔI	BÍNH TÝ	8	78 - 87 TUỔI	NHÂM THÂN

Tính cách keo kiệt của ông được thể hiện ở đâu? Ất Mộc Tài là Thổ, thiên can không có Thổ, lại có Canh Kim tiết Thổ, Kỷ Thổ Thiên Tài chỉ xuất hiện ở đại vận từ 8 đến 14 tuổi, giai đoạn này hào phóng nhưng không có tiền tài.

LỘC THẦN TƯỢNG TRƯNG CHO TÀI PHÚ

Làm thế nào để chỉ dựa vào Bát tự mà biết được một người có tài vận hay không? Bây giờ, tôi sẽ mách bảo với mọi người một phương pháp đơn giản. Giả dụ nhật nguyên là Bính Hỏa, gặp Tỵ sẽ tượng trưng tài vận, vì Tỵ là Lộc thần tài phú của Bính Hỏa, cũng tượng trưng cho thân cường. Trong Bát tự xuất hiện Tỵ, cho thấy bản thân đã có tài phú. Giả dụ trong Bát tự không xuất hiện Lộc thần, phải kiểm tra xem đại vận có gặp hay không. Nếu có, khi hành tới đại vận đó lập tức sẽ phát đạt. Nếu không may, trong Bát tự và đại vận đều không tìm thấy Lộc thần, cho thấy cứ mỗi 20 năm mới có cơ hội phát đạt 1 năm.

Ví dụ nhật nguyên là Canh Kim, Bát tự hoặc đại vận không có Thân, và do đó, chỉ trong năm Thân mới có cơ hội kiếm tiền. Nhưng do chỉ được một năm, nên tài phú kiếm được cũng rất có hạn. Nếu như muốn đầu tư vào năm này, thì nên tiến hành vào tháng Thân sẽ có cơ hội thắng lớn. Nhưng cần phải chú ý, Lộc thần nhất thiết phải là dụng thần mới có thể phát huy tác dụng.

Nếu Canh Kim sinh tại tháng Ngọ, Bát tự rất nóng, nhất thiết phải lấy Kim Thủy làm dụng thần. Do Thân làm dụng thần, gặp được chữ Thân sẽ tượng trưng cho đại phát. Nhưng Canh Kim sinh tại tháng Dậu, thuộc Kim mà có rất nhiều Kim, Kim không phải dụng thần, Lộc thần sẽ không ứng nghiệm, người này gặp Thân sẽ không đại phát, ngược lại sẽ phá tài. Gặp được chi tương xung với Thân sẽ tượng trưng vận tốt. Chi tương xung với Thân là Dần, gặp năm Dần sẽ có thể kiếm được rất nhiều tiền. Lúc này Dậu Kim mới là Lộc thần tinh của mệnh Canh Kim. Khi gặp được Dần, sẽ có thể phát lên.

	DẬU
CANH	

Canh Kim sinh tại tháng Ngọ, trong giờ có Thân, Thân là dụng thần của Bát tự, như vậy là rất đáng mừng, vì Thân là Lộc tài tinh. Nhưng có một điểm cần lưu ý, Lộc thần xuất hiện nhiều lần lại là hiện tượng hung, tượng trưng phá tài. Giả dụ Lộc thần là Thân, trong tứ trụ có Thân, đại vận hoặc lưu niên lại gặp Thân, lúc này sẽ tự hình khắc nhau, sẽ làm tổn thương mẹ, giai đoạn này sẽ phá tài.

	NGỌ
CANH	
	THÂN

LÚC NÀO CÓ THỂ KIỂM TIỀN LẬP NGHIỆP

Rất nhiều người thích đầu tư cổ phiếu, vậy cổ phiếu thuộc ngũ hành nào? Trước đây vấn đề này đã từng dẫn tới tranh luận gay gắt, có người cho rằng cổ phiếu là giấy nên thuộc Mộc, có người lại cho rằng thuộc Thổ. Dựa theo kinh nghiệm thực tiễn 20 năm, tôi phát hiện ra rằng cổ phiếu thuộc Thủy.

Hồng Kông nằm ở phía nam Trung Quốc, phương nam thuộc Hỏa. Sau khi Hồng Kông trở về với Trung Quốc đại lục, tất cả Thủy đã bị Hỏa làm bốc hơi hết, bởi vậy, thị trường cổ phiếu đã trở nên ảm đạm. Nhưng thị trường cổ phiếu ở Trung Quốc đại lục lại vô cùng khởi sắc, vì Trung Quốc là quê hương của Thủy, người Bát tự cần Thủy, sau năm 1997 khó mà chịu đựng được cái nóng của Hồng Kông, nên đã kéo lên phía bắc để đầu tư và phát triển. Vì sau năm 1997, người thiếu Thủy đi lên phía bắc sẽ có thể kiếm được nhiều tiền, nếu ở lại Hồng Kông sẽ bị phá sản. Ngược lại, người thiếu Hỏa ở lại Hồng Kông sẽ có cơ hội phát triển rất tốt. Nguyên lý này rất rõ ràng, nhưng những người không hiểu được huyền cơ này, hầu hết từ sau năm 1997 đều trở thành những con nợ khổng lồ.

Cũng theo nguyên lý đó, người trong Bát tự có Thủy là dụng thần, chơi cổ phiếu sẽ dễ dàng kiếm được lợi nhuận. Người Bát tự kỵ Thủy, chơi cổ phiếu nhất định sẽ thảm bại. Còn về ngành bất động sản, ngũ hành thuộc Thổ. Nếu như Thổ là dụng thần của bạn, cũng là Tài tinh, bạn sẽ có vận bất động sản cực tốt, có thể

giàu có nhờ bất động sản. Muốn biết bạn giàu nhất vào năm nào? Năm nào có thể lập nghiệp? Rất dễ, bạn hãy tìm ra năm xung khai Thổ khố Thìn Tuất Sửu Mùi, năm đó sẽ kiếm được bộn tiền. Nhưng khố bị xung khai nhất thiết phải là dụng thần của bạn, nếu bạn kỵ Hỏa nhưng lại xung khai Hỏa khố, năm đó bạn sẽ phá sản và hành vận suy.

Trong Bát tự, “khố” tượng trưng sự cung cấp liên tục, dồi dào không dứt.

Nhật nguyên thuộc Thổ, Thổ khắc Thủy là tài, Thìn là Thủy khố, là tài phú. Dùng Tuất xung khai, có thể đắc Thủy là tài.

Nhật nguyên thuộc Thủy, Thủy khắc Hỏa là tài, Tuất là Hỏa khố, là tài phú. Dùng Thìn xung khai, có thể đắc Hỏa là tài.

Nhật nguyên thuộc Hỏa, Hỏa khắc Kim là tài, Sửu là Kim khố, là tài phú. Dùng Mùi xung khai, có thể đắc Kim là tài.

Nhật nguyên thuộc Kim, Kim khắc Mộc là tài, Mùi là Mộc khố, là tài phú. Dùng Sửu xung khai, có thể đắc Mộc là tài.

Nhật nguyên thuộc Mộc, Mộc khắc Thổ là tài, Thìn Tuất Sửu Mùi đều là Thổ khố, là tài phú. Thìn Sửu là Thổ ướt, Tuất Mùi là Thổ khô, mở được khố cần thiết ra, sẽ có thể đắc tài.

Trên đây là luận theo thân cường, thân cường mà hành tài vận, chắc chắn sẽ ứng nghiệm. Nhưng nếu như thân nhược, hành tài vận sẽ tượng trưng phá tài, vì không có đủ sức lực để gánh vác tài, dẫn tới thất tài.

Khố có thể làm rối loạn Bát tự, khi bị xung, vận mệnh cũng sẽ bị thay đổi theo. Nếu cung phu thê bị xung, hôn nhân sẽ xuất hiện biến động, cung con cái bị xung, con gái sẽ rời xa bố mẹ, hoặc xuất hiện vấn đề.

NHỮNG BẤT HẠNH CỦA NGƯỜI PHÁT ĐẠI TÀI

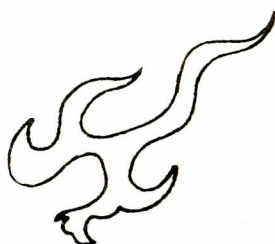
Ai cũng muốn mình phát tài, nhưng cùng với việc phát tài, sẽ mất đi rất nhiều thứ. Đây là chân lý của Tử Bình Bát tự. Tất cả mọi người vợ trong thiên hạ đều muốn chồng mình phát đạt kiếm được nhiều tiền, nhưng lại không nghĩ rằng, sau khi chồng phát đạt sẽ cặp bồ, có các hành động lừa dối, phản bội. Nếu giải thích theo Bát tự, điều này là có căn cứ, vì trong Bát tự của người đàn ông,

tài (tiền của) và thê (vợ) thuộc cùng một cung vị, cùng một tinh vận. Đặc biệt chính thê (vợ chính thức) cũng là Chính Tài, Chính Tài là tiền kiếm được nhờ sức lao động, loại Tài này sẽ không làm ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng. Nhưng nếu như người chồng có Thiên Tài, mặc dù kiếm tiền rất dễ dàng, nhưng trong lúc người vợ đang vui vẻ với những món tiền khổng lồ do chồng mang về, người chồng đã có vợ bé từ lúc nào không hay.

Đây là nguyên lý cuộc đời được thể hiện qua Bát tự, nhưng các nhà thuật số thường chỉ theo đuổi tính chính xác của Tử Bình mệnh lý, mà coi nhẹ tính triết lý. Thực ra Bát tự là một bộ môn triết lý về cuộc đời, qua thao tác dự đoán, sẽ tiết lộ được những bí mật của đời người. Tiền có nhiều đến mấy thì cũng chỉ là những con số mà thôi. Nên có câu: “Vạn khoảnh lương điền nhất uyển phạm, thiên gian hoa hạ nhất trang sàng” (Vạn khoảnh ruộng tốt ngày ăn một bát, nghìn gian nhà rộng đêm ngủ một giường). Theo đuổi tài phú quá mức, sẽ mất đi tình thương của mẹ và khả năng sáng tạo.

Ví dụ với Giáp Mộc, Thổ là tài, Thổ quá nhiều sẽ khắc Thủy tiết Hỏa, Thủy là mẹ, Hỏa là tài hoa sáng tạo, tự nhiên sẽ mất cân bằng trên quan hệ nhân luân. Tài nhiều thì vợ nhiều và đào hoa cũng nhiều, đây là điều phiền não của những người giàu, trừ phi họ có thân cường để lấy lại cân bằng. Ngoài ra, tài có thể phá Ấn, Ấn tinh của người giàu là đạo đức, phẩm hạnh. Vì vậy khi giàu có phát đạt tới một mức độ nào đó, nếu là người thông minh sẽ làm từ thiện, hoặc chuyển bớt tài phú cho người thân, con cháu, thực ra đây chính là phương pháp cứu mạng, cũng là phương pháp tự bảo vệ trong Bát tự. Nếu như không tự bảo vệ, chắc chắn sẽ mất đi phẩm hạnh.

Tài nhiều con cái sẽ bất hiếu hoặc ngu đần, vì Thổ sinh Kim là con cái, Thổ nhiều, Kim sẽ bị chôn vùi hoặc ngưng trệ, nếu như Bát tự không có Thủy để thông quan, con cái sẽ đần độn bất hiếu, hoặc không thể giao tiếp được với cha. Đây đã trở thành bi kịch của các nhà giàu.

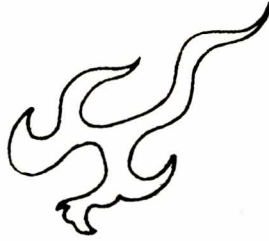


CHƯƠNG 7: MẬT MÃ CỦA NGHÈO KHÓ SUY BẠI

Trong chương trước đã giới thiệu về mật mã đại phú đại quý. Chuyển sang chương này, sẽ giới thiệu về các mật mã xui xẻo trong Bát tự như nghèo khó, thất bại, chết chóc, hao tài, dẫn độn... Sau khi so sánh hai chương này, bạn sẽ phát hiện ra rằng, Bát tự học là một học vấn rất giàu logic và quy luật.



Nội dung chính



- * Đặc trưng Bát tự của người ăn mày
 - * "Tài nhiều thân nhược" là người nghèo nhà giàu
 - * Thiên tài kỳ anh em nhập vận
 - * Thương Quan gặp Quan, tai họa đa đoan
 - * Trước sau 60 tuổi dễ bị "xung Đê cương"
 - * Thiên Ấn đoạt thực dễ hao tài
 - * Kiếp Tài Dương Nhẫn kỳ tuế vận tương liên
 - * Thực Thương quá nặng, khó có duyên sách vở
 - * Có Sát không Ấn, thiếu văn vẻ
 - * Phụ nữ khắc mệnh chồng
 - * Phục ngâm phục ngâm khóc âm thầm
 - * Thiên khắc địa xung, tai họa trùng trùng
-

ĐẶC TRƯNG BÁT TỰ CỦA NGƯỜI ĂN MÀY

Không ai là không sợ nghèo khổ, cũng không ai muốn làm kẻ ăn mày. Vì vậy, luận về Tử Bình học, không thể không luận tới mệnh ăn mày, hãy xem một Bát tự ăn mày dưới đây:

NHÂM	DẦN
ĐINH	MÙI
BÍNH	THÂN
MẬU	TUẤT

1	5 – 14 TUỔI	MẬU THÂN	5	45 – 54 TUỔI	NHÂM TÝ
2	15 – 24 TUỔI	KỶ DẬU	6	55 – 64 TUỔI	QUÝ SỬU
3	25 – 34 TUỔI	CANH TUẤT	7	65 – 74 TUỔI	GIÁP DẦN
4	35 – 44 TUỔI	TÂN HỢI	8	75 – 84 TUỔI	ẤT MÃO

Mệnh này khắc tiết trùng trùng, Thổ dày mà không có Mộc, xuất can chế Mậu, địa chi Dần Mộc bị Thân xung, nhập vận năm 10 tuổi, 40 tuổi nhập vận Hợi có chuyển biến tốt, mệnh giao tại năm 60 tuổi, chết ở đầu đường khi thời tiết giá lạnh, chết vì Kim. Bính Hỏa gặp Thổ, con người lúc nào cũng mơ hồ, gặp Mộc sẽ tốt.

Xem tiếp một ví dụ nữa, mệnh tạo dưới đây Mão Tuất hợp Bính không hóa, Đinh Hỏa thấu can năm, khắc Kim là xấu, Mậu Tuất Thổ dày, lại được Hỏa trợ, chôn vùi Kim cũng là xấu, gặp đại vận Đinh Mùi vào năm 25 tuổi, bị chết dọc đường do bị cảm.

ĐINH	MÃO
CANH	TUẤT
TÂN	MÃO
MẬU	TUẤT

1	5 – 14 TUỔI	KỶ DẬU	5	45 – 54 TUỔI	ẤT TỴ
2	15 – 24 TUỔI	MẬU THÂN	6	55 – 64 TUỔI	GIÁP THÌN
3	25 – 34 TUỔI	ĐINH MÙI	7	65 – 74 TUỔI	QUÝ MÃO
4	35 – 44 TUỔI	CANH TUẤT	8	75 – 84 TUỔI	NHÂM DẦN

Hai ví dụ trên đây đã chỉ ra một nguyên lý trong Bát tự, đó là phải cân bằng, quá cường hoặc quá nhược sẽ là mật mã của vận suy. Ví dụ trước là Bính Hỏa gặp Thổ quá nhiều, ví dụ sau là Tân Kim gặp Thổ quá nhiều, cả hai đều cần Thủy sinh Mộc để cứu. Nếu hành vận Hợi sẽ được cứu, nhưng Hợi lại vô cùng phiền phức. Gặp phải Dần, Mão, Mùi sẽ đều biến chất, khó lòng bổ cứu thuận lợi được.

“TÀI NHIỀU THÂN NHƯỢC” LÀ NGƯỜI NGHÈO NHÀ GIÀU

Bát tự thường gặp nhất của những người nghèo là cách cục “tài đa thân nhược, phú ố cùng nhân” (tài nhiều mà thân nhược, người nghèo ở nhà giàu), tức trong Bát tự có rất nhiều Tài tinh, nhưng nhật nguyên lại vô cùng suy nhược, không thể đảm nhiệm tài. Lấy một ví dụ, ai ai cũng đều tìm cơ hội để kiếm tiền, hi vọng sẽ gặp được một vị thần tài, thậm chí là hai ba vị. Đây là mệnh tạo của những người bình thường, trong đại vận thấy Tài tinh, giống như có thần tài đến gõ cửa, mệnh hành tới đây chắc chắn sẽ đại phát, đây là một trong những điểm dễ phát hiện nhất trong Bát tự.

Nhưng nếu như thiên can của nhật nguyên rất yếu, trong Bát tự không có Ấn và Tỷ Kiên, là thân nhược, giống như một người ngủ ở trong nhà, không có một chút sức lực nào. Người khác phải đi tìm thần tài, nhưng anh ta có đến mười vị thần tài tới gõ cửa, nhưng vì quá yếu ớt không có sức lực, đến đứng lên cũng không làm nổi, lãng phí mất sự quan tâm của thần tài. Những người có loại mệnh cách này, phần lớn bề ngoài hào nhoáng nhưng bên trong lại nghèo rớt. Nhưng nếu béo lên một chút, sống chung cùng với mẹ hoặc anh chị em, sẽ là thân nhược được Ấn Tỷ đến tương trợ.

Tôi từng xem Bát tự cho một ông chủ khách sạn ở Thượng Hải, chính là loại mệnh cách này, Bát tự và đại vận của ông ta không hề xuất hiện điểm báo đại phát, tôi đoán luôn rằng nếu ông hợp tác với mẹ hoặc anh chị em sẽ có thể thành nghiệp lớn, quả nhiên ông ấy đã gật đầu xác nhận rằng sự thực đúng là như vậy. Thực ra, chỉ cần quan sát hình dáng to béo của ông ta, có thể biết được người thân nhược chỉ cần béo tốt, chỉ cần ở chung hoặc đầu tư chung với mẹ, hoặc phát động sự trợ giúp của anh chị em, là có thể thay đổi vận mệnh.

Vì vậy, khi bản thân mình thân nhược, người thân thích là chính phái, nhưng khi đại vận hành tới Ấn Tỷ, người thân thích sẽ dễ trở mặt.

THIÊN TÀI KỶ ANH EM NHẬP VẬN

Nếu như một người thân nhược, tình hình của anh ta sẽ hoàn toàn ngược lại. Có câu “Thiên Tài kỷ hành vận Tỷ Kiếp”, tài vận của một người rất tốt, nhưng chỉ cần có thêm một người anh em đến nhập vận, sẽ có thêm một người đến tranh chấp, tài của anh ta sẽ thiếu đi mất một nửa. Rất nhiều khi Bát tự hành vận Tỷ Kiếp, không nhất định có anh em xuất hiện bên cạnh, nhưng lại sẽ thất tài. Hiện tượng này có thể ứng nghiệm với đại vận Bát tự, cũng ứng nghiệm với niên vận.

Ví dụ năm Canh Thìn 2000, nhật nguyên Bát tự là Tân Kim, mà lại là người thân nhược, năm nay sẽ bị phá sản nghiêm trọng. Giống như đợt khủng hoảng tiền tệ năm 1997, người nhật nguyên Bính Hỏa mà thân nhược là những người dễ bị phá sản nhất, vì Đinh là sao Kiếp Tài. Nếu như người này đại vận lại hành Đinh, thì Kiếp đó sẽ hành trong suốt 10 năm.

Vì vậy, người thân nhược muốn xây dựng sự nghiệp, cần phải nhờ tới sự trợ giúp của mẹ hoặc anh chị em. Tại sao trong nhiều công ty, tập đoàn lớn lại có nhiều người thân thích của lãnh đạo như vậy? Chắc chắn là ông chủ thân nhược, cần Tỷ kiên đến trợ giúp, loại người này sẽ không sợ “Thiên Tài kị hành vận Tỷ kiếp”. Ngược lại, nếu công ty, tập đoàn đó không có bóng dáng của người thân thích, khi đại vận hoặc niên vận nhập Tỷ Kiếp, liền thân bại tài tán, không thể vực dậy được.

THƯƠNG QUAN GẶP QUAN, TAI HỌA ĐA ĐOAN

Trong Tử Bình mệnh lý học, câu nói đáng sợ nhất chính là: “Thương Quan kiến Quan, kỳ họa bách đoan” (Thương Quan gặp Quan, tai họa đa đoan). Ý nghĩa của tám chữ này là: khi một Bát tự gặp phải Thương Quan, nếu như lại hành vận Quan tinh, thì sẽ tạo ra rất nhiều điều bất hạnh. Nếu trong Bát tự có Thương Quan gặp Quan, cũng là hung mệnh. Nếu như gặp trong niên vận, năm đó sẽ cực hung, cuộc sống sẽ rất khó khăn, thậm chí là gặp phải thiên tai nhân họa.

Dưới đây là can chi niên vận “Thương Quan kiến Quan” của mười loại thiên can nhật nguyên:

NHẬT NGUYÊN	CAN CHI NIÊN VẬN
GIÁP MỘC	Đinh Dậu, Tân Tý
ẤT MỘC	Bính Thân, Canh Ngọ
BÍNH HỎA	Kỷ Hợi, Quý Sửu, Quý Mùi
ĐINH HỎA	Mậu Tý, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất
MẬU THỔ	Tân Mão, Ất Dậu
KỶ THỔ	Canh Dần, Giáp Thân
CANH KIM	Quý Tý, Đinh Hợi
TÂN KIM	Nhâm Ngọ, Bính Tý
NHÂM THỦY	Ất Sửu, Ất Mùi
QUÝ THỦY	Giáp Thân, Giáp Tuất

Ví dụ một người có nhật nguyên là Quý Thủy, tại năm Giáp Thìn, Giáp Tuất sẽ phạm hung vận “Thương Quan kiến Quan”, có thể thấy người mệnh ngày Quý trong năm 1994 sẽ đại bại, năm nay sẽ là năm khởi đầu của những chuỗi ngày xui xẻo.

Luận mệnh Tân Kim, năm Bính Tý 1996 hành “Thương Quan kiến Quan”, trong năm đó e rằng sẽ thất bại hoặc xảy ra chuyện không như ý, phải vào bệnh viện, nhà tang lễ, năm Nhâm Ngọ lại hành “Thương Quan kiến Quan, phải hết sức cẩn thận mọi mặt.

Năm 2001 là năm Tân Ty, người thiên can của ngày là Giáp Mộc vào năm này mệnh phạm “Thương Quan kiến Quan”.

Người Bính Hỏa như Mai Diễm Phương trong năm Quý Mùi 2003 sẽ phạm “Thương Quan kiến Quan”. Mai Diễm Phương qua đời vào năm này.

Liệu có trường hợp “Thương Quan kiến Quan” nhưng không phát sinh vấn đề gì hay không? Có, đó là người thân cường, vì “Thương Quan kiến Quan” chỉ chỉ phát sinh với người thân nhược. Nếu như Ấn Tý rất nhiều, thân cường, thì có thể vượt qua được. Kinh nghiệm thực tiễn là: nam giới béo tốt; nữ giới sống chung với mẹ, sẽ dễ dàng hóa giải hung hiểm này.

Thương Quan kiến Quan chỉ ở niên vận, tai họa chỉ giới hạn trong vòng một năm. Sợ nhất là Thương Quan kiến Quan xuất hiện trong đại vận, mà mệnh tạo lại là người thân nhược, sẽ rất khó khăn để vượt qua 10 năm đại vận này.

TRƯỚC SAU 60 TUỔI DỄ BỊ “XUNG ĐỀ CƯƠNG”

Người mới học Bát tự nên tìm hiểu về thuật ngữ “xung Đề cương”. Xung Đề cương, rất nhiều khi sẽ gây tai họa chết người. Vì vậy rất nhiều người sợ “xung Đề cương”. Xung Đề cương là chỉ chi tháng trong Bát tự, tức là địa chi tháng sinh của mỗi người, bị ngũ hành của đại vận xung. Thông thường, xung Đề cương phát sinh sau năm 60 tuổi.

Dưới đây xin đưa ra một ví dụ về xung Đề cương để mọi người dễ hiểu hơn:

ĐINH	DẬU
QUÝ	SỬU
ĐINH	MÙI
GIÁP	THÌN

1 8 – 17 TUỔI	NHÂM TÝ	5 48 – 57 TUỔI	MẬU THÂN
2 18 – 27 TUỔI	TÂN HỢI	6 58 – 67 TUỔI	ĐINH MÙI
3 28 – 37 TUỔI	CANH TUẤT	7 68 – 77 TUỔI	BÍNH NGỌ
4 38 – 47 TUỔI	KỶ DẬU	8 78 – 87 TUỔI	ẤT TÝ

Vận Mùi từ năm 63 đến 68 tuổi là vị trí tương xung với chi tháng Sửu, vì vậy năm 63 tuổi sẽ bị xung Đê cương, vì Sửu là Thổ ướt ở nơi lạnh lẽo, là hung thần của mệnh Đinh Hỏa, mệnh nhập Mùi Thổ, Đinh Hỏa trong Mùi Thổ xung Quý Thủy và Tân Kim trong Sửu Thổ, Ất Mộc lại khắc tận Kỷ Thổ, vì vậy khi xung Đê cương có thể hóa hung thành cát, mệnh này từ năm 63 đến 68 tuổi được thăng chức lớn, giàu có vô cùng.

“Xung Đê cương” rất nhiều khi sẽ gây ra chuyện tang tóc, trong đó ứng nghiệm nhất là mất vợ hoặc chồng. Ví dụ dưới đây, mệnh xung Đê cương, nên người tình của người này đã qua đời.

Ví dụ sau đây là mệnh nữ, Đê cương là Thân Kim, người xung Đê cương là Dần Mộc 59 tuổi. Lấy Giáp Mộc và Bính Hỏa để sinh vượng Đinh Hỏa thân nhược, nhưng Nhâm Thủy trong cung Thân bị khắc bởi Mậu trong Dần Mộc, khiến cho người vợ trước đã ly hôn và ít khi gặp mặt chết trong năm xung Đê cương đó.

Kinh nghiệm thực tế cho chúng ta biết, hiện tượng xung Đê cương dẫn tới bản thân qua đời là không nhiều, nhưng tình trạng xung khắc người thân lại tương đối phổ biến. Nếu như thứ bị xung, người bị chết đều không phải dụng

thần, cũng tức là những người và việc không thể trợ vượng nhật nguyên, vì vậy sau khi xung thường đều luận là vận cát.

MẬU	TÝ
CANH	THÂN
ĐINH	SỬU

1 4 – 13 TUỔI	KỶ MÙI	5 44 – 53 TUỔI	ẤT MÃO
2 14 – 23 TUỔI	MẬU NGỌ	6 54 – 63 TUỔI	GIÁP DẦN
3 24 – 33 TUỔI	ĐINH TÝ	7 64 – 73 TUỔI	QUÝ SỬU
4 33 – 43 TUỔI	BÍNH THÌN	8 74 – 83 TUỔI	NHÂM TÝ

THIÊN ẤN ĐOẠT THỰC DỄ HAO TÀI

Trong Bát tự mệnh lý, Thực thần là yếu tố sẽ sinh tài. Vì vậy khi xem Bát tự phải rất chú ý tới Thực thần, có nó mới khiến Tài tinh dồi dào không dứt. Ví dụ người Giáp Mộc, lấy Thổ làm Tài tinh, nếu như có Hỏa, sẽ là Thực thần Tài tinh. Lý Gia Thành chính là người có loại mệnh cách này. Nhưng nếu như hành vận Thủy Ấn, Thủy sẽ khắc Hỏa, Thực thần gặp Ấn thì Thiên Ấn (Kiêu thần) là hung nhất, vì Giáp Mộc Thiên Ấn là dương Thủy, Thực thần là dương Hỏa, dương Thủy mạnh mẽ khắc dương Hỏa.

Lấy nhật nguyên Bính Hỏa làm ví dụ, Thực thần là Mậu, Thiên Ấn là Giáp Mộc, dương Mộc khắc dương thổ vô cùng hung hiểm, dương Thổ chưa thể sinh dương Kim, Bính Hỏa Chính Tài vừa mất, tài sản liền tiêu tan. Vì vậy người nhật nguyên Bính Hỏa gặp năm Mậu Dần 1998 sẽ phạm “Thiên Ấn đoạt Thực”. Đối với người Bính Hỏa, Giáp Mộc là Thiên Ấn, Mậu Thổ là Thực thần, năm này Thiên Ấn đoạt Thực, người Bính Hỏa sẽ phải phá sản.

Từ đó suy ra, niên vận hoặc đại vận “Thiên Ấn đoạt Thực” của mười thiên can như bảng sau:

NHẬT NGUYÊN	NIÊN VẬN, ĐẠI VẬN
GIÁP MỘC	Nhâm Ngọ, Bính Tý
ẤT MỘC	Quý Tỵ, Đinh Hợi
BÍNH HỎA	Giáp Thìn, Giáp Tuất, Mậu Dần
ĐINH HỎA	Ất Sửu, Ất Mùi, Kỷ Mão
MẬU THỔ	Bính Thân, Canh Ngọ
KỶ THỔ	Đinh Dậu, Tân Tỵ
CANH KIM	Mậu Tý, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất
TÂN KIM	Kỷ Hợi, Quý Sửu, Tân Mùi
NHÂM THỦY	Canh Dần, Giáp Thân
QUÝ THỦY	Tân Mão, Ất Dậu

Trong đại vận xuất hiện Thiên Ấn đoạt Thực, sẽ gây ảnh hưởng từ 5 đến 10 năm. Điều này đương nhiên nghiêm trọng hơn so với niên vận. “Thiên Ấn đoạt thực” rất ứng nghiệm đối với người thân nhược, nếu như Thực thần không đủ hoặc không mạnh, khi hành vận Thiên Ấn, Thực thần sẽ bị tổn thương, người nào nghiêm trọng sẽ bị chết, ở nữ giới, Thực thần sẽ ứng nghiệm với con gái hoặc bà; ở nam giới, sẽ ứng với con rể, cháu trai hoặc ông nội. Những người này mắc bệnh hoặc chết đi đều là do Kiêu Ân đoạt Thực gây ra.

Vì vậy trong Bát tự học có câu “Thiên Ấn cùng tới tổ tiên phiêu bạt, toàn bàn Thiên Ấn, phá tổ ly gia”.

KIỆP TÀI DƯƠNG NHÃN KỶ TUẾ VẬN TƯƠNG LIÊN

Một mật mã hành vận suy khác là Dương Nhãn Kiếp Tài liên tiếp trong đại vận, sau đó lại cùng xuất hiện ở niên vận. Trong năm đó, mệnh nam sẽ hại vợ, cha, chị dâu, hoặc phá sản; mệnh nữ chỉ phá tài hoặc hại cha, bác ruột, hoặc cô, chị dâu, em rể...

Từ năm 1990 đến nay, những năm Thiên Ấn đoạt Thực được liệt kê như bảng dưới đây:

NHẬT NGUYÊN	NĂM KIẾP TÀI
GIÁP MỘC	Ất, Mão
ẤT MỘC	Giáp, Dần
BÍNH HỎA	Đinh, Ngọ
ĐINH HỎA	Bính, Tỵ
MẬU THỔ	Kỷ, Sửu, Mùi
KỶ THỔ	Mậu, Thìn, Tuất
CANH KIM	Tân, Dậu
TÂN KIM	Canh, Thân
NHÂM THỦY	Quý, Tý
QUÝ THỦY	Nhâm, Hợi

Xin đưa ra ví dụ, người sinh ra vào ngày Bính Hỏa, đại vận gặp Ngọ, là Kiếp Tài Dương Nhấn, trong năm Đinh Hỏa 1997 hành vị trí Dương Nhấn “tuế vận tịnh lâm”, kết quả nam giới Bính Hỏa phá tài, vợ bị tổn thương; nữ giới Bính Hỏa phá tài, cha bị tai nạn giao thông.

THỰC THƯƠNG QUÁ NẶNG, KHÓ CÓ DUYÊN SÁCH VỜ

Thiên can nhật nguyên của một người ở trong tình trạng cực kỳ nhược, lại có rất nhiều Thương Quan Thực thần, thân nhược lại thấy Thực Thương, tất sẽ sợ suy nghĩ, tư duy, sáng tạo và độc sách.

CANH	THÂN
MẬU	TÝ
TÂN	TỶ
NHÂM	THÌN

Mệnh tạo này sinh vào tháng Tý giữa mùa đông, Nhâm Thủy Thương Quan thấu và thừa vượng, mặc dù Nhâm Thủy tại Thìn, vượng Thủy trở về khố, nhưng do hội cục Thủy Thân Tý Thìn dồi dào, Tân Kim cũng nhập mộ tại Thìn, Kim chìm Thủy ướt, Thực Thương trùng điệp, có dương Mộc để tiết bớt, có dương Thổ để cản trở, như vậy mới tránh được họa thiên khô. Mệnh này cũng có quý mệnh, là con trưởng đời thứ hai của một gia tộc chuyên làm nghề đóng thuyền cao su. Vì Bát tự nhiều Thủy, theo ngành nghề này sẽ thành tựu nghiệp lớn, nhưng cả đời không có duyên với sách vở, nên học hành không đến đâu cả.

CÓ SÁT KHÔNG ẤN, THIẾU VĂN VẺ

Phái Tử Bình cho rằng: “Có Sát không Ấn thiếu văn vẻ, có Ấn không Sát thiếu uy phong”. Trong Bát tự, Ấn tượng trưng cho học vấn, tu dưỡng của một người, Sát là mức độ nổi tiếng và khả năng gọt giũa, trong Bát tự một người có mệnh Văn Xương thường thấy cả Ấn và Sát, lại thấy Thực Thương mới là tốt.

Mệnh tạo này là của một nhà điêu khắc nổi tiếng, sáng tác của ông được giới nghệ thuật đánh giá rất cao.

QUÝ	DẬU
TÂN	DẬU
GIÁP	THÂN
KỶ	TÝ

Mệnh tạo này là của một nhà biên kịch, trong Thìn tàng Ất Mộc, Mậu Thổ, Quý Thủy, phối với Văn Xương Dậu Kim, mệnh này cả đời kiếm được rất nhiều tiền nhờ nghề sáng tạo, và Sát Ấn Thực Thương đều ở những vị trí tốt. Vận này chỉ cần gặp được vận Giáp Mộc là có thể thành công, thật trùng hợp là nghề danh của người này lại dùng rất nhiều Mộc, nếu người này cơ thể cao lớn thì càng tốt.

ẤT	HỢI
MẬU	THÌN
ĐINH	TÝ
KỶ	ĐẬU

Mệnh này nhật nguyên Ất Mộc, sinh tại Dần, vượng tại Hợi, Dần Hợi lục hợp, Mộc có gốc vững chắc, trong Hợi có tàng Nhâm Ấn, Mộc khô lại được tưới nhuận, ôn nhuận có đủ, khí được trung hòa, trong trụ thích thấy Thổ, gọi là "Thực thần sinh Tài", hành vận Thổ Kim giàu có vô cùng, nhập Hỏa địa danh trọng như núi, nổi tiếng vào vận Sát, Ấn tinh quý và Thực thần đương lệnh, khả năng sáng tạo vô cùng vô tận. Đây chính là mệnh tạo của một nhà văn kiếm hiệp Trung Quốc nổi tiếng nhất, cũng là một ví dụ hiếm hoi đã giàu có nhờ sáng tác.

GIÁP	TÝ
BÍNH	DẦN
ẤT	MÃO
ĐINH	HỢI

Phái Tử Bình cho rằng: "Độc vận cuốn sách, là do nhật cường Ấn vượng gặp Quan". Mệnh tạo này phù hợp với thuyết này. Nghe nói tiên sinh này từng đọc Đại Tạng kinh, đọc tới mười vạn cuốn sách. Vì vậy, người có cả Tài, Quan, Ấn, mới có thể học tốt. Ví dụ người Ất Mộc, nhất định phải Thổ vượng (Tài), Kim vượng (Quan), Thủy vượng (Ấn), nếu gặp trong Bát tự hoặc đại vận, là người dụng thần hỷ thần.

PHỤ NỮ KHẮC MỆNH CHỒNG

Bát tự của người phụ nữ này có nhật nguyên thuộc Thổ, sinh tại mùa Kim vượng, bên cạnh có rất nhiều Kim tiết khí Thổ, khiến cô ta thân nhược cực độ.

	THÌN
GIÁP	THÂN
MẬU	DẦN
CANH	THÂN

Mộc khắc Thổ là phu tinh, cô ta rất cần Mộc để đứng vững, nhưng khi Mộc vừa đến gần liền bị Kim chặt phá. Người phụ nữ có Bát tự này kết hôn đến ba lần, ba người chồng đều lần lượt qua đời. Vì Bát tự không thấy phu tinh, cần phải dùng rất nhiều Hỏa để sinh Thổ và khắc Kim, mới có thể cứu được.

PHỤC NGÂM PHỤC NGÂM KHÓC ÂM THẨM

Trong Bát tự có một loại mật mã khiến bạn phải thường xuyên “rửa mặt bằng nước mắt”, thậm chí nếu hung có thể chết. Mật mã này chính là “phục ngâm”, nó là một kiểu tổ hợp của thiên can địa chi, cũng giống như đại vận hoặc lưu niên.

Xin đưa ra một ví dụ, năm 1984 là năm Giáp Tý, nếu như một người nào đó đúng tròn 60 tuổi vào năm này, tức sinh vào năm Giáp Tý và lại gặp lưu niên Giáp Tý, là đại phục ngâm. Nếu muốn tổ chức tiệc đại thọ 60 tuổi, nên thực hiện trước ngày sinh nhật. Nếu như lúc đó vận khí rất kém hoặc có nhiều bệnh tật, tốt nhất không nên tổ chức tiệc mừng thọ, mà nên đợi đến năm 70 tuổi hãy tổ chức.

Nếu như trụ tháng của bạn là Giáp Tý, thì trụ tháng đã phạm vào phục ngâm, dựa theo kinh nghiệm của tôi, đây là hung vận phục ngâm ứng nghiệm nhất, phải hết sức cẩn thận. Trụ ngày và trụ giờ phạm niên vận phục ngâm, có chuyện không thành. Nếu như xuất hiện ở đại vận, chủ về tử vong, nên có câu “không chết bản thân chết người thân”. Ví dụ năm Bính Tuất 2006, người nào trong Bát tự hoặc đại vận xuất hiện Bính Tuất, phải hết sức cẩn thận.

Rất nhiều người không chết tại đại vận phục ngâm, nhưng lại chết vào tháng, ngày, giờ phục ngâm, đây là điều rất thường gặp trong thực tế.

THIÊN KHẮC ĐỊA XUNG, TAI HỌA TRÙNG TRÙNG

Biến hóa lớn nhất trong Bát tự học là xung của địa chi, như Tý Ngọ xung, Sửu Mùi xung, Dần Thân xung, Mão Dậu xung, Thìn Tuất xung, Tỵ Hợi xung.

Thứ hai là khắc và xung của thiên can, như Giáp Mậu tương khắc, Ất Kỷ tương khắc, Bính Canh tương khắc, Đinh Tân tương khắc, Mậu Nhâm tương khắc, Kỷ Quý tương khắc; Canh Giáp tương xung, Tân Ất tương xung, Nhâm Bính tương xung, Quý Đinh tương xung.

Nếu nhật nguyên của bạn là Giáp Ngọ, đúng lúc gặp niên vận hoặc đại vận là Canh Tý, Giáp Canh tương xung, Tý Ngọ tương xung, sẽ có thay đổi lớn. Tuy nhiên, nếu như bạn cần Kim Thủy, Canh là Kim, Tý là Thủy, thay đổi này sẽ là tốt. Nhưng nếu như bạn kỵ Kim kỵ Thủy, lại gặp Canh Tý, sẽ là đại nạn.

Kinh nghiệm của tôi là, nhật nguyên sợ nhất thiên xung địa xung, thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự và nhật nguyên, cần lập tức xem thiên can địa chi “thiên khắc địa xung” là gì, xem đại vận có gặp hay không, lại xem niên vận 10 năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Xin nêu ra một vài ví dụ: nhật nguyên là Tân Sửu, sợ nhất gặp Đinh Mùi. Nhật nguyên là Nhâm Thìn, sợ nhất Mậu Tuất. Nhật nguyên là Quý Mão, sợ nhất Kỷ Dậu... cứ tiếp tục suy tương tự như vậy.

Nghiêm trọng nhất là “thiên khắc địa xung” không chỉ ở nhật nguyên, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Ví dụ người sinh vào ngày 7 tháng 4 năm 1940, sẽ có Bát tự như dưới đây:

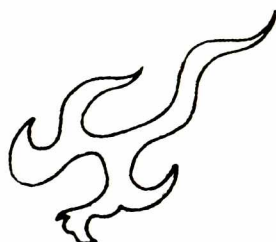
CANH	THÌN
CANH	THÌN
CANH	THÌN
CANH	THÌN

Bát tự này nếu hành tới năm Bính Tuất 2006, sẽ xuất hiện cục diện Bính Canh tương khắc, Mậu Tuất tương xung, đây là một ví dụ điển hình. Có một số Bát tự rất kỳ quái, nếu như sau khi sắp xong, tạo thành những hình thù hoặc cách thức đặc biệt, thông thường là người mệnh tốt, là bậc kỳ tài. Như Bát tự của Quan Vũ:

MẬU	NGỌ
MẬU	NGỌ
MẬU	NGỌ
MẬU	NGỌ

Đây là một cách cục kỳ lạ. Phần trước đã nói tới ví dụ tứ trụ Canh Thìn gặp Bính Tuất, mệnh tạo này không những không xảy ra bất kỳ chuyện gì, ngược lại sẽ trở thành người thu hút sự chú ý hoặc trở thành nhân vật của giới truyền thông. Gặp phải Bát tự đại hung, thì phải dựa vào những người bên cạnh để cân bằng. Đây là nguyên nhân khiến Bát tự khi cực hung lại chưa hẳn sẽ ứng nghiệm. Ví dụ bạn đoán Bát tự cho một phụ nữ, thấy cô ta không hành vận, nhưng phu tinh đắc lệnh, rất có thể hung tinh của cô là cát tinh của chồng, cô sống vì chồng, Bát tự của cô là để vượng phu. Người vợ này chắc chắn rất được chồng yêu thương, sau khi chia tay chồng sẽ thân bại danh liệt.

Có thể thấy Bát tự có thể cứu người, nhưng cũng có thể hại người. Bởi vậy Bát tự của bác sĩ hoặc thầy thuật số nên có đủ cả ngũ hành, có thể để cho người khác sử dụng. Một bác sĩ có khả năng chữa bệnh cho bệnh nhân, không những có liên quan tới y thuật của ông ta, mà còn phụ thuộc vào Bát tự của ông ta có lợi cho bệnh nhân hay không.

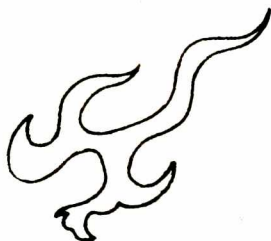


CHƯƠNG 8: THẦN SÁT CỔ XƯA VẪN MỚI MẸ

Trong các chương trước đã giới thiệu về những lý luận sâu xa của Bát tự, nó phù hợp với nguyên lý sinh khắc chế hóa của âm dương ngũ hành, nhưng cũng thể hiện rất phức tạp và khó hiểu. Nếu bạn không muốn học lý luận, chỉ muốn đoán việc bằng cách tra bảng, thì cũng có một phương pháp, đó chính là “thần sát”. Thần sát có rất nhiều chủng loại, nhưng rất nhiều sát có độ chính xác không cao, chương này sẽ giới thiệu về mười thần sát chính xác nhất.



Nội dung chính



- * Đoán mệnh chỉ dựa vào con giáp năm sinh
 - * Tướng tinh là mật mã thăng chức tăng lương
 - * Dịch Mã là mật mã của sự thay đổi, di chuyển
 - * Hoa Cái là mật mã của tài năng nghệ thuật
 - * Vong Thần là mật mã của kiện tụng lao tù
 - * Hàm Trì là mật mã của vận đào hoa
 - * Kiếp Sát là mật mã gây tai họa
 - * Cô Thần Quả Tú là mật mã cô đơn
 - * Hồng Loan Thiên Hỷ là mật mã hôn nhân tình cảm
 - * Hồng Diễm là mật mã của đời sống tình dục
 - * Thiên Ất quý nhân là mật mã gặp hung hóa cát
 - * Bí quyết tra cứu thần sát
-

ĐOÁN MỆNH CHỈ DỰA VÀO CON GIÁP NĂM SINH

Đối với Bát tự học, Lý Hư Trung đã phát minh ra cấu trúc cơ bản, còn Từ Tử Bình đã phát triển hoàn thiện, vì vậy lưu truyền tới ngày nay được gọi là “Tử Bình mệnh lý”. Tử Bình mệnh lý bắt đầu từ đời Đường, phát triển mạnh mẽ ở đời Tống. Lý Hư Trung đời Đường đã kết hợp ngày tháng năm sinh của con người để tạo thành “Lục tự”, lại sắp xếp ra đại vận. Từ Tử Bình đời Tống đã dựa trên cơ sở đó cộng thêm trụ giờ, khiến “Lục tự” biến thành “Bát tự”. Ông đã viết nên “Uyên Hải Tử Bình”, đã đem môn học vấn này lưu truyền cho tới tận ngày nay.

Vậy những người đời trước Lý Hư Trung đã xem mệnh như thế nào? Họ chỉ phán đoán dựa theo năm sinh, không tính toán theo tháng ngày giờ, nhưng vẫn có độ chính xác khá cao. Người xưa đã bắt đầu từ 12 con giáp, phối hợp với kết quả thực tiễn để sáng tạo ra văn hóa “thần sát”. Trong tổng số hơn 500 thần sát, chỉ có hơn mười thần sát có độ chính xác cao, đều được tính toán ra nhờ dựa vào địa chi của năm sinh. Chúng khởi nguồn từ thời kỳ Chiến Quốc, lưu truyền đến nay đã có lịch sử hai ngàn năm.

12 con giáp chính là 12 địa chi, tượng trưng cho tính cách nội tại của con người. Trong Bát tự, con giáp chính là chi năm, tượng trưng cho loài vật tượng trưng của mỗi người. Con người và súc sinh chỉ cách nhau một gang tấc, sở dĩ con người có linh tính, đó là nhờ giáo dục, học tập, bồi dưỡng mà nên. Nhờ đó mà con người thoát ly được thú tính, được trở thành người. Nhưng 12 loại thú tính này không hề mất đi hoàn toàn, mà trở nên tiềm ẩn, trở thành tính cách đặc trưng của con người. Vì vậy bắt đầu từ chi năm, có thể thấy rõ tính cách căn bản của một người.

Ví dụ, Tý là chuột, bản tính của nó là hoạt động vào ban đêm, nên người tuổi Tý có tính cách bẩm sinh nhanh nhẹn khéo léo, thường giỏi thủ đoạn ngầm, bản tính lười nhác, về mặt tư tưởng rất dễ hài lòng, muốn anh ta làm nên nghiệp lớn, thì sẽ không có khả năng thành công. Vì người tuổi Tý phải phối hợp với người khác mới có thể làm nên việc lớn. Nói cách khác, người tuổi Tý nếu đơn độc làm ông chủ sẽ rất nguy hiểm.

Học vấn quan trọng nhất chính là ứng dụng thực tế. Đưa tất cả những gì học được ứng dụng vào những người thân bên cạnh, sẽ học được thuật số một cách nhanh chóng. Giả dụ vợ của bạn tuổi Tuất, mỗi khi gặp những người tuổi

Tuất khác, bạn hãy nghĩ tới vợ mình. Người tuổi Tuất “nên hai không nên một”, chỉ thích hợp đứng ở vị trí thứ hai, nếu ngồi ghế đầu sẽ dễ bị thù địch; người tuổi Tuất “nên làm không nên nghỉ”, nên thường xuyên lao động, không nên nghỉ ngơi, nếu không sẽ sinh bệnh.

Nếu như người mẹ tuổi Tý, chỉ cần nghĩ tới mẹ sẽ, sẽ khái quát được tính cách của những người tuổi Tý. Nếu chị gái của bạn tuổi Sửu, hãy đem tính cách của chị gái liên hệ với những người tuổi Sửu khác. Em chồng của bạn tuổi Dần, hãy xem cá tính của cậu ta có những điểm nào giống với hổ, và ghi nhớ lấy. Từ nay về sau, khi nhắc tới bất kỳ con giáp nào, hãy nhớ lại tính cách của những người thân, dựa theo những đặc trưng tính cách của họ và những tư liệu trong sách, có thể lập tức nhớ lại được tính cách đặc trưng của 12 con giáp. Khi bạn đã thấu hiểu về con giáp của khoảng 30 người thân hoặc người nổi tiếng, khi gặp đến người thứ 31 có con giáp tương đồng, bạn hãy nói ra những đặc trưng tính cách đã tổng kết được trước đó, sẽ vô cùng chính xác.

Tìm hiểu về những tính cách bẩm sinh đặc trưng của 12 con giáp, lại tham chiếu với thần sát, sẽ có thể nắm được rất nhiều tin tức, ví dụ năm loại thần sát dưới đây:

- **Hàm Trì:** Chu kỳ của tình dục và hormon, từ đó có thể biết được khuynh hướng tính cách của một người.
- **Hoa Cái:** Chu kỳ của nghệ thuật, danh tiếng, cô độc, nam giới có chu kỳ này tượng trưng cho quyền uy, nữ giới có chu kỳ này vì mạnh mẽ mà phá hoại tình cảm vợ chồng, từ đó dẫn tới cô độc.
- **Dịch Mã:** Chu kỳ động, bao gồm chuyển nhà, đổi công việc, du lịch...
- **Hồng Loan:** Chu kỳ kết hôn và tìm bạn đời.
- **Thiên Hỷ:** Chu kỳ vui vẻ và u buồn, có liên quan tới chức năng gan.

Thần sát học có độ chính xác rất cao, trong mười thần sát chủ yếu này đã bao gồm mười bí mật cuộc đời. Mười mật mã này có những tác dụng gì? Bạn chỉ cần dựa vào con giáp năm sinh của đối phương là có thể biết được mười bí mật lớn của đối phương, khả năng sai là rất thấp. Bắt đầu từ con giáp năm sinh, dựa theo những thần sát trên đây, có thể nhanh chóng tìm hiểu được cuộc sống tình cảm, công việc thành bại... của một người. Đây là bước đầu tiên khi học Bát tự.

TƯỚNG TINH LÀ MẬT MÃ THĂNG CHỨC TĂNG LƯƠNG

Tướng tinh là gì? Liệu bạn có thể trở thành ông chủ hay lãnh đạo hay không? Liệu bạn có được các “đại tướng” trợ giúp hay không?

Tướng tinh ngoài tượng trưng cho cấp dưới của bạn, còn tượng trưng liệu bạn có trở thành trợ thủ tốt của người khác hay không. Nếu bạn là lãnh đạo, đại vận hành tới vận Tướng tinh, bạn có thể có được cấp dưới tốt. Nếu bạn là nhân viên, hành tới vận Tướng tinh sẽ được thăng chức tăng lương, được ông chủ tán thưởng.

Cách tra tìm Tướng tinh là: dựa vào chi năm để tra trong những địa chỉ còn lại, nếu thấy được các chi tương ứng như trong bảng sẽ là Tướng tinh. Khẩu quyết như sau:

Dần Ngọ Tuất gặp Ngọ; Tỵ Dậu Sửu gặp Dậu, Thân Tý Thìn gặp Tý, Hợi Mão Mùi gặp Mão.

CHI NĂM	DẦN NGỌ TUẤT	TỶ DẬU SỬU	HỢI MÃO MÙI	THÂN TÝ THÌN
TƯỚNG TINH	Ngọ	Dậu	Mão	Tý

Lấy người tuổi Tý làm ví dụ, tra trong bảng sẽ thấy Tý là Tướng tinh. Điều này có nghĩa là người tuổi Tý trong năm Tý sẽ hành vận Tướng tinh, tại tháng Tý tức từ ngày 7 tháng 12 đến ngày 5 tháng 1 dương lịch có vận Tướng tinh. Trong khoảng thời gian này, người tuổi Tý nếu là nhân viên sẽ được cấp trên đề bạt; nếu là ông sẽ gặp được cấp dưới tốt.

Tướng tinh không những chỉ ứng nghiệm trên Bát tự, đại vận, lưu niên, lưu nguyệt của một người, mà còn có thể ứng nghiệm trong quan hệ giữa hai người, ví dụ Tý gặp Tý là Tướng tinh, tức người tuổi chuột gặp người tuổi chuột, thì bên này sẽ là Tướng tinh của bên kia.

DỊCH MÃ LÀ MẬT MÃ CỦA SỰ THAY ĐỔI, DI CHUYỂN

Dịch Mã tượng trưng du lịch, biến đổi. Dựa vào Dịch Mã có thể phán đoán thời gian phát sinh biến động. Tháng nào hành Dịch Mã, tháng đó sẽ được đi du lịch. Giờ nào hành Dịch Mã, giờ đó sẽ đi ra khỏi nhà.

Ngựa tượng trưng cho di chuyển bốn ba, nếu xuất hiện trong Bát tự cho thấy người này hiếu động, thường xuyên chu du nam bắc. Trong Bát tự của thương nhân, quân nhân, nhân viên ngoại giao thường có mang nhiều Dịch Mã. Dịch Mã còn tượng trưng cho xuất ngoại. Nếu Dịch Mã bị hợp thì có cũng như không, Dịch Mã bị xung thì ngày đi ngàn dặm. Phụ nữ nhiều Dịch Mã tinh thì thân tâm bất an.

Phương pháp tra Dịch Mã là: lấy chi năm để tra tìm trong những chi khác, thấy những chi tương ứng như trong bảng là Dịch Mã. Khẩu quyết như sau:

Thân Tý Thìn, Mã tại Dần; Dần Ngọ Tuất, Mã tại Thân; Tỵ Dậu Sửu, Mã tại Hợi; Hợi Mão Mùi, Mã tại Tỵ.

CHI NĂM	DẦN NGỌ TUẤT	TỶ DẬU SỬU	HỢI MÃO MÙI	THÂN TÝ THÌN
DỊCH MÃ	Thân	Hợi	Tỵ	Dần

Ví dụ người tuổi Tuất, năm Thân sẽ là sao Dịch Mã của người này, cũng như vậy, tháng Thân, ngày Thân, giờ Thân đều là Dịch Mã, dựa vào đó suy đoán năm nào, tháng nào, giờ nào sẽ đi xa, chuyển nhà, thay đổi công việc... Khi bạn gặp phải người có con giáp năm sinh thuộc Dịch Mã, cũng sẽ phát sinh thay đổi.

HOA CÁI LÀ MẬT MÃ CỦA TÀI NĂNG NGHỆ THUẬT

Sao Hoa Cái tượng trưng cho tính tình điểm đậm, thanh cao, liêm khiết, tư chất thông minh, đơn độc, có tài năng văn chương và nghệ thuật, thích triết học, tôn giáo.

Hoa Cái chỉ khi hoàng đế đi tuần, thái giám cầm lọng hoa để che đầu cho hoàng đế. Quyền lực của sao Hoa Cái rất lớn, đối với nam giới, Hoa Cái tượng trưng có thành tựu và tài hoa tựa như hoàng đế. Nữ giới có Hoa Cái, cũng như Võ Tắc Thiên, mặc dù có tài, nhưng lại mang tội giết chồng. Nữ giới có Hoa Cái sẽ bị nam tính hóa, đánh mất sự mềm dẻo khéo léo của phụ nữ, dễ hình khắc chồng, bắt nạt chồng, đuổi chồng ra khỏi nhà, hoặc không chấp nhận lễ nghĩa vợ chồng.

Cách tra Hoa Cái là: dựa vào chi năm để tra trong những chi khác, nếu thấy các chi tương ứng như trong bảng sau là Hoa Cái: Khẩu quyết như sau:

Dần Ngọ Tuất gặp Tuất; Tỵ Dậu Sửu gặp Sửu; Thân Tý Thìn gặp Thìn, Hợi Mão Mùi gặp Mùi

CHI NĂM	DẦN NGỌ TUẤT	TỶ DẬU SỬU	HỢI MÃO MÙI	THÂN TÝ THÌN
HOA CÁI	Tuất	Sửu	Mùi	Thìn

VONG THẦN LÀ MẬT MÃ CỦA KIẾN TỤNG LAO TÙ

Vong Thần là chỉ kiến tụng thị phi. Trừ khi nghề nghiệp của bản thân là luật sư, còn không, nếu gặp phải Vong Thần sẽ dễ vướng vào thị phi. Trong thực tế, nếu chi thán trong Bát tự là Vong Thần, cả đời sẽ gặp rất nhiều thị phi, khó bề yên ổn, thậm chí còn có thể dẫn tới kiến tụng hình thương.

Cách tra Vong Thần là: dựa vào chi năm để tra trong những chi khác, nếu thấy các chi tương ứng như trong bảng sau là Vong Thần. Khẩu quyết như sau:

Dần Ngọ Tuất gặp Tỵ; Tỵ Dậu Sửu gặp Thân; Thân Tý Thìn gặp Hợi; Hợi Mão Mùi gặp Dần.

CHI NĂM	DẦN NGỌ TUẤT	TỶ DẬU SỬU	HỢI MÃO MÙI	THÂN TÝ THÌN
VONG THẦN	Tỵ	Thân	Dần	Hợi

Tứ trụ lấy cục tam hợp là dụng, không hợp cục thì không thể dùng. Ví dụ trong Bát tự có ba chữ Dần Ngọ Tuất, vậy thì trong Bát tự, đại vận hoặc lưu niên gặp Tỵ, tức là đã gặp Vong Thần.

Vong Thần nếu là hỷ dụng thần trong Bát tự, người này mưu sâu kế hiểm; nếu là kỵ thần trong Bát tự, người này tính tình không ổn định, không có sức lực, thô lỗ hẹp hòi, khó mà thành công, đặc biệt không có lợi cho gia vận, cuộc đời không tránh khỏi tranh chấp thị phi, người nghiêm trọng có họa quan kiện lao tù, dễ dẫn thân vào những nơi tửu sắc phong trần. Mệnh nam không có lợi cho vợ con, mệnh nữ vừa không có lợi cho chồng lại hình thương con cái.

HÀM TRÌ LÀ MẬT MÃ CỦA VẬN ĐÀO HOA

Hàm Trì tượng trưng cho đào hoa; tình yêu và cuộc sống hôn nhân trong cuộc đời mỗi người đều có liên quan tới tin tức của mật mã này. Nếu dụng thần Bát tự là sao Hàm Trì, người này có nhu cầu khá lớn về đời sống tình dục, thường xuyên chìm đắm trong đó. Nếu sao Hàm Trì là kỵ thần của Bát tự, tượng trưng người này không có hứng thú nhiều đối với chuyện tình dục. Ví dụ đào hoa là Tý, Tý thuộc Thủy, nếu dụng thần Bát tự là Thủy, cho thấy người này có cuộc sống tình dục hạnh phúc. Giả dụ Bát tự kỵ Thủy, người này không mấy mặn mà với tình dục, hoặc tình dục mang lại cho họ rất nhiều phiền phức.

Đào hoa có tác dụng rất rộng, không phải chỉ tượng trưng cho tình dục, hào sắc, càng không phải chuyên chỉ về ngoại tình. Đào hoa có ý nghĩa rất phong phú khi kết hợp với những Bát tự khác nhau. Ví dụ tướng mạo, thông minh, lãng mạn, bao gồm cả tinh thần trách nhiệm... Lý luận đào hoa cũng có độ chính xác rất cao, có thể chỉ ra những điều bí mật nhất, khiến đối phương phải gật đầu thán phục.

Cách tra Hàm Trì là: dựa vào chi năm để tra trong những chi khác, nếu thấy các chi tương ứng như trong bảng dưới đây là Hàm Trì. Khẩu quyết như sau:

Dần Ngọ Tuất gặp Mão; Tỵ Dậu Sửu gặp Ngọ; Thân Tý Thìn gặp Dậu; Hợi Mão Mùi gặp Tý.

CHI NĂM	DẦN NGỌ TUẤT	TỴ DẬU SỬU	HỢI MÃO MÙI	THÂN TÝ THÌN
ĐÀO HOA	Mão	Ngọ	Tý	Dậu

Ví dụ người sinh ra vào năm Tuất, trong Bát tự, đại vận, lưu niên xuất hiện Mão, chính là Hàm Trì. Nếu Hàm Trì tại Dậu, hoặc hành tới vận Tân, thì cũng tượng trưng Hàm Trì (tàng can của Dậu là Tân). Hàm Trì tại Tý, hành tới vận Quý Thủy, cũng chính là vận Hàm Trì (tàng can của Tý là Quý).

Rất nhiều người không hiểu rõ đào hoa là tốt hay xấu. Gọi là đào hoa, người chưa kết hôn gọi là vận đào hoa, người đã kết hôn gọi là kiếp đào hoa. Đào hoa tượng trưng cho tình dục, khi đại vận hành tới đào hoa, người đã kết hôn dễ dàng ngoại tình, người chưa kết hôn có hiện tượng sống chung, tức bắt đầu có

cuộc sống tình dục. Tình tình hình cụ thể là tốt hay không, mang đến vận may hay tai họa, phải dựa theo dụng thần của người này mà định.

KIỆP SÁT LÀ MẬT MÃ GÂY TAI HỌA

Kiếp Sát là một hung tinh, tượng trưng cho tai nạn ngoài ý muốn, chết chóc, nhập viện, mắc bệnh hiểm nghèo... Kiếp Sát còn gọi là Đại Hao. Kiếp Sát khởi nguồn từ Tam Sát (tức ba sát). Tam Sát bao gồm Kiếp Sát, Tai Sát, Tuế Sát.

Dần Ngọ Tuất hợp Hỏa cục, Hỏa vượng tại phương nam, xung tại phương bắc, nên Hợi, Tý, Sửu là Tam Sát (Hợi là Kiếp Sát, Tý là Tai Sát, Sửu là Tuế Sát).

Thân Tý Thìn hợp Thủy cục, Thủy vượng tại phương bắc, xung tại phương nam, nên Ty, Ngọ, Mùi là Tam Sát (Ty là Kiếp Sát, Ngọ là Tai Sát, Mùi là Tuế Sát).

Hợi Mão Mùi hợp Mộc cục, Mộc vượng tại phương đông, xung tại phương tây, nên Thân, Dậu, Tuất là Tam Sát (Thân là Kiếp Sát, Dậu là Tai Sát, Tuất là Tuế Sát).

Ty Sửu Dậu hợp Kim cục, Kim vượng tại phương tây, xung tại phương đông, nên Dần, Mão, Thìn, là Tam Sát (Dần là Kiếp Sát, Mão là Tai Sát, Thìn là Tuế Sát).

Cổ nhân nói: “Kiếp Sát vi tai bất khả đương, đồ nhiên bồn tẩu danh lợi trường. Nhu phòng tổ nghiệp tận tiêu vong, thê tử như hà đắc cứu trường... Kiếp thần bảo quả ngộ Quan tinh, chủ chấp binh quyền trợ thánh minh. Bất nộ nhi uy nhân ngưỡng mộ, nhu hợp Hoa Hạ đắc an vinh” (Kiếp Sát thành tai không thể tránh, bồn ba danh lợi cũng vô ích. Để phòng tổ nghiệp tiêu tan sạch, vợ con không được sống lâu dài... Kiếp thần vây bọc gặp Quan tinh, nắm giữ binh quyền giúp vua hiền. Không giận mà uy người ngưỡng mộ, cả nước Trung Hoa được an vinh). Ý là, nếu Kiếp Sát là dụng thần của Bát tự, tức ngũ hành thuộc Kiếp Sát có lợi cho Bát tự, cho thấy người này thích tranh giành, chuyên cần quyết liệt, cũng là một hiện tượng tốt. Nhưng nếu Kiếp Sát là kỵ thần, tức ngũ hành của Kiếp Sát không có lợi cho Bát tự, thì người này sẽ tự chuốc phiền phức do cá tính mạnh mẽ thô bạo của mình đem lại.

Cách tra Kiếp Sát là: dựa vào chi năm để tra trong những chi khác, thấy những chi tương ứng như bảng dưới là Kiếp Sát. Khẩu quyết như sau:

Dần Ngọ Tuất gặp Hợi; Tỵ Dậu Sửu gặp Dần; Thân Tý Thìn gặp Tỵ; Hợi Mão Mùi gặp Thân.

CHI NĂM	DẦN NGỌ TUẤT	TỶ DẬU SỬU	HỢI MÃO MÙI	THÂN TÝ THÌN
TƯỚNG TINH	Hợi	Dần	Thân	Tỵ

Ví dụ người sinh vào năm Tuất, trong Bát tự, đại vận, lưu niên thấy Hợi, chính là đã thấy Kiếp Sát.

CÔ THẦN QUẢ TÚ LÀ MẬT MÃ CÔ ĐƠN

Trong Bát tự có một khẩu quyết: “Nam kị Cô Thần, nữ kị Quả Tú”. Nam giới gặp phải sao Cô Thần sẽ phải cô độc, thậm chí còn xuất gia làm hòa thượng. Nữ giới gặp sao Quả Tú, sẽ khắc chồng, trở thành quả phụ thậm chí còn xuất gia làm ni cô. Đồng thời gặp Cô Thần, Quả Tú, nam giới không thích vợ, coi vợ như mẹ như chị, không có tình nghĩa vợ chồng. Nữ giới sẽ cô độc, đuổi chồng ra khỏi nhà, cự tuyệt tình nghĩa vợ chồng.

Ngoài ra, Cô Thần Quả Tú đi cùng với nha cũng tượng trưng đồng tính luyến ái. Nam giới sau khi xuất gia hàng ngày chỉ tiếp xúc với nam giới, nữ giới sau khi xuất gia hàng ngày cũng chỉ tiếp xúc với nữ giới, hiện tượng này cũng tương đương với đồng tính luyến ái. Người tòng quân trong thời cổ đại hoặc cảnh sát thời hiện đại, phạm vi giao tiếp cũng đều là nam giới, đây cũng là Cô Thần Quả Tú. Nếu như trong công việc và cuộc sống chỉ có nữ giới, cũng là Cô Thần Quả Tú. Sau hành hết đại vận này, sẽ không còn hứng thú với tôn giáo, xuất gia nữa, và quyết định hoàn tục, yêu đương, kết hôn.

Cách tra Cô Thần Quả Tú là: dựa vào chi năm để tra trong những chi khác, khẩu quyết như sau:

- Hợi Tý Sửu gặp Dần là Cô Thần, gặp Tuất là Quả Tú.
- Dần Mão Thìn gặp Tỵ là Cô Thần, gặp Sửu là Quả Tú.
- Tỵ Ngọ Mùi gặp Thân là Cô Thần, gặp Sửu là Quả Tú.
- Thân Dậu Tuất gặp Hợi là Cô Thần, gặp Mùi là Quả Tú.

CHI NĂM	HỢI TÝ SỬU	DẦN MÃO THÌN	TÝ NGỌ MÙI	THÂN DẬU TUẤT
CÔ THẦN	Dần	Tý	Thân	Hợi
QUẢ TÚ	Tuất	Sửu	Thìn	Mùi

Ví dụ người sinh vào năm Tý, gặp Thân là Cô Thần, gặp Thìn là Quả Tú.

Trong một Bát tự, không thể cả đời hành Cô Thần Quả Tú. Vì vậy khi đã trải qua một giai đoạn nào đó, con người sẽ từ bỏ tôn giáo hoặc cuộc sống cô độc. Khi hành tới vận tứ đào hoa, sẽ trở nên mặn nồng với tình yêu và hôn nhân, khi hành tới Thìn Tuất Sửu Mùi, sẽ thích thú với việc theo đuổi danh lợi. Khi hành tới Dần Thân Tỵ Hợi, vận trình trở nên khó đoán, lên xuống thất thường.

Con người không thể cả đời chỉ hành một loại vận khí. Vì vậy mới nói, lý luận Bát tự chính là một học vấn dạy chúng ta biết cách nhìn nhận đúng đắn về cuộc đời.

HỒNG LOAN THIÊN HỖ LÀ MẬT MÃ HÔN NHÂN TÌNH CẢM

Sao Hồng Loan tượng trưng cho hôn nhân và tình yêu. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, không nên chỉ nhìn thấy sao Hồng Loan mà đã vội vàng phán đoán rằng đối phương sẽ kết hôn, vì ngày nay người kết hôn muộn rất nhiều. Ví dụ một người nào đó thời niên thiếu hành vận Hồng Loan, phán đoán anh ta kết hôn sớm, thì khả năng sai sót là rất lớn. Thấy sao Hồng Loan, chỉ có thể phán đoán đối phương đã có tình yêu, nhưng không thể khẳng định là sẽ kết hôn vào khoảng thời gian nào.

Sao Thiên Hỷ tượng trưng cho hỷ sự (chuyện vui), cũng tượng trưng cho sự vui vẻ. Nếu trong Bát tự có sao Thiên Hỷ là dụng thần, cho thấy người này tính tình thoải mái, vui vẻ, không hay đau buồn. Nếu sao Thiên Hỷ là kỵ thần, thì người này theo chủ nghĩa bi quan, thường xuyên buồn rầu ủ rũ.

Hai sao này được tra theo chi năm sinh:

Người tuổi Tý: gặp năm Mão là Hồng Loan, gặp năm Dậu là Thiên Hỷ.

Người tuổi Sửu: gặp năm Dần là Hồng Loan, gặp năm Thân là Thiên Hỷ.

Người tuổi Dần: gặp năm Sửu là Hồng Loan, gặp năm Mùi là Thiên Hỷ.

Người tuổi Mão: gặp năm Tý là Hồng Loan, gặp năm Ngọ là Thiên Hỷ.

Người tuổi Thìn: gặp năm Hợi là Hồng Loan, gặp năm Tỵ là Thiên Hỷ.

Người tuổi Tỵ: gặp năm Tuất là Hồng Loan, gặp năm Thìn là Thiên Hỷ.

Người tuổi Ngọ: gặp năm Dậu là Hồng Loan, gặp năm Mão là Thiên Hỷ.

Người tuổi Mùi: gặp năm Thân là Hồng Loan, gặp năm Dần là Thiên Hỷ.

Người tuổi Thân: gặp năm Mùi là Hồng Loan, gặp năm Sửu là Thiên Hỷ.

Người tuổi Dậu: gặp năm Mão là Hồng Loan, gặp năm Tý là Thiên Hỷ.

Người tuổi Tuất: gặp năm Tỵ là Hồng Loan, gặp năm Hợi là Thiên Hỷ.

Người tuổi Hợi: gặp năm Thìn là Hồng Loan, gặp năm Tuất là Thiên Hỷ.

CHI NĂM	TÝ	SỬ	DẦN	MÃO	THÌN	TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
HỒNG LOAN	Mão	Dần	Sửu	Tý	Hợi	Tuất	Dậu	Thân	Mùi	Ngọ	Tỵ	Thìn
THIÊN HỖ	Dậu	Thân	Mùi	Ngọ	Tỵ	Thìn	Mão	Dần	Sửu	Tý	Hợi	Tuất

Ví dụ người tuổi Sửu, vào năm Dần 2010 sẽ gặp được sao Hồng Loan; người tuổi Mùi, vào năm Dần 2010 sẽ gặp được sao Thiên Hỷ. Từ nội dung trên có thể thấy, địa chi của sao Hồng Loan và sao Thiên Hỷ tương xung với nhau, ví dụ người tuổi Tuất có sao Hồng Loan là Tỵ, còn sao Thiên Hỷ là Hợi, Tỵ Hợi tương xung, vì vậy những sự việc được tượng trưng bởi hai sao này có ảnh hưởng lẫn nhau.

HỒNG DIỄM LÀ MẬT MÃ CỦA ĐỜI SỐNG TÌNH DỤC

Mười loại thần sát trên đây được tra thông qua địa chi năm sinh. Còn Hồng Diễm sát và Thiên Ất quý nhân dưới đây được tra tìm căn cứ vào nhật nguyên, xin trình bày để độc giả cùng tham khảo.

Trong phép đoán mệnh có một bài khẩu quyết “Hồng Diễm sát”, dựa vào bài thơ này có thể biết được đời sống tình dục của một người có vượng hay không.

Đa tình đa dục thiếu nhân tri, Lục Bính phùng Dẫn Tân kiến kê.
 Quý lâm Thân thượng Đinh kiến Mùi, Mi khai nhân tiểu lạc hy hy.
 Giáp Ất Ngọ Thân Canh kiến Tuất, Thế gian chỉ thị chúng nhân thê.
 Mậu Kỷ phạ Thìn Nhâm phạ Tý, Lộc Mã tương phùng tác lộ kỹ.
 Nhiệm thị phú hào quan hoạn nữ, Hoa tiền nguyệt hạ dã thâm tình.
 (Đa tình đa dục ít người biết, đó là Bính gặp Dẫn, Tân gặp Dậu.

Quý gặp Thân, Đinh gặp Mùi, suốt ngày chỉ biết nói cười vui vẻ.

Giáp gặp Ngọ, Ất gặp Thân, Canh gặp Tuất, chỉ có thể làm vợ khắp người ta.

Mậu Kỷ sợ Thìn, Nhâm sợ Tý, gặp Lộc Mã chỉ có thể làm gái đứng đường.

Cho dù là con gái nhà quan lại giàu có, cũng làm chuyện trăng hoa vụng trộm.)

Xin đưa ra ví dụ cụ thể như sau: Nhật nguyên Bính Hỏa gặp chi năm hoặc đại vận Dẫn, cho thấy đã gặp Hồng Diễm sát. Ví dụ năm 1998 là năm Mậu Dẫn, vào năm này, những người sinh vào sáu ngày Bính Hỏa là Bính Tý, Bính Dẫn, Bính Thìn, Bính Ngọ, Bính Thân, Bính Tuất, đào hoa sẽ đặc biệt thịnh vượng. Lại thêm ví dụ nữa, người sinh vào ngày Tân Kim, trong năm Ất Dậu 2005 sẽ gặp được Hồng Diễm sát.

NHẬT NGUYÊN	HỒNG DIỆM SÁT
GIÁP	Ngọ
ẤT	Thân
BÍNH	Dẫn
ĐINH	Mùi
MẬU	Thìn
KỶ	Thìn
CANH	Tuất
TÂN	Dậu
NHÂM	Tý
QUÝ	Thân

Như trong bài thơ đã trình bày, Quý Thủy gặp Thân, Đinh Hỏa gặp Mùi, Giáp gặp Ngọ, Ất gặp Thân, Canh gặp Mậu, Mậu Kỷ gặp Thìn, Nhâm gặp Tý, đều tượng trưng Hồng Diễm sát. Mệnh nam vào năm này đặc biệt phát, có được tình yêu tốt đẹp. Hồng Diễm sát tượng trưng cho tình dục, thêm người, bệnh phụ khoa, nam nữ vào năm này đều rất phong lưu, nhưng không nhất định là tình yêu vụng trộm ngoài luân lý, người đã kết hôn không cần lo lắng.

THIÊN ẤT QUÝ NHÂN LÀ MẬT MÃ GẶP HUNG HÓA CÁT

Thiên Ất là vị thần ở trên trời, tại chòm sao Tử Vi, phía ngoài cổng trời. Thiên Ất quý nhân vô cùng tôn quý, có thể tránh được tất cả hung sát. Tứ trụ xuất hiện quý nhân này, gặp việc gì cũng có người trợ giúp, gặp nguy hiểm được người giải cứu, gặp hung hóa cát.

NHẬT NGUYÊN	THIÊN ẤT QUÝ NHÂN
GIÁP, MẬU	Sửu, Mùi
ẤT, KỶ	Tý, Thân
BÍNH, ĐINH	Dậu, Hợi
CANH, TÂN	Dần, Ngọ
NHÂM, QUÝ	Tỵ, Mão

Cách tra Thiên Ất quý nhân là: Lấy can ngày tra trong các địa chi khác, khẩu quyết là: “Giáp Mậu gặp Sửu Mùi; Ất Kỷ gặp Tý Thân; Bính Đinh tại Hợi Dậu; Nhâm Quý tại Tỵ Mão; Canh Tân gặp Ngọ Dần; đó là phương quý nhân”.

Ví dụ người sinh ra vào ngày Canh, Ngọ Hỏa và Dần Mộc sẽ là Thiên Ất quý nhân của người này.

Nếu trong Bát tự, đại vận, lưu niên đều không có Thiên Ất quý nhân, khi gặp chuyện hoặc tai nạn sẽ khó lòng khắc phục được. Nhưng cũng có thể căn cứ vào chi gặp quý nhân mà can ngày của người này chưa gặp được, để tìm ra quý nhân trợ giúp, như vậy cũng có thể gặp hung hóa cát.

Nếu có quý nhân, cho dù có quen biết hay không, khi gặp khó khăn cũng sẽ có người giúp, và người này thường chính là quý nhân trong tứ trụ của người

gặp nạn. Ví dụ người đuối nước được cứu sống, quý nhân trong tứ trụ của người đuối nước chính là Sửu Mùi, vậy ân nhân cứu mạng của anh ta thường chính là những người tuổi Sửu hoặc Mùi.

Tuy nhiên, Thiên Ất quý nhân cũng phải liên hệ với dụng thần, nếu địa chi của quý nhân là kỵ thần, thì thường sẽ không thể phát huy tác dụng.

BÍ QUYẾT TRA CỨU THẦN SÁT

Thần sát từ đâu đến? Khi đã hiểu về tam hợp cục của 12 địa chi, chúng ta sẽ biết được có rất nhiều nguồn tạo ra thần sát, tam hợp cục có bốn loại dưới đây:

Thân Tý Thìn gặp nhau sẽ biến thành Thủy.

Dần Ngọ Tuất gặp nhau sẽ biến thành Hỏa.

Ty Sửu Dậu gặp nhau sẽ biến thành Kim.

Hợi Mão Mùi gặp nhau sẽ biến thành Mộc.

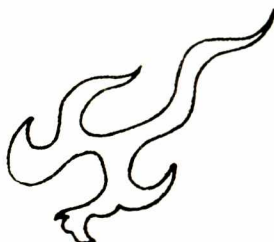
Khi đã hiểu về bốn loại tam hợp cục trên đây, sẽ lập tức biết cách tính toán thần sát. Lấy tam hợp cục Thân Tý Thìn làm ví dụ, chi xung với Thân là Dần, Dần và Thân tương xung, vì vậy cung Dịch Mã của tổ hợp Thân Tý Thìn nằm tại Dần. Phàm là những người tuổi Thân, Tý, Thìn, vào năm Dần sẽ đi du lịch, di cư, đổi công việc hoặc chuyển nhà. Hàng năm vào tháng Dần từ ngày 4 tháng 2 đến mồng 5 tháng 3 là khoảng thời gian thích hợp nhất để đi du lịch. Giờ Dần là khoảng 3 - 5 giờ sáng, những người thuộc nhóm trên đặc biệt hay thức dậy đi vệ sinh vào giờ này.

Ngoài ra, với những người sinh vào các năm Thân Tý Thìn, Thìn sẽ là sao Hoa Cái, Tý sẽ là Tướng tinh...

Tổ hợp tiếp theo là Dần Ngọ Tuất. Chi xung với tổ hợp này là Thân, phàm là những người tuổi Dần, Tuất, Ngọ, thì Thân sẽ là sao Dịch Mã, những người này sẽ hành Dịch Mã trong năm Thân, thường xuyên phải đi lại hoặc xuất hiện thay đổi. Tháng Thân là từ mồng 8 tháng 8 đến 7 tháng 9 dương lịch, những người kể trên sẽ hành vận Dịch Mã vào tháng này.

“Ngọ” Hỏa là Tướng tinh của “Dần Ngọ Tuất”, nếu năm Ngọ Hỏa là dụng thần, năm nay sẽ có Tướng tinh rất tốt đến tương trợ. Tại tháng Ngọ, hoặc giờ Ngọ mỗi ngày, có thể được cấp trên đề bạt hoặc cấp dưới giúp đỡ. Sao Hoa Cái của tổ hợp này là Tuất. Đối với nam giới, hành vận Tuất sẽ có được thành công lý tưởng. Năm 2006 chính là năm Bính Tuất, những người tuổi Dần, Ngọ, Tuất đều gặp sao Hoa Cái vào năm này.

Sử dụng phương pháp này, bạn sẽ không cần ghi nhớ bảng thần sát mà vẫn có thể lập tức tìm ra thần sát.

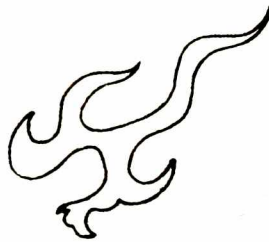


CHƯƠNG 9: VẬN DỤNG LINH HOẠT BÁT TỰ

Chương trước đã giới thiệu về những lý luận Bát tự học truyền thống. Khi đưa những lý luận này áp dụng vào thực tiễn, ứng dụng trong cuộc sống thường ngày, bạn sẽ phát hiện ra rằng, kỳ thực chúng không hề phức tạp. Mọi chuyện trong đời người đều có thể nhận ra và lý giải được thông qua Bát tự.



Nội dung chính



- * Làm thế nào để trở thành cao thủ Bát tự
 - * Năm tác dụng lớn của Bát tự
 - * Cách xem vận mệnh của cha mẹ
 - * Cách phán đoán về ly hôn
 - * Cách phán đoán về thất nghiệp
 - * Nuôi chó và mèo khác nhau ở điểm nào
 - * Điểm khác nhau giữa lương y và lang băm
 - * Người hói đầu và rụng tóc cần Thủy Mộc
 - * Bí quyết thành công của thầy thuật số
-

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH CAO THỦ BÁT TỰ

Thế nào là “yếu lĩnh”? Rất nhiều sách cổ viết về Bát tự cũng dạy bạn cách thức nắm “yếu lĩnh” ra sao, nhưng lại khiến những người mới học càng xem càng mơ hồ. Những sách kinh điển cổ này có ba điểm thiếu sót như sau:

1. Trong thuật số học có quá nhiều tạp học, cũng chính là một số phương pháp không hề có tác dụng thực tế, thiếu chính xác, những phương pháp này sẽ khiến mọi người đi sai đường. Nếu xuất phát điểm sai, thì từ đó về sau sẽ luôn sai lầm.

2. Lý luận quá nhiều nhưng không có những kỹ xảo được kiểm chứng trong thực tế, nhưng sách cổ lại thường xuyên sao đi chép lại một số lượng lớn những sai lầm này. Ví dụ như nạp âm của sáu mươi Giáp Tý chính là một loại ngụy học, dùng nó để đoán mệnh là lừa gạt người nghe. Rất nhiều lý luận Bát tự trong sách cổ là sai lầm, thậm chí là nhầm nhứ. Nhưng người ngày nay khi học thuật số thường có một quan niệm sai lầm: sách cổ đều đúng. Những kiến thức của các bậc tiên hiền đều xứng đáng để chúng ta học tập, nhưng trong quá trình học Bát tự phải biết cách vận dụng và tiêu hóa, và vận dụng vào những sự việc thực tế của người thân, bè bạn, như vậy mới có thể biết được thật giả ra sao.

3. Một số thuật ngữ trong Bát tự nên loại bỏ, nên dùng những khái niệm chân thực, trực tiếp, có tính chứng thực để lý giải về các mật mã cuộc đời, tìm ra huyền cơ của vũ trụ. Nếu Bát tự học đi vào con đường chết “dẫn thuật ngữ, viện kinh điển”, sẽ mất đi sức sống. Vì đó chỉ là một mớ lý luận Bát tự, chứ không phù hợp với thực tế. Mục đích của Bát tự học là đoán trước số mệnh, biết vinh nhục được mất, để từ đó lập chí.

Nếu muốn nghiên cứu sâu hơn nữa, phải biết được rằng, mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ đều có thể được dùng để kiểm chứng Bát tự. Bát tự của mình gặp phải thiên can địa chi của những năm tháng ngày khác nhau, sẽ xảy ra chuyện gì, bản thân mình là người biết rõ nhất. Dựa vào tình hình thực tế của bản thân để kiểm chứng quy luật biến đổi của từng thiên can địa chi, đây là kinh nghiệm rất quan trọng của tất cả các cao thủ Bát tự.

Ngoài ra, cũng có thể dựa vào cuộc sống của người thân, bạn bè, và tất cả những người mà mình quen biết để kiểm chứng Bát tự của họ, đây cũng là một phương pháp rất tốt.

NĂM TÁC DỤNG LỚN CỦA BÁT TỰ

Từ Bát tự có thể thấy được tính cách, vận số của mình, còn có thể xem được tình trạng sức khỏe, đặc điểm ngoại hình, bệnh trong lục phủ ngũ tạng.

Từ một Bát tự có thể trực tiếp thấy được người thân, mà không cần thiết phải xem Bát tự của người thân nữa. Ví dụ từ Bát tự của một người nào đó có thể biết được tình hình của cha mẹ, anh chị em, vợ con, người tình của vợ... Vì dựa vào mối quan hệ của Thập thần, có thể lần lượt tính toán ra. Nhưng vẫn phải dựa vào ngũ hành của người xem Bát tự đầu tiên (cũng chính là người khởi đầu) để sắp xếp ra ngũ hành thích hợp.

Từ Bát tự có thể biết được môi trường sống của một người, ví dụ nghe nói đến Bát tự của một đứa nhỏ bị chứng não canxi hóa, từ Bát tự có thể biết được phía bên phải giường ngủ của đứa bé có một "Hỏa vật" thông căn nên bị khắc, đây là kỵ thần thứ nhất trong mệnh. Mặc dù tôi chưa từng đích thân tới nhà đứa trẻ, nhưng đã biết phía bên tay phải của giường ngủ có đường điện cao áp, còn biết được đứa bé là con cả. Trong Cửu cung của "Kinh Dịch", cung Chấn ở phương đông, năm 2005 phương đông phạm Nhị Hắc Bệnh Phù, tôi đoán ở phía đông có đường điện cao áp, vị trí phía đông ở trong nhà còn có chiếc ti vi lớn hoặc đồ điện khác. Vì vậy, từ Bát tự có thể thấy được bố cục Phong thủy ở xung quanh người đó. Mỗi người có từ hai tới ba dụng thần, người đặc biệt chỉ có một. Sau khi suy đoán Bát tự đã đạt đến mức xuất thần nhập hóa, có thể phối hợp dụng thần với lưu niên phi tinh và lý luận cửu cung để bày trận Phong thủy, loại Phong thủy học đó sẽ là văn hóa Phong thủy thực dụng và siêu việt nhất trong tương lai.

Từ trong Bát tự, còn có thể phán đoán được về kiếp trước của một người, như tại sao lại chết, có linh giới (vong theo) hay không, có linh hồn tổ tiên ở bên cạnh hay không. Xem đại vận có thể biết được năm nào thăng tiến, năm nào suy

thoái, biết được một người kiếp trước thiếu nợ bao nhiêu năm, bao nhiêu năm có thể hoàn trả.

Từ Bát tự còn có thể biết được vị trí của bản thân thấy thuật số, bất kỳ một Bát tự nào đặt trước mặt thấy thuật số, thấy thuật số đều có thể tìm thấy tác dụng của mình thông qua Bát tự ấy. Nếu như bản thân mình là dụng thần của người khách này, thì sẽ suy đoán chính xác, hoặc có ảnh hưởng có lợi đối với đối phương; nếu như Bát tự của mình hại đến đối phương, sẽ phán đoán không chuẩn, hoặc nảy sinh ảnh hưởng bất lợi cho đối phương.

CÁCH XEM VẬN MỆNH CỦA CHA MẸ

Trong Bát tự có hai phương pháp giúp xem vận cha mẹ. Một là xem địa chi và thiên can của tháng trong Tứ trụ, thiên can là cha, địa chi là mẹ. Thông thường mọi người đều cho rằng cách xem này tương đối đơn giản. Ngoài ra còn có một phương pháp tính toán chính xác hơn, đó là lấy Chính Ấn là mẹ, Thiên Tài là cha. Chính Ấn là mẹ đương nhiên hợp lý, bởi vì người sinh ra ta chính là mẹ, tức Chính Ấn. Nếu như Chính Ấn là mẹ, người khắc Ấn sẽ là chồng của mẹ, tức Thiên Tài, và cũng chính là cha.

Ví dụ Tân Kim nhật nguyên, Mậu Thổ là mẹ, Ất Mộc là Chính quan của mẹ, tức là cha, Ất Mộc lại chính là Thiên Tài của Tân Kim.

Còn có một phương pháp nữa, lấy Ấn là mẹ, do mẹ là nữ, nên Thiên Ấn mới là mẹ thật. Ví dụ nhật nguyên của nữ là Tân Kim, Kỷ Thổ là mẹ, Giáp Mộc là chồng. Vậy thì Chính Tài Giáp Mộc mới là cha. Khi sử dụng phương pháp này phải hết sức cẩn thận.

Trong thực tế, Chính Ấn và Thiên Ấn đều có thể là mẹ, còn Chính Tài và Thiên Tài cũng đều có thể là cha. Vì vậy, trong Bát tự Thiên Tài gặp vượng địa, nếu Thiên Tài trong ví dụ trước là Ất Mộc, nếu nhập đại vận Dần Mão Thìn là đất Mộc, cha sẽ trường thọ. Nếu nhập năm Hợi hoặc đại vận Hợi, là trường sinh của Mộc, cha sẽ trường thọ.

Mẹ có trường thọ hay không cũng được xem tương tự như vậy. Về vận số của cha mẹ, phương pháp xem vô cùng đơn giản, xuất phát từ lập trường của cha để xem các đại vận của cha như thế nào, cũng có thể từ Bát tự xem cha

cường nhược ra sao. Ví dụ, nhật nguyên Tân Kim lấy Ất Mộc là cha, chi tháng là Dần Mộc, tượng trưng cha thân cường vượng, đại vận nhập Giáp Mộc, thân cường có thể nhiệm sát nhiệm tài, nhập vận Mộc sẽ hành họa Tỷ Kiếp, nếu Hỏa là Thực Thương, nhập Thổ là tài vận. Vì vậy, từ Bát tự của một người có thể xem được vận số của những người thân trực hệ, mà không cần phải xem riêng Bát tự của cha mẹ, vợ con.

Cha là Thiên Tài, mà Thiên Tài đối với nam giới cũng tượng trưng cho vợ lẽ, tình nhân. Vì vậy sự thịnh suy của cha có liên quan tới vận đào hoa và Thiên Tài của ông ta. Thông thường sau khi cha mất, cung thê thiếp sẽ bị để trống, rất dễ gây ra vận đào hoa. Bởi vậy, người vợ nên lưu ý, nếu cha của chồng chết đi, đồng nghĩa với việc tăng thêm vận thê thiếp.

Mẹ là Ấn, Ấn bị Tài khắc, tượng trưng cho bệnh tật, nhưng khi mẹ mất, phần lớn Bát tự của con trai có Ấn tinh quá vượng, mẹ vì quá vượng nên sẽ qua đời. Đương nhiên quá nhược cũng sẽ bệnh mà chết, tuy nhiên thực tế cho chúng ta thấy, Ấn của con trai quá trọng mới khiến mẹ qua đời. Nếu như Ấn là béo, là ngủ, là học tập, một người Ấn trọng lại béo thêm, ngủ nhiều, cơ thể mẹ sẽ không tốt, vì vậy phải gây đi. Một người Ấn nhẹ, phải béo tốt ngủ nhiều thì mẹ mới được mạnh khỏe. Có thể thấy cuộc sống của một người lại ảnh hưởng tới tất cả các thành viên còn lại trong gia đình.

Vì vậy, trong Bát tự Tài nhiều tất khắc cha mẹ. Bát tự coi trọng cân bằng, nếu ngũ hành mất đi cân bằng, quá nhiều hoặc quá ít cũng đều có bệnh.

Nếu chi tháng bị đại vận xung khắc, hoặc niên vận xung khắc, gọi là xung Đê cương, thường ở trong khoảng 60 tuổi, vận này thường gây tổn hại cha mẹ. Lại có một cách nói khác, chi tháng Đê cương khắc chi năm, cha mẹ bất toàn. Ví dụ thực tế đúng tới hơn một nửa, nhưng không chính xác hoàn toàn. Phá Ấn quá nặng, chắc chắn mẹ chết trước. Nếu Tài nhiều hại Ấn, tuổi nhỏ sẽ mất mẹ, hoặc mẹ sẽ tái giá. Chính Ấn Thiên Ấn cùng tới, cha có vợ chính và vợ lẽ, hoặc đào hoa cực vượng, cách tính này rất chính xác.

Trong trụ Tỷ kiếp trùng trùng sẽ hình khắc vận cha, cha là Thiên Tài, anh chị em quá nhiều, nếu không được chế ngự, Thiên Tài sẽ bị Kiếp Tài khắc. Có thể thấy anh chị em quá nhiều, cha sẽ phải vất vả cực nhọc, đặc biệt là những gia đình nghèo khổ, thiếu vận Thiên Tài, anh chị em nhiều, cha sẽ càng thê thảm hơn.

Mẹ là Ấn tinh, Tài nhiều tất hình khắc mẹ, vì vậy nên làm từ thiện, có thể giúp mẹ được trường thọ. Năm 1997 rất nhiều người đã trở thành con nợ, trong đó Bát tự của rất nhiều người đã xuất hiện một hiện tượng không phải ai cũng biết, việc họ mắc nợ đồng nghĩa với việc tuổi thọ của mẹ được kéo dài thêm. Xem Bát tự có thể biết được thực hư cát hung họa phúc, việc hung chưa chắc đã là hung, có một số chuyện hung nhưng thực tế lại tàng cát.

Ấn quá trọng hoặc bị khắc, mẹ sẽ qua đời, Thiên Tài cũng vậy. Huyền cơ của Bát tự nằm tại trung hòa, quá cường hoặc quá nhược đều sẽ phát sinh nguy cơ. Còn Dẫn Thân Ty Hợi tứ trường sinh, chính là mật mã có sức ảnh hưởng lớn nhất, và cũng là mật mã tử vong trong Bát tự.

CÁCH PHÁN ĐOÁN VỀ LY HÔN

Ly hôn, có thể được gọi là “cơ địa chấn tại cung phu thê”. Trước tiên xem chi xung với chi ngày. Ví dụ một người sinh vào ngày Giáp Tý, gặp vận Ngọ, có nghĩa là cung phu thê đã xảy ra rung động, vì Giáp chính là bản thân, Tý là cung vợ chồng, cung là Tý, gặp Ngọ là xung. Đây là phương pháp tính toán của những người mới học Bát tự.

Nhưng người muốn tiến sâu hơn phải hiểu được, nếu chi xung với địa chi có lợi cho dụng thần lại không phải là hung, cũng như một người lấy Ngọ Hỏa làm dụng thần, thì không sợ Ngọ Hỏa xung, gặp Ngọ Hỏa xung, rất nhiều khi lại là một sự thay đổi, ví dụ ly hôn, nhưng có thể đây sẽ là một sự giải thoát cho người này, vì nếu Giáp Mộc kỵ Thủy, lấy Ngọ Hỏa làm dụng thần, cung vợ chồng sẽ nằm tại Tý Thủy, là kỵ thần. Nên biến động tại cung phu thê chính là một sự giải thoát.

Phương pháp phán đoán sâu xa hơn là luận theo Thập thần. Nhật nguyên của một người đàn ông là Giáp Mộc, Kỷ Thổ và Sửu Mùi âm Thổ là chính thê, hành đại vận hoặc niên vận Mậu Thổ hoặc Thìn Tuất Thổ, sẽ hành thê vận, có nhiều khả năng ngoại tình. Nhưng nếu nhật nguyên của vợ là Mậu Thổ, lại thấy Thìn Thổ hoặc Tuất Thổ, đó chính là vợ, một mình người vợ này đồng thời chiếm lĩnh hai Thổ thê thiếp, kiểu hôn nhân này sẽ không có cơ hội ly hôn.

Vì vậy một trong những tổ hợp tốt của hôn nhân là nhật nguyên của vợ lại là sao tinh nhân của chồng, như chồng Giáp Mộc phối vợ Mậu Thổ, không nhất định Giáp Kỷ hợp Thổ mới là tốt nhất, do Giáp Kỷ hợp Thổ, sau khi hợp sẽ là Thổ của Kỷ Thổ, chồng thường nghe theo vợ. Giáp Mộc phối Mậu Thổ là tốt, là vợ độc chiếm vị trí hai cung thê thiếp của chồng.

Ất Canh hợp Kim, là Ất Mộc gả cho cường Kim, sẽ không có bản thân mà chỉ có chồng, loại cách cục này phải thấy rỗng mới tốt, hóa hợp thành công, thấy Tuất sẽ phá cách, có thể dẫn tới ly hôn, hoặc vợ làm phản, không an phận. Bát tự hóa hợp sẽ dễ gây ra phá cách, rất nhiều mối nhân duyên và quan hệ tốt đều là tự hóa giải lẫn nhau.

Bính Tân hợp Thủy, rất nhiều phụ nữ mệnh Tân Kim không có vận chồng tốt. Vì Bính là chồng của Tân, nếu gặp rỗng hợp thành Thủy, Bính Hỏa không có nữa, thì chồng cũng không còn nữa. Nếu Tân Kim là đàn ông, Bính Hỏa là danh tiếng cũng là Quan tinh, gặp phải năm Thìn, đại vận Thìn, có thể sẽ mất đi công việc hoặc danh tiếng, rỗng này là đại phản phái, phải nuôi chó để đối phó, chó là đại chính phái.

Đinh Nhâm hợp Mộc, phụ nữ mệnh Đinh Hỏa gặp năm rỗng vận rỗng, Nhâm Thủy là chồng, hợp mà thành Mộc, Mộc này là quan (quan tài), có thể khiến chồng chết, hoặc ly hôn hoặc mất phu vận. Nam là Nhâm Thủy, Đinh là vợ, hợp là Mộc, chỉ ham mê công việc không để ý đến vợ, đây là sự chọn lựa của rất nhiều nam giới, tức đi làm việc ở nơi xa, vợ chồng ít gặp nhau, Nhâm thấy Bính Hỏa là thiếp, không được hợp để mất đi, thế là đã xuất hiện nhân tình. Người di dân đánh mất quan hệ vợ chồng cũng thường vì như vậy.

Từ đó có thể thấy, năm Thìn 2000 và năm Tuất 2006 khiến rất nhiều hóa hợp này sinh biến đổi lớn, Mậu Quý hợp Thủy, nếu Quý là vợ, hợp Hỏa sẽ thành Ấn mẹ, coi vợ như mẹ. Đối với những người có tâm lý sùng bái mẹ, thích hợp với hóa hợp này. Nhưng nếu như Mậu là nam giới, Quý là Tài, hợp Tuất Hỏa là Ấn, Tài tinh hóa Ấn tinh, sẽ phá tài phá sản.

Có thể thấy trong Mậu Quý hợp có chứa đựng rất nhiều biến số. Nhật nguyên Quý Thủy sinh tại tháng Tuất, gặp năm Thìn, nếu là người thiếu Thủy hoặc người thân nhược, Thủy này cùng đường hết lối, sẽ bị bốc hơi hết. Nếu gặp năm hoặc đại vận Thìn, Tuất, ít nhiều cũng phải xem xét kỹ lưỡng đại vận trong

Bát tự của mình, nếu tương lai có vận Thìn hoặc Tuất đến, phải cẩn thận phán đoán cát hung.

Nếu Thìn là đại vận, rất rõ ràng, e rằng trong cuộc sống thường ngày, rồng này ngấm ngấm tác quái, ví dụ một người kỵ rồng sinh hóa, không có vận rồng, tên cũng không phải là “Long”, nhưng lại là “Chấn”, cũng là rồng. Lại giả dụ tại phía đông nam trong nhà có đặt một con khủng long, cũng là rồng. Vì vậy Thành Long, Lý Tiểu Long, đều có huyền cơ hóa hợp cát hung trong mệnh cách.

Tuất là chó, những chữ Thành, Thịnh, Uy... đều là Tuất Thổ, có tác dụng ngăn cản sinh hóa. Một chữ sai có thể khiến toàn bàn thất bại. Trong cục hợp hóa, lại có các mối quan hệ như tranh hợp, kỵ hợp..., ảnh hưởng tới dụng thần, đây là tinh hoa của Bát tự học cao cấp, có cơ hội sẽ tiếp tục bàn luận.

CÁCH PHÁN ĐOÁN VỀ THẤT NGHIỆP

Bạn vẫn còn đang thất nghiệp? Nếu như bạn thất nghiệp, lại có cơ hội đọc được cuốn sách này, sẽ có thể được khai vận.

Bát tự của bất kỳ một người nào, nếu có Ấn tinh và Quan tinh được sinh, và không có Thiên Ấn, Thất Sát, có thể làm việc ở một công ty lớn mạnh. Cũng tức là để biết một công ty có giải thể hay hưng vượng vào năm nào, có thể biết được thông qua xem Bát tự của nhân viên của công ty đó. Nếu một người nào đó là người làm công, không phải ông chủ, công ty của anh ta khi nào vượng nhất? Xem Bát tự của người này, khi nào Quan tinh và Ấn tinh thuần nhất, vượng nhất sẽ biết được. Người hành cục Ấn Quan lương vượng, không những vận công ty được vượng, mà ngay cả bản thân mình cũng hành quan vận. Cho dù có đổi công việc, thì cũng vẫn có thể vào làm việc ở một công ty lớn khác.

Vì vậy, người thất nghiệp trước tiên phải tăng cường Ấn tinh của mình. Ví dụ người có nhật nguyên là Giáp Ất Mộc dùng Thủy, nhật nguyên Mậu Kỷ Thổ dùng Mộc, nhật nguyên Canh Tân Kim dùng Hỏa, nhật nguyên Nhâm Quý Thủy dùng Thổ.

Ví dụ cần Thổ, đơn giản có thể mang theo một viên đá quý, ăn thịt dê, nuôi chó.

Bát tự của người thất nghiệp, phần lớn đều thiếu Quan hoặc Ấn, hoặc tạp sát quá nhiều, hành đại vận Thực Thương hoặc Tỷ Kiếp, lưu niên mất Quan mất Ấn, sẽ không thể nào tìm được một công việc tốt.

NUÔI CHÓ VÀ MÈO KHÁC NHAU Ở ĐIỂM NÀO

Sau khi mọi người đã hiểu được ngũ hành Bát tự của mình, có thể dựa theo yêu cầu của ngũ hành để tạo cho mình một môi trường sống có lợi nhất. Như trước đã đề cập, vật nuôi có ảnh hưởng rất lớn tới vận khí của con người. Ngoài việc vật nuôi thường xuyên tiếp xúc với con người. Phân tích từ Bát tự, khi Mậu Thổ gặp Quý Thủy sẽ nuốt chửng Quý Thủy, biến Thủy thành Hỏa.

Trên Bát tự gặp Tuất phải hết sức cẩn thận, vì Tuất Thổ khiến vận khí bị thay đổi rất nhiều. Tuất Thổ tượng trưng chó, chó là một loài động vật rất cực đoan. Nó có thể giúp bạn rất nhiều, nhưng cũng có thể hại bạn đến thảm hại. Đối với những người Bát tự cần Hỏa, chó có thể biến Quý Thủy lạnh lẽo thành Hỏa.

Còn có một chữ khác cũng hết sức quan trọng, có thể hóa nguy thành an, đó chính là chữ Dần, tức là mèo. Đây là hai loài động vật vô cùng cực đoan, có thể đưa bạn lên mây xanh, cũng có thể đẩy bạn rơi xuống trên mặt đất. Khi bạn cần nó, nó có pháp lực vô biên, nhưng khi bạn không cần nó, nó sẽ là yếu tố hại bạn hàng đầu.

Ngoài chó mèo là cực Hỏa, nước Thái Lan cũng là vùng đất Hỏa, những người kỵ Hỏa không nên đi Thái Lan. Cho dù có đi, tốt nhất cũng không nên đi vườn thú. Nếu đi vườn thú, nhất thiết không được xem hổ, vì hổ là động vật cực Hỏa.

Người cần Thủy nên nuôi cá, cá chính là Thủy. Bơi lội đương nhiên cũng thuộc Thủy. Nếu như nuôi chó mà ngày nào cũng đi bơi, tượng trưng hai loại sức mạnh cực đoan là Thủy và Hỏa tranh chấp lẫn nhau. Mang chó đi bơi, cũng khác gì không hề đi bơi, Tuất và Thủy gặp nhau, Thủy sẽ biến thành Hỏa.

Trong nhà có nên trồng hoa hay không, quyết định nằm tại Bát tự của bản thân có cần Mộc hay không. Cũng như vậy, có nên nuôi cá hay không, phải xem có cần Thủy hay không. Người nuôi chó tất phải cần Hỏa Thổ, người nuôi mèo tượng trưng cần Mộc Hỏa. Nếu cần Kim, tốt nhất nên nuôi gà. Giả dụ không nuôi gà, thì có thể đặt gương trong nhà, vì gương cũng chính là gà, tủ lạnh cũng là gà. Đồng hồ vàng Rolex, kính gọng vàng cũng đều thuộc gà.

Trên đây là Bát tự ngũ hành thường xuyên gặp trong cuộc sống thường ngày. Mọi người nên đem những lý luận Bát tự học được này vận dụng linh hoạt vào trong cuộc sống, như vậy mới có thể cảm nhận được niềm vui từ nghiên cứu Bát tự.

ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA LƯƠNG Y VÀ LANG BĂM

Là một thầy thuật số chính phái, điều quan trọng nhất là trong Bát tự có sao của thầy thuốc, tục gọi là sao Thiên Y.

Làm thế nào để tìm sao Thiên Y? Sắp xếp Bát tự ra, trước tiên xem chi tháng, chỉ cần chi đứng trước chi tháng cũng xuất hiện trong Bát tự, tức là đã có sao Thiên Y. Ví dụ sinh tại tháng Dần, Bát tự thấy Sửu, Sửu sẽ là Thiên Y. Sinh tại tháng Mão, thấy Dần sẽ là Thiên Y. Cứ suy luận tương tự như vậy, tháng Thìn thấy Mão, tháng Tỵ thấy Thìn, tháng Ngọ thấy Tỵ, tháng Mùi thấy Ngọ, tháng Thân thấy Mùi, tháng Dậu thấy Thân, tháng Tuất thấy Dậu, tháng Hợi thấy Tuất, tháng Tý thấy Hợi, tháng Sửu thấy Tý, đây đều là Thiên y.

CHI THÁNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN Y	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất

Nhưng Thiên Y là lương y hay lang băm? Điều này cần xem sao Thiên Y có là dụng thần hay không. Ví dụ tháng Dần thấy Sửu, mà vừa hay Thổ lại là dụng thần, thì đây sẽ là thầy thuật số tốt, cũng là thầy thuốc bác sỹ tốt; nếu không sẽ dùng thuật số hại người.

Ngoài ra, tốt nhất nên có Cô Thần Quả Tú là dụng thần, hoặc Văn Xương là dụng thần. Ở phần trước đã giới thiệu về Cô Thần Quả Tú.

Văn Xương là ngày Giáp thấy Tỵ, ngày Ất thấy Ngọ, ngày Bính thấy Thân, ngày Đinh thấy Dậu, ngày Mậu thấy Thân, ngày Kỷ thấy Dậu, ngày Canh thấy Hợi, ngày Tân thấy Tý, ngày Nhâm thấy Dần, ngày Quý thấy Mão. Ví dụ người nhật nguyên là Giáp, trong Bát tự có địa chi Tỵ, sẽ là sao Văn Xương.

NHẬT NGUYÊN	GIÁP	ẤT	BÍNH	ĐINH	MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ
VĂN XƯƠNG	Ty	Ngọ	Thân	Dậu	Thân	Dậu	Hợi	Tý	Dần	Mão

Nếu ba sao Cô Thần, Quả Tú, Văn Xương hợp thành cục tam hợp, lại là dụng thần, sẽ là bậc thầy vĩ đại. Người thầy này sẽ được chào đón, nên có nhiều “khố”, nếu có cả tứ khố Thìn Tuất Sửu Mùi, có thể đem một lượng lớn ngũ hành cho người khác, người thầy này chắc chắn sẽ rất nổi tiếng và được yêu mến.

NGƯỜI HÓI ĐẦU VÀ RỤNG TÓC CẦN THỦY MỘC

Người có nhật nguyên là Giáp Mộc hoặc Ất Mộc, chỉ cần gặp địa chi Mão hoặc Hợi, Dần, sẽ có lông lá mọc khắp người. Nếu Bát tự có Mão hoặc Dần, nhưng thiên can có Canh Kim hoặc Tân Kim, lại không có Thủy đến sinh Mộc hóa Kim, người này tóc sẽ thưa thớt, nhưng ở phần dưới cơ thể hoặc cánh tay, ngực, sẽ mọc nhiều lông.

Sự cát hung của lông tóc có hai điểm: 1. Người dụng thần là Mộc, nhiều lông nhiều tóc luận là mệnh quý; 2. Tóc, lông mày, râu, lông mọc trên cơ thể phải thống nhất với nhau. Nếu người tóc thưa, lông trên thân thể cũng phải thưa mới là mệnh quý; người tóc dày, lông trên thân thể cũng phải dày rậm mới là mệnh quý. Nếu chỗ dày chỗ thưa, sẽ là tướng suy.

Người hói đầu rụng tóc, phải dùng Thủy sinh Mộc để cứu, vì vậy nên trồng bốn cây trúc phú quý trong nước, đây là phương pháp bố cục Phong thủy giúp mọc tóc. Thủy Mộc lại tượng trưng cho chữ Hợi, nếu đặt tên là Gia, Hào sẽ thúc đẩy mọc lông tóc. Vì Hợi là trường sinh của Thủy Mộc, trong hai chữ Gia, Hào đều chứa chữ “thị”, cũng tức là Hợi.

Còn có một loại Bát tự rất dễ gây rụng tóc nữa, đó là người Thổ dày chôn Kim. Người Thổ dày chôn Kim thường là Tân Kim hoặc Canh Kim sinh vào tháng Mùi hoặc Tuất, trong đó Tân Kim chiếm đa số. Trong đó Mậu Tuất là Thổ dày nhất, phải dùng rất nhiều Thủy Mộc đến làm tươi xối Thổ mới có thể hành vận được. Người nhiều loại Thổ này, thứ nhất đần độn, thứ hai lười biếng, thứ ba cố chấp, phải dùng Thủy Mộc để “măng”, “khắc”, thì mới tỉnh táo lại được. Loại người này

đa số có hiếu, đặc biệt đối với mẹ. Bát tự Thổ đầy sẽ mai một Thiên Tài, vì vậy hiếu thuận với mẹ không có lợi cho hành vận.

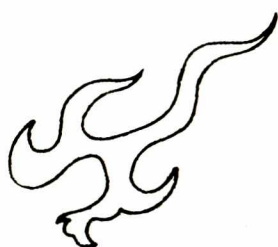
Người rụng tóc, có thể treo chiếc tiêu Phong thủy trên đầu giường, hoặc mua trúc khai vận, bức tranh “trúc báo bình an” cũng có tác dụng tương tự, phương pháp nhanh nhất là nuôi thỏ. Bất kỳ loại thuốc mọc tóc nào cũng cần phải có Thủy Mộc mới có thể tạo được tác dụng mọc tóc. Tên gọi cũng cần thấy Thủy thấy Mộc, nên có bốn chữ cái A, B, I, J, vỏ hộp nên có màu xanh. Bất kỳ vỏ hộp nào cũng đều mang bí mật về ngũ hành.

BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG CỦA THẦY THUẬT SỐ

Khi phán Bát tự cho người khác, nếu như Bát tự của bạn không hề có ngũ hành thúc đẩy vận khí của đối phương, mà bạn vẫn tùy tiện phán đoán cho người khác, hậu quả có thể không lường trước được. Ví dụ Bát tự của bạn có rất nhiều Hỏa, bạn phán cho một người thiếu Hỏa, có thể đưa ra những ý kiến mang tính xây dựng, nói tới đâu suôn sẻ tới đó. Nhưng giả dụ bạn cũng là người thiếu Hỏa, phần lớn ý kiến bạn đưa ra đều không đúng.

Một thầy thuật số phải làm thế nào để có được thành công? Thông thường họ có thể mở ra rất nhiều “khố”, như Kim khố, Thủy khố, Mộc khố, Hỏa khố... Các nhà thuật số buộc phải có đủ ngũ hành, người nhiều “Kim” thích ông ta, người nhiều “Hỏa” thích ông ta, người nhiều “Thủy”, nhiều “Mộc” cũng rất thích ông ta, như vậy một thầy thuật số thực sự được yêu quý.

Nhưng giả dụ nếu một thầy thuật số chỉ có một loại ngũ hành, vậy thì những người khách quan tâm tới ông cũng chỉ có 1/5 mà thôi. Tuy nhiên, ngũ hành của thầy thuật số cũng sẽ thay đổi theo sự thay đổi của đại vận, cứ mỗi 10 năm lại có một diện mạo khác. Do cứ mỗi 1 năm, 5 năm, 10 năm lại trải qua một vận, mệnh thuật số của thầy thuật số thường chỉ là 1 năm, 5 năm, hoặc 10 năm, 20 năm, không thể vận đảo cả đời được.



CHƯƠNG 10: LẤY VÍ DỤ VỀ NGƯỜI NỔI TIẾNG HỌC CÁCH CẢI VẬN

Lý luận Bát tự chủ yếu cho chúng ta biết “vận mệnh là gì”. Tuy nhiên, sau khi bạn học Phong thủy học hoặc Tính danh học có kết quả, bạn sẽ phát hiện ra rằng, dựa vào nguyên tắc âm dương ngũ hành, có thể thay đổi được vận mệnh. Nếu bạn muốn nắm được nhiều hơn những bí quyết thực tiễn, có thể thông qua những ví dụ thực tế trong chương này để hiểu được nhiều hơn về huyền cơ tính toán và cải vận.



Nội dung chính



- * Công nương Diana chết vì paparazzi
 - * Châu Tinh Trì tình duyên trắc trở
 - * Tiểu Long Nữ khó đắc tài
 - * Phòng Tổ Danh ký ở gần mẹ
 - * Lâm Tử Tường bị Hỏa làm hại
 - * Ngô Quân Như gặp Kim có lợi
 - * Lưu Đức Hoa rất kỵ Kim
 - * Lê Minh tình cảm thất thường
 - * Trương Học Hữu sự nghiệp gia đình khó vẹn toàn
 - * Quách Phú Thành kỵ scandal
 - * Dựa vào Bát tự xem kiếp trước của người nổi tiếng
-

CÔNG NƯƠNG DIANA CHẾT VÌ PAPARAZZI

Năm 1997, công nương Diana đã chết trong một tai nạn giao thông. Ai là thủ phạm chính gây ra vụ tai nạn giao thông này? Là Tuất.

Diana sinh vào ngày Ất thuộc Mộc, sinh tại mùa hè Hỏa vượng, Mộc nhược rất thích có Thủy đến sinh vượng, tối kỵ Hỏa đến thiêu rụi. Điều này giải thích tại sao Diana thường xuyên bị các phóng viên chụp ảnh tại bể bơi hoặc trên bãi tắm. Charles sinh vào mùa thuộc Thủy, Diana thích anh là điều đương nhiên, nhưng đáng tiếc khi Charles tiến vào đại vận Hỏa, liền gây bất lợi cho Diana.



DIANA

TÂN	SỬU
GIÁP	NGỌ
ẤT	MÙI
BÍNH	TÝ

1 2-11 TUỔI	ẤT MÙI	5 42-51 TUỔI	KỶ HỢI
2 12-21 TUỔI	BÍNH THÂN	6 52-61 TUỔI	CANH TÝ
3 22-31 TUỔI	ĐINH DẬU	7 62-71 TUỔI	TÂN SỬU
4 32-41 TUỔI	MẬU TUẤT	8 72-81 TUỔI	NHÂM DẦN

Công nương Diana vào năm 37 tuổi hành đại vận Mậu Tuất, Tuất là thương khố của Hỏa, một người kỵ Hỏa như Diana đi vào Hỏa khố, nhật nguyên Mộc nhược này đã bị thiêu đốt. Địa chi Tuất có chứa Tân Kim (tình nhân), Mậu Thổ (tài phú), Đinh Hỏa (con gái), có thể thấy lúc đó Diana đã mang thai.

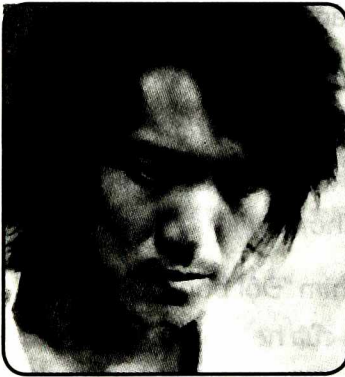
Công nương Diana bị Tuất hại chết. Hỏa khố chính là xe ô tô. Khi tất cả những nhân tố bất lợi cùng lúc xuất hiện trong một không gian thời gian nào đó,

sẽ gây ra tai nạn nghiêm trọng. Rất nhiều người đã phải chết đột ngột, nguyên nhân đều do môi trường xung quanh đột nhiên xuất hiện quá nhiều ngũ hành bất lợi. Nhưng nói cho cùng, tất cả những hiện tượng này đều mật mã từ những kiếp trước của mỗi người tạo thành.

Cải vận học là một môn học vẫn giúp mọi người biết được mật mã cuộc đời của mình, từ đó tìm ra phương pháp, dịch chuyển nhân quả từ kiếp trước. Liệu có thể không? Chắc chắn có thể. Làm cách nào để cải vận thành công? Chỉ cần bạn tin tưởng vào ngũ hành, là đã thành công được bước đầu tiên rồi.

CHÂU TINH TRÌ TÌNH DUYÊN TRẮC TRỞ

Nửa cuối năm 2004, Châu Tinh Trì đã trở nên vô cùng nổi tiếng, bộ phim "Công phu" đã đưa anh một bước lên mây xanh, tin rằng bản thân anh ta cũng cảm thấy bất ngờ. Trước đó mấy năm, anh đã trải qua những tháng ngày khó khăn nhất trong đời, đặc biệt là năm Ngọ 2002, có hiện tượng Hỏa thiêu thân, vì đại vận của anh ta hành tới Tuất; Tuất cùng với Dần Ngọ trong Bát tự hợp thành



CHÂU TINH TRÌ



5 - 14 TUỔI	ĐINH MÙI	45 - 54 TUỔI	TÂN HỢI
15 - 24 TUỔI	MẬU THÂN	55 - 64 TUỔI	NHÂM TÝ
25 - 34 TUỔI	KỶ DẬU	65 - 74 TUỔI	QUÝ SỬU
35 - 44 TUỔI	CANH TUẤT	75 - 84 TUỔI	GIÁP DẦN

tam hợp Hỏa cục, anh ta bị Hỏa thiêu đốt trầm trọng, đầu óc thường xuyên không tỉnh táo.

Năm 2004 là năm Giáp Thân, anh thuộc Kim mà Kim không đủ, nửa năm cuối Thân Kim gặp mùa thu Kim vượng, Thân đã có thể phát huy công dụng, giúp anh ta sau khi trải qua ba năm Hỏa là Ty, Ngọ, Mùi, có được rất nhiều cơ hội đổi đời trong nửa năm. Năm 2005 là năm Ất Dậu, nửa năm cuối cũng nhiều Kim, anh ta sẽ đi qua năm Dậu một cách thuận lợi. Nhưng liệu điều đó có cho thấy sự nghiệp của anh được thuận buồm xuôi gió hay không? Khi anh 45 tuổi và tiến vào đại vận Tân Hợi, sự nghiệp sẽ lên như điều gặp gió. Do trước năm 45 tuổi bị Mậu Thổ khống chế, khiến anh cảm thấy có áp lực tương đối lớn.

Trong Bát tự của Châu Tinh Trì, Hỏa chính là danh tiếng, cả đời anh mệt mỏi vì tai tiếng, khiến anh ta luôn phải lo lắng. Đây là đặc trưng của Tân Kim, cho dù là người Tân Kim thành công đi chăng nữa, thì cũng luôn luôn mang tâm trạng đa sầu đa cảm, dễ đau khổ vì đấu tranh tư tưởng. Kim khắc Mộc là thê tài, nhưng Mộc có thể sinh Hỏa, Hỏa là đại kỵ cả đời của Châu Tinh Trì, nói cách khác, anh không thể nhờ cậy vào tình yêu, vợ để hành vận tốt được. Tình yêu khiến anh cảm thấy có áp lực rất lớn, vợ và tình nhân cũng không sinh vượng cho anh. Vợ và tình nhân sẽ khiến anh bị tổn hại danh tiếng.

Mộc là tài phú của anh, tài phú của anh cũng rất yếu ớt. Trong đời anh, tài phú không thể mang lại niềm vui, ngược lại thường mang đến phiền muộn. Phương pháp cứu vãn là dùng Thủy và Thổ ứ.

Vào năm rỗng anh khởi quay bộ phim “Đội bóng Thiếu Lâm”; “Thiếu Lâm” tức là không có Mộc, Thiếu Lâm tự là đất của hòa thượng, hòa thượng không có tóc, không có Mộc sinh Hỏa, nên bộ phim này có lợi cho anh.

TIỂU LONG NỮ KHÓ ĐẮC TÀI

Thành Long trước kia đã từng có một mối tình ngoài hôn nhân với Ngô Kỳ Lợi, sinh ra “Tiểu Long Nữ”. Vậy “Tiểu Long Nữ” có duyên với cha không? Có kết hôn không? Nhiều người rất hiếu kỳ với vấn đề này, bây giờ, tôi sẽ đưa ra các phán đoán. Từ khi một đứa trẻ được sinh ra, vận mệnh của cả đời đã được sắp đặt, từ Bát tự có thể đoán biết được mọi việc.



TIỂU LONG NỮ

KỶ	MÃO
ẤT	HỢI
ẤT	HỢI
KỶ	MÃO

1	6 - 15 TUỔI	BÍNH TÝ	5	46 - 55 TUỔI	CANH THÌN
2	16 - 25 TUỔI	ĐINH SỬU	6	56 - 65 TUỔI	TÂN TÝ
3	26 - 35 TUỔI	MẬU DẦN	7	66 - 75 TUỔI	NHÂM NGỌ
4	36 - 45 TUỔI	KỶ MÃO	8	76 - 85 TUỔI	QUÝ MÙI

Bát tự của Tiểu Long Nữ được gọi là “Hoa hồ điệp cách”, là mệnh đặc biệt. Sau khi viết ra Bát tự này, gấp đôi nó lại, sẽ thấy “Ất Hợi, Kỷ Mão” trùng nhau, giống như con bướm đang xòe. Loại Bát tự này vô cùng hiếm gặp, chẳng trách ngay từ khi cô chưa sinh ra đã trở nên nổi tiếng, sau khi sinh ra lại càng trở thành tâm điểm của sự chú ý.

Nhật nguyên của cô thuộc Ất Mộc, sinh tại tháng Hợi, tọa Lộc tại giờ Mão, Hợi Mão là bán hội Mộc cục, căn khí của Mộc rất mạnh, Bát tự thuộc thân cường cực độ. Trong Bát tự của cô Thủy tượng trưng cho mẹ, Hợi cũng là mẹ. Bát tự của cô có bao nhiêu Hợi? Hợi là âm Thủy, là Thiên Ấn của dương Mộc Ất Mộc, Thiên Ấn tượng trưng thiên mẫu (mẹ không chính thức), mẹ không phải vợ chính thức, trong Hợi tàng Nhâm Thủy là Chính Ấn, là mẹ, Nhâm Thủy ẩn tàng không xuất hiện, không thể công khai thân phận.

Túc Hợi là chính mẫu và thiên mẫu, khi vận giao với “Mậu Dần” ở năm 26 tuổi, cường Thổ cường Mộc sẽ khắc Hợi Thủy, trong giai đoạn này thân phận của hai người mẹ gặp vấn đề. Dương Thủy sinh âm Mộc là mẹ, âm Thổ khắc dương

Thủy sẽ là cha, Kỷ Thổ là tài cũng là cha. Điều kỳ diệu nằm ở chỗ Bát tự ngoài xuất hiện hai mẹ, cũng xuất hiện hai người cha. Điều này có phải chứng tỏ rằng Tiểu Long Nữ cả đời có duyên với cha và có tài phú?

Hoàn toàn ngược lại. Kỷ tọa tại Mộc địa, Mộc khắc Thổ, Thổ lại sinh tại tháng Thủy, giống như đất phù sa bên bờ sông, bị cuốn xuống lòng sông, Bát tự gọi là “bất tài”, tức là “không cứng”, sách cổ bình về loại Bát tự này như sau: “Tài này có cũng như không”. Nói cách khác, “người cha này có cũng như không”.

Bát tự này Mộc vượng, có thể dự đoán người con gái này lông tóc dày rậm, chức năng của gan tốt, da không có tỳ vết. Nhưng Thổ nhược tượng trưng chức năng của dạ dày kém, Kỷ Thổ là cha mà giống như không có, từ 1 đến 6 tuổi không có duyên với cha, đồng thời chức năng tỳ vị tương đối kém, thân thể suy nhược, tất phải dùng Hỏa Thổ để cứu. Kỵ bơi lội, trượt tuyết, kỵ đi về hướng bắc, vì vậy đặt tên là “Tiểu Long Nữ” cũng là sai lầm. Gọi tên thật của cô sẽ có lợi hơn đối với cô. Cô cần Hỏa Thổ, bắt đầu từ năm 6 tuổi, hành 40 năm đại vận Hỏa Thổ, từ năm 46 đến 56 tuổi tương đối kém, nhưng từ năm 56 tuổi lại bắt đầu hành 30 năm đại vận Hỏa Thổ, có thể thấy người này cực kỳ trường thọ, cả đời thuận lợi.

Bắt đầu từ năm 6 tuổi, do hành vận Bính Hỏa, Bính là dương Hỏa sinh âm Thổ, âm Thổ là cha, từ năm 6 tuổi bắt đầu hành vận cha, có duyên cha. Nhưng lưu ý trong Bát tự xuất hiện hai người cha, vậy người cha đó là ai? 16 tuổi nhập vận Đinh Hỏa, 16 đến 21 tuổi bước chân vào làng giải trí, 21 đến 26 tuổi hành đại vận đào hoa, lại hành Thiên Tài, sẽ kiếm được rất nhiều tiền, mà Sửu là cha, nên có 5 năm sống chung với cha.

Kỷ là cha, đến vận Dần Mộc năm 31 tuổi, Mộc khắc Thổ sẽ là cửa ải thứ nhất của cha, đến năm 41 tuổi hành Mão mộc, đây sẽ là cửa ải của người cha còn lại.

PHÒNG TỔ DANH KỶ Ở GẦN MẸ

Có một người nổi tiếng rất nhanh trong giới giải trí nghệ thuật, người này chính là con trai của Thành Long - Phòng Tổ Danh. Xem Bát tự của anh ta: Tân Kim sinh tại tháng Dậu, là đương thời đắc lệnh, bẩm sinh rất tốt đẹp. Bát tự này thân rất cường, người thân cường phải giảm lực, đồng thời kỵ có mẹ bên cạnh, nếu không sẽ không được hành vận. Vì vậy Lâm Phụng Kiều không nên cho



PHÒNG TỔ DANH

DINH	TÝ
KỶ	ĐẬU
TÂN	MÙI

1- 10 TUỔI	MẬU THÂN	41 - 50 TUỔI	GIÁP THÌN
11 - 20 TUỔI	ĐINH MÙI	51 - 60 TUỔI	QUÝ MÃO
21 - 30 TUỔI	BÍNH NGỌ	61 - 70 TUỔI	NHÂM DẦN
31 - 40 TUỔI	ẤT TÝ	71 - 80 TUỔI	TÂN SỬU

rằng mình ra mặt có thể giúp ích cho con trai, mà thực ra là đã phá hoại vận của con trai.

Do Kim quá nhiều, không thích Thổ dầy, "Thổ dày chôn Kim", phải dùng "Thủy sinh Mộc" làm dụng thần, kỵ anh chị em như Tiểu Long Nữ và mẹ, coi cha và bạn gái là quý nhân. Người này 21 tuổi bắt đầu hành đại vận Bính Ngọ, là vận Chính Quan, Chính Quan tượng trưng cho danh tiếng tăm. Nhưng trong Ngọ lại chứa rất nhiều Thổ, là yếu tố kỵ trong Bát tự, cho thấy mặc dù trong giai đoạn này có tiếng tăm rất lớn, nhưng thời cơ chưa thành, Kim tàng trong Thổ, nên chưa được tỏa sáng thực sự. 31 tuổi bước vào đại vận Ất Tý, đây là thời điểm tốt, tức năm 2007 bắt đầu tìm được phương hướng cuộc đời, 40 tuổi thành gia lập nghiệp, 60 tuổi có thể bước tới đỉnh cao của cuộc đời.

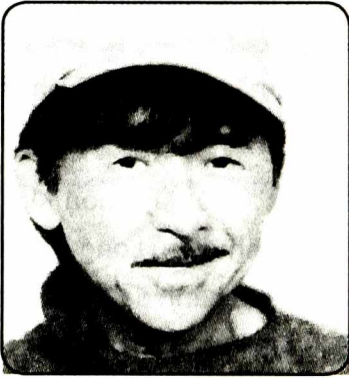
Nhưng trước mắt Bát tự của anh ta rất nóng, tốt nhất nên trồng bốn cây trúc phú quý trong nước và đặt ở đầu giường, thường xuyên mặc quần áo màu xanh, đây là những phương pháp tốt để người thiếu Thủy Mộc hạ nhiệt.

LÂM TỬ TƯỜNG BỊ HỎA LÀM HẠI

Năm 1999, lan truyền thông tin: “Lâm Tử Tường trộm cắp”. Bát tự của Lâm Tử Tường tương tự như Bát tự của Quách Phú Thành, là Giáp Mộc sinh tại tháng Tuất, là một Bát tự bị Hỏa thiêu đốt. Mệnh là là một khúc gỗ khô, chữ “Tử” trong tên Lâm Tử Tường đã cứu người này, Tử (hay Tý) là Thủy cũng là chuột, anh ta thường xuyên bơi lội, trong nhà bày tượng chuột Mickey, có thể cứu vãn. Anh tuyệt đối không được phơi nắng đen bóng như Cổ Thiên Lạc, hay chạy đến Australia nóng bức như Quách Phú Thành, vì như vậy chắc chắn sẽ xảy ra chuyện.

Hàng năm từ tháng 5 đến tháng 8, đây là thời gian Hỏa vượng nhất. Giáp Mộc của Lâm Tử Tường đã gần bị thiêu đốt, đầu óc không tỉnh táo, giống như khi chúng ta bị sốt cao, thường mê sảng, cũng vì quá nhiều Hỏa khiến đầu óc không tỉnh táo, hay ảo tưởng, Lâm Tử Tường đã gặp vấn đề trong tình trạng “Hỏa vượng” này.

Khi Bát tự Hỏa vượng lại cộng thêm mặt trời chiếu rọi, phản ứng bản năng của con người là tìm cách để hạ nhiệt. Điều này giải thích tại sao Lâm Tử Tường



LÂM TỬ TƯỜNG

ĐINH	HỢI
CANH	TUẤT
GIÁP	TÝ

1	1 - 10 TUỔI	KỶ DẬU	5	41 - 50 TUỔI	ẤT TÝ
2	11 - 20 TUỔI	MẬU THÂN	6	51 - 60 TUỔI	GIÁP THÌN
3	21 - 30 TUỔI	ĐINH MÙI	7	61 - 70 TUỔI	QUÝ MÃO
4	31 - 40 TUỔI	BÍNH NGỌ	8	71 - 80 TUỔI	NHÂM DẦN

lại gặp chuyện với chiếc kính râm, khi anh ta bị Hỏa thiêu đốt, người ta sẽ tìm đến kính râm. Tại sao có một số người lại thường xuyên đeo kính râm, đó chính là do ngũ hành xui khiến, người kỵ Hỏa rất kỵ ánh sáng, phải đeo kính râm mới cảm thấy dễ chịu; người cần Hỏa lại ngược lại, nhìn thấy mặt trời thì vui vẻ, thấy trời âm u sẽ suy vận.

Bát tự cũng giải tích tại sao Lâm Tử Tường lại cưới Diệp Thiên Văn, vì cô có nhiều Thủy. Diệp Thiên Văn là Bính Hỏa sinh tại tháng Dậu, rõ ràng là thiếu Hỏa, cô ta phải hấp thụ Hỏa của Lâm Tử Tường, cứu chính mình và cũng là cứu Lâm Tử Tường, quan hệ của rất nhiều cặp vợ chồng cũng tương tự như vậy. Diệp Thiên Văn cần Mộc Hỏa, trong khi Lâm Tử Tường có rất nhiều, vì vậy hai người có thể phát triển thành quan hệ bạn đời.

Diệp Thiên Văn từ năm 33 tuổi bắt đầu tiến vào 15 năm đại vận Kim Thủy Thổ ướt, có thể giúp Lâm Tử Tường tản nhiệt. Nhưng sau năm 48 tuổi phải cẩn thận về mối quan hệ của hai người. Năm 2003 là năm Quý Mùi, "Mùi" là Thổ khô, là năm nguy hiểm của anh ta. Trong năm này, Lâm Tử Tường đã bị rơi từ trên sân khấu xuống võ đài, mà đầu thuộc Hỏa.

Có thể thấy Lâm Tử Tường gặp Hỏa liền xảy ra chuyện. Ở Hawaii anh ta cũng vì Mão Tuất hợp Hỏa mà xảy ra chuyện, đầu óc không tỉnh táo bị hiểu nhầm là trộm cắp.

Vốn Bát tự của Diệp Thiên Văn có thể cứu anh ta, nhưng tại sao lại gặp sự cố? Chỉ tiếc là trước đó trong nhà Lâm Tử Tường có một bể bơi lớn, có thể mang lại Thủy nhuận cho anh, nhưng lại bị lấp đi mất. Lâm Tử Tường tối kỵ Thổ khô, tức Tuất Thổ, chó. Hai người cùng nuôi chó trong nhà, kết quả biến hung thành kiếp. Bắt đầu năm 2004, có hai năm thuộc Kim, Lâm Tử Tường có thể mạnh khỏe và tỉnh táo hơn.

Nhưng năm 2006 là năm Bính Tuất, năm này anh phải bơi lội hàng ngày, không nuôi chó trong nhà nữa, như vậy mới có thể vượt qua cửa ải. Trên thực tế, một người Hỏa quá nhiều như Lâm Tử Tường phải cẩn thận với bệnh nóng trong chuyển ác tính, thường ngày nên ăn nhiều cá. Nuôi cá trong nhà và đặt một bình nước ở đầu giường, đó là phương pháp cứu vận nhanh nhất. Có lợi khi đi về phương bắc hoặc tây, buổi sáng nên ăn một bát tổ yến nước đường, có thể hấp thụ rất nhiều Thủy.

Xe thuộc Hỏa, Lâm Tử Tường có một tật lạ, đó là thích tự mình rửa xe. Phun nước lên xe, thực ra là hành động cứu Hỏa, nhờ Thủy khắc Hỏa, sẽ giảm bớt vượng Hỏa trong mệnh của anh ta. Giả dụ một lúc nào đó anh ta không thích rửa xe, thì đó sẽ là lúc anh mắc bệnh.

NGÔ QUÂN NHƯ GẶP KIM CÓ LỢI

Năm 2001, làng giải trí Hoa ngữ xuất hiện một tên tuổi lớn, người này chẳng phải Tứ đại thiên vương, cũng không phải Twins, Dung Tổ Nhi, mà là Ngô Quân Như. Trong năm này, trong lĩnh vực điện ảnh và tình yêu đối với cô đều rất suôn sẻ, tại sao cô lại thành công như vậy?

Nhật nguyên của Ngô Quân Như là Mậu Thổ sinh tại tháng Mùi, Bát tự cực nóng và khô, cần Kim Thủy đến điều hòa. Tân Dậu chính là mật mã cứu mạng của Bát tự này. Chỉ cần Ngô Quân Như gặp được âm Kim, tức Tân Kim, là có thể lập tức hành vận. Năm 2001 là năm Tân Ty, trong năm này, Ngô Quân Như lên như điều gặp gió, có thể thấy mật mã thành công của cô nằm tại chữ “Tân”. Thật



NGÔ QUÂN NHƯ

ẤT	TY
QUÝ	MÙI
MẬU	TÝ

2 - 11 TUỔI	GIÁP THÂN	42 - 51 TUỔI	MẬU TÝ
12 - 21 TUỔI	ẤT DẬU	52 - 61 TUỔI	KỶ SỬU
22 - 31 TUỔI	BÍNH TUẤT	62 - 71 TUỔI	CANH DẦN
32 - 41 TUỔI	ĐINH HỢI	72 - 81 TUỔI	TÂN MÃO

kỳ diệu, cô gặp được một vị đạo diễn tên Trần Khả Tân, chữ "Tân" này đã thu hút được Ngô Quân Như.

"Tân" tức "Dậu", Tân là thiên can, Dậu là địa chi. Ngô Quân Như cần Tân cũng cần Dậu, Dậu tức là gà, năm 2003, bộ phim "Gà vàng" do Ngô Quân Như thủ vai chính đã được công chiếu, chính chữ "gà" này đã khiến cô hành vận, sự nghiệp đạt tới đỉnh cao mới. Mới đầu "Gà vàng" (Kim kê) được đặt tên là "Kim kê chính truyện", không tốt bằng "Kim kê", vì hai chữ "chính truyện" đã tăng thêm vận Mộc, Mộc có sức cản rất lớn đối với cô. Nghe nói Trần Khả Tân đã từng xem xét để Trịnh Tú Văn đóng vai chính. Nhưng xét theo Bát tự, lựa chọn một người thiếu Kim như Ngô Quân Như đảm nhiệm vai chính là kết luận hoàn toàn chính xác.

Ngô Quân Như có thể nổi tiếng và có được vận khí nhờ dựa vào tình yêu, nhưng cô cũng phải trả giá. Cô phải bị tình nhân trách mắng và áp chế mới có thể hành vận được. Đó là do Mậu Thổ sinh tại tháng Mùi, Hỏa Thổ cùng vượng, cần lấy Thủy Mộc là dụng, phối Kim để tiết, may ra mới có thể hành đại vận. Mộc khắc Thổ là phu tinh, Mộc là chồng, là danh tiếng, cũng tượng trưng cho trách mắng.

Ngô Quân Như sau khi đi vào đại vận Hợi Thủy ở năm 37 tuổi, Hợi có Thủy có Mộc, tượng trưng có đào hoa có tiếng tăm, nhưng cô nên kết hôn vào khoảng năm 41 tuổi, tránh tiến vào vận phục ngâm Mậu Tý, vận thế sẽ xuất hiện thay đổi.

LƯU ĐỨC HOA RẤT KỶ KIM

Lưu Đức Hoa dùng sự phấn đấu và nỗ lực để kháng cự lại vận mệnh, là một nghệ sỹ hành vận dựa vào tình yêu, vì anh thuộc Thủy, Thủy sinh tại mùa thu, Bát tự cực lạnh, lấy Hỏa làm vợ, 32 đến 37 tuổi hành thê vận. Mỗi khi thất bại, vợ và tình nhân của anh ta lại xuất hiện trên các tạp chí lá cải, và anh ta liền được tăng vận. Nếu có thể ra mặt, sẽ cứu được đại vận của anh ta. Từ năm 37 tuổi đến 42 tuổi hành vận Quý Thủy Tý Kiếp, giai đoạn này đầu tư thất bại, tổn thất không ít, may mà nằm ở Hỏa địa, vẫn có thể giữ cho tài tinh và địa vị của anh không bị tổn thất.

Sau năm 47 tuổi tiến vào 30 năm đại vận Mộc địa, Thủy sinh Mộc là Thực Thương, giai đoạn này làm việc và sáng tạo rất nhiều, nhưng Bát tự và đại vận lại



LƯU ĐỨC HOA

TÂN	SỬU
ĐINH	DẬU
QUÝ	HỢI

1	7 - 16 TUỔI	BÍNH THÂN	5	47 - 56 TUỔI	NHÂM THÌN
2	17 - 26 TUỔI	ẤT MÙI	6	57 - 66 TUỔI	TÂN MÃO
3	27 - 36 TUỔI	GIÁP NGỌ	7	67 - 76 TUỔI	CANH DẦN
4	37 - 46 TUỔI	QUÝ TÝ	8	77 - 86 TUỔI	KỶ SỬU

hoàn toàn thiếu Thủy, làm mà không thu được kết quả, tiền bạc thu được thực tế không nhiều, tình cảm cũng rất dễ xảy ra vấn đề. Nhâm là Kiếp Tài, tọa tại Thìn Thổ tức trên Thổ ướt, sau năm 47 tuổi phải đối diện với một cửa ải khác của cuộc đời, tốt nhất nên cẩn thận.

Dụng thần của Lưu Đức Hoa là Mậu và Dần, rất ưa Thổ khô Mộc nóng, cả đời rất kỵ Kim. Để đem lại vận tốt cho mình, Lưu Đức Hoa không thể đeo dây chuyền vàng, nhẫn vàng, khuyên tai,... đồng thời phải thực hiện những công việc dưới đây:

Mặc quần áo xanh đỏ, đeo cà vạt đỏ.

Thường xuyên uống rượu vang đỏ, trong túi thường xuyên có ớt đỏ.

Lái xe BMW màu đỏ.

Trong nhà nuôi chó mèo.

Lưu Đức Hoa đã vô cùng cố gắng, nhưng nhiều lần năm để tuột mất giải thưởng Kim Mã, thực ra đều là thua bởi "thiên thời", vì buổi trao giải hàng năm

đều được tổ chức vào tháng mùa đông, Bát tự của anh ta Tử Kim Thủy cực vượng, mùa đông gây bất lợi cho anh, khiến mỗi lần anh được đề cử các giải thưởng lớn đều rất không ổn định. Chỉ cần Lưu Đức Hoa nỗ lực tăng cường Hỏa vận, lại gặp được đại vận hoặc lưu niên Mộc Hỏa, thì tự nhiên có thể giành được thắng lợi mang tính áp đảo.

LÊ MINH TÌNH CẢM THẤT THƯỜNG

Làm người tình của Lê Minh vô cùng vất vả, vì anh ta đối xử với người tình lúc nóng lúc lạnh. Lê Minh là Mậu Thổ, sinh tại tháng Tý, ngũ hành cần Hỏa Thổ, Thủy là vợ là người tình. Do Bát tự thiếu Hỏa, mà Hỏa sinh Thổ, tượng trưng những tháng có Hỏa sẽ rất ngọt ngào với người tình, nhưng những tháng không có Hỏa lại vô cùng lạnh nhạt. Dụng thần thứ nhất của Bát tự này là Hỏa, có Hỏa mới có thể sinh Thổ, nói cách khác, trong cả đời của Lê Minh, có sự nghiệp mới có người tình, không có sự nghiệp sẽ không có tình yêu, tình yêu sẽ xung mất Hỏa vận của anh.



LÊ MINH

BÍNH	NGO
CANH	TÝ
MẬU	THÌN
QUÝ	SỬU

1	1 - 10 TUỔI	TÂN SỬU	5	41 - 50 TUỔI	ẤT TÝ
2	11 - 20 TUỔI	NHÂM DẦN	6	51 - 60 TUỔI	BÍNH NGO
3	21 - 30 TUỔI	QUÝ MÃO	7	61 - 70 TUỔI	ĐINH MÙI
4	31 - 40 TUỔI	GIÁP THÌN	8	71 - 80 TUỔI	MẬU THÂN

Trong Bát tự của Lê Minh có Thìn khố và Sửu khố, từ 36 đến 41 tuổi hành vận Thìn khố, khố và tài phú có quan hệ với nhau, khố càng nhiều, người giúp đỡ và người nhà sẽ càng nhiều. Sinh và tháng Thủy giờ Thủy, dẫn Thủy nhập khố thành công, Bát tự Thủy cực vượng, các fan hâm mộ sinh vào mùa hè, Bát tự quá nóng, gặp được Lê Minh Kim Thủy vượng là lập tức hâm mộ đến phát cuồng.

Do luôn luôn cần Hỏa, kỵ Kim, khi anh ta nhuộm tóc vàng óng, fan hâm mộ trông thấy liền reo hò. Kim nhiều tắt chặt đèn Mộc, dẫn tới rụng tóc, chưa đầy ba ngày liền vội vàng nhuộm lại màu tóc đen, nhưng tóc vẫn rụng, khiến cho anh ta phải đội mũ để hất, đây đều do Bát tự gây ra.

Sau khi Cổ Thiên Lạc, một người cần Hỏa, phơi nắng khiến làn da đen bóng, vận may đã tới tấp kéo đến với anh ta, Lê Minh cũng có thể làm theo cách đó. Thông thường, những người sinh vào mùa thu đông, tức từ mùng 8 tháng 8 đến 4 tháng 2 dương lịch, đều có khuynh hướng cần Hỏa, phơi nắng cho da ngả màu nâu là phương pháp cứu vận rất tốt.

TRƯƠNG HỌC HỮU SỰ NGHIỆP GIA ĐÌNH KHÓ VẬN TOÀN

Trương Học Hữu có nhật nguyên Giáp Mộc, từ 1 tuổi hành 10 năm Thủy vận, thời khắc ghê gớm nhất là lúc hành vận Thìn Thủy khố năm 26 tuổi, khi hành vận Tân Kim ở năm 31 tuổi. Trương Học Hữu chỉ cần hành vận Thủy Mộc là có thể kiếm được bộn tiền.

Bát tự lại có bán hội Thủy cực Thân Thìn, phát triển đến đỉnh cao vào năm Bính Tý 1996, đại vận đi vào Dần Mão Thìn là Mộc địa, Mộc khắc Thổ là tài, ba địa chi trong Bát tự đều là Thổ khố, ngoài việc tàng trữ tài, cũng tượng trưng cho việc nhận được giúp đỡ. Sửu là Kim khố, người thiếu Kim rất thích anh ta. Tháng là Mùi khố, người thiếu Mộc rất thích anh ta. Chi ngày là Thìn khố, cũng được người thiếu Thủy yêu mến, nhưng người thiếu Hỏa lại không thích anh ta.

Vì Hỏa khố là Tuất, Bát tự của Trương Học Hữu chỉ thiếu duy nhất Tuất khố, trong năm Bính Tuất 2006, Trương Học Hữu tứ khố đầy đủ, là năm đỉnh cao nhất trong sự nghiệp. Nhưng có một điểm cần lưu ý, Thìn Tuất tương xung, cùng với việc đạt tới đỉnh cao của sự nghiệp, lại xung vào thê cung, đã phát sinh một biến cố; dụng thần Thủy Mộc cũng vì vậy mà nảy sinh vấn đề. Điều này cho thấy tại

sao Trương Học Hữu không thể đạt đến đỉnh cao nhất của sự nghiệp, vì có được tất có mất. Trước khi về hưu, có thể giảm bớt loại xung này.

QUÁCH PHÚ THÀNH KỶ SCANDAL

Có một người không cần phải dựa vào scandal, không thể dựa vào tình yêu để khai vận, người này chính là Quách Phú Thành, một trong tứ đại thiên vương nổi tiếng. Quách Phú Thành tuổi Tỵ, bẩm sinh nhanh nhẹn linh hoạt, vận cũng tương đối đầy đủ. Giáp Mộc sinh tại tháng Tuất đang giao giữa mùa thu và mùa hè, nhiệt Mộc cần có Thủy đến tưới mát. Quách Phú Thành là đại thụ cao lớn, vì vậy rất dễ thành công. Nhưng khi đến 33 tuổi, hành vận Ngọ Hỏa, Mộc sẽ bắt đầu bị thiêu đốt, anh rất kỵ Hỏa.

Đáng tiếc là không những Ngọ Hỏa thiêu Mộc, mà cũng là Hồng Diễm sát và Hàm Trì. Vì vậy người tình của anh không được lộ diện, mỗi lần dính scandal, đều khiến anh phải chịu áp lực lớn, vận thế sụt giảm. Hiện tại anh vẫn ở trong đại vận Ngọ Hỏa.

Quách Phú Thành là một ví dụ điển hình vì Hỏa mà phạm sai lầm. Anh gặp Thủy liền hành vận. Sau này anh đi Australia, đây là vùng Hỏa địa ở phương nam, Giáp Mộc bị thiêu đốt, sẽ sinh đào hoa.

Do bị Ngọ hại, người và việc hại anh tất có liên quan tới trâu, ngựa, xe hơi màu đỏ. Từ Bát tự nhìn ra huyền cơ, quả thật Quách Phú Thành rất kỵ Hỏa, phải bơi lội hàng ngày, nuôi cá, mặc quần xanh áo trắng mới có thể được cứu.

DỰA VÀO BÁT TỰ XEM KIẾP TRƯỚC CỦA NGƯỜI NỔI TIẾNG

Nhìn vào Bát tự có thể xem được tình hình kiếp trước? Có thể, hơn nữa còn khá chuẩn xác. Khi tu hành đến một giai đoạn nào đó, lại vận dụng Bát tự thuật số, sẽ có khả năng tìm lại kiếp trước. Tuy nhiên, xem kiếp trước chỉ là một trò chơi, không nên quá coi trọng.

Diễn viên Quảng Mỹ Vân đã từng mang Bát tự đến để hỏi tôi về kiếp trước. Tôi trả lời rằng: “Kiếp trước của cô Quảng Mỹ Vân là thần tiên đến từ biển khơi”. Câu nói này đã khiến cô bất ngờ. Thực ra “thần tiên” chỉ là lời nói đùa, ý tôi muốn



QUẢNG MỸ VÂN

NHÂM	DẦN
NHÂM	TÝ
BÍNH	GIÁP

1	6 - 15 TUỔI	TÂN HỢI	5	46 - 55 TUỔI	ĐINH MÙI
2	16 - 25 TUỔI	CANH TUẤT	6	56 - 65 TUỔI	BÍNH NGỌ
3	26 - 35 TUỔI	KỶ DẬU	7	66 - 75 TUỔI	ẤT TÝ
4	36 - 45 TUỔI	MẬU THÂN	8	76 - 85 TUỔI	GIÁP THÌN

nói cô là người sống trên sông nước. Vì can chi tháng của Bát tự là dấu ấn của kiếp trước, can chi năm chính là dấu ấn chung của kiếp trước.

Trước năm 60 tuổi, cô luôn phải chịu ảnh hưởng của Nhâm Tý, thường xuyên bị Thủy quấy nhiễu, Thủy này cũng tượng trưng cho tình yêu của cô. Có thể thấy kiếp trước cô đã thiếu rất nhiều nợ tình, kiếp này sẽ bị tình phản công, mà món nợ tình này lại đến từ thế giới biển khơi.

Cô vừa nghe đến nợ tình đã rất hiếu kỳ, liền yêu cầu tôi tìm kiếp trước cho những ngôi sao lớn khác. Sau nhiều lần năn nỉ, cuối cùng tôi cũng đồng ý thử xem sao. Mở Bát tự của những người nổi tiếng ra, tôi tập trung tinh thần, căn cứ vào can chi của Bát tự, để quay ngược thời gian, trong đầu dần dần xuất hiện một bức tranh kỳ diệu.

KIỆP TRƯỚC CỦA KIM DUNG

Hòa thượng tại Hàn Quốc, tu hành trên núi, tu đến lúc cả một quả núi không còn một gốc cây, trở thành một tiên giới. Hòa thượng vốn mang họ Kim, chắc hẳn rất nổi tiếng.

KIỆP TRƯỚC CỦA TRƯƠNG HỌC HỮU

Một người buộc tóc đi ra từ một căn nhà gỗ bên sông, vận của anh là một người công nhân vận chuyển gỗ trên mặt nước. Trôi tới hạ lưu, từng khúc gỗ được vận chuyển lên bờ, đôi khi cần đến mười người hợp lực mới có thể khiêng nổi gỗ, không cẩn thận sẽ bị gỗ đè bẹp.

Một đàn vịt bơi qua, gỗ được xếp từng thanh ngay ngắn. Bỗng một cây gỗ lớn từ phía trên rơi xuống, kéo theo cả đồng gỗ đổ xuống rầm rầm, lao về phía đàn vịt, người này chạy lên phía trước muốn ngăn lại, nhưng đã bị gỗ đè bẹp. Đàn vịt vẫn thong thả bơi đi, một số con còn trèo lên các khúc gỗ.

KIỆP TRƯỚC CỦA LƯU ĐỨC HOA

Trong một tiệm vàng bày đầy vàng bạc châu báu, một người đang đứng. Đó là con trai của ông chủ. Cha của anh ta mang tất cả vàng bạc châu báu của mình trao cho người con trai duy nhất, nhưng lại bị quan binh lấy đi mất, có thể là do tịch biên gia sản. Đứa trẻ này ánh mắt sắc bén, muốn giành lại tất cả những gì đã mất.

KIỆP TRƯỚC CỦA LÊ MINH

Một thiếu niên mang kiếm cưỡi ngựa, trông rất có khí phách. Trên thuyền đốt lửa, thiếu niên ở trên thuyền, phía sau có rất nhiều người đang truy đuổi. Thiếu niên nấp trên thuyền, cùng với nước và lửa trôi dạt tới nơi xa thẳm.

KIỆP TRƯỚC CỦA LÝ TRẠCH KHẢI

Một thảo nguyên mênh mông, gió và bầu trời xanh thẳm, có một người trẻ tuổi đang cưỡi ngựa rong ruổi trên thảo nguyên, thảo nguyên mênh mông bất tận, đây là thế giới riêng của anh ta.

KIỆP TRƯỚC CỦA HÀ HỒNG THÂM

Ông có rất nhiều phúc đức, kiếp trước ông là một người bất phàm. Ông có trong tay mỏ vàng và nhà máy sản xuất rượu, giàu có nhất vùng, rất yêu cây cối, yêu tất cả mọi thứ trên thế giới. Về già là một giáo sỹ, đã cứu được rất nhiều người.

TỰ XEM BÁT TỰ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Số 43 Lò Đúc - Hà Nội

ĐT: (04) 9719512 - 9722613

Chịu trách nhiệm xuất bản: **LÊ TIẾN DŨNG**
Biên tập: **CHU THANH NGÀ**
Sửa bản in: **NGỌC HÀ**
Vẽ bìa : **TRỌNG KIÊN**

PHÁT HÀNH TẠI

CÔNG TY TNHH TM & DVVH PHƯƠNG BẮC

NHÀ SÁCH HUY HOÀNG

110D Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (043) 736.5859 - 736.6075 Fax: 043.7367783

Email: info@huyhoangbook.vn

CHI NHÁNH TP. HCM

239 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, HCM

Tel: 083.8396679 - Mobile: 097.318.4848

Email: cnsaigon@huyhoangbook.vn

NHÀ SÁCH THÀNH VINH

59 Đường Trần Phú, TP. Vinh, Nghệ An

Tel/Fa x: (0383) 591167 - Mobile: 0912.109349

www.huyhoangbook.com.vn

In 1.500 cuốn khổ 16 x 24cm. Tại: DNTN In Hà Phát.
Số đăng ký KHXB: 415 - 2013/CXB/03/01 - 35/VHTT.
Số quyết định của NXB VHTT: 1494/VHTT ngày 31/12/2013
In xong nộp lưu chiểu năm 2014.

